

_____ **CÁC SÁCH THAM KHẢO** _____

- Bản chữ Nho của Sư cụ Tuệ Nhuận.
- Bản dịch của cư sĩ Tâm Minh.
- Lăng Nghiêm Chính Mạch của Tổ Giao Quang.
- Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Giải Nghĩa của Pháp-sư Viên Anh.
- Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giải Nghĩa của hai ngài Hòa-thượng Bích Liên và Liên Tôn. Nhà in Thạnh Mậu xuất bản năm 1954.

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM



I. TỰA

Như vậy tôi nghe, một thời Phật ở tinh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt cùng với chúng đại Tỳ-kheo 1250 A-la-hán, Phật tử trụ trì khéo vượt ba cõi, ở các quốc độ đầy đủ oai nghi, theo Phật chuyển pháp luân, kham lãnh lời Phật di chúc, nghiêm giữ giới luật thanh tịnh đáng bậc khuôn mẫu, hiện thân vô số cứu vớt chúng sanh tận đời vị lai thoát khỏi trần lụy. Đại trí Xá Lợi Phất, Ma-ha Mục Kiền Liên, Ma-ha Câu Si La, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà làm thượng thủ.

Lại có vô số Bích Chi, vô học và sơ tâm đồng đến đạo tràng.

Nhằm ngày Tỳ-kheo mãn hạ tự tứ, các Bồ-tát từ mười phương đến xin Phật giải quyết nghi hoặc, kính vâng đức Từ Nghiêm, thỉnh cầu nghĩa thâm mật.

Như Lai tại pháp tòa, khoan thai tỏ bày nghĩa ẩn sâu. Giọng nói hòa nhã như Ca Lăng Tần Già vang khắp mười phương. Hằng sa Bồ-tát đều đến đạo tràng. Văn Thù Sư Lợi làm thượng thủ.

Nhân ngày giỗ phụ vương, vua Ba Tư Nặc đích thân thỉnh Phật và Bồ-tát vào cung cúng dường. Trong thành, trưởng giả cư sĩ đồng thời thiết trai. Phật sai Văn Thù chia các Bồ-tát và A-la-hán đến chứng.

Duy có Anan đi xa mới về, không kịp cùng Tăng chúng phó thỉnh. Một mình không có Thượng tọa hay A-xà-lê. Ngày ấy trong chùa không ai cúng dường. Ông cầm bình bát vào thành thứ lớp khát thực. Trong tâm mong cầu gặp người chưa từng biết cúng dường làm trai chủ. Lòng từ bình đẳng không kể sang hèn, phát tâm viên thành vô lượng công đức cho tất cả chúng sanh. Anan đã biết Thế Tôn quở Tu Bồ Đề và Đại Ca Diếp là A-la-hán tâm chẳng quân bình. Kính vâng lời Phật dạy mở lòng từ vô ngại, độ người đời thoát khỏi tội chê bai nghi báng, ông thông thả vào cửa thành, oai nghi nghiêm chỉnh, kính cẩn tùy thuận trai pháp.

Qua nhà dâm nữ Ma Đăng Già, ông bị huyền thuật tà chú Phạm Thiên đạo Sa Tỳ Ca La bắt vào phòng riêng, gần phá giới thể.

Như Lai biết Anan mắc nạn, ngộ trai vừa xong liền trở về tinh xá. Vua cùng đại thần trưởng giả cư sĩ đều đi theo Phật, mong nghe pháp yếu.

Khi ấy trên đỉnh đầu đức Thế Tôn phóng hào quang bách bảo vô úy^(*). Trong hào quang hiện ra hoa

^(*) Chú thích : Quang minh từ đỉnh đầu phát ra tiêu biểu trí tuệ. **Bách bảo**: trăm báu. **Vô úy** : không sợ. Tà ma như giá gặp nóng phải tan, như tối gặp ánh mặt trời phải sáng, không thể còn năng lực chống đối.

sen báu ngàn cánh. Có hóa thân Phật kiết già ngồi trên tuyên đọc thần chú. Giao cho Văn Thù đem thần chú đi tiêu diệt tà thuật nâng giấc Anan và Ma Đăng Già đưa về pháp hội.

Anan thấy Phật, đánh lễ khóc lóc, hận từ vô thủy một bề học rộng chưa toàn đạo lực, tha thiết xin Phật dạy ba phép Samatha, Tam -ma, Thiền-na⁽¹⁾ là những phương tiện tu hành đầu tiên của mười phương Như Lai. Lúc ấy lại có hằng sa Bồ-tát, đại A-la-hán, Bích Chi Phật từ mười phương đến nghe pháp, lui về chỗ ngồi, yên lặng lãnh thọ Thánh chỉ.



II. CHÁNH TÔNG

A.- KIẾN ĐẠO – SAMATHA

Mục 1 : GẶN HỎI TÌM TÂM

a) Nguyên do thường trụ và luân chuyển :

Phật bảo Anan : “Tôi với ông đồng khí huyết, tình anh em. Khi mới phát tâm ông thấy cái gì hay trong Phật Pháp mà xả ngay được ân ái sâu nặng thế gian ?”

– Con thấy Như Lai 32 tướng tốt đẹp lạ thường, hình thể sáng ánh như ngọc lưu ly, thường tự suy nghĩ : Tướng ấy không thể do dục ái sanh ra. Vì dục khí như chớp, tanh hôi kết cấu, máu mủ xen lộn, làm sao sanh được thân vàng sáng chói thắng tịnh nhiệm màu. Nên con khát ngưỡng cắt tóc theo Phật.

– Hay thay Anan ! Hết thấy chúng sanh từ vô thủy, sống chết nối tiếp, đều do không biết thường trụ chân tâm thể tánh tịnh minh, chỉ dùng vọng tưởng. Vọng tưởng không thật vì thể luân chuyển. Nay ông cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề phát minh chân tánh, ông phải ngay thẳng đáp lời tôi hỏi. Mười phương Như Lai một đường thoát ly sanh tử là tâm ngay thẳng. Từ đầu đến cuối, chặng giữa, lời nói tâm

nghĩ không bao giờ có tướng quanh co.

Anan ! Đương khi duyên theo 32 tướng, ông lấy gì để thấy ? Cái gì ưa muốn ?

– Thừa Thế Tôn ! Ưa muốn phát sanh do Tâm và Mắt. Mắt thấy tướng tốt, tâm sanh ưa muốn, khiến con phát nguyện xả ly sanh tử.

– Như lời ông nói, ưa muốn thật do Tâm và Mắt. Không biết Tâm và Mắt ở đâu làm sao hàng phục ? Ví như quốc vương phát binh đánh giặc, cốt yếu phải biết giặc ở chỗ nào. Khiến ông lưu chuyển do Tâm và Mắt. Vậy Tâm và Mắt ông hiện ở đâu ?

*b) Bấy lần tìm tâm :**1. Tâm ở trong thân :*

Anan bạch Phật : Thưa Thế Tôn ! Tất cả mười loài chúng sanh đều cho tâm hay biết là ở trong thân. Con mắt như hoa sen xanh của Như Lai ở trên mặt Phật. Mắt thịt của con cũng ở mặt con. Như vậy quyết định tâm hay biết thật ở trong thân.

- Hiện nay ông ngồi trong giảng đường, ông thấy rừng Kỳ Đà ở đâu ?

- Thưa Thế Tôn ! Giảng đường cao lớn thanh tịnh này ở trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà hiện thật ở ngoài giảng đường.

- Anan, ông ở trong giảng đường thấy cái gì trước ?

- Thưa Thế Tôn, con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, đại chúng, rồi sau trông ra ngoài mới thấy vườn rừng.

- Anan, do đâu ông thấy được vườn rừng ?

- Thưa Thế Tôn, do các cửa giảng đường mở rộng nên con ở trong thấy suốt được ngoài xa.

Khi ấy đức Thế Tôn đưa cánh tay kim sắc xoa đầu Anan, bảo đại chúng rằng : “Có chánh định tên là Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Vương, gồm đủ muôn hạnh. Mười phương Như Lai đều do một môn này siêu vượt lên đường diệu trang nghiêm. Ông hãy lắng nghe”. Anan đánh lễ kính vâng lời Phật.

- Như ông vừa nói, thân tại giảng đường, do cửa mở rộng nên thấy được vườn rừng. Phỏng có chúng sanh nào, ở trong giảng đường, không thấy Như Lai mà lại thấy ngoài giảng đường chăng ?

- Thưa Thế Tôn, ở trong giảng đường không thấy Như Lai mà thấy được rừng suối ở ngoài, thật không có lý.

- Anan, chính ông thế đấy. Tâm ông rõ biết hết thấy, nếu hiện nay thật ở trong thân thì trước hết phải rõ biết trong thân. Vậy có chúng sanh nào, trước thấy trong thân rồi sau mới thấy những vật ở ngoài không ? Dầu không thấy tim gan lòng dạ nhưng móng tay mọc, tóc dài, gân chuyển, mạch nhảy, lẽ phải rõ biết. Đã không biết bên trong, sao biết bên ngoài ? Vậy nói tâm hay biết hiện ở trong thân, thật không có lý.

2. Tâm ở ngoài thân :

Anan cúi đầu bạch Phật : Con nghe Phật dạy mới rõ tâm con thật ở ngoài thân. Ví như đèn thắp trong phòng, trước hết phải chiếu trong phòng, rồi sau mới do cửa mở soi sáng ngoài sân. Hết thấy chúng sanh không thấy trong thân chỉ thấy bên ngoài. Cũng như ngọn đèn để ở ngoài phòng, không thể chiếu sáng trong phòng. Nghĩa ấy rõ ràng có lẽ không lầm, chưa biết có đúng với nghĩa lý rốt ráo của Phật không ?

- Vừa rồi các Tỳ-kheo theo tôi khát thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã về rừng Kỳ Đà. Tôi đã thọ trai rồi. Theo ông, trong hàng Tỳ-kheo, một người ăn

các người khác có no không ?

- Thừa Thế Tôn, không. Các Tỳ-kheo tuy là A-la-hán nhưng thân thể khác nhau, lẽ nào một người ăn cả chúng đều no.

- Nếu tâm hay biết thật ở ngoài thân, thân tâm riêng cách. Cái gì tâm biết, thân không thể hay. Cái gì thân hay, tâm không thể biết. Nay tôi giơ tay đầu-la-miên. Trong khi mắt ông thấy, tâm ông có biết là tay tôi không ?

- Thừa, biết.

- Nếu tâm với thân cùng biết thì sao tâm lại ở ngoài thân ? Vậy ông nói tâm hay biết hiện ở ngoài thân, thật không có lý.

3. Tâm núp sau con mắt :

Anan bạch Phật : Vì không thấy bên trong nên tâm không ở trong thân. Vì thân tâm cùng biết, không thể rời nhau, nên tâm không ở ngoài thân. Nay con suy nghĩ biết tâm ở một chỗ.

- Chỗ ấy ở đâu ?

- Tâm đã không biết bên trong lại thấy bên ngoài. Theo ý con nó núp sau hai mắt. Ví như người lấy chén lưu ly úp vào mắt. Tuy có vật úp nhưng không chướng ngại, mắt vừa thấy tâm liền phân biệt. Tâm con không thấy bên trong vì nó ở mắt. Lại thấy bên ngoài rõ ràng vì tâm núp sau mắt.

- Vậy đương khi chén lưu ly úp vào hai mắt, trông thấy núi sông, có thấy chén lưu ly không ?

- Thừa Thế Tôn, khi đó thật có thấy chén lưu ly.

- Nếu tâm ông núp sau mắt như mắt núp sau chén lưu ly thì trong khi trông thấy núi sông, sao không trông thấy mắt ? Nếu trông thấy mắt thì mắt thành ngoại cảnh, không thể mắt vừa thấy tâm liền biết. Nếu không thấy mắt thì nói tâm hay biết núp sau mắt như mắt núp sau chén lưu ly, thật không có lý.

4. Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân :

Anan bạch Phật : Thừa Thế Tôn ! Thân thể chúng sanh phủ tạng ở trong, khiếu huyết ở ngoài, có tạng thì tối, có khiếu thì sáng. Mở mắt thấy sáng là thấy bên ngoài. Nhắm mắt thấy tối là thấy bên trong. Nghĩa ấy thế nào ?

- Đương khi nhắm mắt thấy tối. Cảnh tối có đối với mắt hay không ? Nếu đối với mắt thì cái tối ở trước mắt chớ sao lại ở trong thân ? Nếu thành ở trong thân thì khi trời tối không trăng không đèn, những gì trong phòng tối đều là tam tiêu lục phủ của ông sao ?

Còn như cái tối nếu không đối với mắt làm sao thành thấy ? Dầu cho rằng con mắt đối vào trong nên thấy tối, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân, mở mắt thấy sáng sao không thấy mặt ? Nếu không thấy mặt, cái nghĩa con mắt đối vào trong không thành. Còn như thấy mặt thì tâm và mắt phải ở hư không, sao ở trong thân được ? Nếu tâm và mắt đều ở hư không tất nhiên không phải của ông. Vả lại như

thể mắt biết, thân phải không biết. Nếu thân và mắt đều có biết thì ông có hai tánh biết. Một ông Anan sẽ thành hai đức Phật. Vậy ông nói thấy tối là thấy trong thân, thật không có lý.

5. Tâm theo duyên phát sanh :

Anan thưa : Con thường nghe Phật dạy bốn chúng : “Do tâm sanh nên các pháp sanh. Do pháp sanh nên các tâm sanh”. Nay con suy nghĩ tức cái thể suy nghĩ là tâm tánh của con. Hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó, chứ không phải ở trong, ở ngoài hay ở chạng giữa.

- Nay ông nói : “Do pháp sanh nên các tâm sanh, hễ hợp với chỗ nào tâm liền có ở chỗ đó”. Tâm ấy nếu không có tự thể thì không hợp được. Không tự thể mà vẫn hợp thì giới thứ 19 cùng trần thứ 7 hợp lại được sao ? Còn nếu có tự thể thì khi ông lấy tay gãi thân ông, cái tâm biết gãi ở trong thân ra hay từ ngoài vào ? Ở trong thân ra phải thấy bên trong. Từ ngoài vào phải thấy mặt trước.

- Thấy là mắt. Tâm chỉ biết chứ không thấy. Nói tâm thấy là không đúng.

- Nếu mắt thấy thì những người chết vẫn còn mắt, lẽ ra phải thấy.

Anan, tâm hay biết của ông phải có tự thể. Vậy có một thể hay nhiều thể ? Nếu tâm có một thể thì khi ông gãi đầu, toàn thân phải đều biết. Như thế thì lại không biết gãi ở chỗ nào. Nếu biết chỗ gãi thì cái thuyết một thể không thành. Nếu có nhiều thể, thành ra nhiều người, biết thể nào là Anan ? Vậy hễ hợp với

chỗ nào, tâm liền sanh ở chỗ đó, thật không có lý.

6. Tâm ở chạng giữa :

Anan bạch : Thưa Thế Tôn, khi Phật nói thật tướng với các Pháp-vương-tử như Văn Thù, có dạy : “Tâm không ở trong, không ở ngoài”. Theo ý con nghĩ : Vì tâm không biết bên trong nên không thể nói tâm ở trong thân. Vì thân và tâm cùng biết nên nói tâm ở ngoài không đúng. Vậy thì tâm phải ở chạng giữa.

– Ông nói ở chạng giữa. Cái giữa này phải rõ ràng và có nơi chốn. Nếu ở giữa thân thì cũng như ở trong thân. Giữa cảnh thì nêu ra được hay không nêu ra được ? Không nêu ra được tức là không có. Nếu nêu ra được thì giữa không có chỗ nhất định. Ví như có người lấy một cây nêu, nêu một chỗ làm giữa. Phương Đông thấy nêu ở Tây, phương Nam thấy nêu ở Bắc. Cái giữa đã không nhất định thì không rõ tâm ở đâu.

Anan bạch Phật : Cái giữa con nói là như đức Thế Tôn thường dạy : “Nhãn căn duyên sắc trần phát sanh nhãn thức”. Nhãn căn có phân biệt, sắc trần không hay biết, nhãn thức sanh ra ở giữa là tâm.

– Nếu tâm ông ở giữa căn và trần thì tâm thể có gồm cả hai hay không ? Nếu gồm cả hai, vật chất và tinh thần xen lộn, lấy gì làm tâm ở giữa. Nếu không gồm cả hai, không phải vật chất cũng không phải tinh thần, tức là không có thể tính. Vậy ông nói tâm ở chạng giữa, thật không có lý.

7. Tâm không vướng mắc vào đâu :

Anan bạch Phật : Thưa Thế Tôn ! Trước đây Phật chuyển pháp luân với bốn đại đệ tử : Đại Mục Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lâu Na, Xá Lợi Phất, thường dạy : “Tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở chạng giữa. Hễ cứ không vướng mắc vào đâu thì gọi là tâm”. Vậy con lấy cái không vướng mắc làm tâm được chăng ?

– Các vật tượng như hư không và các loài thủy lục không hành, tất cả sự vật mà ông không vướng mắc, là có hay không có ? Nếu không, thì đồng như lông rùa sừng thỏ, còn lấy gì để vướng mắc ? Nếu có, dù không vướng mắc, cũng không thể gọi là không. Không có tướng tức là không, không phải không tức có tướng. Có tướng thì có chỗ ở. Cố chấp vào cái không vướng mắc tức là vướng mắc. Vậy ông nói không vướng mắc vào đâu gọi là tâm hay biết, thật không có lý.

c) Chỉ rõ vọng tâm :

THỈNH PHÁP

Anan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính bạch Phật : “Con là em rất nhỏ của Như Lai, nhờ Phật thương yêu, thân tuy xuất gia tâm còn ỷ lại. Học rộng nghe nhiều mà chưa chứng quả vô lậu, không uốn dẹp được tà chú, còn bị bắt vào nhà dâm nữ, nguyên do vì không biết đâu là chân thật. Cầu xin Thế Tôn đại từ thương xót, khai thị đường tu Samatha, khiến những người không tin trừ bỏ ác kiến”.

Nói rồi, năm vóc gieo xuống đất cùng với đại chúng hết lòng mong được nghe lời Phật dạy.

ĐÍCH CHỈ VỌNG TÂM

Bấy giờ Thế Tôn từ trước mặt (diện môn) phóng hào quang chói sáng như trăm ngàn mặt trời. Khắp các thế giới chư Phật sáu thứ chấn động. Đồng thời thấy rõ cõi nước mười phương nhiều như vi trần. Oai thần Phật khiến các thế giới hợp thành một thế giới. Các vị Bồ-tát an trụ ở nước mình chấp tay xa nghe.

Phật bảo Anan : Chúng sanh từ vô thủy điên đảo nhiều cách, giống nghiệp tự nhiên như chùm ác-xoa. Người tu không thành Vô-thượng Bồ-đề mà chỉ thành Thanh-văn, Duyên-giác, chư Thiên hoặc đến nổi thành ngoại đạo ma vương quyến thuộc, đều do không biết hai thứ căn bản. Tu tập sai lầm cũng như nấu cát muốn thành cơm, trái vi trần kiếp rốt cuộc vô ích :

1. *Căn bản sanh tử* từ vô thủy tức như ông ngày nay cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh.

2. *Căn bản Bồ-đề* từ vô thủy, thể tánh bản lai thanh tịnh. Như hiện nay thức tinh nguyên minh sanh ra các duyên, ông lại bỏ quên. Nên tuy cả ngày sống trong bản minh mà không tự giác, oan uổng vào sáu đạo.

Anan, nay ông muốn biết đường tu Samatha, nguyện ra khỏi sanh tử. Tôi lại hỏi ông. Liền đó đức

Như Lai giơ cánh tay kim sắc, co năm ngón lại, bảo Anan : Ông có thấy không ?

- Thừa thấy.

- Thấy cái gì ?

- Con thấy Như Lai giơ bàn tay, co năm ngón thành nắm tay sáng ngời, chói lòa TÂM và MẮT con.

- Ông dùng cái gì để thấy ?

- Con cùng đại chúng đều dùng mắt thấy.

- Mắt ông, tôi đã thấy. Còn ông lấy gì làm tâm để đương với nắm tay chói sáng của tôi ?

- Như Lai lại hỏi tâm ở đâu. Con suy nghĩ tìm cầu. Chính cái suy nghĩ tìm cầu là tâm con.

- Sai rồi Anan, cái ấy không phải tâm ông.

Anan giật mình đứng dậy, chấp tay bạch Phật : Cái ấy không phải tâm con thì là cái gì ?

- Đó là tướng đến những tướng hư vọng của tiền trần. Chính nó làm ông mê làm chân tánh của ông. Do từ vô thủy đến nay, ông nhận giặc làm con, bỏ mất tánh bản lai thường trụ nên phải chịu luân hồi.

PHÂN BIỆT CHÂN VỌNG

Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, con là em Phật vì quý Phật nên xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai mà còn ở hằng sa quốc độ, thừa sự chư Phật và các thiện tri thức. Phát đại dũng mãnh, làm những pháp sự khó làm đều dùng tâm ấy. Dầu cho hủy báng Phật Pháp, rời bỏ hẳn thiện căn, cũng nhân tâm

ấy. Nay Phật phát minh cái ấy không phải tâm. Vậy con đồng như cây như đất, không có tâm sao ? Ngoài cái hay biết ấy ra, con không còn gì nữa. Sao đức Như Lai lại bảo cái ấy không phải là tâm ? Con thật kinh sợ. Cả đại chúng đều nghi hoặc, xin Phật rủ lòng từ bi chỉ dạy kẻ chưa ngộ”.

Bấy giờ Thế Tôn muốn khiến Anan và cả đại chúng vào vô sanh pháp nhẫn, xoa đầu Anan bảo rằng : Như Lai thường nói “Các pháp phát sanh duy tâm biến hiện. Tất cả nhân quả, thế giới vi trần, đều nhân tâm thành thể”. Anan, hết thấy sự vật hiện có, dù là ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, cái nút, gạn xét cội gốc đều có thể tánh. Cho đến hư không cũng có tên có tướng. Huống chi diệu tịnh minh tâm là thể tánh của vạn vật, lại tự không có thể chất hay sao ?

Nếu ông quyết chấp giác quan suy xét phân biệt làm tâm thì khi rời các trần sắc thanh hương vị xúc pháp, tâm ấy phải riêng có toàn tánh hay biết. Như hiện nay ông vâng nghe pháp âm của tôi. Đó là nhân tiếng mà có phân biệt. Dầu cho diệt hết thấy nghe hay biết, bên trong chỉ nắm giữ một u nhân, cũng vẫn là phân biệt bóng ảnh pháp trần. Ta không cấm ông nhận suy nghĩ làm tâm. Ta chỉ khuyên ông tỉnh vi suy xét. Nếu rời tiền trần còn tánh phân biệt (minh) mới thật là tâm ông. Nếu rời tiền trần tánh phân biệt không còn tự thể, thì đó chỉ là phân biệt bóng ảnh tiền trần. Trần lao là thứ vô thường. Một khi biến diệt đi rồi, tâm ông đã diệt theo. Vậy còn gì để tu chứng vô sanh pháp nhẫn ?

Mục 2 : KHAI TRI KIẾN PHẬT

Anan và đại chúng lặng im ngơ ngác. Phật bảo Anan : Tất cả những người tu học, dù đã đạt chín bậc định mà vẫn không diệt hết mê lầm để thành A-la-hán, đều do nhận vọng tưởng sanh diệt làm tâm chân thật. Nên nay ông tuy học rộng nghe nhiều mà vẫn chưa thành Thánh quả.

Anan đau xót khóc lóc, nắm vóc gieo xuống đất, quỳ thẳng chấp tay bạch rằng : “Con theo Phật xuất gia, ý cây Phật oai thần, cho rằng không cần phải tu. Như Lai sẽ ban pháp tam muội. Không biết thân tâm không thay thế cho nhau được. Bỏ mất bản tâm, thân tuy xuất gia tâm không vào đạo. Như người con cùng khổ bỏ cha trốn lánh. Ngày nay mới biết, tuy nghe rất nhiều Phật Pháp, nếu không tu hành, khác gì không nghe ? Nói ăn mà không ăn, biết bao giờ no ? Thưa Thế Tôn, chúng con hiện nay bị hai chướng ràng buộc⁽²⁾ chỉ vì không biết tịch thường tâm tánh. Xin đức Như Lai thương xót kẻ đường cùng, khai diệu minh tâm, mở con mắt đạo cho chúng sanh”.

Như Lai từ chữ Vạn [卐]⁽³⁾ trước ngực, phóng hào quang báu rực rỡ trăm ngàn sắc, đồng thời chiếu khắp vi trần thế giới chư Phật, rọi trên đỉnh đầu các đức Như Lai mười phương Tịnh-độ. Rồi trở về rọi đến Anan và đại chúng.

Phật bảo Anan : Nay tôi vì ông dựng pháp tràng lớn, khiến mười phương chúng sanh được diệu vi mật tánh tịnh minh tâm, khai mở con mắt thanh

tịnh⁽⁴⁾.

a) Mười lần chỉ kiến tịnh :

1. Kiến tịnh là tâm linh giác :

Anan, ông nói thấy nắm tay chói sáng. Chói sáng do đâu mà có ? Làm sao thành nắm tay ? Ông lấy gì để thấy ?

- Toàn thân Phật như vàng Diêm-phù-đàn, sáng ngời như núi báu. Do đức tánh thanh tịnh sanh ra nên có ánh sáng chói lòa. Thật con dùng mắt để thấy. Năm ngón tay Phật co lại, giơ cho mọi người xem, nên có tướng nắm tay.

- Như Lai xác thật bảo ông. Những người có trí cần do ví dụ mà được khai ngộ. Anan, ví như nắm tay, nếu không có bàn tay thì không thành nắm tay. Lại nếu không có con mắt thì không thành cái thấy. Lấy cái thấy của ông so sánh với nắm tay tôi, ý nghĩa có cân nhau không ?

- Không có con mắt không thành cái thấy. Đem cái thấy so với nắm tay, sự nghĩa giống nhau không khác.

- Ông nói giống nhau nghĩa ấy không đúng. Không có bàn tay thì tuyệt nhiên không có nắm tay. Không có con mắt, không phải hoàn toàn không thấy. Ông thử hỏi những người mù thấy gì. Họ sẽ trả lời : “Hiện nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, không thấy gì khác”. Lấy nghĩa ấy mà xét thì tiền trần tự tối, cái

thấy nào có hao kém.

- Người mù chỉ thấy tối đen sao gọi là thấy ?

- Anan ! Người mù chỉ thấy tối đen so với người mắt sáng ở trong nhà tối, hai cái tối có khác nhau không ?

- Thừa Thế Tôn, người ở trong nhà tối với người mù kia, so sánh hai cái tối không hề khác nhau.

- Anan, người mù thấy tối. Bỗng nhiên chữa khỏi mắt, thấy các hình sắc, gọi là mắt thấy. Người trong nhà tối toàn thấy tối đen. Bỗng được đèn sáng, thấy các hình sắc, lẽ ra phải gọi là đèn thấy. Nếu đèn đã thấy được, dĩ nhiên không phải là đèn. Như vậy nên biết : Đèn hay hiển sắc, thấy là mắt chứ không phải đèn. Mắt hay hiển sắc, thấy là tâm chứ không phải mắt.

Anan cùng với đại chúng nghe lời Phật dạy, miệng tuy im lặng nhưng tâm chưa khai ngộ, chấp tay sạch lòng mong đức Như Lai từ bi chỉ bày.

2. Kiến tịnh bất động :

Bấy giờ Thế Tôn duỗi tay đầu-la-miên sáng ngời, mở năm ngón tay, bảo Anan và đại chúng : “Lúc tôi mới thành đạo ở vườn nai, dạy nhóm ông A Nhã Đa, năm vị Tỳ-kheo : “Tất cả chúng sanh không thành đạo Bồ-đề và A-la-hán, đều do phiền não khách trần mê hoặc”. Thuở đó, các ông do đâu khai ngộ để thành Thánh quả ?”

Kiều Trần Na đứng dậy bạch Phật : Con nay già cả, ở trong đại chúng, riêng được tên là “Hiếu”. Do con ngộ được hai chữ KHÁCH TRẦN mà thành Thánh quả. Bạch Thế Tôn, khách vào quán trọ, ăn ngủ xong rồi thu xếp lên đường. Nếu thật chủ nhân, không có đến đi. Con nghĩ : “Đến rồi đi gọi là khách. Ở yên không đi đâu gọi là chủ”. Ánh nắng mặt trời rọi qua khe cửa, bụi trần dao động lăng xăng còn hư không vẫn tịch lặng. Con nghĩ : “Đứng lặng gọi là hư không, dao động gọi là trần”. Con lấy dao động làm nghĩa chữ trần⁽⁵⁾.

Phật dạy : Đúng thế !

Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay. Co rồi lại mở, mở rồi lại co. Hỏi Anan : Ông thấy gì ?

- Con thấy bàn tay trăm bấu của Như Lai, ở trong chúng lúc mở lúc nắm.

- Anan ! Ông thấy tay tôi khi mở khi nắm, đó là tay tôi mở nắm hay cái thấy của ông có mở có nắm ?

- Bàn tay bấu của Thế Tôn khi mở khi nắm. Con thấy bàn tay tự mở tự nắm. Tánh thấy của con không có mở nắm.

- Cái nào động, cái nào tĩnh ?

- Bàn tay Phật động, tánh thấy của con còn không tĩnh huống chi là động.

- Đúng thế !

Như Lai từ trong bàn tay, phát một đạo hào quang bấu qua bên phải Anan. Anan liền quay đầu

qua bên phải. Phật lại phát một đạo hào quang qua bên trái. Anan lại quay đầu trông qua bên trái. Phật bảo : “Hôm nay vì sao đầu ông dao động ?”

- Như Lai phóng quang qua bên trái bên phải của con, vì quay về bên trái bên phải nên đầu con dao động.

- Anan, vậy đầu ông động hay cái thấy động ?

- Thừa Thế Tôn, đầu con tự động tánh thấy còn không tĩnh huống chi động⁽⁶⁾.

- Đúng thế ! Chúng sanh lấy nghĩa dao động gọi là trần, bất trụ gọi là khách. Nay các ông xem đầu Anan tự dao động, tánh thấy không hề co duỗi. Tay ta có nắm có mở, tánh thấy không hề co duỗi. Tại sao các ông cứ lấy động làm thân, lấy động làm cảnh. Từ khi sanh cho tới khi chết cứ nhận vọng tưởng niệm niệm sanh diệt làm tâm. Quên mất tánh chân thật, điên đảo hành sự, nhận vật làm mình, tự chuốc lấy luân hồi lưu chuyển.

3. Kiến tinh bất diệt :

Anan cùng đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay bỏ mất bản tâm, lầm nhận phân biệt bóng dáng tiền trần làm tâm. Ngày nay được khai ngộ như trẻ mất sữa bỗng gặp mẹ hiền, chấp tay lễ Phật. Ông xin đức Như Lai, ở ngay thân tâm ông, chỉ rõ chỗ chân chỗ vọng, chỗ hư chỗ thật, hiện tiền phát minh hai tánh sanh diệt và không sanh diệt.

Vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật : “Trước con chưa được vâng nghe lời Phật. Con thấy bọn Ca Chiên Diên, Tỳ La Chi đều nói thân này chết rồi mất hẳn là Niết-bàn. Nay tuy được gặp Phật nhưng con vẫn còn hồ nghi. Xin Phật chỉ rõ tánh không sanh diệt ở ngay thân tâm này. Hàng hữu học trông mong được nghe”.

– Đại vương, nhục thân hiện nay như kim cang thường còn hay cũng biến đổi và tan rã ?

– Bạch Thế Tôn, thân con đang thay đổi và rốt cuộc sẽ tiêu diệt.

– Đại vương chưa hề diệt, làm sao biết thân này sẽ diệt ?

– Bạch Thế Tôn, như lửa đốt gỗ thành tro dần dần gỗ phải tiêu hết. Vì biến hoại vô thường nên thân quyết định chắc chắn sẽ diệt.

– Đúng thế ! Đại vương nay đã già yếu, nhan mạo so với lúc trẻ thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, lúc còn bé nhỏ da thịt mơn mơn. Đến khi trưởng thành huyết khí sung túc. Nay về già ngày càng suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần lẫn lộn, tóc bạc da nhăn. Tuổi thọ chẳng còn bao lâu nữa. Làm sao so sánh được với lúc đương còn trẻ mạnh.

– Đại vương, thân thể nào phải đương trẻ mà già liền đâu ?

– Thân con vô thường biến hoại, niệm niệm không dừng, âm thầm thay đổi lúc nào không biết. Năm 20 tuổi tuy nói là trẻ mà thật đã già hơn năm

lên 10. Năm 30 lại già hơn khi 20. Bây giờ 62 tuổi so với ngày 50 thật kém cường tráng. Xét kỹ hàng tháng, hàng năm, hàng ngày, niệm niệm đổi dời. Nên biết thân này chắc chắn hoại diệt.

– Đại vương thấy biến hóa dời đổi không ngừng, ngộ biết thân này phải diệt. Vậy Đại vương có biết trong thân cái gì không diệt chẳng ?

– Thật con không biết.

– Nay tôi chỉ cho Đại vương tánh không sanh diệt. Đại vương năm lên mấy thấy sông Hằng ?

– Khi con 3 tuổi, mẹ con dắt đi lễ thần Kỳ Bà Thiên, lúc đó con được thấy sông Hằng.

– Như lời Đại vương nói, 20 tuổi già hơn năm lên 10. Đến nay 62 tuổi, năm tháng ngày giờ dời đổi. Vậy khi 3 tuổi thấy sông Hằng so với năm 13 tuổi có khác nhau không ?

– Thừa cũng giống khi 3 tuổi như nhau không khác. Nay con 62 tuổi thấy sông Hằng vẫn không khác.

– Đại vương tự tỉ tóc bạc da nhăn. Cái thấy hiện nay so với cái thấy lúc nhỏ có già trẻ không ?

– Bạch Thế Tôn không.

– Đại vương, mặt già nhăn mà cái thấy không hề già nhăn. Có già nhăn là có biến hoại. Không già nhăn là không biến hoại. Có biến hoại ắt phải diệt⁽⁷⁾. Không biến hoại không sanh diệt. Làm sao cái không sanh diệt lại chịu luật lệ sanh diệt mà đại vương dẫn

những thuyết của bọn Mạt-già-lê, bảo rằng thân này chết rồi diệt hẳn.

Vua nghe lời Phật dạy, tin biết bỏ thân này sẽ có thân khác, cùng với đại chúng phấn khởi vui mừng được điều chưa từng có.

4. Kiến tinh viên mãn :

Anan lễ Phật chấp tay quỳ thẳng bạch : “Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy nghe thật không sanh diệt, sao Thế Tôn lại trách chúng con bỏ mất chân tánh điên đảo hành sự ? Xin Phật mở lòng từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con”.

Như Lai duỗi cánh tay kim sắc, ngón tay chỉ xuống, hỏi Anan : Ông thấy tay mẫu-đà-la của tôi là chánh hay ngược⁽⁸⁾ ?

- Thế gian cho đó là ngược (vì đầu ngón tay chúc xuống đất) còn con thì không biết thế nào là chánh là ngược.

- Anan ! Nếu thế gian cho đó là ngược thì thế nào là chánh ?

- Như Lai đưa cánh tay đầu-la-miên chỉ lên trên không thì gọi là chánh⁽⁹⁾. Phật liền đưa cánh tay lên và bảo Anan : “Xuôi ngược chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau⁽¹⁰⁾. Tất cả thế gian đều thấy như thế. Vậy ông hãy xét vì sao thân Như Lai gọi là chánh biến tri mà thân các ông lại gọi là điên đảo tánh ?”

Anan và đại chúng ngẩn ngơ không biết thân tâm mình điên đảo chỗ nào. Phật từ bi thương xót

phát tiếng hải triều khắp bảo trong hội : Các thiện nam tử, ta thường nói rằng : “Sắc, tâm, các duyên và các tâm sở, các pháp sở duyên, đều duy tâm biến hiện”. Thân ông tâm ông đều là những vật hiện trong diệu minh chân tinh diệu tâm. Làm sao các ông lại bỏ tâm tánh quý báu, nhận cái mê trong ngộ. Mê muội thành hư không. Trong hư không tám tối kết ám thành sắc. Sắc tạp vọng tưởng. Tướng của vọng tưởng là thân. Tự duyên dao động bên trong, rong ruổi theo cảnh bên ngoài. Một khi đã nhận cái mịt mờ rối loạn ấy làm tâm tánh thì quyết phải lầm tâm ở trong thân. Đâu có biết rằng cả thân lẫn núi sông thế giới đều là vật hiện trong diệu minh chân tâm. Thí như bỏ trăm ngàn biển lớn trong lạng, chỉ nhận một mảnh bọt nổi. Trở lại cho bọt là tất cả biển lớn. Bọn ông là những người mê trong mấy tầng mê như cánh tay ta rủ xuống không khác. Thật đáng thương xót⁽¹¹⁾.

5. Kiến tinh vô sanh :

Anan vâng nghe lời Phật từ bi cứu độ, khóc lóc chấp tay bạch Thế Tôn : “Con tuy đã hiểu diệu minh tâm địa viên mãn thường trụ. Nhưng hiểu đây là do dùng tâm phan duyên chiêm ngưỡng sông mà thôi. Thật chưa dám nhận là bản tâm của mình. Mong Phật thương xót, viên âm gỡ nghi đưa con về đạo vô thượng”.

- Còn dùng duyên tâm nghe pháp thì chỉ được pháp duyên chớ chưa được pháp tánh⁽¹²⁾. Pháp ngón tay trở mặt trắng. Người nghe nhận ngón tay mà thấy

mặt trăng. Nếu chỉ xem ngón tay, cho đó là mặt trăng, thì chẳng những mất mặt trăng mà cũng mất luôn ngón tay nữa. Vì nhận ngón tay là mặt trăng. Đâu những bỏ mất ngón tay mà còn không phân biệt được sáng tối. Vì lấy ngón tay tối làm mặt trăng sáng⁽¹³⁾. Ông cũng như vậy.

Nếu lấy cái phân biệt pháp âm làm tâm thì khi rời âm thanh phải có toàn tánh phân biệt. Ví như khách trọ chỉ ở tạm rồi đi. Chủ nhân ông không đến cũng không đi. Nếu thật tâm ông thì làm sao rời âm thanh lại không còn toàn tánh phân biệt. Chẳng những tâm phân biệt âm thanh mà tâm phân biệt hình dung, khi rời sắc tướng, cũng phải còn toàn tánh phân biệt. Cho tới tất cả phân biệt đều không, chẳng phải sắc chẳng phải không mà bọn Câu Xá Ly làm là mình để, khi rời các pháp trần cũng không còn tánh phân biệt. Như vậy tâm tánh của ông đều có chỗ trả về còn lấy gì làm chủ ?

- Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về thì tâm tánh Như Lai nói làm sao không có chỗ trả về ? Xin Phật thương xót chỉ dạy.

- Nay Anan, tánh thấy của ông đang thấy tôi đây, tuy không phải là diệu tịnh minh tâm. Như mặt trăng thứ hai không phải thật là mặt trăng, nhưng cũng không đến nỗi là bóng trăng đáy nước. Ông hãy nghe kỹ. Tôi chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về.

Anan, đại giảng đường này mở rộng về phương Đông. Mặt trời lên thì sáng, đêm không trăng hoặc mây mù mờ mịt thì tối ; cửa mở thì thông suốt, chỗ có tường nhà thì ngăn bịt ; chỗ phân biệt ắt thấy cảnh

sắc duyên, trong rỗng trống là hư không ; cảnh mù mịt vì bụi nổi lên, mưa tạnh trời thanh lại thấy trong trẻo. Anan, ông đã thấy rõ các tướng biến hóa. Nay tôi trả các tướng ấy về bản nhân của nó. Nay Anan, sáng trả về cho mặt trời vì không mặt trời thì không sáng. Tối trả về cho đêm không trăng. Thông trả về cho cửa mở. Bít trả về cho tường vách. Các duyên trả về cho phân biệt. Hư không trả về cho rỗng trống. Mù mịt trả về cho bụi nổi. Trong sáng trả về cho trời tạnh. Thế gian có những gì đều không ra ngoài mấy loại ấy.

Tánh thấy của ông đứng nhìn tám thứ kia, ông định trả về đâu ? Nếu đem tánh thấy trả về cho sáng thì lúc không sáng không thể thấy tối. Các thứ sáng tối khác nhau, cái thấy không sai khác. Các thứ có chỗ trả về dĩ nhiên không phải của ông. Tánh thấy không chỗ trả về, không phải của ông vậy của ai ? Nên biết tâm ông vốn diệu minh, ông tự mê muội, bỏ mất bản tâm mà chịu luân hồi chìm đắm trong bể sanh tử. Như Lai gọi là đáng thương xót⁽¹⁴⁾.

6. Kiến tịnh chân ngã :

Anan bạch : “Tuy con biết tánh thấy không thể trả về đâu nhưng làm sao biết được tánh thấy thật là chân tánh của con ?”

- Nay tôi lại hỏi ông. Hiện ông chưa được vô lậu đạo quả thanh tịnh, nhờ thần lực Phật, thấy được cõi sơ thiên không bị ngăn ngại. Ông A Na Luật Đà thấy cõi Diêm-phù-đề như xem quả am-ma-la trên bàn tay. Các vị Bồ-tát thấy trăm ngàn cõi. Mười phương Như Lai, cùng tột vi trần quốc độ thanh tịnh, không

chỗ nào không thấy. Còn chúng sanh thấy rõ được không quá gang tấc.

Anan, nay tôi cùng ông hãy xem cung điện của Tứ Thiên Vương, chặng giữa các loài thủy lục không hành, tuy có nhiều hình tượng sáng tối khác nhau nhưng không gì chẳng phải là tiền trần phân biệt. Ông hãy nhìn kỹ, tôi cùng ông lựa xem đâu là tâm thể của ông, đâu là hình tượng của vật. Anan, cùng tốt sức thấy của ông, mặt trời mặt trăng đều là vật chớ không phải ông. Đến Thất Kim Sơn tuy có hào quang nhưng cũng là vật chớ không phải ông. Lăn lăn đến mây kéo, chim bay, gió động, bụi nổi, cây cối, núi sông, cỏ rác, người vật, đều là vật chớ không phải ông.

Anan, các vật gần xa tuy sai khác nhau nhưng đồng do cái thấy của ông thanh tịnh trông thấy. Các vật kia tự có sai khác. Tánh thấy của ông không có sai khác. Cái thấy nhiệm màu sáng suốt đó thật là tánh của ông.

Nếu cái thấy là vật, thì ông cũng có thể thấy cái thấy của tôi. Nếu cho rằng đồng thấy sự vật là thấy cái thấy của tôi thì khi tôi không thấy, sao lại không thấy được chỗ không thấy của tôi ? Nếu nói rằng thấy cái không thấy thì dĩ nhiên không đúng. Còn nếu không thấy được chỗ không thấy của tôi thì cái thấy bản nhiên không phải là vật, làm sao lại không phải là ông ?

Nếu cái thấy là vật, đương khi ông thấy vật, vật cũng thấy ông, thế thì thể tánh xen lộn. Ông cùng tôi và cả thế gian không thành lập được.

Anan, khi ông thấy là chính ông thấy chớ không

phải tôi. Cái thấy cùng khắp đó không phải ông thì là ai ? Làm sao tự nghi chân tánh của mình ? Chân tánh ông, ông không tự nhận, lại cứ theo tôi cầu chứng chân thật.

7. Kiến tinh tùy duyên bất biến :

Anan : “Bạch Thế Tôn, nếu tánh thấy đó quyết là con thì sao khi con cùng Như Lai xem bảo điện Tứ Thiên Vương, mặt trời mặt trăng, cái thấy ấy cùng khắp cõi Ta Bà. Trở về tinh xá chỉ thấy cảnh vườn chùa. Thanh tâm trong nhà chỉ thấy thềm vách. Thế là cái thấy rút lớn thành nhỏ hay tường nhà chia cắt làm cho đứt đoạn ? Con không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật từ bi chỉ rõ”.

– Tất cả các thứ lớn nhỏ trong ngoài của thế gian đều thuộc tiền trần. Không nên nói cái thấy có co duỗi⁽¹⁵⁾. Ví như trong hộp vuông thấy hư không vuông. Hư không này có nhất định vuông không ? Nếu nhất định vuông thì khi thay hộp tròn, lẽ ra không thấy hư không tròn. Nếu không nhất định vuông thì sao trong hộp vuông lại thấy hư không vuông ? Ông nói không biết nghĩa đó do đâu. Nghĩa đó như vậy.

Anan, muốn hết chuyện vuông tròn chỉ cần trừ bỏ những cái hộp. Không nên nói rằng phải trừ tường vuông tròn của hư không.

Lại như lời ông hỏi : Nếu khi vào trong phòng cái thấy rút nhỏ lại thì khi ngửa xem mặt trời, há phải kéo cái thấy tới mặt trời ? Nếu tường nhà chia cắt cái

thấy làm cho đứt đoạn thì ở một chỗ hổng sao không thấy dấu nối ? Nghĩa ấy không đúng.

Tất cả chúng sanh từ vô thủy tới nay làm mình là vật⁽¹⁶⁾, bỏ mất tâm tánh, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật tức đồng Như Lai, thân tâm viên minh, không động đạo tràng, một đầu lông, ngậm chứa mười phương quốc độ.

8. Kiến tinh bất nhị :

Anan : “Bạch Thế Tôn, nếu cái thấy hiện ở trước mắt thật là chân tánh của con thì thân tâm con hiện nay là vật gì ? Mà nay thân tâm thật có biết, cái thấy không phân biệt. Thế thì làm sao đức Như Lai trước kia lại hỏi vặn : “Vật thấy được con” ? Xin Phật rủ lòng đại từ chỉ bày cho con chỗ chưa ngộ”.

– Ông nói cái thấy ở trước mắt, nghĩa ấy không đúng. Nếu thật ở trước mắt ông và ông thật thấy được thì cái thấy đó đã có chỗ ở, ắt chỉ ra được. Vậy tôi cùng ông ngồi trong vườn Kỳ Đà, nhìn khắp rừng suối và các điện đường, trên đến mặt trời mặt trăng, trước đối sông Hằng. Ông hãy giơ tay chỉ bày trong các tướng kia : chỗ râm là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông suốt là hư không... Như thế cho đến cỏ cây mảy mún lớn nhỏ khác nhau, phàm đã có hình thì phải đích chỉ ra được. Vậy nếu cái thấy hiện ở trước mắt thì ông hãy lấy tay chỉ ra. Anan, nếu hư không đã là cái thấy, vậy cái gì là hư không ? Nếu vật là cái thấy, vậy cái gì là vật ? Ông hãy chín chắn chia

chẻ, trong muôn hiện tượng tách ra cái thấy, chỉ bày cho tôi như các vật kia, rõ ràng không lầm lẫn.

– Nay con ở giảng đường này, trông xa đến sông Hằng, ngửa lên thấy mặt trời mặt trăng, giơ tay chỉ được, dùng mắt thấy được, đều toàn là vật chớ không có cái thấy. Bạch Thế Tôn, như lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh-văn chúng con mà các Bồ-tát cũng không thể ở nơi muôn vật, chỉ ra cái thấy, rời tất cả vật, riêng có tự tánh.

– Đúng thế, đúng thế ! Anan, như lời ông nói : Không có cái thấy rời tất cả vật, riêng có tự tánh. Nay tôi lại bảo ông : Ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, lại xem rừng vườn cho đến mặt trời mặt trăng, nhiều thứ hình tượng khác nhau. Ông hãy phát minh cái gì không phải cái thấy.

– Thật con nhìn khắp rừng Kỳ Đà. Nếu cây không phải cái thấy thì sao thấy được cây ? Nếu cây tức là cái thấy thì sao còn gọi là cây ? Như thế cho đến nếu hư không không phải cái thấy, làm sao thấy được hư không ? Còn nếu hư không tức là cái thấy thì sao gọi là hư không ? Con suy nghĩ chín chắn, trong muôn hình tượng, phát minh thật không có cái gì không phải cái thấy.

– Đúng thế, đúng thế !

Đại chúng, những vị chưa chứng vô học mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy đầu đuôi thế nào, mất chỗ yên chí từ xưa nên hoảng hốt.

Như Lai thương xót an ủi : “Các thiện nam tử,

bạch Vô-thượng Pháp-vương lời nói chân thật, xứng tánh chân như mà nói, không lừa không dối, không như bốn thứ luận nghị bất tử càn dỡ của bọn Mạt-già-lê. Các ông hãy suy nghĩ cho chín chắn, chớ phụ lòng tôi thương quý”.

Pháp-vương-tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính : Bạch Thế Tôn, nếu cái thấy là tiền cảnh thì lẽ ra chỉ được. Nếu tiền cảnh không phải cái thấy thì lẽ ra không thể thấy được. Đại chúng không rõ nghĩa ấy nên mới kinh sợ chứ không phải thiện căn ít ỏi. Kính mong đức Như Lai thương xót, chỉ dạy các vật tượng và cái thấy vốn là vật gì mà ở trong đó không thể nói “phải” hay “không phải”.

- Đối với mười phương Như Lai, các đại Bồ-tát trụ trong Tam-ma-địa, thì cái THẤY (căn), cảnh trần cùng các tướng tượng (thức) đều là hoa đốm ở hư không, vốn không hề có. Cái THẤY và cảnh trần chính là Bồ-đề diệu tịnh minh tâm, làm sao còn hỏi phải hay không phải. Như ông phải là Văn Thù hay không phải Văn Thù ?

- Bạch Thế Tôn ! Đúng thế ! Nếu nói phải Văn Thù, thành ra có hai Văn Thù. Nếu nói không phải Văn Thù thì sai, vì chính con là Văn Thù. Trong đây không có hai tướng “phải” và “không phải”.

Phật bảo : “Cũng như vậy, tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt cùng với các thứ sắc không vốn là tâm tánh Vô-thượng Bồ-đề. Như mặt trăng thứ hai thật là mặt trăng hay không phải mặt trăng ? Văn Thù, chỉ có

một mặt trăng thật. Ngoài ra không có cái gì phải mặt trăng hay không phải mặt trăng. Vậy nay các ông phát minh đủ thứ “thấy nghe” và “trần cảnh” đều là vọng tưởng. Cho nên không thể ra khỏi những luẩn quẩn “phải” hay “không phải”. Nếu biết tất cả đều là chân tịnh diệu giác, liền hết những rắc rối “chỉ được” hay “không chỉ được”⁽¹⁷⁾.

9. Kiến tịnh siêu tình :

Anan : “Bạch Thế Tôn, nếu quả thật như lời Pháp-vương, tâm tánh tịch thường không sanh diệt, biến khắp mười phương, thì so với thuyết minh đế của phạm chí Sa Tỳ Ca La và thần ngã của các ngoại đạo khác nhau thế nào ? Đức Thế Tôn ở núi Lăng Già vì Đại Tuệ nói rằng : “Ngoại đạo chủ trương tự nhiên. Còn Phật nói nhân duyên, không phải cảnh giới của họ”. Nay con xét tâm tánh không sanh diệt, xa rời tất cả các điên đảo hư vọng, tựa như không phải nhân duyên mà giống như thuyết tự nhiên. Xin Phật khai thị cho chúng con khỏi mắc tà kiến để nhận được Diệu Tịnh Minh Tâm”.

Phật bảo Anan : Nay tôi phương tiện chân thật chỉ bày. Ông còn chưa ngộ, lại lầm là tự nhiên. Anan, nếu quyết là tự nhiên thì phải chỉ rõ thể tánh tự nhiên. Ông hãy xét tánh thấy lấy gì làm tự thể. Lấy sáng làm tự thể ? Lấy tối, lấy hư không hay lấy ngăn bịt làm tự thể ? Anan, nếu lấy sáng làm tự thể thì lẽ ra không thấy được tối. Nếu lấy hư không làm tự thể thì lẽ ra không thấy được ngăn bịt. Như vậy cho đến lấy tối làm tự thể thì đến khi sáng, tánh thấy đã diệt mất rồi, làm sao còn thấy được sáng ?

- Tánh thấy, nếu không phải là tự nhiên thì nó hẳn do nhân duyên sanh. Xin hỏi đức Như Lai, nghĩa lý thế nào cho hợp với tánh nhân duyên ?

- Ông nói nhân duyên. Tôi lại hỏi ông : Cái thấy nhân gì mà có ? Nhân sáng, nhân tối, nhân hư không hay nhân ngăn bịt mà có ? Anan, nếu tánh thấy nhân sáng mà có thì lẽ ra không thấy được tối, nhân tối mà có thì lẽ ra không thấy được sáng. Nhân hư không, nhân ngăn bịt cũng vậy.

Anan, cái thấy duyên sáng, duyên tối, duyên hư không hay duyên ngăn bịt mà có ? Anan, nếu duyên hư không mà có thì không thể thấy ngăn bịt. Duyên ngăn bịt, duyên sáng, duyên tối cũng thế.

Nên biết tánh thấy không phải nhân, không phải duyên, không phải tự nhiên, không phải không tự nhiên, không có nghĩa phải hay chẳng phải, không có nghĩa tức là hay không tức là. Rồi tất cả tướng, tức tất cả pháp. Đem danh tướng hí luận thế gian mà phân biệt chỉ như lấy tay nhọc sức nắm bắt hư không. Hư không có bao giờ để cho ông nắm bắt.

- Thừa Thế Tôn, nếu tâm tánh không phải nhân duyên, làm sao Thế Tôn thường dạy các hàng Tỷ-kheo : “Cái thấy có bốn duyên là hư không, ánh sáng, con mắt và cái tâm”. Nghĩa ấy thế nào ?

- Đó là tướng nhân duyên thế gian, không phải đệ nhất nghĩa. Anan, thế nào người thế gian gọi là THẤY, thế nào họ gọi là KHÔNG THẤY ?

- Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng

và đèn, thấy các hình tướng thì gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng đó thì không thể thấy.

- Anan, gọi là không thấy, lẽ ra cũng không thấy tối. Nếu đã thấy được tối thì chỉ là không sáng chứ đâu phải là không thấy. Sáng và tối tự lẫn át nhau. Tánh thấy của ông không hề tạm thời không có. Thế thì biết cả hai lúc đều gọi là thấy. Làm sao thấy tối lại gọi là không thấy ? Anan, thấy sáng, cái thấy không phải là sáng. Thấy tối, cái thấy không phải là tối. Thấy hư không, cái thấy không phải là hư không. Thấy ngăn bịt, cái thấy không phải là ngăn bịt.

Bốn nghĩa đó đã thành lập rồi, ông lại nên biết : Khi kiến tánh nhận thấy kiến tinh thì kiến tánh không phải là kiến tinh. Kiến tinh còn xa kiến tánh. Kiến tinh không thể kịp được kiến tánh. Làm sao ông còn nói đến những nhân duyên tự nhiên, hòa hợp cùng phi hòa hợp ? Thanh-văn các ông hẹp hòi không thông đạt được thật tướng thanh tịnh. Nay tôi chỉ dạy, ông nên khéo suy nghĩ, đừng trễ nải trên đường Bồ-đề.

10. Kiến tinh chưa phải kiến tánh :

Anan bạch : “Thế Tôn vì chúng con chỉ dạy lý nhân duyên tự nhiên, các tướng hòa hợp và không hòa hợp, tâm con còn chưa khai ngộ. Nay lại nghe Phật dạy : “Kiến tinh chưa phải kiến tánh”, càng thêm mờ mịt. Cúi xin Thế Tôn thương xót khai mở con mắt đại trí tuệ, chỉ bày cho chúng con tâm tánh trong sạch sáng suốt”. Anan khóc lóc đảnh lễ, vâng nghe Thánh chỉ.

Thế Tôn thương xót Anan và đại chúng, chỉ dạy pháp Đại Tổng Trì⁽¹⁸⁾ là con đường nhiệm mầu vào Tam-ma-đề : Này Anan, ông tuy nhớ lâu chỉ ích học rộng. Nhưng nơi vi mật quán chiếu Samatha tâm còn chưa rõ. Ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông phân tích chỉ bày. Đồng thời khiến cho những kẻ hữu lậu tương lai được quả Bồ-đề. Này Anan ! Tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian đều do hai vọng kiến điên đảo, ngay nơi tâm phát sanh, theo nghiệp báo xoay vần :

1. Biệt nghiệp vọng kiến

Anan, mắt lóa ban đêm trông vào đèn, thấy bóng tròn 5 sắc. Bóng tròn hiện ra nơi đèn là sắc của đèn hay của cái thấy ? Anan, nếu là sắc của đèn, những người mắt lành sao không thấy ? Nếu là sắc của thấy thì thấy đã thành sắc, sao người lóa kia còn thấy bóng tròn ?

Lại nữa Anan, nếu bóng tròn rời đèn tự có, lẽ ra khi trông bình phong bức màn đều có bóng tròn. Nếu rời cái thấy, bóng tròn riêng mình tự có, thì làm sao người lóa lại thấy bóng tròn ? Vậy nên biết sắc thật ở nơi đèn, mắt bệnh thấy có bóng tròn. Cả bóng tròn và cái thấy đều là bệnh. Thấy được bệnh lóa tự không bệnh. Rốt cuộc không nên nói rằng bóng tròn là do đèn hay do thấy. Huống chi lại còn nói không phải do đèn, không phải do thấy.

2. Đồng nghiệp vọng kiến

Này Anan, cõi Diêm-phù-đề, trừ biển cả, đất bằng có 3.000 châu. Châu lớn chính giữa bao quát từ Đông sang Tây có đến 2.300 nước lớn. Các châu nhỏ khác, ở trong các biển. Mỗi châu có từ 10, 20 cho đến 200, 300 nước. Anan, thí dụ một châu nhỏ chỉ có hai nước. Nhân dân bên này đồng cảm ác duyên hoặc thấy hai mặt trời, hai mặt trăng, nhật thực, nguyệt thực, sao phước, sao chổi, sao băng v.v... còn nước bên cạnh không thấy cũng không nghe.

Anan, như biệt nghiệp vọng kiến thấy bóng tròn ở đèn tựa hồ như thật có tiền cảnh. Nhưng đây chỉ do bệnh lóa. Người biết như thế là chánh kiến. Hiện nay ông thấy núi sông, cõi nước, chúng sanh, đều là bệnh từ vô thủy. Căn trần duyên nhau tựa hồ thật có tiền cảnh, chung quy chỉ là bệnh lóa. Năng kiến sở kiến đều là bệnh.

Giác ngộ được năng kiến sở kiến đều là bệnh lóa. Tâm giác ngộ này không lóa. Giác ngộ như thế là nhận được kiến tánh, là không còn ở trong vòng thấy, nghe, hay, biết (các kiến tinh). Vậy nên nay ông thấy tôi cùng mười loại chúng sanh đều là cái thấy lóa, không phải là giác ngộ được bệnh lóa. Kiến tánh vốn không phải là bệnh lóa, không phải là kiến tinh.

Anan, nay lấy đồng phận vọng kiến của chúng sanh so với biệt nghiệp vọng kiến của một người. Người đau mắt thấy bóng tròn là do bệnh lóa giả dối hiện ra. Đây là biệt nghiệp. Ở nước kia nhân dân

đồng phận thấy các tướng không tốt. Đây là đồng nghiệp. Các chương ác khởi lên trong đồng kiến nghiệp đều do vọng kiến từ vô thủy. Cho đến 3.000 châu, bốn biển lớn, các nước hữu lậu và mười phương chúng sanh, đều là nơi giác minh vô lậu diệu tâm, thấy nghe hay biết hư vọng bệnh duyên hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu xa rời được các duyên hòa hợp và không hòa hợp ắt diệt trừ các nguyên nhân sanh tử, viên mãn tánh Bồ-đề không sanh diệt, bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trụ⁽¹⁹⁾.

b) Phá xích hòa hợp :

Anan, ông tuy đã ngộ tâm tánh nhiệm màu sáng suốt vốn không phải nhân duyên, không phải tự nhiên. Nhưng còn chưa rõ giác tánh không phải hòa hợp sanh cũng không phải không hòa hợp. Nay Anan, cái thấy của ông hòa với sáng, với tối, với thông suốt hay với ngăn bịt ? Nếu hòa với sáng thì cái sáng ông đang thấy, chỗ nào xen lộn với cái thấy ? Nếu sáng không hòa với thấy thì làm sao thấy được sáng ? Còn nếu sáng tức là thấy thì làm sao thấy được cái thấy ? Cái thấy cùng khắp, còn chỗ nào hòa được với sáng ? Cái sáng cùng khắp, còn chỗ nào hòa được với thấy ? Thấy với sáng khác nhau, khi xen lộn, cả hai phải mất bốn tánh. Như thế làm sao nói thấy hòa với sáng. Đối với cái tối, thông suốt và ngăn bịt cũng như vậy.

Lại nữa Anan, cái thấy của ông hợp với sáng, với tối, với thông suốt hay với ngăn bịt ? Nếu hợp với sáng

thì làm sao thấy được tối ? Nay thấy cả sáng tối thông
bít nên biết rằng thấy không hợp riêng với thứ nào.

Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, giác tánh đối
với trần cảnh và các tâm niệm không hòa hợp chăng
?”

- Ông nói giác tánh không hòa hợp. Vậy thấy
không hòa với sáng, với tối, với thông hay không hòa
với bít ? Nếu không hòa với sáng thì giữa thấy và
sáng phải có ranh giới. Ông hãy xét kỹ, bên sáng ắt
không có thấy, bên thấy ắt không có sáng. Hai cái
không đến với nhau, làm sao thấy được sáng ? Đối
với tối, thông và bít cũng như vậy.

Cái thấy không hợp với sáng, với tối, với thông hay
không hợp với bít ? Nếu không hợp với sáng thì thấy
với sáng tánh trái ngược nhau. Thấy còn không biết
sáng ở đâu, làm sao phát minh những lẽ hợp hay không
hợp ? Đối với tối, thông, bít cũng như vậy⁽²⁰⁾.

c) Vạn pháp quy về Như Lai Tạng :

Anan, bởi vì ông còn chưa biết hết thấy các
tướng huyễn hóa phù trần, đương xứ xuất sanh, tùy
xứ diệt tận⁽²¹⁾. Huyễn vọng gọi là tướng. Tánh chân
thật là diệu giác minh thể. Như vậy cho đến 5 ấm, 6
nhập, 12 xứ, 18 giới, đều là nhân duyên hòa hợp hư
vọng có sanh, nhân duyên biệt ly hư vọng gọi là diệt.
Đâu có biết rằng sanh diệt đi lại vốn là Như Lai
Tạng⁽²²⁾ thường trụ diệu minh bất động chu viên
diệu chân như tánh. Trong tánh chân thường cầu các
pháp đến đi, mê ngộ, sanh tử, rốt ráo chẳng thể

được⁽²³⁾.

1.- Năm ấm :

Anan, làm sao 5 ấm vốn là Như Lai Tạng diệu
chân như tánh ?

SẮC ẤM

Anan, ví như có người mắt sáng nhìn hư không
trong trẻo, hẳn không thấy gì khác. Nếu vô có cứ
nhìn trùng trùng, mỗi một, liền ở giữa hư không
thấy có hoa đốm lăng xăng. Nên biết sắc ấm như vậy.

Anan, hoa đốm không phải từ hư không đến,
không phải từ mắt ra. Nếu từ hư không đến thì phải
trở về hư không. Đã có vật ra vào sao gọi là hư không ?
Nếu hoa đốm từ mắt ra thì phải trở về mắt. Hoa đốm
đã từ mắt ra hẳn biết thấy, khi trở về phải thấy mắt.
Nếu không thấy thì khi đi ra làm mờ hư không, khi trở
về phải che con mắt. Lại thấy được hoa đốm lẽ ra phải
là mắt tốt, làm sao chỉ khi thấy hư không trong suốt
mới gọi là mắt sáng ?

Vậy nên biết rằng sắc ấm giả dối, không phải
nhân duyên, không phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng
diệu chân như tánh⁽²⁴⁾.

THỌ ẤM

Anan, ví như có người tay chân yên ổn, trăm vóc
điều hòa, không gì trái thuận như quên hẳn mình.

Người ấy lấy hai bàn tay xoa vào nhau. Nơi hai bàn tay giả dối sanh ra những cảm xúc trơn, rít, lạnh, nóng. Nên biết thọ ấm cũng như vậy.

Anan, các cảm xúc không từ hư không đến, không từ bàn tay ra. Nay Anan, nếu từ hư không đến sanh cảm xúc nơi bàn tay, sao không sanh cảm xúc nơi thân thể ? Không lẽ hư không lựa chỗ để sanh cảm xúc. Nếu cảm xúc từ bàn tay ra thì cần gì hai bàn tay phải hợp lại ? Nếu hợp sanh cảm xúc thì khi rời, cảm xúc phải chạy vào xương tủy cánh tay. Vậy nên biết rằng thọ ấm giả dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

TƯƠNG ẤM

Anan, ví như có người nghe nói mơ chua, miệng chảy nước bọt ; nghĩ đến đứng trên dốc cao, lòng bàn chân ghê rợn. Nên biết tương ấm cũng như vậy.

Anan, câu chuyện mơ chua không phải do quả mơ sanh, không phải do miệng vào. Thật vậy Anan, nếu do quả mơ sanh thì quả mơ tự nói sao phải đợi người ? Nếu từ miệng vào thì miệng tự nghe cần gì đến tai ? Nếu riêng tai nghe thì nước bọt sao không từ tai chảy ra ? Câu chuyện nghĩ đến đứng trên dốc cao cũng như vậy. Nên biết tương ấm giả dối, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

HÀNH ẤM

Anan, ví như dòng nước mạnh. Sóng cuộn cuộn, lớp trước lớp sau không vượt nhau. Hành ấm cũng vậy.

Anan, tánh chảy không nhân hư không sanh, không nhân nước có, không phải tánh nước, cũng không lìa hư không và nước. Thật vậy Anan, nếu nhân hư không sanh thì 10 phương hư không vô cùng phải thành dòng nước vô tận. Thế giới sẽ bị chìm đắm. Nếu chảy do nước ra thì hiện tại phải có hai tướng riêng biệt nước và chảy. Nếu chảy là tánh của nước thì khi nước đứng lặng, lẽ ra không phải nước. Rồi hư không và nước, không thể có tánh chảy. Vậy nên biết rằng hành ấm giả dối, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

THỨC ẤM

Anan, ví như có người lấy bình Tần-già bịt cả hai vôi. Rồi vác đầy bình hư không đi xa ngàn dặm đem biểu nước khác. Nên biết thức ấm cũng như vậy.

Anan, hư không không đến từ phương kia cũng không vào phương này. Thật thế Anan, nếu đến từ phương kia thì bình đã đựng hư không đem đi, chỗ cũ phải thiếu hư không. Nếu đưa vào phương này thì khi mở miệng bình trút ra, phải thấy hư không ra. Nên biết thức ấm giả dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh⁽²⁵⁾.

2.- Sáu nhập ⁽²⁶⁾ :

Anan, vì sao 6 nhập vốn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh ?

NHÃN NHẬP

Anan, nếu mắt ngó trùng trùng, khi mắt sẽ thấy có hoa đốm ở hư không. Cả cái thấy và hoa đốm đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần sáng tối phát ra cái thấy thâm nạp các trần tượng. Cái thấy rời hai trần sáng tối rất ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, ông nên biết cái thấy không từ sáng tối đến, không từ con mắt ra cũng không phải do hư không sanh. Nếu từ sáng đến thì khi tối đã theo sáng diệt, làm sao thấy tối ? Nếu từ tối đến thì khi sáng đã theo tối diệt, làm sao thấy sáng ? Nếu do con mắt sanh, không có sáng tối, cái thấy vốn không. Nếu do hư không ra ngó thấy các trần tượng, xoay về phải thấy con mắt.

Vậy nên biết nhãn nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

NHĨ NHẬP

Anan, ví như người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai. Tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng. Cả cái nghe cùng cái tiếng đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần động tĩnh phát ra cái nghe

thâm nạp các trần tượng. Tánh nghe rời hai trần động tĩnh rất ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, cái nghe không từ động tĩnh đến, không từ tai ra, không do hư không sanh. Nếu nghe từ tĩnh đến thì khi động đã theo tĩnh diệt, lẽ ra không nghe động. Nếu từ động đến thì khi tĩnh đã theo động diệt, lẽ ra không biết tĩnh. Nếu do tai sanh, không có động tĩnh làm sao nghe ? Nếu do hư không ra, đã có tánh nghe tức không phải là hư không. Vậy nên biết rằng nhĩ nhập luống dối, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

TỶ NHẬP

Anan, ví như có người bịt chặt hai lỗ mũi. Bịt lâu thành mỗi một. Trong mũi nghe có cảm xúc lạnh. Nhân cảm xúc mà phân biệt thông tắc, rỗng đặc, các mùi thơm thối. Cả cái ngửi cùng các hương trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần thông và tắc phát ra cái ngửi thâm nạp các trần tượng. Cái ngửi rời hai trần thông và tắc rất ráo không có tự thể. Ngửi không phải từ thông tắc đến, không từ mũi ra, cũng không do hư không sanh. Nếu từ thông đến thì khi tắc cái ngửi đã mất rồi, làm sao biết tắc ? Nếu nhân tắc có thì khi thông, không còn cái ngửi, làm sao biết được các mùi thơm thối ? Nếu từ mũi ra, không có thông tắc, cái ngửi vốn không. Nếu do hư không sanh thì cái ngửi đó quay về ngửi mũi ông. Vậy nên biết rằng tỷ nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

THIỆT NHẬP

Anan, ví như người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sanh mỗi mảy. Nếu bình thì có vị đắng, không bình thì có chút vị ngọt. Do những cảm xúc ngọt đắng bày tỏ tánh nếm. Bình thường thì có tánh nhạt. Cả nếm và các vị trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần nhạt và ngọt đắng phát ra cái nếm thâm nạp các trần tượng. Tánh nếm rồi hai trần nhạt và ngọt đắng rốt ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, cái nếm không từ ngọt đắng đến, không nhân nhạt mà có, không từ lưỡi ra cũng không do hư không sanh. Nếu từ ngọt đắng đến thì khi nhạt cái nếm đã diệt rồi, làm sao biết nhạt ? Nếu từ nhạt ra thì khi ngọt cái nếm đã mất, làm sao biết ngọt ? Nếu do lưỡi sanh, không có ngọt đắng và nhạt thì lưỡi vô dụng. Nếu do hư không sanh thì hư không tự biết, nào có dính gì đến thiết nhập của ông ? Vậy nên biết thiết nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

THÂN NHẬP

Anan, ví như có người dùng bàn tay lạnh nắm bàn tay nóng. Thế bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng lạnh theo. Thế bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh thành ra nóng. Như vậy cảm xúc lúc hợp hiển rõ lúc ly. Cái thế chênh lệch giữa nóng và lạnh sanh ra cảm xúc. Cả cái biết xúc cùng các xúc trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần ly và hợp phát ra cái biết cảm xúc thâm nạp các trần tượng. Rồi hai trần ly và hợp, trái và thuận, cái biết cảm xúc rốt ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, cảm xúc không từ ly hợp tới, không từ trái thuận có, không do thân thể ra cũng không phải hư không sanh. Nếu từ hợp đến, khi ly cái biết đã mất làm sao biết ly ? Đối với hai tướng trái thuận cũng vậy. Nếu từ thân ra, không có ly hợp trái thuận, làm sao có cảm xúc ? Nếu từ hư không ra thì dính gì đến chỗ thâm nạp của ông ? Vậy nên biết rằng thân nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

Ý NHẬP

Anan, ví như người mới nhọc thì ngủ. Ngủ chán thức dậy. Nhận biết trần cảnh gọi là nhớ. Không nhớ gọi là quên. Nên có các pháp trần điên đảo sanh trụ dị diệt. Thói quen thâm nạp các pháp trần thành một dòng không lộn lạo gọi là ý căn. Cả ý căn cùng các pháp trần đều là tướng lao nhọc của tánh Bồ-đề chăm chú phát ra.

Nhân hai vọng trần sanh và diệt nhóm cái biết ở trong, thâm nạp các pháp trần. Ý hay biết thấy nghe ngược dòng vào trong, chẳng những duyên với pháp trần mà còn có thể dung thông với tất cả năm căn ngoài. Đó là chỗ nắm căn ngoài không bì kịp. Ý hay biết rồi hai trần thức và ngủ, sanh và diệt, rốt ráo không có tự thể. Thật vậy Anan, ý hay biết không từ thức ngủ đến, không do sanh diệt có, không từ ý căn ra cũng không do hư không sanh. Nếu từ thức đến,

thì khi ngủ đã theo thức diệt rồi còn lấy gì làm cái ngủ ? Nếu lúc sanh mới có thì khi diệt đã thành không, còn lấy gì biết diệt ? Nếu do diệt mà có thì khi sanh không có diệt, lấy gì biết sanh ? Nếu do ý căn ra, rồi hai tướng thức ngủ, bộ thần kinh vô dụng. Nếu do hư không sanh thì hư không tự biết, quan hệ gì đến ông ? Vậy nên biết ý nhập luống dối, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

3.- Mười hai xứ ⁽²⁷⁾ :

Anan, vì sao 12 xứ vốn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh ?

- 2 xứ sắc trần và nhãn căn

Anan, ông hãy xem rừng cây Kỳ Đà và các suối ao. Ý ông thế nào ? Sắc trần sanh ra cái thấy hay cái thấy sanh ra sắc tướng ? Nếu cái thấy sanh ra sắc tướng thì khi thấy hư không, tánh thấy đã tiêu, làm sao thấy hư không ? Nếu cái thấy sanh ra hư không thì cũng như vậy. Nếu sắc trần sanh ra cái thấy thì khi thấy hư không, cái thấy đã tiêu, lấy gì rõ được hư không và sắc tướng ? Vậy nên biết cái thấy cùng sắc không đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- 2 xứ thanh trần và nhĩ căn

Anan, ông nghe trong vườn Kỳ Đà, khi bữa ăn

dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông. Tiếng chuông tiếng trống trước sau nối nhau. Ý ông nghĩ sao ? Cái tiếng đến bên cái nghe hay cái nghe đến chỗ cái tiếng ? Anan, nếu cái tiếng đến bên cái nghe thì cũng như khi tôi khát thực trong thành Thất La Phiệt, tại rừng Kỳ Đà không có tôi nữa. Cái tiếng đã đến bên cái nghe của Anan thì lẽ ra Mục Kiền Liên, Ca Diếp không cùng nghe. Huống chi trong vườn có 1250 Sa-môn, một khi nghe tiếng chuông đồng đến chỗ ăn cơm cả. Nếu cái nghe đến bên cái tiếng thì cũng như tôi khi đã về rừng Kỳ Đà rồi, trong thành Thất La Phiệt không có tôi nữa. Cũng vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến cái trống rồi. Tiếng chuông cùng phát, lẽ ra ông không thể nghe cả hai. Huống chi ông còn nghe tiếng voi ngựa trâu dê và nhiều tiếng khác. Còn như nghe và tiếng nếu không gặp nhau, làm sao thành nghe ? Vậy nên biết rằng cái nghe và cái tiếng đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- 2 xứ hương trần và tỷ căn

Anan, lư trầm vừa đốt, ông hãy ngửi hương chiên đàn. Hương này đốt một thù thì cả thành Thất La Phiệt trong vòng 40 dặm đồng thời đều ngửi mùi thơm. Ý ông nghĩ sao ? Mùi thơm sanh do gỗ chiên đàn, do mũi ông hay do hư không ? Nếu mùi thơm do mũi ông ra, mũi không phải chiên đàn sao lại có mùi thơm chiên đàn ? Vả lại ngửi mùi thơm thì mùi thơm phải bay vào mũi. Nay từ mũi phát ra mùi thơm, sao

gọi là ngửi ? Nếu mùi thơm từ hư không ra, tánh hư không thường còn, mùi thơm phải thường có, cần gì đốt trầm trong lư ? Nếu mùi thơm do cây chiên-đàn ra thì chất thơm do đốt trầm thành khói xông vào mũi mới thành ngửi. Nay khói đó bay lên hư không chưa được bao xa, làm sao những người trong 40 dặm đều ngửi thấy thơm cả ? Vậy nên biết rằng hương trần và ngửi đều không xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

– 2 xứ vị trần và thiết căn

Anan, ông thường hai thời cầm bình bát đi khát thực. Có khi gặp những món tô lạc đề hồ gọi là vị quý. Ý ông nghĩ sao ? Vị đó sanh ra do hư không, do lưỡi hay do món ăn ? Anan, nếu vị trần sanh ra do lưỡi, lưỡi đã là vị rồi nếu gặp đường phèn chắc không biết vị. Lưỡi không có nhiều thể, làm sao biết được nhiều vị ? Nếu món ăn sanh ra vị, nào có dính gì đến ông ? Nếu do hư không sanh ra vị, đã có thể làm mặn lưỡi ông ắt cũng làm mặn mặt ông. Mọi người trong thế gian sẽ như cá biển. Vậy nên biết rằng vị trần và cái nếm đều không có xứ sở. Không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

– 2 xứ xúc trần và thân căn

Anan, ông thường sớm mai lấy tay xoa đầu. Ý ông nghĩ sao ? Cái biết cảm xúc ở nơi tay hay ở nơi đầu ? Xoa đầu sanh ra giác biết. Cả đầu và tay đều có biết. Vậy cái nào là năng xúc, cái nào là sở xúc ? Anan, cần

phải xét kỹ nghĩa chữ xúc. Bên năng xúc có biết, bên sở xúc không biết, năng sở tương hợp mới thành nghĩa xúc. Nếu nói năng xúc ở tay thì đầu phải không biết. Nay đầu cũng biết thành ra cả đầu và tay đều là năng xúc. Không có sở xúc làm sao thành xúc ? Nay cả đầu và tay đều có biết thì ông Anan có hai cái biết, lý ưng phải có hai thân. Nếu đầu và tay sanh ra một xúc thì đầu và tay đồng một thể. Nếu một thể thì làm sao thành xúc ? Nếu hai thể thì xúc ở bên nào ? Ở bên năng không ở bên sở. Ở bên sở không ở bên năng. Chẳng lẽ hư không tạo thành cái xúc cho ông. Vì thế nên biết cảm xúc và thân căn đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh⁽²⁸⁾.

– 2 xứ pháp trần và ý căn

Anan, ông thường trong ý duyên với ba tánh thiện, ác và vô ký. Những pháp trần đó tức nơi tâm sanh hay rời tâm riêng có chỗ ? Anan, nếu pháp trần tức là tâm, không phải trần cảnh, không phải chỗ duyên của tâm làm sao thành một xứ ? Nếu rời tâm, pháp trần riêng có chỗ thì có biết hay không có biết ? Nếu có biết tức là tâm, thành ra ông có hai tâm. Nếu không biết, pháp trần đã không phải sắc, thanh, hương, vị, ly hợp, lạnh nóng và hư không thì nó ở chỗ nào ? Hiện nay nơi sắc không, không thể chỉ nó ra được. Không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không ? Không có cảnh sở duyên, ý căn do đâu lập thành xứ ? Vậy nên biết pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở, không phải nhân duyên tự nhiên mà

là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

4) Mười tám giới ⁽²⁹⁾ :

Anan, làm sao 18 giới vốn là Như Lai Tạng diệu chân như tánh ?

- Nhãn, sắc, nhãn thức giới

Anan, ông đã biết nhãn căn và sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức. Thức nhãn nhãn căn sanh, lấy nhãn căn làm giới ; hay nhãn sắc trần sanh, lấy sắc trần làm giới ?

Anan, nếu nhãn nhãn căn sanh, không có sắc không, không thể phân biệt. Cái thấy không có xanh vàng đỏ trắng, không thể biểu hiện, do đâu lập giới ?

Nếu nhãn sắc trần sanh ra thì khi chỉ có hư không, không có sắc, cái thức đã không có làm sao biết được hư không ? Thế thì do đâu mà lập sắc trần làm giới ? Nếu gồm hai thứ nhãn căn và sắc trần chung cùng sanh ra thức. Khi căn trần hợp lại thì thức ở giữa phải lìa ra. Khi căn trần lìa nhau, hai đầu của thức phải nối với căn và trần. Thế tánh xen lộn, làm sao thành giới ?

Vậy nên biết nhãn căn sắc trần làm duyên sanh ra nhãn thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Nhĩ, thanh, nhĩ thức giới

Anan, nhĩ căn và thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức. Thức này nhân nhĩ căn sanh, lấy nhĩ căn làm giới hay nhân thanh trần sanh, lấy thanh trần làm giới ?

Anan, nếu nhân nhĩ căn sanh mà hiện tiền không có hai tướng động tĩnh thì cái biết của nhĩ căn không thành, huống nữa còn sanh ra thức phân biệt. Nếu nhân thanh trần sanh ra thức, thanh trần không dính líu gì đến cái nghe ? Đã không nghe thì cũng không biết được thanh trần ở đâu, làm sao lập giới ? Không lẽ thanh trần và cái nghe xen lộn thành giới ở giữa ? Giới ở giữa đã không thì các tướng nội căn ngoại trần do đâu thành lập ?

Vậy nên biết nhĩ căn thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Tỵ, hương, tỵ thức giới

Anan, tỵ căn và hương trần làm duyên sanh ra tỵ thức. Thức này nhân tỵ căn sanh ra, lấy tỵ căn làm giới hay nhân hương trần sanh ra, lấy hương trần làm giới ?

Anan, nếu nhân tỵ căn sanh, ông lấy hình tướng mũi thịt như hai móng tay làm tỵ căn hay lấy tánh biết người làm tỵ căn ? Nếu lấy hình tướng mũi thịt thì chất thịt là thân căn. Cái biết của thân căn là cảm xúc. Vậy còn không phải là tỵ căn, do đâu mà lập thành giới ? Nếu lấy cái biết người làm tỵ căn mà không có hai trần

thông tắc thì tỵ căn đã không, làm sao có tỵ thức ? Nếu từ hương trần mà có tỵ thức, cũng như nhân con mắt mà thấy nên không thể thấy trở lại con mắt. Tỵ thức nếu nhân hương trần mà có, lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được hương trần thì không phải do hương trần sanh. Nếu không biết được hương trần thì không phải là tỵ thức. Đã không có cái thức trung gian thì nội căn ngoại trần cũng không thành.

Vậy nên biết tỵ căn hương trần làm duyên sanh ra tỵ thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Thiết, vị, thiết thức giới

Anan, thiết căn và vị trần làm duyên sanh ra thiết thức. Thức đó do thiết căn sanh ra, lấy thiết căn làm giới hay nhân vị trần sanh ra, lấy vị trần làm giới ?

Anan, nếu nhân thiết căn sanh mà không có hai trần nhật và nguyệt đẳng thì thiết căn đã không, làm sao có thiết thức ?

Nếu nhân vị trần sanh, thiết thức lẽ ra không có phân biệt. Mà đã không có phân biệt thì không thể gọi là thức, làm sao lập giới ? Không lẽ hư không sanh ra cái thức của ông ?

Nếu thiết căn, vị trần hòa hợp sanh thì cái thức ở giữa không tự tánh, làm sao lập giới ?

Vậy nên biết thiết căn vị trần làm duyên sanh ra

thiết thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Thân, xúc, thân thức giới

Anan, thân căn và xúc trần làm duyên sanh ra thân thức. Thức đó nhân thân căn sanh, lấy thân căn làm giới hay nhân xúc trần sanh, lấy xúc trần làm giới ?

Anan, nếu nhân thân căn sanh mà không có hai trần hợp ly thì thân căn còn không có, làm sao sanh ra thân thức ? Nếu nhân xúc trần sanh mà không có thân căn, thì làm sao biết hợp biết ly ?

Anan, vật không cảm xúc, thân căn biết cảm xúc. Tức nơi cảm xúc mà biết có thân căn. Tức nơi thân căn mà biết có cảm xúc. Nhưng đã là cảm xúc thì không phải thân căn. Đã là thân căn thì không phải cảm xúc. Cả hai tướng thân căn và xúc trần vốn không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp một với thân căn thì tức là tự thể của thân căn rồi. Còn nếu rời hẳn thân căn thì xúc trần thành không. Nội căn ngoại trần đã không, làm sao có thức ở giữa để lập giới ?

Vậy nên biết thân căn xúc trần làm duyên sanh ra thân thức, cả ba giới đều không, không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

- Ý, pháp, ý thức giới

Anan, ý căn và pháp trần làm duyên sanh ra ý thức. Thức đó nhân ý căn sanh ra, lấy ý căn làm giới hay nhân pháp trần sanh, lấy pháp trần làm giới ?

Anan, nếu nhân ý căn sanh ý thức. Tâm ý ông có chỗ nghĩ ngợi. Chính dòng suy nghĩ là ý căn của ông. Vì thế rời pháp trần, ý căn không có hình tướng. Tự mình đã không làm sao sanh ra ý thức ?

Tánh tư lường (ý căn) và tánh liễu biệt (ý thức) là đồng hay khác ? Ý thức nếu đồng với ý căn thì tức là ý căn, sao còn nói do ý căn sanh ? Nếu không đồng với ý căn thì lẽ ra không biết gì. Chỉ hai tánh đồng và khác còn không thành, làm sao lập được giới ?

Nếu nhân pháp trần sanh ý thức. Các pháp trong thế gian không ngoài năm trần. Sắc thanh hương vị xúc có tướng rõ ràng đối với năm căn, đều không phải là pháp trần, không thuộc về phần thân nạp của ý căn. Nếu ý thức quyết định do pháp trần sanh thì pháp trần của pháp trần hình trạng thế nào ? Pháp trần là nguyên nhân đã không thành thì cái thức do nó sanh ra có hình tướng gì ? Hình tướng còn không có làm sao lập giới ?

Vậy nên biết ý căn pháp trần làm duyên sanh ra ý thức, cả ba giới đều không. Không phải nhân duyên tự nhiên mà là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

5) Bảy đại :

Anan : “Bạch Thế Tôn, Như Lai thường nói về

nhân duyên hòa hợp. Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều nhân 4 đại hòa hợp mà thành. Nay đức Như Lai lại bác bỏ cả nhân duyên tự nhiên. Con không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót chỉ bày cho chúng sanh chỗ rốt ráo của trung đạo, không còn hí luận”.

- Ông nhầm chán tiểu thừa, phát tâm tha thiết cầu Vô-thượng Bồ-đề nên tôi chỉ bày đệ nhất nghĩa đế. Làm sao ông còn đem những nhân duyên vọng tưởng hí luận thế gian mà tự ràng buộc. Ông tuy nghe nhiều nhưng cũng như người nói tên vị thuốc, đến khi thuốc thật ở trước mắt lại không phân biệt được. Nay ông nghe kỹ. Như Lai thương xót vì ông phân tích. Cũng để cho những người tu đại thừa sau này thông suốt thật tướng.

Anan yên lặng kính vâng Thánh chỉ.

Phật dạy : Anan, như ông đã nói : “Bốn đại hòa hợp phát ra các thứ biến hóa trong thế gian”. Nếu tánh các đại không hòa hợp thì không thể lẫn lộn với các đại khác. Cũng như hư không không thể hòa hợp với sắc tướng. Nếu tánh các đại là hòa hợp thì cũng đồng như các thứ biến hóa, thủy chung thành nhau, sanh diệt nối nhau. Sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn không dừng nghỉ. Anan, như nước thành băng, băng lại thành nước.

ĐỊA ĐẠI

Ông hãy xét tánh địa đại, to là đất liền, nhỏ là vi

trần. Cực vi là sắc tướng nhỏ tốt. Nếu đem chẻ ra làm bảy phần thì sẽ có lân-hư-trần. Nếu chẻ lân-hư-trần nữa thì chỉ còn hư không.

Anan, nếu lân-hư-trần chẻ thành hư không thì ra hư không sanh sắc tướng. Nếu hòa hợp sanh ra các tướng biến hóa trong thế gian, ông hãy xét một lân-hư-trần phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có. Lân-hư-trần đã chẻ được thành hư không thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng để chẻ cho thành cả bầu hư không kia ? Nhưng trên sự thật, sắc tướng hợp lại không thể thành hư không. Cũng như hư không hợp lại không thể thành sắc tướng.

Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, tánh sắc chân không, tánh không chân sắc, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh ứng lượng sở tri, tuần nghiệp phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

HỎA ĐẠI

Anan, hỏa đại không có tự thể, nương các duyên mà phát hiện. Ông hãy xem các nhà ở trong thành, khi muốn nhóm bếp, tay cầm kính dương-toại đưa trước mặt trời mà lấy lửa.

Anan, phạm gọi là hòa hợp thì như tôi cùng ông và 1250 Tỳ-kheo hiện nay hợp thành một chúng. Chúng chỉ có một song gạn xét về căn bản, mỗi người đều có thân và tên họ riêng. Như Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà-la-môn, Ưu Lô Tần Loa thuộc dòng Ca-diếp-

ba cho đến Anan thuộc dòng họ Cù-đàm.

Anan, nếu lửa nhân hòa hợp mà có thì khi cầm kính lấy lửa nơi mặt trời, lửa đó từ kính ra, do bụi nhụi có hay từ mặt trời đến ?

Anan, nếu từ mặt trời đến thì lửa đã đốt được bụi nhụi trong tay ông, những rừng cây, ánh sáng mặt trời đi qua, lẽ ra đều bị cháy. Nếu từ kính ra thì lửa đã có thể đốt cháy bụi nhụi, làm sao kính lại không bị chảy ? Tay ông cầm kính sao không thấy nóng ? Nếu do bụi nhụi sanh thì cần gì ánh sáng mặt trời và kính tiếp đối ? Ông hãy xét kỹ, kính do tay cầm, mặt trời ở trên cao, bụi nhụi từ đất sanh. Vậy lửa từ phương nào đến ? Mặt trời và kính xa nhau, không hòa không hợp. Không lẽ lửa không do đâu tự có.

Ông còn không biết trong Như Lai Tạng, tánh hỏa chân không, tánh không chân hỏa, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết.

Anan, ông nên biết một người cầm kính, một chỗ có lửa. Khắp pháp giới cầm kính, khắp pháp giới bốc lửa. Lửa ở khắp thế gian, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

THỦY ĐẠI

Anan, tánh nước không nhất định, khi chảy khi dừng. Thành Thất La Phiệt, các tiên ông và các nhà

huyền thuật cầu tinh thái âm để hòa với thuốc, đợi những đêm sáng trăng, tay cầm châu phương-chư hứng nước trong ánh trăng. Vậy nước ấy từ hạt châu ra, do hư không có hay từ mặt trăng đến ?

Này Anan, nếu từ mặt trăng đến, từ phương xa còn có thể làm cho hạt châu chảy nước thì những rừng cây ánh trăng đi qua lẽ ra đều phải đắm nước. Nếu đắm nước thì sao lại phải đợi có châu phương-chư ? Nếu không đắm nước thì rõ ràng nước không phải từ mặt trăng xuống. Nếu nước từ hạt châu ra thì hạt châu thường chảy nước, sao phải đợi ánh trăng ? Nếu hư không sanh, hư không không bờ bến, nước cũng phải vô tận. Cõi người cõi trời lẽ ra phải chìm ngập hết. Ông hãy xét kỹ, mặt trăng ở trên trời, hạt châu do tay cầm, mâm hứng nước đặt trên bàn. Vậy nước từ phương nào chảy đến ? Mặt trăng và hạt châu xa nhau, không hòa không hợp, không lẽ nước kia không do đâu mà tự có.

Ông còn không biết trong Như Lai Tạng, tánh thủy chân không, tánh không chân thủy, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết. Một chỗ cầm hạt châu, một chỗ nước chảy. Khắp pháp giới cầm hạt châu, đầy pháp giới nước sanh. Thủy đại ở khắp thế gian, đâu có chỗ riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

PHONG ĐẠI

Anan, phong đại không có tự thể, khi động khi

tĩnh không chừng. Ông thường sửa áo Tăng-già-lê có chút gió phẩy qua mặt người bên cạnh. Gió này do áo cà sa ra, do hư không phát khởi hay do mặt người kia sanh ? Anan, nếu gió từ cà sa ra thì ông đã mặc gió. Lẽ ra cái áo phải bay tung, rời khỏi thân ông. Nay tôi thuyết pháp, ông hãy xem áo tôi rủ xuống, gió ở chỗ nào. Không lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió. Nếu gió do hư không sanh thì khi áo không động sao không có gió ? Nếu gió sanh do mặt người, lẽ ra phải phẩy lại ông. Sao đợi ông sửa áo mới phẩy ngược đến người kia ?

Ông hãy xét kỹ : Sửa áo do ông, mặt thuộc người kia, hư không yên lặng. Tánh gió và tánh hư không khác nhau, không hòa không hợp, không lẽ gió không do đâu mà tự có.

Ông thật không biết trong Như Lai Tạng, tánh phong chân không, tánh không chân phong, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết. Anan, như một mình ông động, một chút gió phát ra. Khắp pháp giới đều phẩy, khắp pháp giới có gió.

Phong đại đầy đầy thế gian, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

KHÔNG ĐẠI

Anan, hư không vô hình, nhân sắc tướng mà tỏ bày. Trong thành Thất La Phiệt chỗ cách xa sông, các

đồng họ khi dựng nhà mới, đào giếng lấy nước. Đào đất ra một thước thì trong giếng có một thước hư không. Đào đất ra một trượng thì trong giếng có một trượng hư không. Hư không nông sâu tùy đào đất nhiều ít. Hư không nhân đất ra, nhân đào có hay không nhân gì tự sanh ?

Anan, nếu hư không không nhân gì tự sanh thì trước khi chưa đào đất, sao nơi đó không trống rỗng mà chỉ thấy toàn đất ? Nếu nhân đất có thì khi đất ra phải thấy hư không vào. Còn nếu không ra không vào thì hư không và đất không khác nhau. Vậy khi đất ra sao hư không không ra ? Nếu nhân đào mà có thì phải đào ra hư không chớ sao đào lại ra đất ? Nếu không nhân đào ra thì sao đào lại thấy hư không ?

Ông hãy xét kỹ, nhận rõ chính xác, đào do tay người, đất từ đất liền dời đi. Đào là sự việc, hư không trống rỗng, không hòa không hợp, không lẽ hư không không do đâu mà tự có.

Hư không bản tánh viên mãn cùng khắp bất động và bốn thứ đất nước gió lửa đều gọi là ngũ đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh không diệt.

Anan, tâm ông mê muội không ngộ được năm đại tánh Như Lai Tạng. Ông hãy xét kỹ hư không ra vào hay không ra vào. Ông toàn không biết trong Như Lai Tạng, tánh giác chân không, tánh không chân giác, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết. Anan, một giếng trống không thì hư không sanh trong một giếng. Mười phương trống không thì hư

không sanh khắp mười phương. Không đại cùng khắp, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

KIẾN ĐẠI

Anan, kiến-đại giác mà không phân biệt, nhân sắc không mà hiển lộ. Như hiện nay ban ngày sáng ban đêm tối, nửa đêm trăng tròn cũng sáng, vắng trăng lại tối. Những tướng sáng tối ấy do cái thấy phân tách. Cái thấy đồng một thể với các tướng sáng tối hư không hay không đồng một thể ? Hoặc cũng đồng cũng không đồng. Cũng khác cũng không khác ?

Anan, sáng tối tiêu diệt lẫn nhau. Nếu sáng đồng một thể với thấy thì khi tối, thấy đã tiêu diệt. Nếu tối đồng một thể với thấy thì khi sáng, thấy phải tiêu diệt. Làm sao còn thấy được sáng tối ? Sáng tối khác nhau, thấy không sanh diệt, làm sao đồng một thể ? Rồi sáng tối và hư không, thấy trở thành lông rùa sừng thỏ, làm sao không đồng ? Sáng và tối trái ngược nhau, thấy tối thấy sáng, tánh thấy không dời đổi, làm sao không phải khác ?

Anan, hãy xét cho kỹ, suy xét chín chắn, nhận cho cùng, nghiên cứu cho rõ. Sáng do mặt trời, tối tại đêm không trăng, thông suốt thuộc về hư không, ngăn bịt thuộc về đất liền. Vậy cái thấy nhân đâu mà ra ? Cái

thấy tánh giác, hư không vô tri, không hòa không hợp, không lẽ cái thấy không do đâu mà tự có.

Tất cả thấy nghe hay biết bất động, bản tánh cùng khắp. Kiến đại cùng với hư không không bờ bến không lay động. Bốn đại đất nước gió lửa chuyển biến. Tất cả sáu đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh không diệt.

Anan, tánh ông chìm đắm, không ngộ được thấy nghe hay biết vốn là Như Lai Tạng. Ông chưa từng biết trong Như Lai Tạng, tánh thấy là tánh minh của bản giác. Tịnh minh của bản giác biểu lộ nơi cái thấy. Bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh đáp ứng với lượng hay biết.

Như nơi nhãn căn, Thấy cùng khắp pháp giới, thì Nghe Ngửi Nếm Xúc Biết, công năng nhiệm mầu sáng suốt cũng cùng khắp pháp giới. Đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

THỨC ĐẠI

Anan, thức đại không có nguồn gốc, nhân sáu thứ căn trần giả dối phát ra. Nay ông hãy xem Thánh chúng trong hội. Cái thấy lướt qua, trông khắp chỉ như những bóng hiện trong gương, không phân tách riêng biệt. Cái thức của ông liền thứ lớp chỉ ra : đây là Văn Thù, đây là Phú Lâu Na, đây là Xá Lợi Phất. Cái thức nhận biết như thế sanh ra do cái thấy, do các

tướng, do hư không hay không nhân gì bỗng nhiên có ?

Này Anan, không có sáng tối sắc không, cái thấy còn không có, do đâu phát sanh ra thức ? Nếu các tướng sanh ra thức thì thức này không có tánh biết, làm sao biết được sáng tối sắc không ? Nếu hư không sanh ra thức thì huyễn thức cũng phải vô tri như hư không. Nếu thức không nhân gì bỗng nhiên phát ra, làm sao không phân biệt mặt trăng sáng giữa lúc mặt trời đứng bóng ?

Ông hãy xét kỹ, nhận xét chín chắn. Cái thấy nương con mắt. Các tướng trả về cho tiền cảnh. Thức lay động, thấy trùng lạng, không hòa không hợp. Nghe, Ngửi, Hay, Biết cũng đều như vậy. Nên xét Thức đại phân biệt và Kiến đại thấy nghe hay biết viên mãn trạm nhiên, bản tánh không nương vào đâu, cùng với hư không, đất nước gió lửa, chung gọi là bảy đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh diệt.

Anan, ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, tánh Thức là cái biết của Bản Minh. Giác Minh thật là chân Thức. Bản giác diệu minh trùng lạng khắp pháp giới, ẩn hiện mười phương, đâu có phương sở riêng biệt chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm là nhân duyên tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức, toàn không có nghĩa chân thật.

d) Anan giác ngộ phát nguyện :

Anan và đại chúng ơn đức Như Lai vì diệp khai thị, thân tâm sáng tỏ được không quản ngại, tự biết tâm mình ở khắp mười phương. Thấy mười phương hư không như xem chiếc lá trong lòng bàn tay. Vạn vật trong thế gian đều tức là tâm Bồ-đề diệp minh. Ngó lại cái thân cha mẹ sanh thành, chẳng khác hạt bụi chột còn chột mất, như mảnh phù ôu thoát nổi thoát tan. Tự biết rõ ràng bản diệp giác tâm thường trụ bất diệt, chấp tay lễ Phật, được điều chưa từng có, nói kệ ca ngợi công đức Phật :

*Diệp tràm, tổng trì, đấng bất động,
Thủ Lăng Nghiêm thế gian hiếm có.
Tiêu diên đảo tượng từ ức kiếp,
Khiến tu hành mau chứng Pháp-thân.*

*Nguyện con sớm chứng quả Bảo Vương,
Như Phật tế độ hằng sa chúng.
Thâm tâm phụng thờ vi trần cõi,
Như thế gọi là báo Phật ân.
Lại thỉnh Thế Tôn vì chứng minh :
Ngũ trước ác thế thề vào trước.
Còn một chúng sanh chưa thành Phật
Thì con còn chưa hưởng Niết-bàn.*

*Đại hùng, đại lực, đại từ bi,
Vì con thấm trù vi tế hoặc,
Khiến con sớm lên Vô Thượng Giác,
Ngồi đạo tràng ở khắp 10 phương.*

*Hư không kia có thể tiêu vong,
Tâm kim cương chẳng bao giờ chuyển.*



Mục 3 : QUYẾT NGHI

①

a) Như Lai Tạng thanh tịnh do đâu hốt nhiên có chúng sanh ?

Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử trật vai áo bên phải, gối phải chấm đất, quỳ thẳng chấp tay, cung kính bạch : Đại oai đức Thế Tôn khéo vì chúng sanh diễn bày đệ nhất nghĩa đế. Phật tuyên minh cốt để trừ mê hoặc cho chúng con. Bạch Thế Tôn ! Bọn ông Anan tuy nói là đã khai ngộ nhưng thật chưa trừ hết tập khí hữu lậu. Đến như bản thân con đã dự hàng vô học, đã được Thế Tôn cho là người thuyết pháp đứng hàng đầu. Vậy mà con nay vẫn còn nhiều nghi hoặc. Như kẻ điếc ở xa trăm bước, lắng nghe tiếng muỗi mòong. Mắt sáng còn không thấy nổi, huống chi tai điếc làm sao nghe ?

1.- Bạch Thế Tôn, Như Lai Tạng bản nhiên thanh tịnh. Vì sao hốt nhiên thành các tướng hữu vi thứ lớp thiên lưu, diệt rồi lại sanh, nối tiếp không dứt ?

2.- Làm sao bảy đại đồng viên dung khắp pháp giới mà không lắng diệt lẫn nhau ? Con nay không biết nghĩa ấy do đâu. Xin Phật phát lòng đại từ vén mây mê lầm cho con và đại chúng.

Nói rồi năm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai.

b) Chỉ rõ căn nguyên hư vọng :

Đức Thế Tôn bảo Phú Lâu Na và các A-la-hán :
Ngày nay Như Lai chỉ bày tánh chân thẳng nghĩa trong thẳng nghĩa, khiến :

a. Hàng định tánh Thanh-văn cùng những ai chưa được nhị không (nhân-không, pháp-không) phát tâm hồi hướng thượng thừa.

b. Các bậc A-la-hán đều được Nhất thừa, cảnh giới tịch diệt, chân a-lan-nhã, chính tu hành xứ.

Ông hãy nghe kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói.

Các ông Phú Lâu Na lắng lắng kính vâng.

– Nay Phú Lâu Na ! Như ông vừa hỏi, đã là bản nhiên thanh tịnh làm sao bỗng sanh ra núi sông đất liền ? Vậy ông không thường nghe Như Lai chỉ dạy : “Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu” hay sao ?

– Bạch Thế Tôn ! Vâng, con thường được nghe.

– Giác Minh nghĩa là bản tánh Minh nên gọi là Giác hay vì Giác không minh nay phải minh thêm ?

– Không minh mà gọi là Giác ắt Giác vô sở minh (không biết gì).

– Theo ý ông hễ vô sở minh ắt không minh giác. Nhưng thật ra hễ có sở (để đối với năng) thì không phải là Giác. Không minh sao gọi là Giác Tánh Trạng Minh ? Nay Phú Lâu Na, tánh giác vốn minh, vọng mà muốn minh thêm cái giác (sanh tướng vô minh). Giác không năng sở⁽³⁰⁾. Nhân minh lập sở (tướng phần) liền có vọng năng (kiến phần). Trong tánh không khác không đồng, bỗng thành có khác (chuyển tướng : thức thứ 8). Nhân khác với cái khác mà lập đồng (hiện tướng) để rồi lại có

không đồng không khác (hữu tình chúng sanh, thân không đồng vì thân căn bốn đại chất ngại, tánh không khác vì kiến tinh vẫn diệu minh). **Vọng tâm vọng cảnh đối đãi sanh lao** (dẫn khởi thức bảy). **Lao lự mãi** (hằng thẩm tư lường, phân biệt pháp chấp) **phát sanh trần niệm nhiễm trước** (ý thức, ngã chấp câu sanh) **tự vẫn đục lẫn nhau** (theo danh chấp tướng : ngã chấp phân biệt), đưa đến **trần lao phiền não** (khởi nghiệp tướng). **Nổi lên thành thế giới, lặn xuống thành hư không**. Hư không là đồng, thế giới là khác (y báo). **Cái không đồng không khác là các pháp hữu vi** (chánh báo. Khổ tướng : chúng sanh đọa trong ngục 5 ấm bao giờ xuất ly ?)

c) Ba tướng tiếp tục :

Tánh giác sáng suốt, hư không mê muội, đối đãi nhau thành chuyển động nên có phong luân nắm giữ thế giới. Trong hư không dao động, tánh Minh kiên ngưng để chướng ngăn, thành tánh cứng. Các loại kim bảo đều do Minh Giác kiên ngưng cho nên có kim luân nắm giữ cõi nước. Phong đại và kim bảo cọ xát nhau nên có hỏa đại là tánh biến hóa. Ngọn lửa xông lên, kim bảo chảy nước cho nên có thủy luân ở mười phương. Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát hiện lập thành chất đặc. Chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là gò nổi. Vì vậy trong biển thường khởi sáng lửa, trong gò nổi sông ngòi thường chảy. Thế nước kém thế lửa kết thành núi cao. Vì vậy đá núi đập bật tia lửa, nấu chảy ra nước. Thế đất kém thế nước rút thành cỏ cây. Vì vậy rừng rú đốt ra đất, vắt ra nước.

Vọng tưởng giao xen phát sanh, xoay vần làm chủng tử cho nhau. Do nhân duyên ấy *thế giới tiếp tục*.

Này Phú Lâu Na, vọng chẳng phải gì khác, tánh giác vốn minh lại thêm phân biệt hóa ra lầm lỗi. Sở minh đã vọng lập thì năng minh không vượt khỏi. Do nhân duyên ấy nghe không ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc. Sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp đã vọng lập thì một tinh minh phân khai thành sáu căn **Thấy Nghe Ngửi Nếm Xúc Biết**.

Đồng nghiệp ràng buộc nhau mà hợp, ly, thành, hóa. Cái thấy phát minh các sắc. Vọng tâm thấy vọng cảnh, khởi vọng hoặc. Ý kiến khác nhau thành ghét, đồng nhau thành ái. Dục tưởng thành hạt giống. Thân nập hạt giống thành thai. Giao cấu phát sanh, hấp dẫn đồng nghiệp nên có nhân duyên sanh ra yết-la-lam, át-bồ-đàm v.v...⁽³¹⁾ Thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh, tùy phận sở ứng. Noãn duy tưởng sanh, thai nhân tình có, thấp hợp ẩm ướt thành thân. Còn hóa sanh thì lìa thân cũ mà ứng hiện.

Tình tưởng hợp ly thay nhau đời đời nên các loài theo nghiệp mà lên xuống luân hồi. Do nhân duyên ấy *chúng sanh tiếp tục*.

Này Phú Lâu Na, tưởng ái thắt chặt, ái chẳng thể rời nên cha mẹ con cháu sanh nhau không ngớt. Bọn này lấy tham dục làm gốc. Thai noãn thấp hóa tùy sức mạnh yếu ăn nuốt lẫn nhau, bọn này lấy tham sát làm gốc. Người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê. Cứ như vậy mười loài sanh rồi chết, chết

rồi sanh, cướp mạng lẫn nhau, cùng với nghiệp ác cùng sanh cùng tử. Bọn này lấy tham trộm làm gốc. Người này mắc nợ thân mạng người kia, người kia trả nợ người này. Vì nhân duyên ấy trải trăm ngàn kiếp ở trong luân hồi. Người này yêu tâm người kia, người kia mến sắc người này. Vì nhân duyên ấy trải trăm ngàn kiếp trong vòng ràng buộc. Duy 3 món sát đạo dâm là gốc. Do đó *nghiệp quả tiếp tục*.

Phú Lâu Na, ba thứ điên đảo tiếp tục ấy đều do tánh Giác Minh. Nhân phân biệt thấy có tướng, theo vọng tưởng kiến chấp sanh. Các tướng hữu vi, núi sông đất liền, thứ lớp đối đãi. Nhân đây hư vọng cứ hết lại bắt đầu.

d) Giác không sanh mê :

Phú Lâu Na bạch : Bản diệu giác minh của chúng sanh vốn đồng tâm Phật, không tăng không giảm, vô trạng hốt sanh núi sông đất liền các tướng hữu vi. Như Lai nay được Diệu Không Minh Giác. Vậy bao giờ núi sông đất liền cùng chúng sanh nghiệp quả lậu tập lại sanh ra⁽³²⁾ ?

- Ví như người mê nơi một xóm làng, lầm phương Nam thành phương Bắc. Mê này nhân mê mà có hay nhân ngộ mà ra ?

- Cũng không nhân mê, cũng không nhân ngộ. Mê vốn không có gốc, làm sao nhân mê ? Còn ngộ không phải là cái sanh ra mê, làm sao nói nhân ngộ ?

- Người mê kia, chính trong lúc mê bỗng có

người ngộ chỉ bày cho tỉnh. Phú Lâu Na, ý ông thế nào ? Người ấy tỉnh rồi còn mê nữa không ?

- Thừa không.

- Phú Lâu Na, mười phương Như Lai cũng vậy. Mê không có gốc. Tánh rốt ráo không. Xưa vốn không mê, chỉ hình như có mê có giác. Giác rồi mê diệt. Giác không sanh mê. Người đã khỏi bệnh lóa, hoa đốm đã diệt. Ở chỗ hư không mong đợi hoa đốm sanh nữa. Ông xét người ấy là ngu hay trí ?

- Hư không vốn không hoa đốm. Thấy hoa đốm sanh diệt đã là điên đảo. Lại còn muốn nó sanh trở lại thì thật là điên cuồng. Chẳng thể gọi là ngu hay trí !

- Ông hiểu như vậy, làm sao còn hỏi tánh diệu giác minh của chư Phật lúc nào lại sanh ra núi sông đất liền. Vàng đã luyện thành ròng rồi, không xen quặng nữa. Cây đã đốt thành tro, không trở lại hình cây. Bồ-đề Niết-bàn của chư Phật cũng vậy.

2

a) Bảy đại viên mãn dung hòa :

Phú Lô Na, ông hỏi về đất nước gió lửa, bản tánh viên mãn dung hòa, cùng khắp pháp giới. Ông nghi sao nước lửa lại không lấn nhau diệt nhau. Hư không và địa đại đều cùng khắp pháp giới, lẽ ra không dung nhau.

Này Phú Lô Na, hư không bản thể không phải sắc tướng nhưng không ngăn cản sắc tướng phát huy. Trong hư không, mặt trời soi thì sáng, mây kéo thì tối, gió lay thì động, trời tạnh thì trong, hơi động thì đục, bụi nổi thì mù, nước đứng thì ánh. Ý ông nghĩ sao ? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy do vật sanh hay nhân hư không có ? Phú Lô Na, khi mặt trời chiếu soi, đã là mặt trời sáng thì mười phương thể giới phải thành sắc mặt trời, làm sao giữa hư không còn riêng thấy mặt trời tròn ? Nếu là hư không sáng thì hư không tự soi chiếu, làm sao giữa đêm mây mù không sáng ? Vậy nên biết sáng không phải mặt trời, không phải hư không. Cũng không là hư không và mặt trời. Xét tướng vốn vọng không thể chỉ bày. Cũng như hoa đốm ở hư không, bao giờ kết quả ? Làm sao còn gạn hỏi cái nghĩa lấn diệt lẫn nhau ? Xét tánh vốn chân, nguyên diệu giác minh. Tánh giác diệu minh vốn không phải là nước hay lửa, làm sao còn hỏi nghĩa không dung được nhau ?

Bản tánh diệu minh chân thật cũng như vậy. Ông

phát minh hư không thì có hư không hiện ra. Đất nước gió lửa mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra. Nếu cùng phát minh thì cùng hiện.

Thế nào là cùng hiện ? Phú Lô Na, như trong một dòng sông hiện bóng mặt trời. Hai người cùng thấy mặt trời trong nước. Rồi một đi về đông, một đi về tây. Hai bên đều thấy có mặt trời theo mình cùng đi. Không nên gạn hỏi mặt trời có 1 sao lại thành 2 ? Mặt trời đã thành 2, làm sao trước kia chỉ thấy 1 ? Hư vọng uyển chuyển không thể bằng cứ.

b) Hợp với trần tượng :

Phú Lô Na, ông đem sắc không lẫn cướp lẫn nhau nơi Như Lai Tạng. Như Lai Tạng sẽ theo ông làm sắc làm không cùng khắp pháp giới. Vậy nên trong ấy gió thổi thì động, hư không yên lặng, mặt trời chiếu sáng, mây mù thành tối. Chúng sanh mê lầm, trái với giác tánh, hợp với trần tượng, phát lao nên có các tướng thế gian.

c) Hợp với Như Lai Tạng :

Tôi dùng tánh diệu minh không sanh diệt hợp với Như Lai Tạng thì Như Lai Tạng diệu minh tịch chiếu khắp pháp giới. Một là vô lượng, vô lượng là một. Trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ. Không động đạo tràng mà cùng khắp mười phương, thân hàm cả hư không vô tận. Cõi bảo vương hiện trong đầu mấy lông. Ngồi trên mây bụi chuyển bánh xe pháp lớn. Diệt trần hợp giác nên phát chân như diệu giác minh tánh.

d) Thể tịch “phi” tất cả :

Nhưng Như Lai Tạng bản tánh diệu viên, không phải là tâm, là không, là đất nước gió lửa. Không phải là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ; không phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ; không phải là nhơn thức giới đến ý thức giới. Không phải vô minh hay vô minh tận... cho đến không phải lão tử, lão tử tận.

Không phải khổ tập diệt đạo. Không phải là trí là đắc. Không phải là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã ba la mật đa. Cho đến cũng không phải là Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri. Không phải là đại Niết-bàn, thường lạc ngã tịnh. Vì Như Lai Tạng không phải là các pháp thế gian hay xuất thế gian.

đ) Dụng chiếu “tức” tất cả :

Như Lai Tạng bản tánh minh diệu cũng tức là tâm, là không, là đất nước gió lửa. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ; tức là nhơn thức giới cho đến ý thức giới. Tức là vô minh, tức là hết vô minh... cho đến tức là lão tử, hết lão tử. Tức là khổ tập diệt đạo. Tức là trí là đắc. Tức là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã ba la mật đa. Cho đến tức là Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri. Tức là đại Niết-bàn, thường lạc ngã tịnh. Vì Như Lai Tạng tức là các pháp thế gian và xuất thế gian.

e) Diệu trí phát diệu dụng :

Tánh giác diệu minh Như Lai Tạng rời các nghĩa “tức” “phi” cũng là “tức” là “phi”. Làm sao thế gian 3 cõi và các hàng xuất thế gian (Thanh-văn, Duyên-giác) có thể đem chỗ hiểu biết của mình mà đo lường Vô-thượng Bồ-đề Như Lai ? Làm sao dùng tiếng nói thế gian mà vào được tri kiến Phật ? Như chiếc dương cầm, ngón tay vụng về chỉ phát ra bản nhạc trần lao mệt nhọc. Còn tay tài tử thì ở ngay nơi đó, phu tấu nhạc điệu du dương. Ông cùng chúng sanh cũng vậy.

Tâm tánh chân thật ai nấy đầy đủ. Nhưng tôi chỉ cần ấn ngón chân, hải ấn phát quang⁽³³⁾. Còn các ông vừa mống tâm, trần lao đã khởi. Do không siêng năng cầu đạo vô thượng giác, chỉ ưa nhớ tiểu thừa, được chút ít đã cho là đủ.

3

a) Chúng sanh nhân đâu có vọng

Phú Lô Na bạch : “Chân tâm viên giác diệu minh của con và Như Lai đều viên mãn không hai. Con vì vọng tưởng khiến ở lâu trong luân hồi. Nay được thánh thừa còn chưa rõ ráo. Thế Tôn đã diệt trọn tất cả các vọng, chỉ có diệu dụng chân thường. Xin hỏi Như Lai : Hết thấy chúng sanh nhân đâu có vọng, tự lấp diệu minh mà chịu luân chuyển ?”

b) Mê không nguyên nhân :

Phật bảo Phú Lô Na : “Ông tuy trừ nghi nhưng còn lằm chura dứt. Nay tôi lại đem những việc hiện tiền thế gian để hỏi ông. Há ông không nghe, trong thành Thất La Phiệt, có anh Diên Nhã Đạt Đa, buổi mai soi gương, thấy lông mày con mắt. Rồi giận trách đầu mình sao không thấy mặt mày, cho là giống yêu quái, bỗng nhiên phát điên bỏ chạy. Theo ý ông, người ấy vì sao phát điên ?

– Người ấy tâm cuồng, không có cơ gì khác.

– Diệu giác minh viên vốn vẫn viên minh diệu. Đã gọi là vọng làm sao có nhân. Nếu có nguyên nhân đâu còn gọi là vọng. Vọng tưởng xoay vần làm nhân lẫn nhau. Mê lại chứa mê trải vi trần kiếp. Phật tuy phát minh mà chúng sanh vẫn không thể trở về. Nếu rõ mê không nhân thì vọng không chỗ nương. Còn

không có sanh, lấy gì để diệt. Được đạo Bồ-đề như người tỉnh giấc, kể chuyện chiêm bao. Nhớ biết rõ ràng nhưng làm sao lấy được vật trong mộng. Diên Nhã Đạt Đa nhân duyên gì tự sợ đầu bỏ chạy ? Bỗng nhiên hết điên nhưng cái đầu đâu phải từ ngoài đưa tới. Ngay khi đang điên, đầu cũng không hề mất. Phú Lô Na, tánh vọng là như vậy, nguyên nhân ở đâu ?

c) Diệu pháp liên hoa bất hoại :

Chỉ cần không theo phân biệt 3 tướng tiếp tục là thế giới, chúng sanh, nghiệp quả. Tham sân si đã đoạn, sát đạo dâm không sanh. Tánh Diên Nhã Đạt Đa trong tâm ông sẽ tự hết. Hết tức Bồ-đề thẳng tịnh minh tâm, bản lai cùng khắp pháp giới, không từ ai đem lại. Nào cần gì phải tu chứng nhọc nhằn vất vả.

Ví như có người ở vật áo buộc một hạt châu như ý mà không hay biết. Người này phải đi xin ăn rong ruổi phương xa, tuy thật nghèo nàn nhưng hạt châu không hề bị mất. Bỗng nhiên có người trí chỉ cho. Từ đó người ấy muốn gì được nấy, thành giàu có lớn. Hạt châu quý báu không từ ngoài tới.

4

a) Nghi nhân duyên tự nhiên :

Anan đánh lễ chân Phật bạch rằng : “Đức Thế Tôn hiện nói 3 duyên tham sân si đoạn rồi, 3 nhân sát đạo dâm không sanh, tánh điên Diên Nhã Đạt Đa

trong tâm tự hết. Hết tức Bồ-đề, không nhờ ai khác đưa tới. Như thế rõ ràng là nhân duyên rồi. Nay sao đức Như Lai lại bác bỏ nghĩa nhân duyên ? Chính con do nhân duyên mà tâm được khai ngộ. Bạch Thế Tôn ! Đâu phải chỉ hàng Thanh-văn hữu học chúng con, hiện trong hội này, đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề v.v... cũng từ lão Phạm Chí nghe lý nhân duyên của Phật mà phát tâm tu hành, nay đã được quả vô lậu. Nếu Bồ-đề không do nhân duyên thì các thuyết tự nhiên của Câu Xá Ly ở thành Vương Xá lại thành đệ nhất nghĩa. Xin Phật rủ lòng đại bi, khai mở chỗ mê lầm cho chúng con”.

b) Dùng thí dụ bài xích :

- Nay Anan, tức như Diễn Nhã Đạt Đa, nếu diệt trừ nhân duyên tánh điên thì tánh không điên tự nhiên hiện ra. Các lý nhân duyên tự nhiên rốt cùng chỉ có vậy.

Anan, đầu Diễn Nhã Đạt Đa vốn tự nhiên. Đã tự nhiên thì có lúc nào không tự nhiên. Vậy nhân duyên gì sợ đầu mà phát điên bỏ chạy ? Đầu vốn không mất. Vì điên mà sợ chạy chớ nào có thay đổi gì mà phải nhờ đến nhân duyên. Nếu tánh điên vốn là tự nhiên và vốn sẵn có thì khi chưa điên, cái điên núp ở chỗ nào ? Nếu tánh không điên là tự nhiên thì cái đầu vẫn không mất, sao lại phát điên bỏ chạy ? Nếu tỉnh ngộ biết đầu vẫn đấy, biết mình chạy chỉ vì điên thì nhân duyên và tự nhiên đều là hí luận.

c) Dẫn vào Bồ-đề :

Vậy nên tôi nói 3 duyên đoạn trừ tức tâm Bồ-đề. Tâm sanh-diệt diệt, tâm Bồ-đề sanh, đó vẫn là sanh diệt. Bao giờ diệt và sanh đều hết mới là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như vậy rõ ràng tâm tự nhiên sanh, tâm sanh-diệt diệt, đây cũng là sanh diệt. Cái không sanh diệt gọi là tự nhiên. Cũng như các tướng hòa lẫn thành ra một thể gọi là tánh hòa hợp. Cái không hòa hợp gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên không phải bản nhiên. Hòa hợp không phải hòa hợp. Hòa hợp và bản nhiên đều rời bỏ. Rời bỏ và không rời bỏ đều “phi”. Câu này mới không hí luận.

Bồ-đề Niết-bàn còn xa. Nếu không nhiều kiếp siêng năng tu chứng thì ghi nhớ thanh tịnh diệu lý 12 bộ kinh của mười phương hằng hà sa Như Lai, càng thêm hí luận.

Ông nói lý nhân duyên tự nhiên chắc chắn rõ ràng. Người đời khen ông là học giỏi bậc nhất. Lịch kiếp huân tập nghe nhiều vẫn không thoát nạn Ma Đăng Già. Phải đợi thần chú Phật Đỉnh của tôi dập tắt tâm dâm, cô chứng quả A-na-hàm thành rừng tinh tấn ở trong Phật Pháp, ông mới được giải thoát. Vậy nên Anan, nhiều kiếp vâng giữ Như Lai bí mật diệu nghiêm chẳng bằng một ngày tu vô lậu nghiệp, xa rời thế gian hai khổ yêu ghét. Dâm nữ Ma Đăng Già nhờ sức thần chú tiêu diệt tâm ái, nay là Tánh Tỳ-kheo-ni. Cùng với mẹ La Hầu La là Gia Du Đà La, rõ biết nhiều đời đã qua chỉ khổ vì tham ái nên một lòng huân tu pháp vô lậu thiện. Một người đã giải thoát, một người được thọ ký. Sao ông tự khinh, còn vương

thấy nghe.



CHÚ THÍCH



(1) Samatha : chỉ, như để yên ly nước tự lắng. Theo văn kinh dùng Quán (Tỳ Bà Xá Na : vipassana) để ngẫm xét vạn pháp hư vọng, bản tánh là Như Lai Tạng. Rồi dùng vi mật quán chiếu để an định tinh thần. Sáu căn đình chỉ không chạy theo sáu trần. Tổ Vĩnh Nghiêm gọi phần Samatha là từ tuệ vào định.

Tam-ma : chánh định, như gạn lấy nước trong bỏ phần cặn đục. Tổ Vĩnh Nghiêm gọi phần này là từ định phát tuệ. Đức Quán Thế Âm phản văn, phá xong 5 ấm, chứng tịch diệt hiện tiền tức là hoàn toàn trở về bốn giác.

Thiền-na : tĩnh lự. Đã gạn được nước trong rồi, phải khuấy lên để nghiệm xem còn chút cặn đục nào thì gạn nốt. Tổ Vĩnh Nghiêm gọi phần này là định tuệ cân phân. Nghĩa là tướng sáng đã tinh thuần rồi, ra vào sanh tử độ chúng sanh không còn phiền não. Từ đây an lập Thánh vị.

(2) Phiền não chướng : thuộc ngã chấp. Thô là phân biệt, tế là câu sanh. Thô là thân kiến. Tế là nhậm vận khởi tham sân, nổi tiếp sanh tử, chướng việc tu chứng. Cũng gọi là sự chướng, không được hưởng những vui thắng diệu cõi trời cõi người.

Sở tri chướng : thuộc pháp chấp. Thô là phân biệt, tế là câu sanh. Thô là không đạt sáu trần duy tâm, cho là thật có ở ngoài nên hư vọng thủ chấp. Tế là pháp ái, không đạt tu chứng tánh không, nhậm vận sanh ái-trước không thể xả ly. Hai chữ sở-tri không phải là chướng mà nếu ngại chánh tri kiến tức chướng Bồ-đề. Cũng gọi là lý chướng, làm chướng chỗ chứng lý pháp không.

(3) Chữ Vạn : Tàu gọi là cát tường hải vân : một tướng lành do công phu thực hiện vạn đức mới thành. *Chữ Vạn* : căn

bản trí ; *phóng quang* : hậu đắc trí ; từ chữ *Vạn phóng quang* : dùng cả hai trí để hiển chân.

(4) Khai mở mắt thanh tịnh : như như trí. Xa lìa phân biệt, sáu trần không can thiệp.

(5) Khách : kiến hoặc. **Trần :** tư hoặc. Kiêu Trần Như thấu rõ cái khổ luân hồi nên phá kiến-hoặc tư-hoặc. Dứt được Tập, liền chứng A-la-hán.

(6) Tay co mở : đại diện cảnh trần nay nắng mai mưa, nay vinh mai nhục v.v...

Đầu quay trái phải : đại diện thân căn động loạn.

Tĩnh : trước động nay dừng nghỉ. Tánh thấy bản lai không hề động nên Anan trả lời “còn không tĩnh hưởng chi là động”.

(7) Người già mắt nhìn không rõ chữ. Đeo kính vào lại thấy rõ như người trẻ. Chứng tỏ con mắt già chớ tánh thấy không già.

(8) Mẫu-đà-la : bắt ấn.

(9) Đâu-la-miên : mềm như bông.

(10) Đầu ngón tay giơ lên là chánh, chúc xuống là đảo. Dù chánh hay đảo, cánh tay vẫn y nguyên không thêm bớt. Dụ cho tâm chúng ta, dù làm Phật hay làm ma, chân tâm vẫn y nguyên không thêm bớt. Phật nhấn mạnh chỗ này để cho phàm phu vững tin mình có khả năng thành Phật. Kinh Phạm Võng : “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành. Thường có lòng tin như vậy thời giới phẩm đã trọn vẹn”.

Tuy chánh tà đều hư vọng nhưng “chánh” cảm quả báo nhân thiên còn hy vọng có đường giải thoát, chớ “tà” vào địa ngục, thai trâu, bụng ngựa, bao giờ tỉnh ngộ ? Khách còn ở trong ba cõi xin lưu ý.

(11) Sắc : 5 căn + 6 trần. **Tâm :** 8 tâm vương. **Các duyên :**

nhân duyên, sở duyên duyên v.v... **Tâm sở** : 51 thiện ác. **Các pháp sở duyên** : 24 bất tương ưng hành là chỗ thức sở duyên + 6 vô vi là chỗ trí sở duyên.

Mê muội thành hư không. Trong tám tối kết ám thành sắc : Mê muội (vô minh) nhìn xung quanh thấy là hư không. Mê muội tăng trưởng, trong hư không thấy ra 7 đại. Từ đây biến hóa thành vạn pháp.

Sắc tạp vọng tưởng : Do ăn uống và thở, thân nạp 4 đại kết thành thân.

Tướng của vọng tưởng là thân : Hỗn lảo cảm quả báo làm chó. Ngang ngược cảm quả báo làm cua v.v...

Tụ duyên giao động bên trong : 6 căn lãnh 6 trần đem vào tâm suy nghĩ rồi lại tham sân chạy theo vọng cảnh. Tâm phân duyên này chính là gốc của luân hồi, còn có tên là vọng tâm hay căn bản sanh tử.

(12) Pháp : chân tâm ; **Duyên** : trợ duyên để nhận được chân tâm.

Pháp tánh : tánh của chân tâm.

(13) Mặt trắng : chân tâm ; **Ngón tay** : kinh pháp ; **Sáng** : trí tuệ ; **Tối** : ngu ; **Mắt tối** : ngu mà không biết mình ngu.

(14) Vô sanh : vạn pháp đều có chỗ trả về : có nhân duyên để phát sanh cũng như có cha mẹ để thành thân. **Cái thấy không chỗ trả về** : không cha mẹ : không sanh.

(15) Cũng như máy ảnh, tùy theo các tia sáng mặt trời mà ảnh có gần xa rộng hẹp. Plack là chỗ nhận hình vẫn bất động. Con mắt cũng thế, thấy cảnh gần xa rộng hẹp là do các tia sáng chiếu qua con ngươi. Còn thị giác thần kinh là nơi lãnh các hình ảnh vẫn bất động.

(16) Trong bài kiến tinh bất động, Phật quở chúng sanh nhận vật làm mình nghĩa là thân đất nước gió lửa kết làm thân,

lấy bóng ảnh pháp trần nhận làm tâm. Vì thế chịu luân hồi sanh tử.

Còn ở đây nói **lầm mình là vật** : chỉ nhận kiến phần của thức A-lại-da làm ta. Còn tướng phần chấp là cảnh. Cho nên xa trái viên thông, ngược đạo Bồ-đề.

(17) Kiến tinh bất nhị (tánh thấy không hai) : Bởi kiến tánh lượng quát 10 phương, thể chu vạn pháp, cùng với vạn pháp chẳng tức, chẳng ly :

a) Trí cảnh phân minh :

Linh quang độc rõ, thoát cả căn trần, thân giới không can, sanh tử không hệ. Chúng sanh không đạt nghĩa này nên lẫn lộn chân vọng, trầm溺 luân hồi.

b) Trí cảnh phi đồng phi dị. (Nếu cây không phải là cái thấy làm sao thấy được cây. Nếu cây tức là cái thấy làm sao gọi là cây) :

Trần sát phổ dung, vạn vật nhất thể, sắc tâm không hai. Tiểu thừa không đạt nghĩa này nên trầm không trệ tịch, mắc ở hóa thành.

Từ đầu kinh tới đây Phật chỉ nói nghĩa “Bất Tức” (thấy không phải vật) để phân chân lạc vọng, quyết chọn thể ly trần độc lập. Nay nói về nghĩa “Bất Ly”, đem vọng về chân, để hiển cái diệu cùng vật hỗn dung. Vì sợ người đương cơ chỉ biết kiến tánh ly nhất thiết tướng (cái cây là cái cây, không phải cái thấy) mà không biết kiến tánh thị nhất thiết pháp (nếu cái cây không phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây).

c) Trí cảnh nhất như : (như ông là Văn Thù, lại có ai là Văn Thù thật hay không có Văn Thù ?) : Tánh Phật tuyệt đối (không năng sở đối đãi). Chân tâm chỉ có một, không có hai để so sánh mà hỏi phải chân tâm hay không phải chân tâm. Câu này tiêu biểu ngoài tâm không pháp, vạn pháp là tâm. Không có gì khác cả, chỉ có tâm thôi.

(18) Đà-la-ni : Tổng trì : tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa.

Đà-la-ni { Nhiều chữ : chú Thủ Lăng Nghiêm.
 Một chữ : chữ Ám.
 Không chữ : tịnh Viên Giác tâm.

(19) Kiến văn giác tri hư vọng bệnh duyên hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử : Y báo chánh báo đều do nhân duyên nên sanh diệt không đình. Vô minh là nhân, nghiệp thức là duyên. Nhân duyên hòa hợp, trong vô sanh hư vọng có sanh. Có mà huyễn có. Nhân duyên biệt ly, hư vọng gọi là diệt. Đây là từ chân khởi vọng. **Nếu có thể lìa các duyên hòa hợp cùng không hòa hợp liền diệt trừ nhân sanh tử :** Đây là phản vọng quy chân.

Hai thứ điên đảo vọng kiến là gốc luân hồi. Biệt nghiệp vọng kiến thuộc sự thức là nhân phạm đoạn sanh tử. Đồng phận vọng kiến thuộc nghiệp thức là nhân biến dịch sanh tử. Lìa gốc thì ngọn trừ, tức văn dưới nói rằng : “Không tùy phân biệt thế giới, nghiệp quả, chúng sanh, ba món tương tục”. Hòa hợp duyên tức cảnh biệt nghiệp, không những Hoặc hiện còn có nghiệp hòa hợp thành. Như nghiệp thức ở trong sanh tử lại còn cộng thêm nghiệp trộm cắp để phải đầu thai làm trâu đười. Hoặc cộng thêm nghiệp bôn sên để phải đầu thai làm quỷ đói. **Bất hòa hợp duyên** tức cảnh đồng phận chỉ do Hoặc hiện không có nghiệp hòa hợp. Như nghiệp thức tuy tự mình vẫn là biến dịch sanh tử nhưng không cộng thêm những nghiệp để phải vào phạm đoạn sanh tử.

Nếu có thể xa lìa : Vì mật quán chiếu có công lìa vọng về chân. Tu đại định Thủ Lăng Nghiêm rõ biết cảnh duyên biệt nghiệp hay đồng phận đều hư vọng không thật có, tức xa lìa cả hai hòa hợp và không hòa hợp. Nếu không lìa duyên liền bị vật chuyển. Nếu có thể lìa duyên tức là chuyển được vật. Chân giác có rõ rệt mới lìa được vọng kiến. Có lìa vọng kiến mới trở về

được chân giác. Bằng cứ luống giữ cái thấy nghe, chẳng lìa vọng thì làm sao dứt nghiệp luân hồi mà chứng quả thường trụ (tri kiến lập tri tức vô minh bản).

Chỉ có việc không thủ kiến duyên, không theo vọng kiến, trọn ngày đối cảnh, trọn ngày không có cảnh nào để đối. Năng sở không lập, pháp pháp toàn chân. Thế là thường trụ Thủ Lăng Nghiêm tam-muội (tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn).

(20) Vì văn trên trong bài “Kiến tinh chưa phải kiến tánh”, Anan có lời bạch rằng : “Con còn chưa rõ nhân duyên tự nhiên, các tướng hòa hợp và bất hòa hợp. Nay nghe “kiến tinh chưa phải kiến tánh” càng thêm mê muội...”. Nên Phật phải nói hai vọng kiến để trả lời câu hỏi hiện tại, gỡ mê cấp bách. Xong rồi nói bài này để minh tỏ bản diệu giác mình không phải hòa hợp hay bất hòa hợp, nêu bày ý chỉ nhất thể của vạn pháp. Nói tánh giác do hòa hợp sanh ắt trái câu “ly nhất thiết tướng”. Nói phi hòa hợp ắt trái câu “tức nhất thiết pháp”. Cuối cùng không văn kết riêng vì khoa này chỉ giải thích mê tình còn sót lại của khoa trên.

(21) Đương xứ xuất sanh : Như cái bàn không từ đâu đến mà ngay tại chỗ đủ duyên hòa hợp (gỗ dính công thợ) thành cái bàn.

Tùy xứ diệt tận : Cái bàn không đi về đâu mà ngay chỗ các duyên tan rã (đinh long gỗ mục, không người sửa chữa) cái bàn diệt.

(22) PHÁP SƯ VIÊN ANH GIẢNG BÀI TÓM THÂU :

Anan, ông còn chưa biết hết thấy phù trần các tướng huyễn hóa, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, huyễn vọng gọi là tướng, tánh thể chân thật là diệu giác minh.

Khoa trên nói về kiến tinh không có văn kết chính để hiển kiến tinh tướng vọng tánh chân. Cùng với văn dưới hội thông 4 khoa ấm nhập xứ giới. Quán tướng sanh diệt toàn vọng, luận tánh tức vọng đều chân. Kiến tinh đầy đủ trong căn là ước về

gần. Thật ra thì lượng chu biến cả pháp giới, khắp làm thể cho vạn pháp. Cho nên cùng hội hợp dung thông, nhiếp sự quy lý, hội tướng nhập tánh, tình và vô tình đồng thể, xứ xứ đồng chân pháp giới. Từ đây không dùng danh từ kiến tinh kiến tánh nữa mà cải là Như Lai Tạng diệu chân như tánh. Kiến tánh là biệt, riêng ước về một căn. Tạng tánh là tổng, nhiếp cả 6 căn. Chỉ có cái tên tổng biệt khác nhau chứ bản thể không khác.

Tất cả các pháp như hoa đốm trong hư không, như bóng trong gương, như cảnh trong mộng. Hoàn toàn không có thật thể nắm bắt được. Tướng tuy vọng mà tánh thật là diệu giác minh. Tướng không lìa tánh. Diệu : không tướng mà có thể hiện tất cả tướng.

Như vậy cho đến 5 ấm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới nhân duyên hòa hợp hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly hư vọng gọi là diệt.

Các nơi chỉ nói về Ấm Xứ Giới. Duy kinh này thêm 6 nhập vì viên thông pháp môn đặt trọng căn tánh.

Bốn khoa thấu hết vạn pháp, tóm lại có 2 là Sắc và Tâm, tùy theo căn cơ mà khai hợp.

a) Người mê tâm nhiều mê sắc ít thì hợp sắc khai tâm. Hợp tất cả sắc làm một sắc ấm ; khai một tâm thành 4 (thọ tướng hành thức). Nên nói 5 ấm.

b) Mê sắc nặng, mê tâm nhẹ thì hợp tâm khai sắc mà nói 12 xứ. Hợp tất cả tâm pháp làm một ý căn. Khai một sắc pháp thành 5 căn 6 trần.

c) Mê cả sắc và tâm đều nặng thì khai cả sắc và tâm mà nói 18 giới. Tâm khai làm ý căn + 6 thức. Sắc khai làm 5 căn + 6 trần.

d) Tâm và sắc đều nhẹ, chỉ nói 2 pháp.

Nhân duyên hòa hợp hư vọng có sanh :

A/- Chân tâm tuyệt đãi không đợi nhân duyên. Còn 6 tâm

hư vọng sanh diệt ắt nhờ nhân duyên :

a) *Nhân* : Chân như không thủ tự tánh.

Duyên : Vô minh vọng động.

Ba bất tương ưng nhiễm tâm (vô tham vô sân vô si) sanh trong biển Như Lai Tạng.

b) *Nhân* : Nghiệp thức nội huân.

Duyên : Cảnh giới kích động.

Ba tương ưng nhiễm tâm (tham sân si) sanh.

Đây là ước về tâm pháp.

B/- Phật giới chân thiện diệu sắc tánh bản thanh tịnh không mượn nhân duyên. Còn 9 giới kia, y báo chánh báo hư vọng sanh diệt, ắt nương nhân duyên :

a) *Nhân* : Chung tử.

Duyên : Hiện hành.

Huân sự thức vọng có 6 pháp giới phạm do nhiễm sắc sanh.

b) *Nhân* : Bản giác nội huân.

Duyên : Thánh giáo ngoại huân.

Huân nghiệp thức vọng thành 3 pháp giới Thánh do tịnh sắc sanh.

Nhân duyên biệt ly hư vọng gọi là diệt :

A/- *Tâm pháp* :

a) Nếu y bản giác nội huân khởi trí thủy giác, nơi cảnh không chấp là thật, lìa tướng sai biệt, ắt sóng thức tự dừng. Ba nhiễm tâm tương ưng diệt.

b) Rõ biết tâm niệm do vô minh bất giác sanh khởi, kiến phần tướng phần của nghiệp thức đều do mê chuyển hiện, vô

minh sẽ tắt, biến thức trừng lặng. Ba nhiễm tâm bất tương ưng diệt.

B/- Sắc pháp :

a) Thủy giác đắc lực. Rõ biết thân tâm thể giới không ta không của ta. Quán trí hiện tiền, sự thức đã chuyển, nhiễm sắc sáu phàm diệt.

b) Rõ biết tịnh sắc Niết-bàn cũng chẳng thật. Vô minh phá thì nghiệp thức chuyển thành tánh bản giác. Ba Thánh tịnh sắc cũng diệt.

Đâu có biết rằng sanh diệt đi lại vốn là Như Lai Tạng diệu minh thường trụ, bất động chu viên diệu chân như tánh.

Trên nói về tướng vọng nay luận về tánh chân. Vọng tâm và khí thể gian có tướng sanh diệt. Căn thân có tướng đi lại. Tướng y tánh khởi. Tánh của hoa đốm chính là tánh của hư không. Thể của bóng chính là thể của gương. Người mộng chính là người tỉnh.

Như Lai Tạng : Tâm chúng sanh. Bản giác tánh thể tất cả chúng sanh đều đầy đủ. Bản giác này là Phật tánh.

Thường trụ : Không sanh diệt.

Diệu minh : Vượt ngoài mê ngộ.

Bất động : Vốn không đi lại.

Chu viên : Không chỗ nào không khắp.

Diệu chân như : Không thể nghĩ bàn vì toàn vọng tức chân. Như kinh Pháp Hoa nói : “Thị pháp trụ pháp vị, thể gian tướng thường trụ”.

Trong tánh chân thường cầu các pháp đi lại mê ngộ sanh tử rốt ráo không thể được.

Trên đã tỏ rõ toàn vọng tức chân. Đây minh định chân vốn không vọng. Vạn pháp duy tâm. Thấy kia đây, đi lại, thánh phàm, mê ngộ là sai. Tướng sanh tử ví như hoa đốm ở hư

không chỉ do bệnh lóa khiến vọng thấy. Như mộng đi ngàn dặm, tỉnh dậy thì ra mình vẫn không lìa giường gối. Chúng ta đang mộng ở trong nhân gian, từ nhỏ đến già, báo hết mệnh chung, nắm bắt được gì ? Mê ngộ ước về nghĩa là ở tâm ; ước về người là thánh phàm ; ước về pháp là sanh tử Niết-bàn. Người có mê ngộ, lý không mê ngộ. Vì biết đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, cho nên vô sở đắc.

(23) TỔ CHÂN GIÁM CHÙA BÍCH LIÊN DẠY :

Sau đoạn này, Phật vạch kỹ tướng hư vọng của Ấm, Nhập, Xứ, Giới, gốc là tánh diệu chân như của Như Lai Tạng. Có 5000 lời, chữ đã nhiều, nghĩa lại sâu. Sơ học khó lý hội. Nên đọc đoạn tóm tắt này cho thật thuộc, suy nghĩ thật kỹ, ý nghĩa tự nhiên rõ ràng. Đó là phương pháp học kinh cần phải biết.

(24) Sắc ấm không phải nhân duyên mà là Như Lai Tạng :

Sắc ấm đã không thì chưa từng sanh. Đâu phải nhân duyên đã sanh ra hoa đốm. Chỉ Như Lai Tạng thường trụ mới là có thật ví như hư không bất động .

(25) TỔ GIAO QUANG GIẢNG VỀ THỨC ẤM :

Nói đi và đến đều lầm. Xả thân dụ như ở phương kia đến mà thức ở thân trước chưa từng thiếu. Thọ thân dụ như vào phương này mà thức ở thân sau chưa từng đến.

Hỏi : Thức là rõ biết. Thân chết không còn biết, làm sao bảo là không thiếu ? Thân mới sanh biết đau biết khóc làm sao bảo là thức không vào ?

Đáp : Thể chu biến vốn vẫn đủ, dụng hiểu biết đây ước về mê. Thể thường trụ không động. Dụng hằng dôi đổi. Nếu mê ắt nhậm vận bị lôi đi. Ngộ thì thể và dụng không hai. Phật chính muốn chúng sanh ngộ toàn thể để tròn đại dụng. Dụ thức như hư không, khiến biết thân chết thức không hề đi. Khi chưa chết thức không riêng cuộc ở đây. Thân sanh ra, thức không phải đến. Thân chưa sanh, thức vốn vẫn thường khắp thì hẳn vẫn ở đây. Nghiệp dôi đổi khiến thức như có đến có đi. Tập hằng sống

với bản giác bất động. Sắc ấm tận, trí sẽ đồng khai.

Hư không dụ thức ấm. **Bình tần già** dụ nghiệp báo nên có đối dôi thiên lưu. **Hai vôi** dụ trí và lý. **Bị đứt nút** dụ trí mờ lý mật nên không biết thức ấm không có đến đi.

Ấm : Che lấp chân tánh.

Uẩn : Chứa góp các tướng hữu vi.

Phải dùng cả hai nghĩa này mới đủ ý.

(26) Sáu nhập : Căn là năng nhập vì vào trần thủ cảnh. Căn cũng là sở nhập vì đây là chỗ để cho trần vào tâm. Kinh nói : “Hút trần tượng” nên 6 nhập là chỗ để hút 6 trần. Tánh không sanh diệt ở 6 căn chính là định thể Thủ Lăng Nghiêm, mật nhân tu chứng viên thông. Sáu nhập là chỗ hạ thủ công phu phản chiếu, yếu chỉ của Kinh Lăng Nghiêm.

Vốn là Như Lai Tạng :

Như : Thể bất biến.

Lai : Dụng tùy duyên.

Tạng : Chứa tất cả công đức thể gian và xuất thể gian như cái kho báu.

Diệu chân như tánh :

Diệu : Tức lý tức sự, không trệ ở một pháp cũng không xả một pháp. Nếu kia chân mà đây không chân, kia như mà đây không như, ắt có đối đãi, hẳn không viên mãn. Nay vạn pháp duy tâm, không một pháp nào không chân như. Nên sáu nhập chính là diệu chân như.

Ý nhập : Ý căn đặc biệt duyên được với cả chỗ biết của năm căn kia. Trong khi năm căn chỉ riêng biệt căn nào biết cảnh của căn ấy, không tới chỗ dung thông được.

(27) Xứ : phương sở. Quyền giáo tướng tông dạy căn trong trần ngoài, mắt duy đối sắc, tai duy đối thanh v.v... Trong

ngoài đều có sáu chỗ thành mười hai xứ. Thủ cảnh ắt do căn nhập trần. Thọ cảnh tức do trần nhập căn.

Văn quán trong kinh, nhãn sắc và nhĩ thanh bốn xứ phá cả căn và trần. Hai xứ thân và xúc riêng phá căn. Còn sáu xứ kia phá trần. Mỗi mỗi cốt yếu hiển tướng vọng tánh chân, toàn sự tức lý. Văn dưới nói : “Căn trần đồng nguồn, cột cớ không hai. Mê muội tức vô minh. Phát minh tức giải thoát”. Nay căn trần quy cả về tạng tánh, chính muốn người phát minh.

(28) Thông thường thân có biết, vật không biết, hợp nhau thành xúc. Áo chưa mặc vào thân thuộc sắc trần. Mặc vào người rồi biết thuận nghịch mới gọi là xúc. Mùa hạ mặc áo bông là nghịch, mặc áo lụa là thuận. Xúc tức là giác biết của thân phần. Đầy đủ công dụng hay biết là năng xúc. Còn không giác biết là sở xúc. Thế là căn trần năng sở hợp thành. Trong văn kinh, đầu tay đều là thân căn, không có ngoại xúc. Căn trần lẫn nhau, không phân định được năng sở, để tỏ rõ các xúc đều hư vọng. Khoa này riêng phá căn.

Phật dạy các đệ tử xuất gia mỗi ngày xoa đầu, thầm tụng bài kệ : “Giữ miệng, nhiếp ý, thân chớ phạm. Chớ náo bất cứ hữu tình nào. Xa lìa thói làm khổ người vô ích. Tu hành như vậy độ thể gian”. Khổ vô ích ở đây ý nói những khổ hạnh của ngoại đạo. Chẳng phải nhân làm sao kết quả. Mê là gốc khổ nên chủ yếu của giải thoát là giác tỉnh chớ không phải ở khổ hạnh.

(29) Giới : Ranh giới, nòi giống riêng biệt từng loài. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, mỗi mỗi có ranh giới phận hạn của mình. Mỗi thứ có chủng tử tộc loại riêng. Khoa này cốt yếu phá thức. Thức giới đã phá thì căn trần tự không. Như căn nhà ba gian, chỉ cần phá hai vách của gian giữa thì cả ba đều thành không. Chỉ cốt phá tướng vọng để hiển lộ tánh chân là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

(30) Từ vô minh đến thô cảnh, kinh hay dùng hai chữ năng sở vì đây là mối sanh vạn pháp. Người tu, sau khi đã phân

minh chân vọng, chỉ là vọng duyên liền vào định Thủ Lăng Nghiêm.

(31) Yết-la-lam : Cái thai bảy ngày hình bọt nhót.

Át-bồ-đàm : Bảy ngày sau thành bong bóng.

Vân vân : 21 ngày thành thịt mềm ; 28 ngày thành thịt cứng ; 35 ngày thành hình người.

(32) Phú Lâu Na yên chí nhân tánh chúng sanh có thủy nên ngờ Như Lai quả đức có chung.

(33) Hải Ấn tam muội : Phật Tâm tam muội. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hiền Thủ : “Chúng sanh hình tượng mỗi mỗi không đồng, hành nghiệp âm thanh vô lượng. Như thế tất cả đều hiện rõ, Hải Ấn tam muội oai thần lực”. Định tâm tròng trạm, ứng vật hiện hình, như biển nước lặng bao nhiêu hình tượng đều hiện rõ.

Phật Tâm Hải Ấn tam muội phát quang là đại dụng hiện tiền, chiếu phá các vọng trở về bản tâm, chứng cực Vô-thượng Bồ-đề, thấy chín giới chúng sanh đều đủ tri kiến Phật.

Các ông mộng tâm trần lao liền khởi : Vì không diệu trí nên không phát được diệu dụng. *Mộng tâm* : Phân biệt các pháp, tâm hướng về bên ngoài, cho cảnh ngoài là thật. Kinh Duy Ma Cật : “Bồ-tát muốn được cõi Phật thanh tịnh phải giữ tâm thanh tịnh. Tùy lượng tâm thanh tịnh mà thành tựu cõi Phật thanh tịnh. Khi ấy Xá Lợi Phất nghĩ rằng : “Tâm đức Thích Ca thanh tịnh mà sao cõi Ta Bà của Ngài lại toàn hầm hố gai chông nhơ nhớp thế này ?” Đức Phật biết tâm niệm của ông liền bảo : “Mặt trời sáng rực rỡ vì sao người mù vẫn thấy tối”. Rồi Phật ấn ngón chân xuống đất, tức thời tam thiên đại thiên thế giới liền hiện trăm ngàn trân bảo trang nghiêm”.



Phụ Chú

Pháp tướng tông (Duy Thức) có **bốn thẳng nghĩa** để :

- a) Thế gian thẳng nghĩa (ấm, xú, giới).
- b) Đạo lý thẳng nghĩa như khổ tập diệt đạo.
- c) Chứng đắc thẳng nghĩa (nhị không chân như).
- d) Thẳng nghĩa thẳng nghĩa (chân pháp giới).

Như Lai Tạng là chân pháp giới, lý thể bất biến hay khởi sự dụng tùy duyên. Trên Anan chấp hòa hợp nhân duyên là chấp Quyền nghi Thật vì mê mất thể tâm bất biến. Nay Phú Lâu Na chấp Thật mà mờ昧 phần Dụng tùy duyên.

Phật đáp :

a) Vạn pháp sanh diệt nối tiếp không lìa tánh giác và bản giác.

b) Ngũ đại viên dung quy một tâm ba tạng (không Như Lai Tạng, bất không Như Lai Tạng, không bất không Như Lai Tạng). Đó là chân thẳng nghĩa trong thẳng nghĩa.

Tịch diệt tràng địa : Mật nhân Bồ-đề. Cảnh tịnh không phải chân a-lan-nhã. Chân tâm bản lai bất động, cùng cảnh vô can, tức là định thể Thủ Lăng Nghiêm, mới là “mười phương Bạc-già-phạm nhất lộ Niết-bàn môn”, chính tu hành xú. Ngộ được tâm này là khai viên giải để khởi viên tu hy vọng viên chứng.

Dặn dò nghe kỹ : Đừng chấp lý mê sự. Tạng tâm thể tuy không biến nhưng dụng vẫn tùy duyên. Nếu tùy nhiễm duyên thì ba thứ nối tiếp (chúng sanh, thể giới, nghiệp quả), năm đại

lẫn nhau. Nếu tùy tịnh duyên diệt trần hợp giác thì phát diệu giác minh tánh. Văn trên “Vạn pháp quy về Như Lai Tạng” là Không Như Lai Tạng, ước về tâm chân-như-môn, hội vọng quy chân, để hiển thể tạng tâm bất biến. Phần Quyết Nghi, ước về tâm sanh-diệt-môn, từ chân khởi vọng, để hiển cái dụng của tạng tâm vẫn tùy duyên. Tùy nhiễm khởi sáu phàm, tùy tịnh khởi bốn thánh. Ở đây muốn chuyển mê về ngộ nên riêng nói nhiễm dụng. Còn toàn dụng sẽ nói ở phần Không Bất Không Như Lai Tạng (cuối phần Quyết Nghi, đoạn bảy đại viên dung).

Tánh giác, bản giác nguyên một chân giác. Nói tánh là ước về một thể chân lý. Bản là chân nguyên của vạn pháp, không thiệp sự dụng, không luận tu thành.

Diệu minh : Tịch mà thường chiếu.

Minh diệu : Chiếu mà thường tịch.

Diệu : Thể không biến (tịch). *Minh* : Dụng tùy duyên (chiếu), chiếu dụng của lý-cụ, chẳng phải do sự-tạo. Phật cử hai lời này là có mật ý.

a) Vạn pháp vô minh lìa đây không chỗ nương.

b) Hiển tịch chiếu bản cụ không mượn vọng minh.

Phú Lâu Na hỏi nghĩa này để người học lưu tâm. Tánh tự linh minh là chân giác chân minh. Nay thêm minh cho giác (tức minh chẳng phải bản hữu của giác), liền lạc về sanh diệt, liền mất cả hai mà thành vọng giác vọng minh. Đây chính là căn bản vô minh. Như châu ma ni vốn tự sáng, thêm đèn chẳng những vô ích mà người, qua ánh đèn, không thấy được thật sáng của châu. Hoặc này có trước tam tế (huống chi là lục thô). Bồ-tát đẳng giác còn chưa rõ. Như Lai hiện lượng thân thấy, dùng thẳng phương tiện biện tài khiến kẻ sơ tâm dùng tỷ lượng cũng hiểu được.

Khi mê từ chân khởi vọng, chân thể không biến. Vọng tánh bản không. Vọng y chân khởi như bóng y gương mà khởi. Thể của bóng không phải gương mà là hư vọng y gương giả hiện. Mê không căn gốc cũng vậy. Chính lúc đương mê mê còn không có, huống chi đã ngộ làm sao còn tái mê ? Trí quang bốn hữu chuyển thành vọng kiến, trong chân không pháp tánh, thấy có thế giới chúng sanh nghiệp quả. Nay đã thành Phật, đâu còn vọng kiến mà sợ không hoa tái phát. Phật nói Bất Không Như Lai Tạng xong lại nói Không Bất Không Như Lai Tạng để trừ nghi năm đại lẫn diệt lẫn nhau.

a) Không Như Lai Tạng : Chân tâm tịch thể không lập một pháp.

b) Bất Không Như Lai Tạng : Minh là chiếu dụng biến hiện các pháp.

c) Không Bất Không Như Lai Tạng : Đồng thời thể tịch dụng chiếu viên dung không ngại.



B.- TU ĐẠO – TAMMA

Mục I : Hai Nghĩa Quyết Định

ANAN THỈNH PHÁP

Anan và đại chúng nghe lời Phật dạy, tiêu hết nghi hoặc, ngộ được thật tướng, thân ý khinh an, được pháp chưa từng có. Rồi lại thương khóc đánh lễ chân Phật, quỳ thẳng chấp tay bạch rằng : “Vô thượng đại bi thanh tịnh bảo vương khéo khai ngộ tâm chúng con, dùng các nhân duyên phương tiện dắt dìu những kẻ chìm đắm ra khỏi bể khổ. Bạch Thế Tôn, nay con được vâng nghe pháp âm, nhận biết tâm tánh diệu minh Như Lai Tạng cùng khắp thế giới mười phương. Như Lai Tạng hàm dục cả bốn thánh sáu phàm trong các Thật Báo Trang Nghiêm độ và Biến Hóa độ. Như Lai trách con nghe nhiều vô dụng, không bằng tu tập vô lậu nghiệp. Con như kẻ lênh đênh phiêu bạt, tuy bỗng nhiên được Thiên Vương cho cái lâu đài nhưng cốt yếu phải biết cửa vào. Nguyên Như Lai chỉ bày cho kẻ mờ tối rời bỏ pháp tiểu thừa, nhận được con đường Vô dư Niết-bàn. Khiến hàng hữu học biết cách uốn dẹp tâm phan duyên, được pháp tổng trì, vào tri kiến Phật”.

Nói rồi năm vóc gieo xuống đất, một lòng mong đợi từ chỉ.

– Nay Anan ! Các ông đối với pháp Tam-ma-đề của

chư Phật quyết tâm không mệt mỏi thì trước hết phải rõ hai nghĩa quyết định :

a) Nhân quả tương ưng :

Xét kỹ chỗ phát tâm tu nhân với quả cầu giác ngộ là đồng hay khác. Anan, đem tâm sanh diệt làm nhân tu hành để cầu quả Phật bất sanh diệt, thật không thể được. Trong thế gian các pháp làm ra đều biến diệt. Không bao giờ nghe hư không bị tan rã vì hư không không do tạo thành.

Trong thân ông tướng đặc là đất, thấm ướt là nước, hơi ấm là lửa, chuyển động là gió. Bốn đại ràng buộc, chia tâm diệu giác minh thành ra thấy nghe hay biết. Xét từ đầu đến cuối tạo thành năm lớp ô trược. Thế nào là trược ? Anan, ví như nước bản nhiên trong sạch. Bụi đất tro cát bản chất ngăn ngại. Có người lấy đất bụi ném vào nước sạch. Đất mất tánh ngăn ngại. Nước mất đức trong trẻo. Hình trạng đục bẩn hiện ra gọi là trược. Năm lớp ô trược nơi ông cũng thế.

1- Anan, ông thấy hư không khắp mười phương. Bên không bên thấy không tách rời nhau. Có cái không mà không thật thể. Có cái thấy mà không chánh giác. Hai thứ xen lộn giả dối thành kiếp trược.

2- Thân ôm bốn đại làm tự thể, khiến thấy nghe hay biết bị chướng ngại. Đất nước gió lửa trở thành có hay biết. Vật chất tinh thần xen lộn giả dối thành kiến trược.

3- Tâm nhớ biết học tập phát ra tri kiến. Rời tiền trần không có tướng. Rời tri giác không có tánh. Tánh tướng xen lộn giả dối thành phiền não trước.

4- Thân tâm ngày đêm sanh diệt không ngừng. Tri kiến muốn lưu lại thế gian, nghiệp báo xoay vần dời đổi đi cõi khác. Hai năng lực xen lộn giả dối thành chúng sanh trước.

5- Thấy và nghe bản tánh không khác. Vì các trần cách trở thành có khác. Đồng thể tánh nhưng dụng trái nhau. Đồng và khác mất chuẩn đích, xen lộn giả dối thành mệnh trước.

Nay Anan muốn cho thấy nghe hay biết xa hợp với Như Lai bốn đức thường lạc ngã tịnh. Trước hết phải lựa bỏ cội gốc sanh tử, nương theo cái không sanh diệt để thành tựu tánh viên trạch. Dùng tánh viên trạch xoay các thứ hư vọng sanh diệt trở về bốn giác. Được tánh không sanh diệt của bản giác làm nhân tu mới viên thành quả vị. Như lắng nước đục, để yên không động, đất cát tự chìm, nước trong hiện ra gọi là uốn dẹp khách trần phiền não. Gạn bùn sạch hết chỉ còn nước trong gọi là dứt căn bản vô minh. Tâm sáng suốt đã tinh thuần, hành giả có thể tùy cơ hiện hình trong mười pháp giới tế độ chúng sanh, tâm thường hợp với diệu đức thanh tịnh Niết-bàn.

b) Thẩm tường căn bản phiền não :

Các ông phát tâm Bồ-đề, nơi Bồ-tát thừa sanh đại dũng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, cần phải xét rõ cội gốc phiền não. Những gì là vô minh phát nghiệp ? Những gì là nhuận sanh ? Từ vô thủy ai làm ai chịu ?

Anan, tu đạo Bồ-đề, không biết căn trần hư vọng điên đảo ở chỗ nào làm sao uốn dẹp ? Không thấy chỗ thắt làm sao cởi nút ? Không hề nghe hư không bị phá vì hư không không hình tướng nên không thắt cởi. Còn ông từ vô thủy vợ bốn đại kết thành sáu căn, chấp làm thân ta, vọng sanh trói buộc. Đem tâm quảng đại viên mãn cuộc trong bốn đại, chôn vùi trong năm ấm như chim trong lồng. Hiện nay, sáu thứ mắt tai mũi lưỡi thân ý làm mai mối cho giặc, tự cướp gia bảo trong nhà.

1- Số lượng công đức sáu căn :

Anan, thế nào là thế giới chúng sanh ? Thế là đời đổi, giới là phương vị. Những phương Đông Tây Nam Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, hai phương trên dưới là Giới. Quá khứ, hiện tại, vị lai là Thế. Phương vị có 10. Thời gian lưu chuyển có 3. Thế giới gấn bó nhau thành sự đời đổi trong thân tất cả chúng sanh. Giới tuy 10 song chính định chỉ có 4 là Đông Tây Nam Bắc. Giới đan dệt với Thế $3 \times 4 = 12$. Nhân luôn 3 lớp $12 \times 10 \times 10 = 1200^{(1)}$. Tổng quát mỗi căn có đến 1200 công năng.

Anan, ông xét định sáu căn chỗ hơn chỗ kém. Mắt thấy đằng trước không thấy đằng sau, bên phải bên trái ba phần thấy hai. Tóm lại công năng của mắt ba phần thiếu một nên chỉ có 800.

Tai nghe khắp mười phương. Động có xa gần, tĩnh không bờ mé. Tai đủ 1200 công đức. Mũi thở ra vào còn thiếu khoảng giữa, ba phần khuyết một, chỉ có 800 công đức. Lưỡi phô bày cùng tột trí thể gian và xuất thể gian. Lời nói có hạn nhưng lý vô tận nên tròn 1200 công đức. Thân khi hợp biết xúc trần trái thuận, khi ly không biết. Ly có một. Hợp có hai. Ba phần thiếu một nên thân có 800 công đức. Ý căn thẩm lắng dung nạp tất cả các pháp thể gian và xuất thể gian suốt ba đời mười phương nên đủ 1200 công đức.

Anan, ông muốn ngược dòng sanh tử, xoay về tột gốc lưu chuyển đến chỗ không sanh diệt, thì nên xét sáu căn hiện đương thọ dụng cái nào là hợp là ly, cái nào là sâu là nông, cái nào viên thông cái nào không viên mãn⁽²⁾. Tu căn viên thông so với căn không viên thông, hiệu quả nhanh chóng một ngày bằng một kiếp. Tôi đã chỉ rõ số lượng công năng sáu căn viên minh. Tùy ông lựa chọn một căn để nhập đạo, tôi sẽ chỉ bày khiến ông tăng tấn tu hành. Mười phương Như Lai, trong 18 giới, giới nào cũng tu hành được Vô-thượng Bồ-đề, không có hơn kém. Chỉ vì căn cơ thấp chậm, ông khó viên mãn trí tuệ tự tại nên cần lựa chọn. Một khi đã vào sâu đến chỗ không còn vọng tưởng thì cả sáu căn đều cùng thanh tịnh.

2- Nguồn gốc kết căn :

Anan bạch Phật : Thừa Thế Tôn, làm sao ngược dòng hư vọng, đi sâu vào một căn, lại có thể khiến cả sáu căn một thời thanh tịnh ?

- Ông đã diệt kiến-hoặc chứng Tu-đà-hoàn song còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy. Các tập khí phải tu đạo mới đoạn được. Huống chi còn rất nhiều phân loại số mục sanh trụ dị diệt. Nay ông hãy xét sáu căn hiện tiền là một hay là sáu. Nếu một thì tại sao không thấy, mắt sao không nghe ? Nếu sáu thì khi tôi đang chỉ dạy đây, ông dùng căn nào lãnh thọ ?

- Con dùng tai nghe.

- Tai nghe nào dính gì đến thân và miệng mà miệng ông hỏi nghĩa, thân ông đứng dậy tỏ ý kính vâng. Vậy nên biết các căn chẳng phải một, chẳng phải sáu. Do từ vô thủy điên đảo luân chuyển có thân nên tánh viên trập mới có chuyện một và sáu. Nay ông đã chứng Tu-đà-hoàn, đã tiêu được cái sáu nhưng chưa quên cái một (Niết-bàn).

Như những nhà vuông tròn ở trong thái hư không. Do hình trạng các ngôi nhà khác nhau mà ở trong đó có hư không vuông tròn. Một khi phá bỏ hết các ngôi nhà, trở lại ta nói hư không là một. Hư không vẫn là hư không, đâu có vì ta thành đồng hay khác. Huống chi còn nói là một hay không phải một. Sáu căn của ông cũng vậy.

Do hai thứ sáng và tối tỏ bày lẫn nhau, niệm

tánh trập diệu viên, phát ra cái thấy. Cái thấy ánh ra thành sắc, kết sắc thành căn, gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể con mắt như quả bồ-đào. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo sắc.

Do hai thứ động tĩnh kích thích lẫn nhau, niệm tánh trập diệu viên, phát ra cái nghe. Cái nghe ánh ra thành tiếng, cuốn tiếng lại thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái tai như lá mới cuốn. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo tiếng.

Do hai thứ thông và tắc phát hiện lẫn nhau, niệm tánh trập diệu viên, phát ra cái ngửi. Cái ngửi ánh ra thành hương, thâm nạp hương thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái mũi như hai móng tay rủ xuống. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo hương.

Do hai thứ nhạt và có vị tham trước lẫn nhau, niệm tánh trập diệu viên, phát ra cái nếm. Cái nếm ánh ra thành vị, thưởng thức vị thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái lưỡi như mặt trăng mới khuyết. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo vị.

Do hai thứ ly và hợp cọ xát lẫn nhau, niệm tánh trập diệu viên, phát ra biết xúc. Cái biết ánh ra thành xúc, ôm nắm xúc thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái thân như dáng trống cơm. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo xúc.

Do hai thứ sanh và diệt tiếp tục lẫn nhau, niệm tánh trập diệu viên, phát ra cái biết. Cái biết ánh ra thành pháp, tóm thu các pháp thành căn. Gốc căn là

tứ đại thanh tịnh. Cái ý như thấy trong phòng tối. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo pháp.

3- Phát minh chân tánh thì viên thoát :

Anan, giác minh chuyển thành minh giác, mất sáng suốt, dính vọng phát ra hay biết. Vì vậy nay ông rời sáng tối thì không thấy, rời động tĩnh thì không nghe, không có thông tắc thì không ngủ, không vị không nhát thì không có nếm, không ly không hợp thì cái biết xúc vốn không, không diệt không sanh thì cái rõ biết không chỗ nương.

Ông chỉ cần dừng theo những động tĩnh, hợp ly, không vị có vị, thông tắc, sáng tối, sanh diệt, 12 tướng hữu vi. Rút một căn ra khỏi cái dính, phục vào trong, trở về tánh nguyên chân, phát minh tánh sáng suốt bản lai, thì năm chỗ dính kia cũng đồng thời giải thoát.

Không do tiền trần khởi tri kiến thì cái sáng suốt không theo căn, chỉ gá nơi căn mà phát hiện. Nhân đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

Anan, há ông không biết ở trong hội đây, A Na Luật Đà không mắt mà thấy. Ròng Bạt Nan Đà không tai mà nghe. Thần nữ Căng Già không mũi mà ngửi. Kiều Phạm Bát Đề lưỡi trâu mà biết vị trời, người. Thuấn Nhã Đa không thân mà biết xúc (nương hào quang Như Lai, thần hư-không tạm hiện thân chớ không có bản chất). Các vị Thanh-văn được tịch diệt nhờ tu diệt-tận-định, như Ma-ha Ca Diếp đã diệt ý căn từ lâu mà vẫn rõ biết cùng khắp, không cần tâm niệm.

Anan, sáu căn viên thoát thì cái sáng suốt từ trong tâm tánh hiển lộ. Các tướng biến hóa trong thế gian đều tiêu như băng gặp nước sôi, ứng niệm hóa thành vô thường tri giác.

Anan, người đời chỉ thấy bằng mắt. Nhắm mắt tướng tối hiện ra, không thể biện biệt được đầu và chân người đứng trước mặt. Nếu lấy tay sờ quanh thân thể người kia thì tuy không thấy nhưng một phen nhận được đầu và chân rồi, cái biết đồng như thấy bằng mắt.

Nhân sáng mới thấy nên khi tối thành ra không thấy. Nếu thấy không cần ánh sáng thì các thứ tối không thể làm mờ. Căn và trần đã tiêu, làm sao giác minh không thành viên diệu ?

4- Đánh chuông thật nghiệm tánh chân thường :

Anan bạch Phật : “Nhân địa tu hành cốt yếu phải tương ưng với quả chứng. Bạch Thế Tôn, quả vị gọi là Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như, Phật tánh, Am-ma-la thức, Không Như Lai Tạng, Đại viên kính trí. Bảy danh hiệu nhưng đồng một thể tánh thanh tịnh viên mãn thường trụ.

Nếu thấy nghe là sáng tối, động tĩnh rất ráo không tự thể cũng như tâm niệm rời tiền trần vốn không hề có, sao lại đem cái ráo rạo đoạn diệt làm nhân tu để cầu bảy quả thường trụ ? Bạch Thế Tôn, lui tới vắn xoay, suy xét chín chắn, thật không có tâm và tâm sở của con. Vậy lấy gì làm nhân để cầu vô thường giác ? Như Lai trước kia nói tánh thấy bất

động viên mãi thường trụ. Nhưng đã trái với lý chân thì rốt cuộc chỉ thành hí luận. Xin Phật rủ lòng đại từ khai mở chỗ mê chấp cho con”.

– Ông học về mặt nghe nhiều nhưng chưa hết các lậu. Trong tâm chỉ biết suông cái nhân điên đảo. Khi điên đảo thật hiện trước mắt thì ông không nhận ra. E ông còn chưa tin phục. Nay tôi đem những việc thông thường trừ nghi cho ông.

Như Lai bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông rồi hỏi Anan : Ông có nghe chăng ?

– Thưa, có nghe.

Chuông hết, ngân không còn vang, Phật hỏi : Ông có nghe chăng ?

– Thưa, không nghe.

La Hầu La lại đánh một tiếng chuông, Phật lại hỏi : Ông có nghe chăng ?

– Thưa, có nghe.

– Nay Anan, thế nào là có nghe, thế nào là không nghe ?

– Tiếng chuông đánh lên, chúng con đều nghe. Đánh lâu tiếng hết, ngân vang không còn gọi là không nghe.

Như Lai lại bảo La Hầu La đánh chuông rồi hỏi Anan : Theo ông nay có tiếng không ?

– Thưa có tiếng.

Ít lâu tiếng hết, Phật lại hỏi : Theo ông nay có tiếng không ?

– Thưa không tiếng.

Lát sau, La Hầu La lại đánh chuông. Phật lại hỏi : Theo ông nay có tiếng không ?

– Thưa có tiếng.

– Thế nào ông gọi là có tiếng, thế nào ông gọi là không tiếng ?

– Tiếng chuông đánh lên gọi là có tiếng. Đánh lâu tiếng hết, ngân vang không còn gọi là không tiếng.

– Hôm nay các ông sao nói lộn xộn như thế ?

– Bạch Thế Tôn, làm sao Phật bảo chúng con nói lộn xộn ?

– Tôi hỏi ông về nghe, ông nói là nghe. Tôi hỏi về tiếng, ông nói là tiếng. Chỉ cái nghe và cái tiếng mà trả lời lẫn lộn. Nay Anan, tiếng tiêu không còn ngân vang, ông gọi là không nghe. Nếu thật không nghe, tánh nghe đã diệt, tiếng chuông lại đánh lên, làm sao ông còn biết ? Tự cái tiếng hoặc có hoặc không. Đâu phải tánh nghe vì thế mà không mà có. Nếu tánh nghe thật đã không thì còn cái gì để biết là không nữa.

Vậy nên Anan, tiếng ở trong nghe tự có sanh, có diệt. Không phải vì ông nghe tiếng sanh diệt mà tánh nghe của ông thành có, thành không. Ông còn lộn lạo lẫn tiếng với nghe. Lại gì chẳng mê mờ, cho thường là đoạn, nói rằng rời các thứ động tĩnh tánh nghe

không còn.

Người ngủ mê nằm trên giường. Trong nhà có kẻ giã gạo. Người ngủ trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo, lầm cho là tiếng trống hoặc tiếng chuông. Tức trong chiêm bao người ấy cũng lấy làm lạ sao tiếng chuông lại nghe như tiếng cây, tiếng đá. Tỉnh dậy nghe tiếng chày, người ấy bảo người nhà rằng : “Trong lúc chiêm bao tôi nghe tiếng chày thành tiếng trống”. Nay Anan, người đó trong chiêm bao, thân hình tuy ngủ mê nhưng tánh nghe không mờ. Mai đây thân hình tan rã, mạng sống đổi dời, tánh nghe đâu có theo thân mà tiêu diệt.

Chúng sanh từ vô thủy chạy theo thanh sắc, niệm niệm lưu chuyển, không hề khai ngộ bản tánh thanh tịnh diệu thường. Bỏ chân thường chạy theo sanh diệt nên đời đời tạp nhiễm luân hồi. Nay bỏ sanh diệt trở về chân thường, tánh sáng suốt hiện tiền. Căn trần thức ngay đó tiêu tan. Tướng tướng là trần, thức tình là cấu. Trần cấu đã xa rời, pháp nhãn thanh tịnh, làm sao lại không thành vô thượng tri giác ?



Mục 2 : Phương Pháp Giải Kết

a) Xin khai thị cách cởi nút :

Anan bạch Thế Tôn : “Tuy Như Lai đã dạy nghĩa quyết định thứ hai, nếu không biết nút ở đâu hẳn không thể cởi. Hàng hữu học Thanh-văn chúng con từ vô thủy đến nay cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh. Tuy được thiện căn nghe nhiều Phật Pháp, gọi là xuất gia mà vẫn như sốt rét cách nhật. Nguyên đức đại từ xót thương kẻ chìm đắm, chính nơi thân tâm hiện tại, chỉ cho chúng con biết thể nào là nút, do đâu mà cởi ?”

Anan và đại chúng năm vóc gieo xuống đất, khóc mong thành khẩn Như Lai vô thượng khai thị.

b) Dích chỉ sáu căn là gốc giải thoát :

Thế Tôn xót thương Anan cùng hàng hữu học, lại cũng vì vị lai chúng sanh tạo nhân xuất thế, khai mở đạo nhãn, bàn tay sáng ngời xoa đầu Anan. Ngay khi ấy mười phương thế giới chư Phật sáu thứ chấn động. Hào quang từ đỉnh đầu vi trần Như Lai đồng thời rọi vào đỉnh đầu đức Phật tại rừng Kỳ Đà. Đại chúng được thấy việc chưa từng có. Ai nấy đều nghe rõ mười phương vi trần Như Lai khác miệng đồng lời nói rằng : “Hay thay Anan ! Đầu nút câu sanh vô minh khiến ông luân hồi sanh tử chính là sáu căn của ông chớ không gì khác. Vô-thượng Bồ-đề khiến ông

mau chứng đạo quả an vui giải thoát tịch thường cũng chính là sáu căn của ông chớ không gì khác”.

c) Đức Thích Ca giải nghĩa :

Anan cúi đầu bạch Phật : “Làm sao khiến con luân hồi sống chết hay được an vui diệu thường cũng đều là sáu căn ?”

– Căn trần đồng nguồn nên cột và cởi không ở hai nơi. Thức phân biệt như hoa đốm trong hư không. Nay Anan ! Căn nhãn trần phát ra cái biết. Trần nhãn căn tướng mới hiện. Năng-kiến sở-kiến đều không tự tánh như hình cây lau. Thấy biết cho là thật biết tức gốc vô minh. Thấy biết không chấp, đây là Niết-bàn (tri kiến lập tri tức vô minh bản, tri kiến vô kiến tự tức Niết-bàn).

Muốn trùng tuyên ý này, Thế Tôn nói kệ :

Nơi chân tánh, hữu vi là không.

Vì duyên sanh nên bảo như huyễn.

Vô vi vốn không sanh không diệt.

Cũng chẳng thật, khác nào không hoa.

Nói cái vọng để hiển cái chân.

Vọng chân ấy, cả hai đều vọng.

Còn không phải chân và phi chân,

Làm sao có năng-kiến sở-kiến ?

*Thức ở giữa không có thật tánh,
Nên như hình cây lau gác nhau.
Kết và giải đồng do một chỗ,
Thánh hay phàm đâu ở hai nơi.*

*Ông hãy quan sát tánh cây lau,
Dù không hay có đều không đúng.
Mê mờ nghĩa đó là vô minh,
Khai hiểu nghĩa ấy liền giải thoát.*

*Gỡ nút cần phải theo thứ lớp.
Sáu đã cởi, một cũng không còn.
Nơi các căn chọn tánh viên thông,
Nhập lưu được thì thành chánh giác.*

*Thức A-đà-na rất vi tế,
Tập khí lưu hành như nước dốc,
E lầm là chân hay phi chân,
Nên ta thường ít khi diễn giảng.*

*Tự tâm trở lại chấp tự tâm,
Không phải huyễn thành ra pháp huyễn.
Không chấp trước, không gì chẳng huyễn,
Phi huyễn không, pháp huyễn sao thành ?*

Ấy gọi là như huyễn Tam-ma-đề,

*Bảo giác chắc như Kim Cang Vương.
Không nhiễm, tịnh như Diệu Liên Hoa,
Gãy móng tay vượt hàng vô học.
Giáo pháp không gì so sánh được.
Hai tử hết, vạn đức viên thành.
Đường thẳng vào vô dư Niết-bàn
Của mười phương các đức Như Lai.*

d) Cột khăn chỉ nút :

Anan và đại chúng nghe kệ tụng diệu lý tinh túy, tâm được khai ngộ, tán thán pháp chưa từng có, chấp tay đánh lễ : “Bạch Thế Tôn ! Còn nghĩa cởi cả sáu thì một cũng không, con chưa rõ. Xin đức đại bi thương xót bố thí pháp âm, rửa sạch cấu nhiễm trầm trọng cho chúng con”.

Như Lai nơi sư tử tòa, sửa Niết-bàn-tăng, vén Tăng-già-lê, dựa ghế thất bảo, đưa tay lấy khăn hoa của trời Kiếp Ba La mới cúng, cột một nút rồi hỏi Anan : “Cái này gọi là gì ?” – Thưa cái nút.

Như Lai cột một nút nữa, lại hỏi : Cái này gọi là gì ? – Thưa cũng gọi là nút.

Phật tuần tự cột sáu nút. Cứ xong mỗi nút lại hỏi : “Cái này gọi là gì ?” Anan và đại chúng đều tuần tự đáp : “Thưa cái nút”.

– Khăn báu vốn chỉ có một. Ông hãy xét kỹ. Nút ban đầu gọi là nút thứ nhất. Nút cuối cùng gọi là nút thứ sáu. Nay tôi muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất được không ?

- Bạch Thế Tôn, không ! Dầu con cố gắng biện bạch bao nhiêu cũng không làm cho sáu nút đổi tên được.

- Đúng thế, sáu nút không đồng nhau tuy vốn chỉ là một cái khăn. Sáu căn của ông cũng vậy, trong thế vốn vẫn đồng nay rất ráo thành khác.

đ) Thứ lớp cởi nút :

Nay ông không thích để sáu nút khác nhau mà muốn trở về một thể khăn, phải làm thế nào ?

- Còn nút còn thị phi. Nút này không phải nút kia, nút kia không phải nút này. Nếu cởi bỏ tất cả, không để nút nào, không còn kia đây thì một còn không có hưởng chi sáu.

- Sáu cởi, một không còn. Nơi sáu căn cũng thế. Do từ vô thủy điên loạn, tri kiến vọng phát, vì lao nhọc nên thấy các trần tướng. Như mắt mỗi thấy hoa đốm. Tất cả thế gian núi sông đất liền, sanh tử Niết-bàn, đều là hoa tướng cuồng lao điên đảo.

- Như thế làm sao cởi gỡ ?

Như Lai cầm cái khăn có nút, kéo xiết về bên trái, hỏi Anan : Thế này cởi được chăng ?

- Thừa không.

Phật lại xiết về bên phải, hỏi Anan : Thế này cởi được chăng ?

- Thừa không.

- Vậy ông dùng phương tiện gì thì cởi được ?

- Ngay giữa lòng nút tháo ra liền được.

- Đúng thế, đúng thế, muốn cởi nút phải từ trung tâm. Nay Anan, ta nói Phật Pháp từ nhân duyên sanh chẳng phải lấy thô tướng hòa hợp của thế gian. Như Lai biết rõ bản nhân của tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Hằng sa thế giới ngoài kia mưa bao nhiêu giọt Như Lai đều biết. Hiện tiền từng thẳng gai cong, quạ đen hạc trắng, Như Lai đều rõ nguyên do. Anan, tùy ông lựa lấy một trong sáu căn để cởi. Căn kết nếu trừ, trần tướng tự tiêu. Các vọng đã hết chẳng phải chân còn đợi gì ?

Nay tôi lại hỏi ông : Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, đồng thời trừ cả một lần được chăng ?

- Bạch Thế Tôn không. Khi cột có thứ lớp thì nay cởi cũng phải theo thứ lớp.

- Cởi gỡ sáu căn cũng vậy. Trước hết được nhân-không. Tánh-không viên minh thành pháp giải thoát. Giải thoát pháp rồi câu-không chẳng sanh. Thế gọi là Bồ-tát từ Tam-ma-đề được vô sanh nhẫn.



Mục 3 :**A) TRÌNH BÀY VIÊN THÔNG**

ANAN THỈNH PHÁP

Anan và đại chúng được Phật khai thị, tuệ giác viên thông, không còn nghi hoặc, đồng thời chấp tay đánh lễ chân Phật bạch rằng : “Chúng con đã ngộ được nghĩa một và sáu đều không. Nhưng còn chưa biết bản căn viên thông. Bạch Thế Tôn ! Chúng con phiêu bạt bơ vơ nhiều kiếp như trẻ mất sữa. Nay may mắn gặp Phật như được mẹ hiền. Phải nhân cơ hội này mà thành đạo, chỗ ngộ phù hợp với diệu lý đã nghe. Nếu không thì khác gì chưa nghe. Cúi xin đại bi thùy từ khai thị mật nghiêm tối hậu”. Nói rồi năm vóc gieo xuống đất, trông mong Phật thăm truyền.

PHẬT THỈNH ĐẠI CHÚNG TỰ TRÌNH BÀY

Thế Tôn khắp bảo Bồ-tát và A-la-hán sanh trưởng trong Phật Pháp đã chứng quả vô học : “Lúc ban đầu mới phát tâm, trong 18 giới các ông ngộ được giới nào viên thông, do phương tiện gì nhập Tam-ma-đề ?”

24 THÁNH PHÚC TRÌNH

SÁU TRẦN

1- Thanh trần :

Nhóm Kiều Trần Na, năm vị Tỳ-kheo, đánh lễ chân Phật bạch rằng : Ở Lộc Uyển và Kê Viên, chúng con được thấy Như Lai khi mới thành đạo. Nhân nghe Phật dạy con ngộ Tứ Đế. Trước tiên trong chúng, con thừa đã hiểu, được Phật ban cho tên là A Nhã Đa. Diệu âm mật viên, con nơi âm thanh chứng A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, thanh trần hơn cả.

2- Sắc trần :

Ưu Ba Ni Sa Đà đánh lễ chân Phật bạch rằng : Con cũng được thấy Phật khi mới thành đạo. Quán tướng bất tịnh, con sanh tâm cực kỳ nhàm chán, ngộ được tánh của các sắc, từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng, tướng bụi nhỏ rồi tan về không. Không Sắc đều không, thành đạo vô học, con được Phật ban cho tên là Ni Sa Đà. Trần sắc đã hết, diệu sắc mật viên. Con do sắc tướng chứng A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng sắc trần hơn cả.

3- Hương trần :

Hương Nghiêm đồng tử đánh lễ chân Phật bạch rằng : Như Lai dạy quan sát chín chấn các tướng hữu vi. Tĩnh tọa trong nhà thanh trai, con thấy các Tỳ-kheo đốt hương trầm thủy. Hương thơm thoang thoang vào mũi, con quán hương không phải cây, không phải khói, không phải lửa, không phải hư không, không từ đâu đến, không đi về đâu. Ý niệm

phân biệt tiêu diệt, phát minh tánh vô lậu, được hiệu là Hương Nghiêm. Hương trần đã diệt, diệu hương mật viên. Phật hởi Viên Thông, như chỗ con chứng hương trần hơn cả.

4- Vị trần :

Hai Pháp-vương-tử Dược Vương, Dược Thượng cùng với 500 Phạm Thiên đánh lễ chân Phật bạch rằng : Từ kiếp lâu xa, chúng con làm thầy thuốc, miệng nếm cỏ cây vàng đá, số mục có đến 10 vạn 8 ngàn. Đắng chua, mặn nhạt, ngọt cay, hòa hợp, câu sanh, biến đổi, lạnh nóng, lành độc, con đều biết cả. Thừa sự Như Lai, con quan sát vị trần chẳng phải không chẳng phải có, không rời thân tâm cũng chẳng phải tức là thân tâm. Chúng con nhân vị trần mà giác ngộ, được danh hiệu là Dược Vương Dược Thượng Bồ-tát. Phật hởi Viên Thông, như chỗ con chứng vị trần hơn cả.

5- Xúc trần :

Bạt Đà Bà La với 16 khai sĩ đánh lễ chân Phật bạch rằng : Chúng con xuất gia từ thời Phật Oai Âm Vương. Ngày chúng tắm tẩm, con theo thứ lớp vào nhà tắm. Bỗng nhiên ngộ được nước không rửa bụi cũng không rửa thân. Căn, trần, thức đều không. Túc tập không quên, nay theo Phật được quả vô học. Do phát minh diệu tánh xúc trần, thành Phật tử trụ. Phật hởi Viên Thông, như chỗ con chứng xúc trần hơn cả.

6- Pháp trần :

Ma-ha Ca Diếp và Tử Kim Quang Tỳ-kheo-ni đánh lễ chân Phật bạch rằng : Kiếp xưa trong cõi này Phật Nhật Nguyệt Đăng diệt độ. Chúng con thấp đèn sáng mãi cúng dường xá-lợi, lấy vàng thắm thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay đời đời thân thể viên mãn sáng ngời. Tử Kim Quang Tỳ-kheo-ni là quyến thuộc của con hồi đó, cùng con đồng phát tâm. Quan sát thế gian sáu trần dời đổi, con tu định diệt tận, thân tâm trải qua trăm ngàn kiếp như gãy móng tay. Do quán pháp “Không” thành A-la-hán. Tu hạnh đầu đà được tôn xưng là bậc nhất. Diệu pháp khai minh con sạch hết lậu. Phật hởi Viên Thông, như chỗ con chứng pháp trần hơn cả.

NĂM CĂN

7- Nhãn căn :

A Na Luật Đà đánh lễ chân Phật bạch rằng : Khi mới xuất gia con thường ưa ngủ. Như Lai quở con như loài súc sanh. Con hối hận, bảy ngày không ngủ, hư luôn hai mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp “Nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội”. Con không dùng mắt mà thấy mười phương, thấu suốt tinh tường như xem trái xoài trên bàn tay, thành A-la-hán. Phật hởi Viên Thông, như chỗ con chứng, xoay cái thấy trở về bản tánh là hơn cả.

8- Tỵ căn :

Châu Lợi Bàn Đắc Ca đánh lễ chân Phật bạch rằng : Con thiếu tụng trì, không tuệ đa văn. Gặp Phật xuất gia, cố nhớ một câu kệ, trải một trăm ngày cứ nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước. Phật thương con ngu, dạy con ngồi yên điều hòa hơi thở. Con quán hơi thở sanh trụ diệt, cùng tột các tướng nhỏ nhiệm từng sát-na. Tâm con bừng khai, được đại vô ngại, sạch lậu thành A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, xoay hơi thở về tánh tịch diệt là hơn cả.

9- Thiệt căn :

Kiều Phạm Bát Đề đánh lễ chân Phật bạch rằng : Vì khẩu nghiệp khinh rẻ chế diễu Sa-môn trong kiếp quá khứ, nay con mắc bệnh nhai lại như trâu. Như Lai chỉ dạy pháp môn “Nhất vị thanh tịnh tâm địa”. Con diệt phân biệt vào chánh định, quán tánh biết vị không ở thân, không ở vật, liền đó vượt khỏi các lậu thể gian. Trong thoát thân tâm ngoài bỏ thể giới, xa rời ba cõi như chim sổ lồng. Hết cấu nhiễm, diệt trần tướng, pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, không phân biệt vị trần, xoay cái biết về tự tánh là hơn cả.

10- Thân căn :

Tất Lăng Già Bà Ta đánh lễ chân Phật bạch rằng : Hồi con mới vào đạo, nghe Như Lai dạy về những khổ thể gian. Đi khát thực trong thành, tâm đang suy ngẫm pháp môn, bỗng giẫm phải gai độc, toàn thân đau đớn.

Con giác biết nơi tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau. Con suy nghĩ một thân đau có hai tánh biết. Niếp niệm chưa bao lâu, bỗng nhiên vong cả thân tâm. Trải hai mươi một ngày các lậu tiêu hết thành A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, xả bỏ ngã chấp, thuần một giác tánh, đó là hơn cả.

11- Ý căn :

Tu Bồ Đề đánh lễ chân Phật bạch rằng : Từ nhiều kiếp tâm con đã được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Còn trong thai mẹ đã biết tánh không tịch, mười phương đều không, cũng khiến chúng sanh chứng được tánh-không. Như Lai phát minh tánh giác chân không, tánh không viên minh, con liền vào được Bảo Minh Không Hải của Như Lai. Tri kiến đồng với Phật, được ấn chứng thành quả vô học. Giải thoát tánh-không con là đệ nhất. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, quán vạn tướng đều không, năng-không sở-không cũng hết, đó là hơn cả.

SÁU THỨC

12 - Nhãn thức :

Xá Lợi Phất đánh lễ chân Phật bạch rằng : Từ nhiều kiếp đến nay chỗ nhận thấy của con được thanh tịnh. Thọ sanh nhiều đời như số cát sông Hằng, con thấy thông suốt tất cả các pháp thể gian và xuất thể gian. Dọc đường nghe ba anh em Ca Diếp

luận bàn về pháp nhân duyên, con ngộ được tâm không bờ bến. Theo Phật xuất gia, nhãn thức sáng suốt cùng cực thành A-la-hán, làm trưởng tử của Phật. Từ miệng Phật ra, từ pháp hóa sanh. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, do nhãn thức thấu triệt thành vô ngại trí. Trí quang cùng cực vào Phật tri kiến là hơn cả.

13- Nhĩ thức :

Phổ Hiền Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng : Con đã từng làm Pháp-vương-tử nơi hằng hà sa số chư Phật. Mười phương Phật dạy các đệ tử căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền, đó là mượn tên con. Thừa đức Thế Tôn, con dùng nhĩ thức phân biệt tất cả tri kiến chúng sanh. Dù cách xa bao nhiêu thế giới, có ai phát minh hạnh nguyện Phổ Hiền, con phân thân trăm ngàn, cõi voi sáu ngà đến xoa đầu an ủi. Dầu người ấy nghiệp chướng còn nặng chưa thấy được con. Con cũng thầm ủng hộ khiến được thành tựu. Phật hỏi Viên Thông, chỗ bản nhân con, phát minh nhĩ thức phân biệt tự tại là hơn cả.

14- Ty thức :

Tôn Đà La Nan Đà đánh lễ chân Phật bạch rằng : Hồi mới xuất gia, con đủ giới luật nhưng tâm thường tán loạn. Thế Tôn dạy con và Câu Si La quán đầu mũi. Trái hai mươi một ngày thấy hơi thở ra vào như khói. Tướng khói lần tiêu, hơi thở thành màu trắng. Tâm khai ngộ, trong tỏ sáng thân, ngoài thông thế giới, khắp thanh tịnh như ngọc lưu ly. Tới khi lậu

sạch chứng A-la-hán, hơi thở ra vào hóa thành hào quang soi khắp mười phương thế giới, được Phật thọ ký sẽ thành Bồ-đề. Phật hỏi Viên Thông, con dùng hơi thở nhiếp niệm lâu ngày, sáng suốt viên mãn, đó là hơn cả.

15-Thiệt thức :

Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử đánh lễ chân Phật bạch rằng : Nhiều kiếp biện tài vô ngại, tuyên dương các pháp khổ không, thấu suốt thật tướng, con được đại vô úy trong chúng, phương tiện chỉ bày các pháp môn bí yếu của hằng sa Như Lai. Thế Tôn dạy con tuyên dương chánh pháp, giúp Phật chuyển pháp luân. Phật hỏi Viên Thông, con dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các lậu, thành A-la-hán, đó là hơn cả.

16-Thân thức :

Ưu Ba Ly đánh lễ chân Phật bạch rằng : Chính con theo Phật vượt thành xuất gia, chứng kiến đức Phật sáu năm khổ hạnh, hàng phục tà ma, đối trị ngoại đạo, giải thoát các lậu thế gian. Con giữ giới ba ngàn oai nghi tám vạn tế hạnh, tánh nghiệp giá nghiệp thấy đều thanh tịnh. Thân tâm tịch diệt thành A-la-hán. Giữ giới tu thân con là đệ nhất cương kỷ trong chúng. Phật hỏi Viên Thông, con do giữ thân, thân được tự tại. Con lại giữ tâm, tâm được thông suốt. Thân tâm thông lợi đó là hơn cả⁽³⁾.

17- Ý thức :

Đại Mục Kiền Liên đánh lễ chân Phật bạch rằng :
Con nghe ba anh em Ca Diếp giảng nói nghĩa lý nhân duyên, tâm được thông suốt. Như Lai ban cho con áo cà sa, râu tóc tự rụng, thành A-la-hán. Mười phương Như Lai đều khen sức thần thông của con thanh tịnh viên minh tự tại. Phật hỏi Viên Thông, con do xoay ý niệm trở về tánh viên trạch nên tâm trí khai quang, như lắng nước đục lâu thành trong sáng, đó là hơn cả.

BẢY ĐẠI**18- Hỏa Đại :**

Ô Sô Sắt Ma đánh lễ chân Phật bạch rằng : Từ kiếp xa xưa con nhiều tham dục. Không Vương Như Lai dạy : “Đa dâm như đồng lửa hồng”. Quan sát trăm vóc tứ chi nóng lạnh, thần quang trừng lạng, hóa tâm đa dâm thành lửa trí tuệ. Từ đấy các đức Phật đều gọi con là Hỏa Đầu. Nhân Hỏa Quang Tam Muội thành A-la-hán, con phát đại nguyện làm lực sĩ hộ pháp uốn dẹp tà ma, ở bên các Bồ-tát khi sắp thành đạo. Phật hỏi Viên Thông, con do quán các hơi ấm nơi thân tâm, các lậu tiêu dần, sanh lửa đại trí, lên vô thượng giác, đó là hơn cả.

19- Địa Đại :

Trì Địa Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng : Con nhớ kiếp xưa thời Phật Phổ Quang, con làm Tỳ-kheo. Các nẻo đường, bến đò, đất đai hiểm trở gồ ghề tổn hại xe cộ, con đều đắp bằng. Hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng khó nhọc trải vô lượng Phật ra đời. Ở các chợ búa, ai cần mang gánh, con đều hộ giúp, không lấy tiền thuê. Thời Phật Tỳ Bà Thi, gặp khi đói kém, con công giúp người, không kể gần xa, chỉ lấy một đồng tiền. Hoặc có xe trâu sa xuống bùn lầy, con dùng sức mạnh đẩy bánh xe lên, cứu khỏi khổ não. Nhà vua thiết trai thỉnh Phật, con sửa sang đường đất bằng phẳng đợi Phật đi qua. Như Lai xoa đỉnh đầu con bảo rằng : “Bình tâm địa thì tất cả thế giới đều bình”. Con liền khai ngộ, thấy đất trong thân ngoài thế giới như nhau không khác (chẳng những không chấp nội tứ đại là ta mà đồng minh cả ngoài 4 đại duy tâm). Tự tánh vi trần không chạm xát nhau, cho nên các thứ đao binh không đụng chạm vào thân con được. Con xứng tánh ngộ vô sanh nhẫn, thành A-la-hán, hồi hướng đại thừa. Trong hàng Bồ-tát nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa dạy về tri kiến Phật, con chứng tỏ đầu tiên, được làm thượng thủ. Phật hỏi Viên Thông. Con do quán kỹ 2 trần, nơi căn thân và thế giới, bình đẳng không sai khác, vốn là Như Lai Tạng. Trần tướng tiêu diệt, trí tuệ viên mãn, thành đạo vô thượng, đó là hơn cả.

20- Thủy Đại :

Nguyệt Quang đồng tử đánh lễ chân Phật bạch rằng : Hằng sa kiếp xưa kia, Phật Thủy Thiên dạy các Bồ-tát quán nước. Quán ở trong thân, nước bọt, nước mũi cho đến tất cả các thứ tân dịch, tinh huyết, đại tiện, tiểu tiện, đều đồng một tánh nước. Quán nước trong thân cùng nước các biển Hương Thủy của phù-tràng-vương-sát đều bình đẳng không khác.

Khi ấy con tọa thiền chỉ thấy được nước, chưa không được thân. Có đũa đệ tử đi qua, từ cửa sổ trông vào, thấy toàn nước, liền lấy miếng ngói ném, nghe rõ tiếng “bồm” rồi bỏ đi. Con xuất định thấy đau tim. Nghĩ đã được A-la-hán, từ lâu không bệnh, làm sao nay lại đau tim ? Bấy giờ đồng tử đi đến kể lại các việc. Con bảo nó, nếu lại thấy nước thì phải mở cửa vào lấy viên ngói ra. Đệ tử vâng lời. Con nhập định, nó lại thấy nước và viên ngói rõ ràng. Sau khi nó lấy viên ngói đi rồi, con xuất định, thân thể bình an như cũ.

Trải vô lượng Phật, đến đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai con mới quên được thân. Cùng với các biển Hương Thủy ở mười phương, đồng một tánh chân-không không hai không khác, con được dự hàng Bồ-tát hiệu là Đồng Chân. Phật hỏi Viên Thông, con do quán tánh nước chân không, tánh không thật nước, được vô sanh nhẫn, viên mãn đạo Bồ-đề, đó là hơn cả.

21- Phong Đại :

Lưu Ly Quang Pháp-vương-tử đánh lễ chân Phật

bạch rằng : Hằng sa kiếp trước, đức Phật Vô Lượng Thanh khai thị tánh Bản Giác Diệu Minh cho các hàng Bồ-tát. Ngài dạy quan sát thể giới thân tâm chúng sanh đều do vọng duyên chuyển biến. Khi ấy, con quán không gian an lập, thời gian thiên lưu, thân thể động tĩnh, thức tâm niệm niệm sanh diệt. Tất cả chuyển biến bình đẳng không sai khác. Con giác ngộ tánh động không từ đâu đến, không đi về đâu. Mười phương chúng sanh đồng một hư vọng. Tam thiên đại thiên thể giới chúng sanh chỉ như muối mạt vo vo ồn náo trong một cái chai. Con gặp Phật chưa bao lâu, được vô sanh nhẫn. Tâm khai ngộ, thấy cõi Phật Bất Động ở phương Đông, con làm Pháp-vương-tử. Thừa sự mười phương Phật, thân tâm phát quang, rỗng thấu không ngại. Phật hỏi Viên Thông, con do quan sát phong lực không nương vào đâu, ngộ tâm Bồ-đề nhập vào chánh định, hợp với nhất diệu tâm của mười phương Phật, đó là hơn cả.

22- Không Đại :

Hư Không Tạng Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng : Con cùng Như Lai chứng thân vô biên nơi đức Phật Định Quang. Khi ấy tay con cầm bốn hạt châu báu lớn, soi chiếu mười phương vi trần cõi Phật đều hóa thành hư không. Trí đại viên kính hào quang soi khắp. Các phù-tràng-vương-sát đều hiển hiện, đồng nhập vào thân con. Thân con như hư không khéo vào vi trần quốc độ, rộng làm việc Phật được đại tùy thuận. Thần lực lớn đó là do con quán kỹ bốn đại không chỗ nương, chỉ là vọng tưởng sanh diệt. Hư

không không hai. Cõi Phật vốn đồng. Do phát minh tánh đồng con chứng vô sanh nhẫn. Phật hỏi Viên Thông, con quan sát hư không không bờ bến, vào Tam-ma-đề, diệu lực viên minh, đó là hơn cả⁽⁴⁾.

23-Thức Đại :

Di Lặc Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng : Vi trần kiếp về trước có đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Con xuất gia, tâm trọng hư danh, ưa giao du với các dòng họ sang trọng. Thế Tôn dạy con tu tập định duy tâm thức. Từ đó đến nay con dùng pháp tam muội này phụng sự hằng sa Phật. Đến đời đức Nhiên Đăng con mới thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam muội. Tất cả cõi nước tịnh uế có không đều do tâm con biến hóa. Bạch Thế Tôn, do con rõ được tánh duy tâm thức nên nơi thức tánh xuất hiện vô lượng Như Lai. Nay con được thọ ký sẽ Bồ-tát thành Phật ở cõi này. Phật hỏi Viên Thông, con dùng pháp quán mười phương đều duy thức, thức tâm viên minh, chứng nhập viên thành thật, xa rời y tha khởi và biến kế chấp, được vô sanh nhẫn, đó là hơn cả⁽⁵⁾.

24- Kiến Đại :

Đại Thế Chí Bồ-tát cùng 52 vị đồng hạnh lễ chân Phật bạch rằng : Nhiều kiếp xa xưa có Phật Vô Lượng Quang. Mười hai Như Lai cùng nối ngôi nhau ra trong một kiếp. Vị cuối cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt

Quang dạy con niệm Phật tam muội. Ví như hai người, một người chuyên nhớ, một người cứ quên. Hai người như thế dù có gặp nhau cũng như chẳng gặp. Dù có thấy nhau cũng như chẳng thấy. Vậy hai người phải cùng nhớ đến nhau rất là thâm thiết, kiếp này kiếp khác, như bóng với hình chẳng hề rời nhau. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn chạy thì mẹ dẫu nhớ có làm gì được. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, mẹ con đời đời chẳng rời xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, đời này đời sau quyết định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Chẳng nhờ phương tiện, tự được tâm khai. Như người ướp hương thân có hương thơm. Pháp này gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Chỗ bản nhân con dùng tâm niệm Phật vào vô sanh nhẫn. Nay ở cõi này nhiếp người niệm Phật về Tịnh-độ. Phật hỏi Viên Thông, con không chọn lựa, nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, được Tam-ma-đề, đó là hơn cả.



25- Nhĩ Căn :

TU CHỨNG

Quán Thế Âm Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng : Thế Tôn, hằng hà sa kiếp xưa, con phát tâm Bồ-đề nơi Phật Quán Thế Âm. Ngài dạy con nghe pháp, suy ngẫm rồi tu hành để vào chánh định.

Ở trong tánh nghe, nhập lưu vong sở. Sở nhập đã tịch, động tĩnh hai tướng rõ ràng không sanh. Như vậy tiến tu, văn sở văn tận. Tận văn không trụ, giác sở giác không. Không giác cực viên, không sở không diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền⁽⁶⁾.

Hốt nhiên siêu vượt thế xuất thế gian, mười phương viên minh, được hai thù thắng :

1. Trên hợp mười phương chư Phật bản diệu giác tâm, cùng Phật Như Lai đồng một từ lực.
2. Dưới hợp mười phương chúng sanh, cùng với chúng sanh một lòng bi ngưỡng⁽⁷⁾.

32 ỨNG THÂN

Bạch đức Thế Tôn ! Nhân con cúng dường Quán Âm Như Lai, được truyền pháp định “như huyễn văn huân văn tu kim cang”. Cùng Phật Như Lai đồng một từ lực, khiến con thân thành 32 diệu ứng vào các quốc độ.

Bạch đức Thế Tôn ! Bồ-tát vào định tiến tu vô lậu, thắng giải hiện viên, con hiện thân Phật để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu hàng hữu học tịch tĩnh diệu minh, thắng diệu hiện viên, con hiện Độc-giác để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu hàng hữu học đoạn 12 duyên, duyên đoạn thắng tánh, thắng diệu hiện viên, con hiện Duyên-giác để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu hàng hữu học chứng lý sanh-không của pháp Tứ Đế, hành đạo tịch diệt, thắng tánh hiện viên, con hiện Thanh-văn để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu có chúng sanh tỏ biết lòng dục, không phạm dục trần, dục thân đã tịnh, con hiện Phạm Vương để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu có chúng sanh muốn làm thiên chúa thống lãnh cõi trời, con hiện Đế Thích để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thân tự tại du hành mười phương, con liền hiện thân làm trời Tự Tại để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thân tự tại bay trong hư không, con liền hiện thân trời Đại Tự Tại để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thống quý thần cứu hộ quốc độ, con liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thống thế giới bảo hộ quần linh, thì con liền hiện Tứ Thiên Vương thân để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn sanh thiên cung sai sử quý thần, con hiện thái tử của Tứ Thiên Vương để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn làm vua người, con hiện thân vua vì họ nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ưa thích muốn làm chủ dòng quý tộc thế gian kính nhường. Con hiện trưởng giả để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ưa nói danh ngôn, sống đời thanh tịnh, con hiện cư sĩ để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ham thích chánh trị phán đoán việc nước, con hiện Tể Quan để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ưa thích số thuật, điều dưỡng

vệ sanh, bảo tồn thành kiến, con sẽ hiện thân làm Bà-la-môn để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có những ai ham học xuất gia, giữ gìn giới luật, con hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh thích trì 5 giới, con sẽ hiện thân hoặc Ưu-bà-tắc, hoặc Ưu-bà-di để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có nữ nhân, nội chánh lập thân, tề gia trị quốc, con sẽ hiện thân nữ chúa, hoàng hậu, mệnh phụ đại gia, để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh không hoại nam căn, con hiện đồng nam để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có trinh nữ giữ gìn thân thể không ưa xâm bạo, con hiện đồng nữ để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có Trời Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân, có hình không hình, có tướng không tướng, trong lòng ước mong cứu độ đồng loại, con hiện thân họ để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Thế là 32 diệu tịnh ứng thân vào các quốc độ, đều nhờ tam muội văn huân văn tu vô tác diệu lực tự tại thành tựu.

14 THÍ VÔ ÚY

Bạch Thế Tôn, con cũng lại nhờ “văn huân văn tu kim cang tam muội vô tác diệu lực” nên cùng mười phương ba đời sáu đạo hết thấy chúng sanh đồng một bi ngưỡng, khiến cho chúng sanh nơi thân tâm con được hưởng mười bốn công đức vô úy⁽⁸⁾.

1. Không nghe âm thanh, chỉ nghe tánh nghe nên con có thể khiến khắp mười phương khổ não chúng sanh tự nghe âm thanh mà được giải thoát⁽⁹⁾.

2. Xoay thấy trở vào khiến các chúng sanh dù gặp lửa lớn, lửa chẳng thể đốt⁽¹⁰⁾.

3. Xoay nghe trở vào khiến các chúng sanh dù gặp nước lớn, nước chẳng thể chìm⁽¹¹⁾.

4. Đoạn diệt vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến các chúng sanh dù vào nước quỷ, quỷ không thể phá⁽¹²⁾.

5. Huân tập cái nghe trở thành linh diệu, sáu căn tiêu tan. Vì nghe đã đồng thể với âm thanh nên khiến chúng sanh sắp bị giết hại, đao gậy từng đoạn, như gươm chém nước, gió thổi ánh sáng, tánh chẳng động giao⁽¹³⁾.

6. Văn huân tinh minh, sáng khắp pháp giới, dẹp tan u ám, khiến cho chúng sanh bị quỷ dữ như Dược-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, quỷ Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na v.v... tuy gần một bên mà mắt chẳng thấy⁽¹⁴⁾.

7. Âm thanh tiêu dung, xoay máy nghe vào, là các trần vọng, hay khiến chúng sanh thoát nạn xiềng

trói⁽¹⁵⁾.

8. Diệt âm viên văn, khắp sanh từ lực hay khiến chúng sanh đi qua đường hiểm thoát nạn giặc cướp⁽¹⁶⁾.

9. Huân văn lìa trần, không mắc sắc tướng hay khiến hết thấy đa dâm chúng sanh xa lìa tham dục⁽¹⁷⁾.

10. Thuần văn không trần, căn cảnh viên dung không đối sở đối, hay khiến hết thấy phần hận chúng sanh xa lìa sân giận.

11. Tiêu trần về sáng, pháp giới thân tâm như ngọc lưu ly trong suốt không ngại, hay khiến những kẻ hôn độn tánh chướng, bọn thiếu thiện căn xa lìa si ám.

12. Văn cơ tiêu dung, trở về văn tánh, không động đạo tràng thiệp vào thế gian chẳng hoại thế giới, cúng dường mười phương vi trần Như Lai, nơi mỗi vị Phật làm Pháp-vương-tử. Chúng sanh không con muốn cầu con trai, liền sanh con trai phước đức trí tuệ⁽¹⁸⁾.

13. Sáu căn viên thông minh chiếu tròn sáng, ngậm mười phương giới, lập đại viên kính, không Như Lai Tạng, thừa thuận mười phương vi trần Như Lai bí mật pháp môn, thọ lãnh không mất. Chúng sanh không con muốn cầu con gái, sẽ sanh con gái phước đức nhu thuận, hình tướng đoan chính mọi người kính yêu.

14. Tam thiên đại thiên thế giới trăm ức mặt trời mặt trăng, hiện có sáu mươi hai ức hằng hà sa Pháp-

vương-tử, tu pháp tự lợi, đủ pháp lợi tha, giáo hóa chúng sanh trí tuệ tùy thuận phương tiện chẳng đồng. Vì con đã được viên thông bốn căn, căn tai phát diệu nên sau thân tâm vi diệu hàm dung chu biến pháp giới, hay khiến chúng sanh trì danh hiệu con cùng với người trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu, công đức hai người bằng nhau không khác. Bạch đức Thế Tôn, một danh hiệu con công đức ngang với nhiều danh hiệu kia vì con tu tập được chân viên thông⁽¹⁹⁾.

Như thế gọi là 14 công đức thí vô úy lực ban phước chúng sanh⁽²⁰⁾.

4 DIỆU ĐỨC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Bạch đức Thế Tôn ! Bởi con nương pháp nhĩ căn viên thông chứng đạo vô thượng nên con được bốn vô tác diệu đức không thể nghĩ bàn.

1. Vì con đã được diệu diệu văn tâm, tâm tinh thoát căn, kiến văn giác tri không còn phân cách, thành một viên dung thanh tịnh bảo giác. Con có thể hiện rất nhiều hình dung kỳ lạ nhiệm mầu. Con có thể nói rất nhiều thần chú. Hoặc hiện 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu cho đến 108 đầu, ngàn đầu, vạn đầu, 8 vạn 4 ngàn đầu như kim cương ; 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 10 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay cho đến 24 tay, 108 tay, ngàn tay, vạn tay, 8 vạn 4 ngàn tay bắt ấn ; 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, như vậy cho đến 108 mắt, ngàn mắt, vạn mắt, 8 vạn 4 ngàn mắt báu thanh tịnh hoặc từ, hoặc oai, hoặc

định, hoặc tuệ, cứu hộ chúng sanh được đại tự tại⁽²¹⁾.

2- Chỗ nghe, chỗ nghĩ đã thoát sáu trần, cũng như âm thanh vượt qua tường vách không bị ngăn ngại. Cho nên khéo hiện ra nhiều hình dung, dùng nhiều thần chú, khiến cho chúng sanh thoát khỏi sợ hãi. Vì thế mười phương vi trần quốc độ đều gọi con là bậc Thí Vô Úy.

3- Bởi con tu tập tánh bốn diệu của nhĩ căn viên thông, bốn căn thanh tịnh. Nên khi con dạo chơi các thế giới hay khiến chúng sanh phá tâm xan tham, xả thân trần bảo, cầu con thương xót.

4- Con chứng Phật tâm tới chỗ cứu cánh nên có thể đem của báu cúng dường mười phương Như Lai. Sáu đạo chúng sanh ở khắp pháp giới, cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu chánh định được chánh định, cầu sống lâu được sống lâu. Như thế cho đến cầu đại Niết-bàn được đại Niết-bàn.

THỌ KÝ DANH HIỆU

Phật hỏi Viên Thông, con từ căn tai viên chiếu tam muội, duyên tâm tự tại, nhân nhập lưu tướng được vào chánh định thành tựu Bồ-đề, ấy là hơn cả.

Bạch đức Thế Tôn ! Phật Quán Thế Âm khen con khéo được Viên Thông pháp môn. Ở trong đại hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm. Bởi con xem nghe mười phương viên minh cho nên Quán Thế Âm danh vang khắp mười phương thế giới.



Mục 4 :**VĂN THÙ ĐÍCH CHỈ PHÁP VIÊN TU****a) Cảnh viên thông :**

Nơi tòa sư tử, đầu và tay chân đức Phật đồng phóng bảo quang xa chiếu đỉnh đầu mười phương Như Lai cùng Pháp-vương-tử các vị Bồ-tát. Mười phương vi trần Như Lai cũng từ năm thể, đồng phóng bảo quang, rọi về đỉnh đầu Phật, Bồ-tát và A-la-hán ở trong pháp hội. Rừng cây ao đầm đều diễn pháp âm. Ánh sáng giao dệt như lưới tơ báu. Đại chúng được điều chưa bao giờ có. Tất cả đồng chứng Kim Cang Tam Muội. Tức thời mưa hoa trăm thứ sen báu, xanh vàng đỏ trắng phơi phới tung bay. Mười phương hư không thành sắc bảy báu. Núi sông đất liền thể giới Ta Bà nhất thời liền ẩn. Chỉ thấy mười phương vi trần quốc độ hợp thành một cảnh. Phạm âm vịnh ca tự nhiên phu tấu.

b) Phật bảo Văn Thù chọn căn viên thông :

Phật bảo Văn Thù : Nay Pháp-vương-tử ! Nay ông hãy xem 25 vị vô học Bồ-tát và A-la-hán, ai nấy đều trình tối sơ phương tiện khi mới hành đạo. Vị nào cũng nói mình tu tập được chân thật viên thông. Các ngài tu hành quả tình không ai có hơn có kém. Và cũng không có sai biệt khác nhau. Ta nay trong 25

hạnh muốn khiến Anan tỏ ngộ pháp nào hợp với căn cơ. Và sau khi ta diệt độ, chúng sanh vào Bồ-tát thừa cầu Vô-thượng-đạo nên dùng pháp nào cho dễ thành tựu⁽²²⁾.

c) Văn Thù kệ đáp :

Văn Thù Sư Lợi Pháp-vương-tử đánh lễ chân Phật, nương oai thần Phật nói kệ bạch rằng :

1. Giác tánh vốn diệu, mê vọng vốn không :

*Bể giác tánh trừng viên,
Viên trừng giác nguyên diệu.
Nguyên minh chiếu sanh sở,
Sở lập tánh chiếu vong.*

*Mê vọng có hư không,
Y không lập thế giới.
Tướng trừng thành quốc độ,
Tri giác là chúng sanh.*

*Hư không trong biển giác
Như bọt nổi mặt bể.
Vi trần cõi hữu lậu
Y hư không mà thành.*

*Bọt tan hư không mất
Huống chi là 3 cõi.
Về nguồn tánh không hai,*

Phương tiện có nhiều cửa.

***Tánh Thánh đâu chẳng thông,
Thuận nghịch do phương tiện.
Sơ tâm vào chánh định,
Mau chậm có khác nhau.***

2. Lọc bỏ :

SÁU TRẦN

- 1/- Vọng tưởng kết lại thành sắc trần,
Hay biết không thể thông suốt được.
Làm sao dùng nhãn không giác biết
Để tu hành cầu tánh viên thông ?***
- 2/- Âm thanh vốn dùng vào lời nói,
Ở trong ngậm ý vị danh từ.
Nếu một không suốt được tất cả
Thì làm sao được tánh viên thông ?⁽²³⁾***
- 3/- Hương chỉ lúc hợp mới rõ biết,
Rời cảnh vốn thật là không có.
Sở giác đã không phải thường xuyên
Thì làm sao được tánh viên thông ?***
- 4/- Vị không phải bản nhiên tự có,
Cần phải nếm mới biết có vị.
Nếu vị trần không thường hằng nhất
Thì làm sao được tánh viên thông ?***
- 5/- Xúc do chạm các vật mà biết,
Không vật chạm không có xúc giác.
Khi hợp khi ly không nhất định
Thì làm sao được tánh viên thông ?***

6/- *Pháp cũng còn tên là nội trần,
Nương theo trần tất có đối đãi.
Năng sở không viên dung thành một
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

NĂM CĂN

1/- *Cái thấy tuy rộng suốt rất xa
Nhưng thấy đằng trước, không thấy sau.
Bốn bề còn thiếu mất một phần
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

2/- *Mũi chuyên thở ra và thở vào,
Chặng giữa hiện tiền không công năng.
Chẳng thể viên dung sự cách bức
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

3/- *Vật không chạm lưỡi, làm sao nếm ?
Nhân có trần mới có phân biệt.
Giác quan không trần không hiển lộ
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

4/- *Thân biết xúc với cảnh sở xúc
Đều có hạn, không phải cùng khắp.
Nếu không nhận tánh không bờ bến
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

5/- *Ý căn hiện rõ nhờ loạn tưởng,
Đứng lặng rốt cuộc không thấy gì.
Còn không thoát nổi các tưởng niệm
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

SÁU THỨC

1/- *Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần,
Gạn cùng vốn không có tự tướng.
Ngay tự thể còn không nhất định
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

2/- *Tâm nghe rộng thấu cả 10 phương
Là do sức hoằng thệ rộng lớn.
Sơ tâm không thể đến chỗ ấy
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

3/- *Quán tướng trắng ở nơi chóp mũi
Vốn quyền tạm nhiếp tâm an trụ.
Cảnh quán đã thành nơi sở trụ
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

4/- *Thuyết pháp khéo dùng các danh từ,
Trước hết mình phải đã khai ngộ.
Chính lời nói là pháp hữu vi
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

- 5/- *Trì giới chỉ câu thúc cái thân,
Rời thân ra lấy gì câu thúc ?
Vốn không phải cùng khắp tất cả
Thì làm sao được tánh viên thông ?*
- 6/- *Thần thông do nhân tu đời trước
Quan hệ gì đến thức phân biệt ?
Niệm duyên trần, đâu thoát sự vật
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

BẢY ĐẠI

- 1/- *Nếu quan sát bản nguyên địa đại,
Thể chất ngăn ngại không thông suốt.
Pháp hữu vi đâu phải thánh chủng
Thì làm sao được tánh viên thông ?*
- 2/- *Nếu quan sát bản nguyên thủy đại,
Tưởng niệm đâu phải là chân thật.
Diệu chân như chẳng do quán tưởng
Thì làm sao được tánh viên thông ?*
- 3/- *Nếu quan sát bản nguyên hỏa đại,
Còn phải chán tức chưa thật ly.
Phương tiện này sơ tâm khó tập
Thì làm sao được tánh viên thông ?*
- 4/- *Nếu quan sát bản nguyên phong đại,
Động tĩnh tức còn phải đối đãi.
Đối đãi trái với Vô-thượng-giác
Thì làm sao được tánh viên thông ?*
- 5/- *Nếu quan sát bản nguyên không đại,
Trước hết ngoan ngu chẳng phải giác.
Không giác khác hẳn với Bồ-đề
Thì làm sao được tánh viên thông ?*
- 6/- *Nếu quan sát bản nguyên thức đại,
Thức sanh diệt đâu phải thường trụ.*

*Để tâm trong phân biệt hư vọng
Thì làm sao được tánh viên thông ?*

7/- *Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt.
Nhân và quả khác nhau như thế,
Thì làm sao được tánh viên thông ? ⁽²⁴⁾*

3. Chọn lấy nhĩ căn viên thông :

1- Hợp với giáo thể cõi Ta Bà :

*Con nay bạch Thế Tôn !
Phật giáng cõi Ta Bà,
Phương này chân giáo thể
Thanh tịnh tại âm văn.
Muốn nhập vào chánh định
Thật phải do tánh nghe.*

2- Xưng tán Quán Thế Âm :

*Lìa khổ được giải thoát,
Hay thay Quán Thế Âm !
Trong hằng hà sa kiếp
Vào vi trần cõi Phật,
Được lực đại tự tại
Khắp bá thí an vui.*

Diệu Âm, Quán Thế Âm,

*Phạm Âm, Hải Triều Âm,
Cứu thế tất an ninh,
Xuất thế được thường trụ.*

3- Xưng tán nhĩ căn :

a) *Con nay bạch Như Lai :
Như Quán Thế Âm nói,
Thí như người an tịnh,
Mười phương cùng đánh trống,
Mười chỗ nhất tề nghe.
Đây là VIÊN chân thật !*

b) *Có gần mắt chẳng thấy,
Miệng mũi cũng như vậy.
Thân nhân hợp mới biết,
Tâm niệm loạn không mối.*

*Cách vách phân biệt tiếng,
Xa gần đều cùng nghe.
Năm căn chẳng thể bằng.
Đây là THÔNG chân thật !*

c) *Âm thanh tánh động tĩnh,
Cái nghe thành có không.
Không thanh gọi không nghe,
Chẳng phải thật không nghe.*

*Thanh không đã không diệt,
Thanh có cũng chẳng sanh.
Sanh diệt đều xa lìa,
Đây là THƯỜNG chân thật !*

*d) Dù ở trong mộng tưởng,
Không nghĩ, nghe chẳng không.
Giác quan vượt tư duy,
Thân tâm đâu bì kịp.*

4- Nhĩ căn thiết yếu :

*Nay ở cõi Ta Bà,
Âm thanh được tuyên minh.
Chúng sanh mê tánh nghe,
Theo âm thanh lưu chuyển.*

*Anan dù nhớ giỏi
Vẫn không miễn tà tư.
Chỉ cần dừng theo nữa,
Xoay lại liền hết vọng.*

*Anan hãy nghe kỹ :
Tôi nương oai lực Phật,
Tuyên nói Kim Cang Vương.
Như huyền khó nghĩ bàn,
Phật mẫu chân tam-muội.*

*Ông nghe vi trần Phật
Hết thấy bí mật môn,
Dục lậu trước chẳng trừ,
Nghe nhiều thành lằm lổ.
Đem nghe trì Phật Phật,
Sao chẳng tự Nghe Nghe ?*

Nghe không tự nhiên sanh,

*Nhân thanh có tên gọi.
Xoay nghe thoát thanh trần,
Năng thoát gọi tên gì ?
Một căn đã về nguồn,
Sáu căn đồng giải thoát.*

*Thấy nghe như huyễn lóa.
Ba cõi tựa không hoa.
Nay xoay nghe trở lại.
Căn nghe huyễn lóa trừ.
Trần tiêu, giác viên tịnh.
Tịnh cực, quang thông suốt.
Tịch chiếu khắp hư không.*

*Trở lại xem thế gian
Chỉ như việc trong mộng.
Ma Đăng Già trong mộng
Làm sao lưu giữ ông ?*

*Thầy ảo thuật thế gian
Huẩn hóa các nam nữ.
Tuy thấy thân hình động
Chỉ do chiếc máy giật.
Tắt máy liền êm ru
Vì huyễn hóa không thật.*

*Sáu căn cũng như vậy,
Nguyên y một tinh minh*

*Chia thành sáu hòa hợp.
Một chỗ đã hư phục,
Sáu dụng đều không còn.
Trần cấu ứng niệm tiêu
Thành viên minh tịnh diệu.*

*Trần cấu nếu còn dư
Là ở ngôi tu học.
Sáng suốt tới cùng tột
Tức chứng quả Như Lai.*

*Đại chúng và Anan
Hãy quay máy nghe lại,
Xoay nghe nghe tự tánh,
Tánh thành vô thượng đạo.
Viên thông thật như vậy !*

5- Nhĩ căn độc diệu :

*Đây là đường Niết-bàn
Của vi trần đức Phật.
Quá khứ các Như Lai,
Môn này đã thành tựu.
Hiện tại các Bồ-tát,
Nơi đây vào viên minh.
Vị lai ai tu học
Nên y theo pháp này.
Chính ta cũng nhân đây*

**Mà đã tu cùng chứng.
Chẳng những Quán Thế Âm.**

**Thành thật bạch Thế Tôn !
Tận cùng các phương tiện
Để cứu đời mạt kiếp,
Những người xuất thế gian
Thành tựu tâm Niết-bàn
Quán Thế Âm hơn cả.**

**Ngoài ra các phương tiện
Đều nương Phật oai thần.
Tức sự xả trần lao,
Người thường khó tu học.
Pháp có cạn có sâu.
Các Thánh đã trình bày.**

6- Cầu gia bị :

**Đảnh lễ Như Lai Tạng
Vô lậu khó nghĩ bàn,
Xin gia hộ vị lai,
Với môn này không lằm⁽²⁵⁾.**

7- Văn kết :

**Phương tiện để thành tựu
Nên dạy cho Anan**

**Và mạt kiếp trầm luân.
Hãy nơi căn tai tu,
Viên thông hơn tất cả,
Chân thật tâm như vậy !**

d) Nghe pháp được chứng :

Khi ấy Anan cùng với đại chúng thân tâm tỏ ngộ, xem quả Bồ-đề và đại Niết-bàn cũng như có người nhân việc đi xa, chưa thể về nhà nhưng đã biết rành ngành ngọn đường lối. Khắp hội đại chúng, thiên long tám bộ, hữu học nhị thừa cùng hết thấy tâm phát tâm Bồ-tát, con số có tới mười hằng hà sa, đều được bốn tâm, xa trần lìa cấu, chứng pháp nhãn tịnh. Tánh Tỳ-kheo-ni nghe nói kệ xong thành A-la-hán. Vô lượng chúng sanh hoan hỷ phát tâm Vô-thượng Bồ-đề.



Mục 5 :**YẾU PHÁP HỘ ĐỊNH****a) Giới luật nghiêm trì :**

Anan tâm tích viên minh⁽²⁶⁾, vừa mừng vừa tủi, sửa áo chỉnh tề, cúi đầu bạch Phật : Đại bi Thế Tôn ! Con nay đã ngộ pháp môn thành Phật, trong sự tu hành được không nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai dạy : Tự mình chưa được độ, trước lo độ người là Bồ-tát phát tâm. Tự giác đã viên, giác ngộ kẻ khác là Như Lai ứng thế. Con tuy chưa được độ, nguyện độ tất cả chúng sanh về sau. Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh cách Phật ngày càng xa, tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng, muốn nhiếp tâm vào chánh định phải dựng lập đạo tràng thế nào để thoát ma sự ?

- Hay lắm, hay lắm ! Ông hỏi về cách thức dựng lập đạo tràng, cứu giúp chúng sanh chìm đắm trong đời mạt pháp. Ông hãy nghe kỹ, tôi vì ông nói.

Này Anan, ông thường nghe trong tạng luật ba nghĩa quyết định :

- 1 - Nhiếp tâm trì giới.
- 2 - Nhân giới sanh định.
- 3 - Nhân định phát tuệ.

Thế gọi là ba học vô lậu.

1. Đoạn dâm :

Anan, sáu đạo chúng sanh tâm không dâm, sẽ không còn sanh tử tiếp tục. Tu tam-muội cốt ra khỏi trần lao, tâm dâm không trừ, dù trí tuệ thiền định hiện tiền cũng quyết lạc ma đạo. Hạng trên làm ma vương, hạng giữa làm ma dân, hạng dưới làm ma nữ. Ma có đông đồ chúng, tự xưng thành đạo vô thượng. Sau khi ta diệt độ rồi, bọn ma này đầy dẫy thế gian, giả làm thiện tri thức, dùng việc tham dâm đưa chúng sanh vào hầm ái kiến, mất đường Bồ-đề.

Tu chánh định trước hết phải đoạn tâm dâm. Đây là lời dạy bảo quyết định thứ nhất của các đức Như Lai. Này Anan, không đoạn tâm dâm mà tu thiền định cũng như nấu cát để thành cơm, dù trải ngàn kiếp cũng chỉ có cát nóng. Vì cát không phải là bản nhân của cơm. Đem dâm tâm cầu Phật diệu quả, dù được diệu ngộ cũng vẫn là gốc trôi buộc. Trôi lăn trong tam đồ không thể ra khỏi, còn đường nào tu chứng Niết-bàn ? Thân tâm đoạn tiết giống dâm, tương đoạn cũng không còn thì Bồ-đề mới hy vọng.

Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma nói.

2. Đoạn sát :

Anan, sáu đạo chúng sanh tâm không sát sẽ không còn sanh tử tiếp tục. Tu tam-muội cốt ra khỏi trần lao, tâm sát không trừ, dù trí tuệ thiền định hiện tiền cũng quyết lạc thần đạo. Hạng trên làm đại lực

quỷ, hạng giữa làm phi hành dạ-xoa các loài quỷ soái, hạng dưới là địa hành la-sát. Quỷ thần cũng có đồ chúng, tự xưng thành đạo vô thượng. Thời mặt pháp, quỷ thần đầy đầy trong thế gian, tự nói ăn thịt được đạo Bồ-đề. Anan, ta cho phép các Tỳ-kheo ăn năm thứ tịnh nhục. Thịt này do thần lực ta hóa sanh, không có mạng căn. Vì xứ nhiều cát đá, rau cỏ không thể sanh sản. Sau khi Như Lai diệt độ, làm sao ăn thịt chúng sanh lại tự xưng là Thích tử ? Các ông nên biết, dù tâm đã khai ngộ, tựa như vào chánh định mà còn ăn thịt, thì quả báo phải làm la-sát, chìm đắm trong biển khổ sanh tử. Giết nhau ăn nhau làm sao ra khỏi ba cõi ? Tu Tam-ma-đề kể phải đoạn lòng sát sanh. Đây là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định thứ hai của các đức Như Lai.

Anan, không đoạn sát sanh mà tu thiền định cũng như bịt tai kêu lớn, mong mọi người không nghe, càng muốn giấu càng lộ. Thanh tịnh Tỳ-kheo và các Bồ-tát không dẫm cỏ tươi trên đường đi, huống là lấy tay nhổ cỏ. Làm sao đại bi lại ăn máu thịt chúng sanh ?

Tỳ-kheo không mặc tơ tằm, áo cừu áo len, không đi dép da thú, không dùng sữa và các thức ăn làm bằng sữa, đối với thế gian thật là giải thoát, không trở lại ba cõi nữa. Vì còn dùng một phần thân thể chúng sanh là còn duyên nợ. Như người ăn bách cốc của đất, chân không thể rời khỏi đất. Quyết khiến thân tâm đối với thân thể hay một bộ phận thân thể chúng sanh, không dùng không ăn. Ta ẩn chứng người này chân thật giải thoát.

Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma

nói.

3. Đoạn trộm :

Anan, sáu đạo chúng sanh tâm không trộm cắp, sẽ không còn sanh tử tiếp tục. Tu tam-muội cốt ra khỏi trần lao, dầu có trí tuệ thiền định hiện tiền, nếu không đoạn tâm trộm cắp quyết lạc tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng giữa làm yêu mị, hạng dưới là người tà bị quỷ mỵ nhập. Bọn tà này rất nhiều đồ chúng, tự xưng thành đạo vô thượng. Thời mặt pháp yêu mị đầy đầy thế gian, tự nhận là thiện tri thức để lường gạt người không biết. Chúng đi đến đâu, nhà người hao tổn tan nát. Không tự nấu ăn, Tỳ-kheo thứ lớp khát thực, không chứa giữ gạo thóc, để xả bỏ lòng tham, hướng đạo Bồ-đề, làm khách đi qua ba cõi, một phen ra khỏi không trở lại nữa. Bọn giặc mượn y phục đạo Phật buôn bán Như Lai, gây đủ thứ nghiệp tự gọi là Phật sự, chê bai Tỳ-kheo trì giới là tiểu thừa, gây nghi ngờ cho vô lượng chúng sanh, tự dẫn mình vào ngục vô gián.

Sau khi ta diệt độ, Tỳ-kheo quyết tâm tu Tam-ma-đề, đối trước hình tượng Như Lai, đốt một ngón tay một ngọn đèn hay một mùi hương ở trên thân. Ta ẩn chứng người này một thời trả hết túc trái từ vô thủy. Bởi vì tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng nhưng đối với Phật Pháp tâm đã quyết định. Nếu không gieo được chút nhân xả thân như thế thì dù thành đạo vô vi cũng phải trở lại làm người để trả nợ cũ. Như quả báo ăn lúa ngựa của ta không khác. Tu Tam-ma-đề

phải đoạn lòng trộm cắp là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định thứ ba của các đức Như Lai. Nay Anan, nếu không đoạn trộm cắp mà tu thiền định thì cũng như người rót nước vào chén thủng, trải vi trần kiếp không bao giờ đầy. Tỳ-kheo ngoài y bát mảy may không tích trữ. Xin ăn còn dư đều bố thí cho chúng sanh đói. Chắp tay lễ chúng, coi đánh mắng như khen ngợi, xả bỏ cả thân và tâm, coi xương máu là sở hữu chung. Không đem những lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm làm lạc kẻ sơ học. Phật ấn chứng vị này thật được tam-muội. Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma nói.

4. Đoạn dối :

Anan, sáu đạo chúng sanh thân tâm không còn sát đạo dâm, ba hạnh đã viên mãn. Nếu còn đại vọng ngữ thì Tam-ma-đề không được thanh tịnh, thành ma ái kiến mất giống Như Lai. Chưa được tự cho là được, chưa chứng tự cho đã chứng. Tự nhận đã được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán hay các quả vị Bồ-tát, trông mong người nghe lễ bái cúng dường. Những kẻ bất tín này tự tiêu diệt giống Phật như chặt cây đa-la, bị Phật ấn ký là vĩnh đoạn thiện căn, mất chánh tri kiến, chìm trong ba đường khổ. Phật dạy các hàng Bồ-tát và A-la-hán ứng thân trong đời mạt pháp, hiện nhiều hình tướng khác nhau để độ cho những ai còn trong vòng luân hồi. Hoặc hiện thân làm Sa-môn, cư sĩ, vua chúa, quan dân cho đến làm dân nữ, quả phụ, trộm cắp, gian dối để khen ngợi Phật thừa, đưa người đời vào chánh định

nhưng không bao giờ được tiết lộ mật tích, chỉ trừ lúc lâm chung mới được di chúc. Làm sao lừa gạt chúng sanh để thành đại vọng ngữ ?

Tu Tam-ma-đề phải đoạn trừ đại vọng ngữ. Đây là lời dạy rõ ràng quyết định thanh tịnh thứ tư của các đức Như Lai. Khắc phân thành hình cây chiên đàn mà muốn được hương thơm của chiên đàn, thật không bao giờ có. Tỳ-kheo lấy trực tâm làm đạo tràng, trong hết thấy hành động, nơi bốn oai nghi không giả dối. Làm sao lại có kẻ dám tự xưng được pháp vô thượng ? Dân cùng càn xưng để vương còn tự chuốc lấy tội tru di hướng tự nhận là đấng Pháp-vương ? Nhân không thật quả ắt quanh co, cầu đạo Bồ-đề như người muốn tự cắn rốn làm sao thành tựu ? Hàng Tỳ-kheo tâm thẳng như dây đàn, tất cả đều chân thật, vào Tam-ma-đề hẳn không ma sự. Ta ấn chứng vị này thành tựu Bồ-tát vô thượng tri giác. Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma nói.

b) Thần chú trừ tập khí :

Anan, muốn vào Tam-ma-đề tu học diệu pháp cầu Bồ-tát đạo, cốt yếu giữ bốn luật nghi thanh tịnh như băng sương, tự không thể sinh ra tất cả cảnh lá. Ba thân nghiệp, bốn khẩu nghiệp không còn nhân để phát sanh. Bốn việc như vậy không thiếu sót, tâm không duyên sáu trần, tất cả ma sự làm sao có được. Nếu còn tập khí không thể diệt trừ phải nhất tâm tụng thần chú “Phật đỉnh quang minh ma ha tát đát đa bát đát ra”. Đây là vô vi tâm Phật ngồi trên hoa sen, ở vô kiến đỉnh tướng của Như Lai tuyên nói.

Ông cùng Ma Đăng Già tập khí ân ái nhiều đời mà chỉ cần một phen nghe qua, cô liền tâm ái cạn khô, nay thành A-la-hán. Cô là dâm nữ không tâm tu hành, nương sức thần chú cô đã mau chứng quả vô học. Huống chi hàng Thanh-văn các ông cầu tối thượng thừa thì thành Phật như tung bụi thuận gió nào khó khăn chi ?

Thời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước hết phải giữ cấm giới Tỳ-kheo thanh tịnh. Cần cầu thỉnh những bậc Sa-môn trì giới làm thầy. Nếu không gặp được tăng chúng thanh tịnh thì giới phẩm luật nghi không thành tựu. Đắc giới rồi mặc áo mới sạch, đốt hương, ở chỗ an nhàn, tụng thần chú 108 biến. Về sau kết giới dựng lập đạo tràng, cầu mười phương Như Lai phóng hào quang đại bi rọi đỉnh đầu. Nay Anan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, bạch y đàn việt, trong thời mạt pháp, tâm diệt tham dâm, giữ giới thanh tịnh, ở trong đạo tràng phát nguyện Bồ-tát, ra vào

tắm rửa, sáu thời hành đạo, hai mươi một ngày không ngủ. Thích Ca Như Lai tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đầu an ủi khiến được khai ngộ.

1- Nghi thức lập đạo tràng : (27)

Anan bạch Phật : Nương lời dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm con khai ngộ, tỏ biết đường tu thành quả vô học. Thời mạt pháp muốn lập đạo tràng cần kết giới thế nào cho hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật ?

- Trước hết phải lấy phân đại lực bạch ngưu ở núi Tuyết Sơn. Trâu trắng này chỉ ăn cỏ thơm ngon và uống nước trong trên núi nên phân mịn màng. Lấy phân ấy hòa hợp với hương chiên đàn để quét trên mặt đất. Nếu không phải trâu ở Tuyết Sơn thì phân hôi nhớp không dùng được. Phải riêng ở nơi bình nguyên, đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy thứ đất vàng từ năm thước trở xuống. Mười thứ hương : chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiệt, nghiền rây thành bột trộn với đất ấy để trát trên mặt đạo tràng. Đàn bát giác mỗi bề một trượng sáu. Trung tâm an trí một hoa sen vàng bạc đồng hay gỗ tùy sức. Giữa hoa để một cái bát đựng nước mùa sương tháng tám. Trong bát cắm các hoa lá hiện có. Để tám cái gương tròn, mỗi cái một phía chung quanh hoa sen. Ngoài gương lại an trí mười sáu hoa sen, giữa mỗi hoa sen để một lư hương, trong lư đốt toàn trầm thủy không cho nổi lửa. Mười sáu bình sữa bò trắng, đường cát, bánh rán, bột sữa, tô hợp, mút gừng, mặt

ong, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ mười sáu, đặt quanh vòng ngoài hoa sen.

Để cúng dường chư Phật Bồ-tát, trong mỗi thời ăn và nửa đêm, lấy nửa thúng mật ba cấp bơ. Trước đàn để riêng một lư lửa nhỏ. Lấy hương đầu-lâu-bà nấu nước thơm rửa than cho sạch. Đốt than trong lư đỏ hồng rồi rót mật và bơ vào, đốt cho lên khói. Ở bốn phía ngoài, treo phan và hoa. Bên trong an trí hình tượng mười phương Như Lai và các Bồ-tát ở bốn vách. Chính giữa để hình tượng Phật Lư Xá Na, Thích Ca, Di Lặc, A Sơ, Di Đà và các hình tượng Quán Âm đại biến hóa. Lại thêm hình tượng các Kim Cang Tạng Bồ-tát để ở hai bên. Những tượng Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sắt Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Ly, Tỳ Câu Chi và Tứ Thiên Vương, Tần Na, Dạ Ca treo ở hai bên cửa. Lại lấy tám gương treo úp trên cao đối chiếu với tám gương đã để trong đàn tràng, khiến các hình ảnh lồng nhau nhiều lớp.

a) Bảy ngày đầu chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Phật, các đại Bồ-tát và A-la-hán. Sáu thời nhiễu quanh đàn tụng chú mỗi thời 108 biến.

b) Bảy ngày chuyên phát nguyện Bồ-tát tâm không gián đoạn theo mẫu đã dạy trong luật nghi⁽²⁸⁾.

c) Bảy ngày trì chú bát đát ra. Đến ngày thứ bảy sẽ thấy mười phương Như Lai đồng thời xuất hiện trong ánh sáng các mặt gương giao xen và được Phật xoa đỉnh. Như thế người tu học trong thời mật pháp, thân tâm sáng suốt như ngọc lưu ly.

Anan, nếu trong số các giới sư của vị Tỳ-kheo ấy

hay trong số mười vị cùng tu đồng hội, có một người giới phẩm không thanh tịnh thì phần nhiều đàn tràng không thành tựu.

Hai mươi một ngày xong rồi, ngồi nghiêm chỉnh an cư 100 ngày. Lợi căn không rời chỗ ngồi được quả Tu-đà-hoàn. Dầu cho Thánh quả chưa đạt nhưng tự biết quyết sẽ thành Phật không nghi.

2- Thần chú :

Anan đánh lễ chân Phật bạch rằng : “Từ khi xuất gia, ý lại Phật thương, con chỉ cầu tuệ đa văn, chưa chứng quả nên bị tà thuật Phạm Thiên sai sử. Tâm tuy tỏ biết mà không sức tự chủ. Nhờ ngài Văn Thù trùng tuyên thần chú khiến con giải thoát. Tuy thắm nhờ sức thần chú nhưng con chưa được thân nghe. Nguyên Như Lai đại từ tuyên nói lại, cứu giúp người tu hành đời này và đời sau, nhờ Phật mật âm, được thân ý giải thoát”. Tất cả đại chúng đánh lễ chờ nghe thần chú.

Đức Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng hào quang trăm báu. Trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh có hóa thân Như Lai ngồi, đỉnh đầu chiếu ra mười đạo hào quang bách bảo. Trong mỗi mỗi hào quang đều hiện mười hằng hà sa Kim Cương Mật Tích xách núi cầm chày khắp cõi hư không. Đại chúng ngẩng lên vừa mừng vừa sợ, cầu Phật thương xót che chở. Nhứt tâm nghe đức phóng quang Như Lai, nơi Phật vô kiến đánh tướng, tuyên nói thần chú :

- I -

- 1 - Nam mô sát tát tha, sô ga đa da, a ra ha
tê, sam mya sam bô đa sê.
- 2 - Nam mô sát tát tha, bu đa cô ti, si ni sam.
- 3 - Nam mô sát va, bu đa bu ti, sát ta bê tê.
- 4 - Nam mô sát ta nam, sam mya sam bô đa
cô ti nam.
- 5 - Sa sê ra pa ca, săng ga nam.
- 6 - Nam mô lu kê a ra han ta nam.
- 7 - Nam mô su ru ta pa na nam.
- 8 - Nam mô sa khít ri ta ca mi nam.
- 9 - Nam mô lu kê sam mya ca ta nam.
- 10 - Sam mya ca pa ra, ti pa ta na nam.
- 11 - Nam mô đề va li si nan.
- 12 - Nam mô si ta da pi ti da, ta ra li si nan.
- 13 - Sê pa nu, gơ ra ha, sô ha sa ra ma tha nam.
- 14 - Nam mô phát ra ha ma ni.
- 15 - Nam mô in đa ra da.
- 16 - Nam mô ba ga va tê.
- 17 - Ru đa ra da.
- 18 - U ma pun ti.
- 19 - Sô hê da da.

- 20 - Nam mô ba ga va tê.
- 21 - Na ra da, na da.
- 22 - Phun cha ma ha, sam mu ta ra.
- 23 - Nam mô si khít ri ta da.
- 24 - Nam mô ba ga va tê.
- 25 - Ma ha ca ra da.
- 26 - Ti ri pa ra na ga ra.
- 27 - Pi ta ra, pa na ca ra da.
- 28 - A ti mu tê.
- 29 - Si ma sa na ni, ba si ni.
- 30 - Ma tát ri ga na.
- 31 - Nam mô si khít ri ta da.
- 32 - Nam mô ba ga va tê.
- 33 - Ta tha ga ta cô ra da.
- 34 - Nam mô phát tâu ma cô ra da.
- 35 - Nam mô phát cha ra cô ra da.
- 36 - Nam mô ma ni cô ra da.
- 37 - Nam mô ga cha cô ra da.
- 38 - Nam mô ba ga va tê.
- 39 - Ti ri đa su ra si na.
- 40 - Pa ra ha ra na ra cha da.
- 41 - Ta tha ga ta da.
- 42 - Nam mô ba ga va tê.
- 43 - Nam mô a mi ta ba da.

- 44 - Ta tha ga ta da.
45 - A ra ha tê.
46 - Sam mya sam bô đa da.
47 - Nam mô ba ga va tê.
48 - A sô bi da.
49 - Ta tha ga ta da.
50 - A ra ha tê.
51 - Sam mya sam bô đa da.
52 - Nam mô ba ga va tê.
53 - Bi sa cha da, cu ru phi chu ri da.
54 - Pa ra bà ra cha da.
55 - Ta tha ga ta da.
56 - Nam mô ba ga va tê.
57 - Sam pu su pi ta.
58 - Sát lin nai ra si cha da.
59 - Ta tha ga ta da.
60 - A ra ha tê.
61 - Sam mya sam bô đa da.
62 - Nam mô ba ga va tê.
63 - Sê kê dê mu na dây.
64 - Ta tha ga ta da.
65 - A ra ha tê.
66 - Sam mya sam bô đa da.
67 - Nam mô ba ga va tê.

- 68 - Si tát na kê tu ra cha da.
69 - Ta tha ga ta da.
70 - A ra ha tê.
71 - Sam mya sam bô đa da.
72 - Ti piêu, nam mô sát khít ri ta.
73 - Ê đam, ba ga va ta.
74 - Sát tát tha, ga tu si ni sam.
75 - Sát tát ta, pát tát lam.
76 - Nam mô a ba ra si đam.
77 - Pát ra ti, dang ky ra.
78 - Sát ra ba, pu ta gơ ra ha.
79 - Ni gơ ra ha, khít ca ra ha ni.
80 - Pát ra, pi ti da, cha đa ni.
81 - A ca ra, mốt ri chu.
82 - Pát ri tát ra da, nang khít ri.
83 - Sát ra ba, pun đa na, mu sa ni.
84 - Sát ra ba, tát si cha.
85 - Tát si pháp, pun ma ni, phát ra ni.
86 - Chê tu ra, si ti nam.
87 - Gơ ra ha, sô ha sát ra nha cha.
88 - Pi ta pang sa na khít ri.
89 - A si cha pỉnh sê ti nam.
90 - Na sa sát tát ra nha cha.
91 - Pa ra sát tha na khít ri.

- 92 - A si cha nam.
 93 - Ma ha gơ ra ha nha cha.
 94 - Pi ta pang sát na khít ri.
 95 - Sát va sê tu ru, ni ba ra nha cha.
 96 - Hu lam tát si pháp, nan cha na sê ni.
 97 - Pi sa sê, si tát ra.
 98 - A kít ni, u đa ca ra nha cha.
 99 - A pát ra si ta khu ra.
 100 - Ma ha pát ra chên chi.
 101 - Ma ha típ ta.
 102 - Ma ha ti cha.
 103 - Ma ha suê ta cha ba ra.
 104 - Ma ha pát ra pun đa ra, ba si ni.
 105 - A ri da ta ra.
 106 - Pi ri cô ti.
 107 - Si va pi cha da.
 108 - Pát cha ra, ma ly ty.
 109 - Pi sê ru ta.
 110 - Pút tang mang ca.
 111 - Pát cha ra, chi hô na a cha.
 112 - Ma ra chi ba, pát ra chi ta.
 113 - Pát cha ra sin chi.
 114 - Pi sê ra cha.
 115 - Sin ta sê, bê đê va, pu si ta.

- 116 - Su ma ru pa.
 117 - Ma ha suê ta.
 118 - A ri da ta ra.
 119 - Ma ha ba ra, a pát ra.
 120 - Pát cha ra, xương khít ra chê ba.
 121 - Pát cha ra, cu ma ri.
 122 - Cu lam ta ri.
 123 - Pát cha ra, hốt sát ta cha.
 124 - Pi ti da khin chê na, ma ri ca.
 125 - Quát su mu, ba khít ra ta na.
 126 - Vê rô cha na, cu ri da.
 127 - Da ra thâu, si ni sam.
 128 - Pi chi lam ba ma ni cha.
 129 - Pát cha ra, ca na, ca pa ra ba.
 130 - Rô cha na, pát cha ra, tân chi cha.
 131 - Suê ta cha, ca ma ra.
 132 - Sát sa si, pa ra ba.
 133 - Ê tê di tê.
 134 - Mu ta ra, kít na.
 135 - Sô bê ra sam.
 136 - Quát pham tu.
 137 - In thâu na, ma ma sê.

138 - U hum,
 139 - Ry si kít na.
 140 - Pa ra, sê si ta.
 141 - Sát tát tha, ga tu si ni sam.
 142 - Hu hum,
 143 - Tu ru ung,
 144 - Chim ba na.
 145 - Hu hum,
 146 - Tu ru ung,
 147 - Si đăm ba na.
 148 - Hu hum,
 149 - Tu ru ung,
 150 - Pa ra si đi da, sam pát soa, na khít ra.
 151 - Hu hum,
 152 - Tu ru ung,
 153 - Sát va dác sa, hát ra sát sa.
 154 - Gơ ra ha nha cha.
 155 - Pi tang pang sát, na khít ra.
 156 - Hu hum,
 157 - Tu ru ung,
 158 - Chê tu ra, si ti nam.
 159 - Gơ ra ha, sa ha sát ra nam.
 160 - Pi tang pang sát na ra.
 161 - Hu hum,

162 - Tu ru ung,
 163 - Ra soa,
 164 - Ba ga va.
 165 - Sát tát tha, ga tu si ni sam.
 166 - Pa ra tim, cha kít ri.
 167 - Ma ha, sô ha sát ra.
 168 - Bút su sa, ha sát ra, si ri sa.
 169 - Cô ti, sô ha sát ni, ti lê.
 170 - A pi đi si, ba ri ta.
 171 - Cha cha ang ca.
 172 - Ma ha pát cha ru ta ra.
 173 - Ti ri bô ba na.
 174 - Man ta ra.
 175 - U hum,
 176 - Sa si ti, bô ba tu.
 177 - Ma ma,
 178 - In thân na, ma ma sê.

– III –

179 - Ra cha ba da.
 180 - Chu ra pát da.
 181 - A chi ni ba da.
 182 - U đa ca ba da.
 183 - Pi sa ba da.

- 184 - Sê sát ta ra ba da.
185 - Ba ra chước khiết ra ba da.
186 - Tát sít soa ba da.
187 - A sê ni ba da.
188 - A ca ra mớ ri chu ba da.
189 - Đa ra ni, pu mi kim, ba ga va ta ba da.
190 - U ra ca, ba đa ba da.
191 - Rát cha than đa ba da.
192 - Na ga ba da.
193 - Pi thiêu tát ba da.
194 - Sô pa ra na ba da.
195 - Dác soa gờ ra ha.
196 - Ra soa si gờ ra ha.
197 - Pê ri ta gờ ra ha.
198 - Pi sa cha gờ ra ha.
199 - Pu ta gờ ra ha.
200 - Cu ban đa gờ ra ha.
201 - Pu tan na gờ ra ha.
202 - Ca cha pu tan na gờ ra ha.
203 - Si kin tu gờ ra ha.
204 - A pa si ma ra gờ ra ha.
205 - U than ma ta gờ ra ha.
206 - Sa da gờ ra ha.
207 - Hê ri ba ti gờ ra ha.

- 208 - Sê ta ha ri nam.
209 - Khít ba ha ri nam.
210 - Ru ti ra ha ri nam.
211 - Mang sa ha ri nam.
212 - Mê ta ha ri nam.
213 - Ma cha ha ri nam.
214 - Cha ta ha ri nu.
215 - Si pi ta ha ri nam.
216 - Pi ta ha ri nam.
217 - Ba đa ha ri nam.
218 - A su cha ha ri nu.
219 - Chít ta ha ri nu.
220 - Ti sam sát bi sam.
221 - Sát va gờ ra ha nam.
222 - Pi đa da cha, san đa da mi
223 - Kê ra da mi,
224 - Pa ri pát ra chê ca, cát ri tam.
225 - Pi đa da cha, san đa da mi
226 - Kê ra da mi,
227 - Đa din ni, cát ri tam.
228 - Pi đa da cha, san đa da mi
229 - Kê ra da mi,
230 - Ma ha pát su pát tát da,
231 - Ru đa ra, cát ri tam.

232 - Pi đa da cha, san đa da mi
 233 - Kê ra da mi,
 234 - Na ra da na, cát ri tam.
 235 - Pi đa da cha, san đa da mi
 236 - Kê ra da mi,
 237 - Tát toa ga ru đa si, cát ri tam.
 238 - Pi đa da cha, san đa da mi
 239 - Kê ra da mi,
 240 - Ma ha ca ra, ma tát ri ga na, cát ri tam.
 241 - Pi đa da cha, san đa da mi
 242 - Kê ra da mi,
 243 - Ca pa ri ca, cát ri tam.
 244 - Pi đa da cha, san đa da mi
 245 - Kê ra da mi,
 246 - Cha đa khít ra, ma tu khít ra.
 247 - Sát va ra tha sa tát na, cát ri tam.
 248 - Pi đa da cha, san đa da mi
 249 - Kê ra da mi,
 250 - Chư chất ra, ba ky ni, cát ri tam.
 251 - Pi đa da cha, san đa da mi
 252 - Kê ra da mi,
 253 - Pi ri dang cát ri chi
 254 - Nan đa kê sa ra, ga na phun ti.
 255 - Sát hê đa, cát ri tam.

256 - Pi đa da cha, san đa da mi
 257 - Kê ra da mi,
 258 - Na khít na sa ra ba na, cát ri tam.
 259 - Pi đa da cha, san đa da mi
 260 - Kê ra da mi,
 261 - A ra han, cát ri tam, pi đa da cha, san đa da mi,
 262 - Kê ra da mi,
 263 - Pi ta ra ga, cát ri tam.
 264 - Pi đa da cha, san đa da mi
 265 - Kê ra da mi, pát cha ra pa mi,
 266 - Cu hê đa cu hê đa,
 267 - Ca đi pát ti cát ri tam.
 268 - Pi đa da cha, san đa da mi
 269 - Kê ra da mi,
 270 - Ra soa mang,
 271 - Ba ga va,
 272 - In thân na ma ma sê.

– IV –

273 - Ba ga va,
 274 - Si ta ta, pa tơ ra.
 275 - Nam mô suy tu tê.
 276 - A si ta na ra chi ca.

- 277 - Pa ra va, si phu cha.
 278 - Pi ca sát tát ta pát ti ri.
 279 - Sập phật ra sập phật ra,
 280 - Đa ra đa ra,
 281 - Văn đa ra, văn đa ra, san đa san đa.
 282 - Hu hum,
 283 - Hu hum.
 284 - Phun cha,
 285 - Phun cha, phun cha, phun cha, phun cha.
 286 - Sô ha,
 287 - Hê hê phun.
 288 - A mâu ca da phun.
 289 - A pa ra đề ha ta phun.
 290 - Ba ra pa ra ta phun.
 291 - A sô ra, pi ta ra, pa ca phun.
 292 - Sát va đề bê pi phun.
 293 - Sát va na ga pi phun.
 294 - Sát va dác sa pi phun.
 295 - Sát va gan đa va pi phun.
 296 - Sát va pu ta na pi phun.
 297 - Ca cha pu ta na pi phun.
 298 - Sát va tát lang chi ti pi phun.
 299 - Sát va tát sít pi lây, cát si ti pi phun.
 300 - Sát va sắp ba lay pi phun.

- 301 - Sát va a pa si mô lay pi phun.
 302 - Sát va sê ra ba na pi phun.
 303 - Sát va ti tê kê pi phun.
 304 - Sát va tát ma ta ky pi phun.
 305 - Sát va pi ta da ra si cha lây pi phun.
 306 - Cha da khít ra, ma tu khít ra,
 307 - Sát va ra tha sa đa kê pi phun.
 308 - Pi ti da cha lây pi phun.
 309 - Chê tu ra, phác ky ni pi phun.
 310 - Pát cha ra, cu ma ri,
 311 - Pi ta da, ra si pi phun.
 312 - Ma ha pa ra tinh dang, soa ky ri pi phun.
 313 - Pát cha ra sang khít ra đa,
 314 - Pa ra chang ky ra cha da phun.
 315 - Ma ha ca ra đa,
 316 - Ma ha mút tát ri ca na,
 317 - Nam mô sa khít ri ta da phun.
 318 - Pi si na phi dây phun.
 319 - Pu ra ha mâu ni dây phun.
 320 - A ky ni dây phun.
 321 - Ma ha khít ri dây phun.
 322 - Khít ra than chi dây phun.
 323 - Mít tát ri dây phun.
 324 - Ru tát ri dây phun.

- 325 - Cha man đa dây phun.
 326 - Khít la ra tát ri dây phun.
 327 - Ca phun ri dây phun.
 328 - A ti mu chít ta, ca si ma sa na,
 329 - Ba su ni dây phun.
 330 - Din kít chít,
 331 - Sát tô va sê,
 332 - Ma ma in thâm na ma ma sê.

– V –

- 333 - Tát si cha chít ta.
 334 - A mút tát ri chít ta.
 335 - U cha ha ra.
 336 - Ga ba ha ra.
 337 - Rô ti ra ha ra.
 338 - Ba sa ha ra.
 339 - Ma cha ha ra.
 340 - Cha ta ha ra.
 341 - Si pi ta ha ra.
 342 - Pát lác đa ha ra.
 343 - Khin ta ha ra.
 344 - Pu sư pa ha ra.
 345 - Phô ra ha ra.
 346 - Ba sê ha ra.

- 347 - Pún pa chít ta.
 348 - Tát si cha chít ta.
 349 - Lu ta ra chít ta.
 350 - Dác sa gơ ra ha.
 351 - Ra sát sa gơ ra ha.
 352 - Pay lê ta gơ ra ha.
 353 - Pi sa cha gơ ra ha.
 354 - Pu ta gơ ra ha.
 355 - Cu ban đa gơ ra ha.
 356 - Si khin ta gơ ra ha.
 357 - U tát ma ta gơ ra ha.
 358 - Sê dê gơ ra ha.
 359 - A pa sát ma ra gơ ra ha.
 360 - Chác khu cát, đa ky ni gơ ra ha.
 361 - Ri pút ti gơ ra ha.
 362 - Cha mi ca gơ ra ha.
 363 - Sa cu ni gơ ra ha.
 364 - Mu ta ra, nan ti ca gơ ra ha.
 365 - A lam ba gơ ra ha.
 366 - Khin tu pa ni gơ ra ha.
 367 - Sập phạt ra, in ca hê ca.
 368 - Chuy ti dác ca.
 369 - Tát lê ti dác ca.
 370 - Chê tát thác ca.

- 371 - Ni đề sập phạt ra, pi sam ma sập phạt ra.
 372 - Pô ti ca,
 373 - Pi ti ca,
 374 - Sít lê si mi ca.
 375 - Sa ni pun ti ca.
 376 - Sát va sập phạt ra.
 377 - Sít ru kít tê.
 378 - Mút đa bi tát ru chê kim.
 379 - A y ru khim.
 380 - Mu khu ru khim.
 381 - Khít ri tát ru khim.
 382 - Khít ra ha, khít lam.
 383 - Khít na su lam.
 384 - Tan ta su lam.
 385 - Ngát ri da su lam.
 386 - Mát ma su lam.
 387 - Pát ri si ba su lam.
 388 - Pi lát si cha su lam.
 389 - U ta ra su lam.
 390 - Khít chi su lam.
 391 - Pát si ti su lam.
 392 - U ru su lam.
 393 - Sang ca su lam.
 394 - Hát si ta su lam.

- 395 - Pát ta su lam.
 396 - Sa phang ang ca pát ra, chang kha su lam.
 397 - Pu ta bi ta đa.
 398 - Đa ky ni sấp ba ra.
 399 - Ta tát ru ca, kin chất ru kít chi, ba lu ta pi.
 400 - Sát pát ru ha lang ca.
 401 - Su sa tát ra, sa na khít ra.
 402 - Pi sa du ca.
 403 - A ky ni, u ta ca.
 404 - Mát ra bê ra, kin ta ra.
 405 - A ca ra, mít ri chất, than lim pu ca.
 406 - Ti lất chi cha.
 407 - Pi ri sít chít ca.
 408 - Sát va na khu ra.
 409 - Si dan ga pi, khít ra ri dác sa, tát ra xô.
 410 - Mát ra si, phê ti sam sa bê sam.
 411 - Si ta ta, pa tơ ra.
 412 - Ma ha pát cha ru, sít ni sam.
 413 - Ma ha pa ra chang ky lam.
 414 - Đa pa tát đa sa du cha na.
 415 - Pin tan ly na.
 416 - Pi đa đa, ban đàm ca ru mi.
 417 - Ti su, ban đàm ca ru mi.
 418 - Pát ra pi đa, ban đàm ca ru mi.

419 - Ta đya tha.

420 - A ôm,

421 - A na lê,

422 - Bi su đề,

423 - Bê ra, pát cha ra, đa ri.

424 - Pun đa pun đa ni,

425 - Pát cha ra pang ni phun.

426 - Hu hum tu ru ung phun,

427 - Sô va ha.

(Âm Việt Nam theo bản tiếng sanscrit (*chữ Phạn*). Sư cụ Tuệ Nhuận xuất bản ở Hà Nội năm 1949).

3- Công đức thần chú :

Anan, những câu niệm mầu, những bài kệ bí mật Phật đỉnh quang tụ Tát đất đa bát đất ra xuất sanh mười phương chư Phật. Mười phương Như Lai nhân chú tâm này, thành vô thượng chánh biến tri giác. Mười phương Như Lai nắm chú tâm này uốn dẹp các ma, chế phục ngoại đạo. Mười phương Như Lai vận chú tâm này ngồi hoa sen báu, ứng hiện vi trần cõi nước. Mười phương Như Lai ngâm chú tâm này nơi vi trần cõi chuyển đại pháp luân. Mười phương Như Lai giữ chú tâm này xoa đỉnh thọ ký cho các Bồ-tát. Tự mình quả vị chưa thành, nương chú tâm này sẽ được mười phương Phật thọ ký. Mười

phương Như Lai nương chú tâm này cứu vớt các khổ địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh, đui điếc ngọng câm, oán thù gặp gỡ, ân ái biệt ly, cầu bất đắc, năm ấm xí thịnh. Tai nạn lớn nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn giặc, binh, vua, nước, gió, lửa, tù ngục cho đến đói khát bần cùng đều được tiêu tan. Mười phương Như Lai theo chú tâm này ở khắp mười phương phụng sự thiện tri thức, cúng dường như ý. Trong pháp hội hằng sa Như Lai, trì chú tâm này được suy tôn là đại Pháp-vương-tử. Mười phương Như Lai dùng chú tâm này nhiếp thọ thân nhân, khiến hàng tiểu thừa nghe tạng bí mật không sanh kinh sợ. Mười phương Như Lai truyền chú tâm này, sau khi diệt độ, phó chúc pháp sự được cứu cánh trụ trì, nghiêm tịnh giới luật ắt được thanh tịnh.

Nếu ta nói chú Phật đỉnh quang tụ Bát đất ra này từ sáng đến tối, âm thanh nối nhau, chữ câu không trùng điệp, trải qua kiếp số như cát sông Hằng cũng không cùng tận⁽²⁹⁾. Chú này cũng gọi là Như Lai Đỉnh.

Các ông còn hữu học cầu quả A-la-hán, không trì chú này quyết không tránh khỏi ma sự. Anan, viết chép chú này trên vỏ cây, lá bối, giấy trắng, lụa là, đựng trong túi thơm hoặc đeo trên mình, hoặc thờ trong nhà thì trọn đời tất cả các thứ độc không hại được, kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi bần cùng

hạ tiện chẳng được vừa ý.

Anan, ta tuyên lại chú này để cứu giúp thế gian thoát khổ sợ hãi, thành tựu trí tuệ xuất thế gian. Sau khi ta diệt độ, đời mạt pháp ai tụng hay dạy người tụng thì những thần chú ác của thiên long quỷ thần tinh kỳ ma mị đều vô can. Dù chưa được chánh thọ, tất cả trứ trớ yểm cổ thuốc độc, kim độc, ngân độc và các độc khí vào miệng người ấy đều thành cam lồ. Tất cả ác tinh, ác quỷ thần, không thể khởi ác niệm. Dạ Ca và các ác độc quỷ vương, vì đã lãnh ơn sâu nên thường giữ gìn ủng hộ. Thần chú này có 84.000 na do tha hằng hà sa câu chi chủng tộc Kim Cương Tạng Vương Bồ-tát cùng quyến thuộc ngày đêm theo hầu. Trì chú này dù tâm tán loạn, các ngài vẫn không bỏ. Đối với người Bồ-đề tâm quyết định thì các ngài chuyên thâm xúc tiến để khai sáng thần thức, khiến có thể nhớ lại 84.000 hằng hà sa kiếp. Đời đời không sanh vào các loài ác độc.

Mười phương Như Lai có bao nhiêu công đức đều cho người trì chú. Hằng hà sa kiếp thường cùng chư Phật đồng sanh một chỗ. Vô lượng công đức nhóm lại như chùm ác-xoa. Vì đồng với Phật một chỗ huân tu, nên phá giới trở về thanh tịnh, chưa được giới khiến được giới, không trì trai giới tự thành trai giới, chưa tinh tấn khiến tinh tấn, không trí tuệ

hiến có trí tuệ. Dù xưa kia đã phạm cấm giới, sau khi trì chú, bao tội nặng nhẹ nhất thời tiêu diệt. Uống rượu, ăn ngũ tân, các thứ không sạch, tất cả chư Phật, Bồ-tát, Kim Cương, thiên tiên, quỷ thần đều tha thứ. Tất cả hành vi cử động đều được coi như thanh tịnh. Y phục rách nát bẩn thỉu cũng không lỗi. Dù không lập đàn, không vào đạo tràng, không hành đạo mà trì chú này công đức vẫn viên mãn. Ngũ nghịch, vô gián, tứ khí, bát khí, một khi tụng chú này như gió mạnh thổi tan đồng cát. Độc, tụng, chép thần chú, đeo trên thân, để nơi chỗ ở, tất cả tội chướng nặng nhẹ từ vô lượng kiếp đều tiêu tan như tuyết gặp nước sôi, chẳng bao lâu sẽ chứng vô sanh nhẫn.

Chí tâm nhớ niệm thần chú hoặc đeo trên mình thì cầu con liền được con trai, con gái phước đức trí tuệ. Cầu sống lâu được sống lâu, cầu quả báo mau viên mãn, mau được viên mãn. Về thân mệnh sắc lực cầu gì cũng được như ý. Mệnh chung tùy nguyện vãng sanh mười phương Tịnh-độ. Chắc chắn không lạc về biên địa hạ tiện, huống nữa là các tạp hình.

Này Anan, viết thần chú này để trên bốn cửa thành, các tháp hay trên nóc nhà ; khiến nhân dân kính rước chú này, lễ bái cung kính nhất tâm cúng dường ; khiến mỗi người đeo chú trong mình hoặc để nơi chỗ ở ; thì tất cả các nạn đói kém, bệnh dịch

đạo bình... tất cả các thứ tai ách thấy đều tiêu tan.

Này Anan, nơi nào có thần chú này, thiên long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui, đêm ngày ngủ yên không ác mộng. Cõi Ta Bà có 84.000 ác tinh, 28 đại ác tinh làm thượng thủ, đứng chủ là 8 đại ác tinh, xuất hiện nhiều hình trạng, gây ra các tai nạn dị kỳ. Chỗ nào có thần chú này, nội trong 12 do tuần, không còn những tai biến hung dữ ấy.

Vậy nên Như Lai truyền dạy chú này để bảo vệ vị lai các hàng sơ học vào chánh định được thân tâm thư thái an ổn. Những oan khiên đời trước, nghiệp cũ nợ xưa không còn khuấy hại. Anan cùng hàng hữu học, những kẻ tu hành vị lai, y pháp lập đàn tràng, giới sư giới tử thanh tịnh, đối với chú tâm này không nghi hối, nếu chính nơi thân cha mẹ sanh ra không được tâm thông, thì mười phương Như Lai đều là vọng ngữ.

4- Kim Cương thiện thần phát nguyện bảo hộ :

Vô lượng trăm ngàn Kim Cương chấp tay đánh lễ bạch rằng : “Như lời Phật dạy, chúng con thành tâm bảo hộ những người tu đạo Bồ-đề”.

Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng

đồng thời đánh lễ bạch rằng : “Chúng con hết lòng chí thành bảo hộ người tu học khiến một đời được như nguyện”.

Vô lượng đại tướng Dược-xoa, các vua La-sát, Phú-đơn-na, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-già, quỷ vương, quỷ soái đồng chấp tay đánh lễ bạch rằng : “Chúng con thề nguyện hộ trì người tu khiến tâm Bồ-đề mau được viên mãn”.

Vô lượng Nhật thiên tử, Nguyệt thiên tử, Thần gió, Thần mưa, Thần mây, Thần sấm sét, Thần điện chớp, cùng các Thần coi về năm tháng, các tinh sao và quyền thuộc v.v... đánh lễ bạch rằng : “Chúng con bảo hộ người tu hành ở trong đạo tràng được không sợ hãi”.

Vô lượng Thần núi, Thần biển, tất cả linh kỳ đất đai muôn vật, thủy lục không hành, Phong thần vương và chư thiên vô-sắc giới đồng thời cúi đầu bạch rằng : “Chúng con bảo hộ người tu hành không còn ma sự sớm thành Bồ-đề”.

84.000 na do tha hằng hà sa câu chi Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát đánh lễ bạch rằng : “Thế Tôn, chúng con thành đạo Bồ-đề đã lâu, không nhập Niết-bàn, thường theo chú này cứu giúp những bậc chân chánh tu Tam-ma-đề trong đời mạt pháp. Bạch Thế

Tôn, những vị này dù ở trong đạo tràng kinh hành hay tán tâm đi trong làng xóm, quyến thuộc chúng con thường theo hộ vệ. Ma vương, Đại Tự Tại Thiên, muốn dùng phương tiện khuấy phá, chúng con dùng chày báu đập nát đầu họ như vi trần. Các quỷ thần nhỏ phải ở xa bậc thiện lành ấy mười do tuần, trừ khi họ phát tâm ủng hộ”.



CHÚ THÍCH



(1) Giới đàn dật với Thế $3 \times 4 = 12$. Nhân luôn 3 lớp $12 \times 10 \times 10 = 1200$. Tổng quát trước sau mỗi căn có 1.200 công năng.

Ngẫu Ích đại sư dạy : 3 đời $\times$ 4 phương = 12. Mỗi Thế có đủ mười pháp giới nên $12 \times 10 = 120$. Mỗi Giới cũng có đủ mười pháp giới : $120 \times 10 = 1200$.

(2) a) **Hợp** : Cái biết ở mũi, lưỡi, thân đòi điều kiện xúc chạm với vật mới phát hiện. **Ly** : Mắt, tai, ý, dù vật ở xa vẫn biết nên dễ thực hiện. Đức Bốn Sư khuyên lựa ra những căn hợp và chọn lấy những căn ly.

b) Được ba căn dễ tu rồi. Nay lại xét : Ý thức quá sâu khó hàng phục nên lọc bỏ ý căn. Nhân thức, nhĩ thức dần dần dễ phục nên chọn nhãn căn và nhĩ căn.

c) Còn lại hai căn dễ tu. Nay xét nhãn căn chỉ có 800 công năng nên lọc bỏ. Còn nhĩ căn đủ 1.200 công năng, đích là căn viên thông. Đức Thích Ca đã chỉ cho chúng ta phương pháp chọn lọc. Bồ-tát Quán Thế Âm trình bày kinh nghiệm bản thân để đại chúng trong hội thêm vững lòng tin.

(3) **Thân tâm thông lợi** : Vô tác diệu giới. Không thấy có giới phải trì mà nhậm vận không bao giờ phạm.

(4) **Tay cầm bốn hạt châu báu lớn** : Đã lấy Không-tánh làm thân thì hẳn cũng dùng Không-tuệ làm tay. Trí chiếu bốn đại là không.

Mười phương cõi Phật đều hóa thành hư không : Đây chẳng phải là không của đoạn diệt. Chỉ không các vọng tưởng. Vọng tận thì chân thuần. Chân không diệu trí soi chiếu chân không diệu lý, chứng Pháp Thân đức.

Trí Đại Viên Kính : là tổng tướng. Lại hiện mười biệt trí, không một thể giới nào không ở trong trí quang. Toàn sự tức lý mà thành lý sự vô ngại pháp giới, chứng Bát Nhã đức.

Rộng làm việc Phật được đại tùy thuận : Thân nhập cõi, cõi nhập thân. Y báo, chánh báo thiệp nhập lẫn nhau. Đây là nghiệp dụng không thể nghĩ bàn của sự sự vô ngại pháp giới, chứng Giải Thoát đức.

(5) Người đang khi chiêm bao vẫn chấp các cảnh ấy thật có và ở ngoài tâm. Thức giấc rồi mới biết là không thật.

Thành Duy Thức Luận :

a) **Tánh y tha khởi** : Ngoại cảnh tuy không nhưng nội thức lại có. Ngoại cảnh y nội thức mà sanh (y tha khởi). Nếu không nội thức thì ngoại cảnh chẳng có. Trong thế gian núi, sông, người, vật v.v... không một cảnh nào chẳng y nội thức biến.

b) **Tánh biến kế sở chấp** (vọng chấp) : Các cảnh vật đều từ nội thức biến mà trở lại điên đảo chấp là thật có và ở ngoài tâm.

c) **Tánh viên thành thật** : Nhận định đúng với lẽ thật. Như người khi đã thức tỉnh biết rõ ràng cảnh chiêm bao là giả, không bận lòng nữa. Tu theo Duy Thức dùng ba tánh này quan sát các pháp chân vọng. Người đời trong đêm dài sanh tử mê man trong đại mộng. Quốc gia, gia đình, tài sản v.v... đều chấp là thật có. Học Duy Thức là cầu tỉnh mộng, dùng đủ phương tiện để tự chứng minh muôn vật đều duy thức biến hiện. Khi tỉnh được, biết vạn vật chỉ do tâm biến hiện (y tha khởi). Trừ bỏ được biến kế sở chấp sẽ hiểu biết đúng sự thật (viên thành thật).

Thí dụ : Nhìn thấy con rắn bò bên đường, sợ hãi bỏ chạy. Đến khi hoàn hồn nhìn lại mới biết không phải rắn mà chỉ là sợi dây bện bằng gai.

Thấy rắn : Biến kế sở chấp.

Nhận ra sợi dây làm bằng gai : Y tha khởi. Chính sợi gai cũng tuần nghiệp giả hiện, duy thức biến. Tỉnh ra thì người và vật đều là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

Thấy rõ sự thật rồi, không sợ hãi nữa, vĩnh viễn an lòng : Viên thành thật.

(6) Danh hiệu Quán Thế Âm nêu tỏ hai đức tự lợi và lợi tha nhưng cảnh sở quán thì không đồng.

Y cứ theo kinh Pháp Hoa, Phật dạy : “Bởi vì quan sát âm thanh của thế gian để cứu khổ cho nên gọi là Quán Thế Âm”. Cảnh sở quán ở đây là âm thanh thế gian (quả môn nêu tỏ thịnh đức lợi tha).

Y cứ theo kinh Lăng Nghiêm, Bồ-tát tự nói : “Do con quan sát mười phương viên minh nên Quán Thế Âm danh vang khắp mười phương thế giới”. Cảnh sở quán ở đây là tánh nghe (nhân môn để nêu rõ chỗ thâm sâu của tự lợi).

Hai kinh ẩn hiển lẫn nhau để nêu rõ chỗ viên diệu của danh hiệu.

Có người gọi là Quan Thế Âm. Nhưng chữ Quan nghĩa là xem, dùng con mắt để thâm nạp sắc tướng, dùng cái tai để thâm nạp âm thanh. Ở đây phải dùng chữ Quán nghĩa là quan sát để hiểu rõ, không phải để đạt ý nghĩa âm thanh mà phải đạt lý tánh của tánh nghe.

Hỏi : Sao không gọi là Quán nhĩ căn ? *Xin thưa :* Quán nhĩ căn chỉ nêu rõ phần tự lợi. Còn chữ Quán Thế Âm nêu cả hai phần tự lợi, lợi tha. Vì cảnh sở quán tuy khác mà pháp năng lợi lại đồng.

Pháp môn phản văn thật đặc biệt thù thắng. Danh hiệu Quán Thế Âm là giáo pháp đệu cơ có một không hai.

Quảng trần : Rộng bày. Rộng bày chỗ tận diệu để khuyến tu.

Vừa mở lời Bồ-tát đã nói ngay pháp môn phản văn là do Quán Thế Âm Như Lai truyền trao, để nhắc hàng hậu học nhớ

rằng pháp giải thoát không thể tự sáng tạo mà phải nương bậc Thầy có tu có chứng.

Tu hành không vâng theo Thánh giáo, cứ rông rờ theo ý mình, hoặc nương theo tà sư thì lỗi lầm đến vô lượng.

Cho nên giới luật phải nghiêm tịnh như băng sương. Tự xét còn tội chướng phải sám hối cho đến khi thấy thoải ứng.

Phát tâm tu phản văn theo đức Quán Thế Âm **trước hết phải phát đại đạo tâm**. Tâm Bồ-đề gồm có ba : Thiện tâm, bi tâm và trực tâm. Khởi Tín Luận : “Thiện tâm là rộng làm các việc lành, đình chỉ các việc ác. Bi tâm là rộng độ chúng sanh. Trực tâm là chánh niệm chân như”. Phối về bốn hoằng nguyện thì phiền não vô tận thề nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thề nguyện học là thiện tâm. Chúng sanh vô biên thề nguyện độ là bi tâm. Phật đạo vô thượng thề nguyện thành là trực tâm.

Ước về chỗ hồi hướng thì Lăng Nghiêm hướng về tánh tu ; Luận Khởi Tín hướng về chân như ; bốn hoằng thệ nguyện hướng về Phật đạo. Ba danh từ tuy có khác nhưng ý chỉ không hai.

Tâm Bồ-đề rất quý trọng như vương tử khi còn ở trong thai đã cao sang hơn tất cả quần thần. Tâm Bồ-đề mới khai phát thì chư Phật đã hộ niệm, vạn Thánh đã gia trì. 100 thí dụ trong kinh Hoa Nghiêm chưa nói hết thịnh đức của tâm Bồ-đề. Ai quên tâm Bồ-đề mà tu các công hạnh liền bị ma nhiếp trì. Không phát tâm Bồ-đề mà tu các công hạnh cũng như cày bừa không gieo giống, không bao giờ thành Phật.

Bắt buộc kẻ sơ cơ khi hạ thủ công phu tu phản văn phải đầy đủ ba tuệ : Ước theo nghĩa thông thường thì

Văn tuệ : Là học rộng nghe nhiều. Thể của đa văn là nhĩ thức câu ý thức phân biệt hiểu rõ. Ở đây thể của văn tuệ là văn tánh, trí lý như như vô phân biệt.

Tư tuệ : Theo nghĩa thông thường là suy đi xét lại một vấn

đề. Ở đây tư tuệ là một mực phản văn, ngoài thoát thanh trần, trong thâm hợp với lý trí, không bị nghĩa có nghĩa không lời cuốn.

Tu tuệ : Theo nghĩa thông thường là thực hành giáo lý. Tu tuệ ở đây là phải đạt được vạn hạnh cùng thiền quán không trái nhau. Khắc khổ vung tay không lúc nào không định, hướng chỉ trong lúc thực hành các thiện hạnh.

Phát tâm Bồ-đề : Nguyên.

Giải kết : Y nguyện khởi hạnh.

Ban sơ ở trong tánh nghe : Văn tánh là lý cảnh sở chiếu, là diệu lý bản giác ở trong căn. Khởi diệu trí thủy giác như huyễn, đem trí chiếu lý là văn huân văn tu. Ba chữ “trong tánh nghe” cần phải phân minh, tâm nhân địa không thể lầm lẫn :

- a) Không phải tai thịt.
- b) Chẳng phải nhĩ thức.
- c) Chẳng phải ý thức.

Khi Anan thỉnh pháp, Phật luôn ba phen phá thức, mười phen hiển thấy, muốn Anan nắm lấy cái Thấy mà dùng. “Trong tánh nghe” tức là cái Thấy mà Phật đã mười lần nói. Về sau hội bốn khoa, dung bảy đại để hiển ba Như Lai Tạng cũng chỉ là bàn về tánh này. Nếu có thể nơi đây nghiệm xét phân minh nhân tu căn bản thì mới có thể viên thành quả địa.

Nhập lưu vong sở : Quán Âm Như Lai dạy từ văn, tư, tu vào Tam-ma-địa. Quán Thế Âm Bồ-tát vâng lời hạ thủ công phu tức là văn tuệ. Từ đây trở đi gồm cả tư tuệ và tu tuệ cho đến khi nhập chánh định. Nhĩ căn thuận dòng chạy theo âm thanh là gốc trói buộc. Phản văn nhập lưu chiếu tánh tức là gốc giải thoát. Cho nên chư Phật khác miệng đồng lời bảo Anan : “Luân hồi sanh tử, giải thoát Niết-bàn gốc đều ở sáu căn”. Bồ-tát tu pháp môn này chính hợp với ý chỉ của Phật Thích Ca và mười phương Phật.

Nhập lưu : Năng nhập là quán-trí. Sở nhập là nhĩ môn.

Nhập tức là xoay máy nghe lại chiếu tánh, không xuất lưu duyên âm thanh. Tức là ngược lại với dòng nghiệp vọng đan dệt từ vô thủy. Tùy thuận dòng Thánh là văn tánh ở nhĩ căn. Nhập lưu tức là tư tuệ kiêm tu tuệ, dùng quán trí mà tư duy (không phải thức tâm phân biệt tư duy). Người nghe âm thanh là ai ? Hễ hơi có tiếng động liền tham câu này. Miên miên mật mật không gián đoạn. Khi hết âm thanh lại hỏi nghe tĩnh là ai ? Tông môn tham khán thoại đầu dùng ý căn, đây dùng nhĩ căn. Nhưng đồng ở chỗ trí-quang nội chiếu. Phật dạy chỉ có việc dừng theo động tĩnh các trần, thoát niệm để nội phục, quay trở về chân nguyên. Như thế trí-quang không rọi ra ngoài. Không cần vong trần mà trần vẫn vong.

Nhập lưu : Hợp giác.

Vong sở : Bội trần.

Bội trần hợp giác là diệu chỉ tu hành của Lăng Nghiêm, rất giản yếu, rất xảo diệu. Vong sở giải kết động của thanh trần là công phu bước đầu. Chẳng phải tiêu diệt âm thanh mà là định lực có công. Nhập lưu là tu chứng viên thông. Động trần diệt rồi tĩnh trần mới hiện. Từ nay suốt ngày nghe cảnh tĩnh. Tĩnh trần là một kết phải giải trừ. Vẫn dùng hai tuệ tư và tu. Không duyên tĩnh trần sở văn, tham cứu người nghe tĩnh trần là ai ? Tĩnh trần là cảnh, tánh nghe là tâm.

Chỗ nhập đã tịch, hai tướng động tĩnh rõ ràng không sanh : Vong sở là giải động trần. Tới đây là giải tĩnh kết. Tĩnh trần là còn ở trong khu vũ của sắc ấm như người sáng mắt ở trong nhà tối. Đến khi chỗ nhập đã tịch tức là cả hai kết động và tĩnh đều giải.

Liễu nhiên không sanh : Động tĩnh hai trần tướng rõ ràng bất khả đắc. Giải xong hai kết động và tĩnh là đã phá xong sắc ấm.

Như thị tiệm tăng, văn sở-văn tận : Hai kết trần đã giải thì kết căn mới hiện. Căn là chỗ tụ cái nghe. Thêm công phu hành đạo, định lực vào sâu, căn năng văn tùy theo mà giải. Không có

người thọ tức là thọ ấm cũng phá. Căn và trần đã tiêu, thức từ đâu sanh ? Cho nên tướng ấm cũng phá. Ở trên Phật đã nói “căn này giải, trước chứng nhân không”, tức ngang nơi đây. Trần vong, căn tận, thức tiêu vào chỗ vô sở y. Ba mối kết này, Phật đã chỉ khi nói “lao kiến phát trần”. Nay ba mối kết phần thô đã giải tức là trần không còn phát mà kiến cũng không còn lao.

Tận văn bất trụ, giác sở-giác không : Đây là giải mối kết giác. Năng-văn sở-văn đều tận, căn trần đều tiêu, sáu dụng không hiện hành. Chỉ mong mệnh một giác. Nếu trụ ở cảnh này thì chỉ được ngã không, không được pháp không, ắt vĩnh viễn đọa vào cái hố sâu vô vi. Nếu không trụ, gia công tiến nữa, vẫn quán văn tánh. Sau khi hoàn toàn thoát cả trần lẫn căn, hiện tiền cảnh sở-giác trùng lạng vô biên. Năng-giác tức là trí chiếu soi cảnh ấy. Cảnh và trí đối nhau, năng sở tồn tại là chướng phải giải.

Giác, sở-giác không :

Hỏi : Giác là trí phần thuộc Bát Nhã. Trí kế lý làm sao cũng không ?

Đáp : Nên biết đây là phá pháp chấp. Nếu còn tiếc cái trí này không chịu xả tức là pháp ái (ái trí) trở thành một kết cần phải giải trừ. Nay giác kết đã giải ắt tri kiến không phát thì vọng mới không nổi tiếp.

Không giác cực viên, không sở-không diệt : Giác kết tuy giải. Năng-không sở-không hiện tại rõ ràng thì không-tánh chưa tròn. Nếu ái tiếc lý không tức là pháp ái (ái lý). Nay tham cứu “Không nương về đâu ?” mới viên mãn tánh không.

Không, sở-không diệt : Cũng như cọ gỗ thành lửa, lửa cháy, cả hai cây gỗ cùng tiêu. Kết “Không” gỡ được là phá xong hành ấm. Như trên Phật nói “không-tánh viên minh thành pháp giải thoát”. Đây là tới cảnh câu-không.

Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền : Giải kết diệt. Hai chữ sanh diệt tổng nêu các mối kết :

- Động diệt thì tĩnh sanh.
- Tĩnh diệt thì căn sanh.
- Căn diệt thì giác sanh.
- Giác diệt thì không sanh.
- Không diệt thì diệt sanh.

Kết diệt không cỏi thì hằng trụ ở cảnh câu-không là một tế chướng của viên thông. Bên Thiền nói đầu sào trăm thước, bước thêm bước nữa, gọi là cửa lao nhọc cuối cùng. Vì mối kết này rất khó giải trừ. Một khi giải được thì thân thấy bản lai diện mục. Cho nên người nhập lưu chiếu tánh thoát được kết diệt đến chỗ không sanh diệt mới là về đến nhà.

Đã diệt : Tức là quán-trí trở về nguồn. Tất cả sanh diệt đã diệt rồi. Kết diệt này tức là ở trên Phật đã nói : “Do ông từ vô thủy tâm tánh cuồng loạn”. Giải xong là năm ấm toàn phá. Cuồng tâm tắt, tắt tức Bồ-đề.

Tịch diệt hiện tiền : Chữ tịch chẳng phải là đối với động mà là từ vô thủy đến nay vẫn không động tĩnh. Diệt chẳng phải đối với sanh mà từ vô thủy đến nay vẫn không sanh diệt. Hư tâm tuyệt đãi, diệu thể cô viên, tức là Như Lai Tạng diệu chân như tánh, cũng tức là nhất thừa tịch diệt tràng địa, chính là chân tâm chúng ta. Phật nói Bồ-tát tới đây là từ Tam-ma-địa được vô sanh nhĩ.

Pháp của cổ Phật Quán Thế Âm cùng với tu chứng giải kết của Thích Ca Mâu Ni Phật không hai không khác. Vào Thủ Lăng Nghiêm tam muội là chứng được Sơ Trụ ở Viên-giáo.

(7) Bồ-tát và chúng sanh thể tuy đồng nhưng dụng lại khác. Chúng sanh thân đầy khổ nạn ngửa lên ai cầu cứu vớt, hy vọng ban vui. Bồ-tát lòng đầy thương xót, cúi xuống bá thí không sợ hãi.

(8) Bồ-tát tánh nghe nội huân, huân khởi trí thủy giác. Trí quang không soi ra ngoài mà phản văn chiếu tánh. Chiếu triệt

bản tâm không động không hoại gọi là **Kim Cang Tam Muội**. **Vô tác** : Xứng tánh ; **diệu lực** : Nhậm vận thành ích. Lực dụng không thể nghĩ bàn : Mười phương ba đời sáu đạo hữu tình đồng hưởng thương xót cứu khổ ban vui.

Công đức vô úy : Đại sĩ có công đức khiến chúng sanh thoát sợ hãi.

(9) Tổng quát cả tám nạn. **Khổ** : Thân bị bức bách. **Não** : Tâm bị bức bách.

Trong chánh văn mỗi đoạn đều có hai phần :

a) Bản tu tự lợi là chứng tánh thể. b) Công dụng lợi tha. Trí quang không quan sát âm thanh bên ngoài mà hoàn toàn chiếu tánh ly trần. Chúng sanh niệm danh hiệu ngài tức là trở về với ngài. Kim cang tam muội văn huân văn tu vô tác diệu lực gia bị nên họ được giải thoát.

(10) Tri kiến : Sáu căn. **Quay về** : Bỏ vọng về chân. Trước kia sống với vọng tri vọng kiến nay quay về chân tri chân kiến. Một căn đã về nguồn, sáu căn thành giải thoát.

Thế gian mượn ánh sáng của lửa để thấy. Kiến nghiệp giao báo sẽ có lửa hiện ra. Nay xoay tri kiến trở vào, không còn kiến nghiệp nên thoát nạn lửa. Đây là tự lợi. Còn lợi tha thì như cây có bóng mát, ai đến gần cũng được mát.

(11) Thế gian muốn nghe phải mượn không khí rung động thành làn sóng âm ba. Cho nên nghiệp nghe giao báo sẽ có nước hiện ra. Nay đã xoay nghe trở về tự tánh, không còn nghiệp nghe nên thoát nạn nước. **Xoay nghe vào** : Diệu lực. **Cứu thoát nạn nước** : Đại dụng.

(12) Ý thức vọng tưởng giết hại giới thân tuệ mạng, đáng sợ như la-sát ăn thịt người. Đại sĩ nhập lưu, ngoài không duyên trần, trong không theo căn. Căn trần đã không giao tiếp thì thức tâm phải diệt : **Đoạn diệt vọng tưởng**. Không vọng tưởng, không sát hại tức là hoàn toàn ra khỏi tâm hạnh quỷ thần.

(13) Huân văn thành văn : Đại sĩ phản văn, nghe và thanh đều trở về nguồn chân.

a- Do lực Kim Cang tam muội bất động bất hoại nên dao vừa chém vào thân, chính dao bị gãy từng đoạn.

b- Sắc trần là Như Lai Tạng, thân bị chém cũng là Như Lai Tạng, viên dung hòa hợp như dao chém nước, gió thổi ánh sáng. Cả thân và dao đều bình an.

(14) Văn huân tinh minh : Sáng khắp pháp giới. Quỷ thần u ám không kham ở bên cạnh ánh sáng. Chim cú ban ngày không trông thấy, ban đêm lại rất tinh tường. Quỷ la-sát cũng thế. Nhớ niệm Bồ-tát là hướng về ánh sáng. Quỷ thần hoặc sợ lánh hoặc không trông thấy nên không thể làm hại.

(15) Âm tánh viên tiêu : Cả động và tĩnh đều hết.

Thấy nghe trở vào : Quán chiếu tánh nghe ; không thọ lãnh cả sáu trần : **lìa trần vọng**. Biết vọng thân là huyễn, vọng trần đã ly, dùng diệu lực này gia hộ chúng sanh. Khiến người bị nạn mà có thể niệm danh hiệu Bồ-tát, liền có cảm ứng. Gông cùm xiềng xích, tất cả các hình pháp trị tội không thể trói buộc được thân.

(16) Diệt âm : Giải thoát thanh trần.

Viên văn : Chứng đầy đủ căn tánh. Trần ngoài không đối đãi, căn viên là quay về nhất tâm cho nên khắp sanh từ lực. Thảm tâm lòng độc đối diện liền chuyển thành từ bi hỷ xả.

(17) Tham, sân, si : Gốc nhân đạo tam đồ. Tham dâm đạo địa ngục, tâm sân làm ngã quỷ, ngu si lạc bàng sanh. Ba độc này giết hại Pháp-thân tuệ mạng.

Bồ-tát phản văn nhập lưu lìa trần nên có năng lực khiến chúng sanh không bị sắc trần cướp đoạt tinh thần, thoát lửa dâm dục.

Thuần âm không trần : Chuyên nghe diệu tánh, không thọ

thanh trần (hai tướng động tĩnh rõ ràng không sanh). Không căn năng đối, không cảnh sở đối, duy thanh tịnh bảo giác một tánh viên dung. Đại sĩ dùng năng lực không đối không ngại này gia hộ những chúng sanh nặng về sân giận phần nộ. Chỉ cần họ thường cung kính tin niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Nương gió từ quạt trừ nóng nhiệt, họ thoát độc sân giận oán hại và do đó giải gỡ biết bao quả báo nguy hiểm đáng sợ.

Tiêu trần trở về ánh sáng : Xả vọng trần sở duyên quay về tự tánh bốn minh. Kinh văn gọi là thoát niêm để nội phục. Thế giới bên ngoài, thân tâm bên trong đều như ngọc lưu ly sáng rõ. Bọn hôn độn tánh chướng nương trí lực như vậy của đại sĩ được vĩnh viễn xa lìa si ám.

A-diên-ca : Mất chánh tri kiến, không còn thiện tâm. Tà kiến xí thịnh, không tin nhân quả. Nếu cung kính thường niệm Quán Thế Âm, chánh niệm khứ tà chấp, sẽ không còn si độc. Do đây giải thoát những quả báo khủng khiếp.

(18) Người đời không con có ba điều sợ :

- 1- Về già không người phụng dưỡng.
- 2- Tài sản không người giao phó.
- 3- Tông đường không người thờ cúng.

Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn dạy : “Muốn cầu con trai thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát lễ bái cúng dường, sẽ sanh con trai phước đức trí tuệ”. Phổ Môn chỉ phương pháp cầu con trai. Lăng Nghiêm bàn về năng lực của Bồ-tát. Hai kinh hợp lại mà giải thích, nghĩa sẽ toàn vẹn.

Văn cơ tiêu dung : Văn sở-văn tận (giải kết thứ ba).

Trở về văn tánh nhất chân : Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiển tiền (giải kết chót). Tức là nhất thừa tịch diệt tràng địa, đức Thích Ca đã nói ở trên.

Thiệt vào thế gian, không hoại thế giới : Xứng thể khởi

đại dụng. Bồ-tát thân khéo vào vi trần cõi Phật, hiện vô lượng thân thiệp nhập cả ba thể gian (hữu tình thể gian, khí thể gian, chánh giác thể gian).

Tùy loại hiện thân mà không hoại tướng thế gian : Y lý thành sự, từ chân thiệp tục tức là phương tiện trí (quyền trí). Do đây có khả năng cúng dàng các công việc (khả năng của con trai).

Cúng dường Như Lai :

a) *Thân cúng dường :* Phục dịch vất vả được phước báo.

b) *Tâm cúng dường :* Theo Phật học, thay Phật chuyển pháp luân, hằng khéo thuận ý Phật, thỏa mãn bản hoài của Phật. Đây là cầu tuệ.

Con trai phước đức trí tuệ : Có phước thì vừa giàu vừa sang. Có tuệ thì đời sống liêm chính. Có phước không tuệ thì kiến thức thiên cận tầm thường. Có tuệ không phước thì nghèo cùng không thể lực.

Cầu con gái cũng phải thường cung kính niệm Thánh hiệu lễ bái cúng dường. Bồ-tát đủ bốn diệu đức :

a- Sáu căn viên thông.

b- Lập đại viên kính.

c- Không Như Lai Tạng.

d- Hàm mười phương giới. Đủ bốn khả năng mới có thể thừa thuận thọ lãnh không mất hết thầy pháp môn của mười phương vi trần Như Lai. Thừa thuận, thọ lãnh và bảo trì là đặc tánh của phái nữ.

Có tướng : Có tướng phước đức.

Nhan mạo đoan chính : Có phước, đáng quý.

Tánh nết nhu hòa : Có đức, đáng kính.

(19) Trì một danh hiệu sợ còn thiếu sót.

Đã được viên thông bốn căn, căn tại phát diệu : Minh tỏ lý do một danh hiệu công đức ngang với hằng hà sa danh hiệu các Bồ-tát khác.

Bốn căn :

a- Bốn lợi ích cho cõi Ta Bà. Kinh nói : “Thật do tánh nghe mà vào Tam-ma-đề”.

b- Bốn căn viên thông. Kinh nói : “Đây là vi trần Phật một đường vào cửa Niết-bàn”.

Diệu : Văn tánh y trong căn.

a) Diệu lý không sanh diệt.

b) Diệu trí phản văn chiếu tánh, phá năm ấm, giải sáu kết.

Thân tâm vi diệu hàm dung chu biến pháp giới :

Thân vi diệu : Xứng thể khởi dụng ứng hóa khắp mười phương.

Tâm vi diệu : Ứng hợp mỗi căn cơ không lầm.

Hàm dung : Tâm diệu.

Chu biến : Thân diệu.

Đức Quán Thế Âm một mình độc diệu, vượt 24 Thánh, ngang với sáu mươi hai ức hằng hà sa Pháp-vương-tử. Công đức một mình cân bằng với tất cả Bồ-tát cõi Ta Bà vì nhĩ môn đủ ba thứ chân thật : Viên, Thông, Thường. Xét đoạn này, ta nhận định chính Bồ-tát đã mật tuyên nhĩ căn là độc tôn trong 25 pháp viên thông. Phật sai Văn Thù lựa chọn là để minh định thêm khiến người học được vững tin.

(20) KẾT :

Năng thí : Thân tâm Bồ-tát.

Sở thí : Vô úy lực.

Tam luân thể
không, bá thí không
trụ tướng.

Thọ thí : 14 loại chúng sanh

Phước đức không thể nghĩ bàn. Như thế mới có thể khắp giúp mười phương ba đời tất cả chúng sanh lìa khổ thọ ích.

(21) Diệu diệu văn tâm :

a- Trí và lý cùng diệu.

b- Tánh của sáu căn diệu. Nhĩ căn là diệu trong diệu.

Tâm tinh thoát căn : Văn sở-văn tận (giải kết ba).

Sáu căn không còn phân cách : Chứng nhân-không.

Thành một viên dung thanh tịnh bảo giác : Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, xong cả sáu kết.

Bảo giác : Chân tâm tùy duyên thành các pháp trong mười giới như châu ma-ni tùy phương hiện sắc. Chân tâm tùy duyên mà thể không biến cũng như châu tùy phương hiện sắc nhưng thể không đổi.

(22) Bởi vì tu căn viên thông so với căn không viên thông, nhanh chóng khác nhau như một ngày với một kiếp. Cho nên Phật sai Văn Thù chọn lọc minh bạch.

(23) Âm thanh là kính-trực thanh. **Ngữ ngôn** là khuất-khúc thanh.

Kính trực thanh : Tiếng gió, tiếng xe v.v... những loại âm thanh không kích động lòng cuộn tâm ý con người.

Khuất khúc thanh : Tiếng khen chê, tiếng hát v.v... những loại âm thanh dễ xúc động lòng người.

Tạp ngữ ngôn : Âm thanh dùng vào lời nói.

Ngậm ý vị danh cú : (*danh* : danh từ ; *cú* : câu nói) Tuy chỉ cốt hiểu nghĩa lý mà dùng ngôn ngữ. Nhưng dù lý viên mà âm thanh vẫn thiên. Sơ tâm đâu có thể đạt được một lời khắp cai

hết thấy nghĩa lý. Ý đây tu sợ rất khó vào viên thông.

(24) Vì nhiếp cả sáu căn nên thuộc về kiến đại. Nói tịnh niệm rõ ràng là có khởi niệm. Nói tương tục là thành một chuỗi sanh diệt. Kiến đại là mặt nhân Bồ-đề, chính thể viên thông nên Văn Thủ không hề bác bỏ phương pháp tu hành nhiếp cả sáu căn. Chỉ vì lấy niệm sanh diệt cầu chứng viên thông vô sanh bất diệt thì nhân quả trái nhau. Còn những ai dùng niệm Phật làm nhân tu để cầu vắng sanh Tịnh-độ thì nhân quả tương ứng. Các Tổ đều nói : vạn người tu vạn người thành công.

(25) a- Đánh lễ tôn pháp. Nhĩ căn tu chứng ba Như Lai Tạng tự tánh thanh tịnh lý thể. Định dụng thuộc sự dụng vô lậu vô vi không thể nghĩ bàn. Đây chính là chân như Pháp-thân toàn thể đại dụng của Như Lai.

b- Đánh lễ Tam-bảo. **Như Lai** : Phật ; **Tạng** : Pháp ; **Vô lậu** : A-la-hán ; **Bất tư nghi** : Bồ-tát thần dụng khôn lường. A-la-hán và Bồ-tát là Tăng-bảo.

TỔNG Ý BÀI KỆ CỦA VĂN THỦ

Bọt phù âu vốn không mà vọng thành có. Diệt rồi trở về bốn gốc là không. Hư không trong biển giác như bọt nổi thì ba cõi trong hư không làm sao bền. Nên rõ tánh thể hư vọng vô thường để khuyển mau chọn đường quy nguyên.

Bồ-tát vong âm thanh để về văn tánh. Nay khen ngợi công đức lại chỉ nêu toàn diệu dụng của âm mà chẳng nói đến văn. Để thấy rõ Bồ-tát hạnh khác tiểu thừa, vong trần mà không hoại cảnh.

Thuyết pháp không trệ gọi là Diệu Âm. Tầm thanh cứu khổ là Quán Thế Âm. Âm tánh không vương mắc là Phạm Âm. Ứng cảm chẳng lỡ thời là Hải Triều Âm. Ba mươi hai ứng thân thuyết pháp, bất tư nghi nói chú là năng lực của Diệu Âm ; tám nạn thí vô úy là năng lực Quán Thế Âm ; trừ ba độc phá xan tham là Phạm

Âm, tất cả hy cầu cảm ứng không lỡ thời là năng lực Hải Triều Âm.

Quốc độ này nhĩ căn thông lợi, phân biệt được ý nghĩa thâm sâu vi tế của các pháp thể xuất thế gian. Cho nên Phật lập thanh danh văn cú, tạo nên bao nhiêu kinh luận để đối các căn cơ. Song chỗ tuyên minh kinh nào cũng chỉ hiển tánh diệu minh viên trạch. Diệu tánh này ở ngay bản căn năng văn. Chúng sanh chỉ cần do thanh luân sở-văn mà phản nghe bản căn năng-văn liền được ngay ý chỉ. Cõi Ta Bà nhĩ căn đã thông lợi mà thanh luân của Như Lai lại sáng tỏ. Phàm ai đã được nghe thanh giáo đều miễn lưu chuyển. Nay có người được nghe mà không giải thoát, chính vì chỉ chạy theo thanh giáo sở-văn để lợi đường hí luận mà chẳng chịu quay về bốn căn năng-văn. Nhớ giỏi đến như Anan cũng không miễn bị tà cảnh lôi cuốn. Đã biết theo thanh trần là thuận dòng lưu chuyển thì chỉ cần xoay lại, ngược dòng phản văn đến chỗ không hư vọng là xong.

Trước nói lỗi lầm rất lớn của người không phản văn. Anan vô số đời chỉ vụ đa văn, chẳng tu vô lậu thắng nghĩa. Cho nên dục lậu sâu nặng, các lậu khác cũng chưa tận. Đến nỗi học nhiều đã chẳng tiến mà còn đọa lạc. Văn Thủ dặn dò Anan nghe kỹ, lại nương oai thần Phật mà nói, để thấy pháp này bậc phước vô duyên chẳng dễ gặp, cần phải trịnh trọng.

Pháp môn này đối với cõi Ta Bà như thuốc chữa bệnh. Hết thấy sơ tâm không ai chẳng thể không dùng. Pháp môn này giản dị, thiết yếu, dễ tu, nhanh chóng. Kinh nói gãy móng tay đã siêu bậc A-la-hán.

Bởi vì tự tánh chánh định nên giản dị. Chúng sanh nhọc mệt ngoại cầu. Đem bốn văn đi học giáo lý, không quay trở về nhận diệu tánh của mình, như đem bát vàng đi khất thực, không biết bát tự giá trị hơn thức ăn nhiều. Phật giáo vốn muốn người nhận tự tánh. Nay quên tự tánh chạy theo giáo lý, thật chẳng biết ý của giáo lý vậy. Xét đó chỉ nghe một văn tánh liền hơn vô lượng đa văn. Rõ ràng thiết yếu mà dễ tu.

Kinh dạy :

a) Nhân thấu thanh mà kết thành căn thì nay phải thoát thanh để giải. Như nước nhân lạnh thành băng thì nay muốn trở về nước hẳn cần thoát lạnh.

b) Một căn trở về nguồn, sáu căn đồng giải thoát.

c) Sáu trần toàn nương sáu căn mà có. Nay tình căn đã phục thì đồng thời dĩ nhiên siêu vượt thế giới. Không hoa chỉ là bóng ảnh của mắt lóa. Không hoa và mắt lóa có thì cùng có, không thì cùng không. Căn thân giải thì khí thế giới cùng tiêu.

Ba điểm này chứng tỏ pháp phản văn vừa dễ tu vừa nhanh chóng.

Căn trần tiêu, viên minh tịnh diệu liền hiển lộ. Tánh nghe vốn là viên trạch bất sanh diệt tánh, là cái nhân chân thật để chứng Bồ-đề Niết-bàn. Đức Văn Thù đã nhấn mạnh : Ba đời mười phương chư Phật đều do một con đường này vào quả vị. Chính ngài cũng do đây tu chứng. Vậy ta là người nào mà không cần tu pháp môn này ?

Bởi vì Anan là bậc đa văn đệ nhất nên nhĩ căn viên thông độc đương với căn cơ của ông. Vì ai cũng vốn đủ văn tánh nên pháp môn này có thể phổ cứu khắp đời mạt kiếp. Hai điều này là khế cơ.

Trước được nhân-không sau thoát pháp chấp cho nên đáp ứng những tâm cầu xuất thế. Sanh diệt đã diệt tịch diệt hiện tiền, rõ ràng đường lối Niết-bàn. Hai điều này là khế lý.

Cơ lý song khế, Thánh chỉ hoàn toàn trải rõ dưới mắt chúng sanh. Đây là tha thiết khuyến tin. Pháp môn thì thâm sâu, căn cơ mạt kiếp lại nông cạn. Muốn tin và hiểu cần cầu tha lực. Văn Thù đánh lễ Như Lai Tạng nguyện gia bị vị lai đối với pháp môn này không nghi hoặc. Hiển pháp môn này tối quan trọng, độ khắp căn cơ, ai cũng có thể tu, cạn sâu đều có thể vào. Đây cực lực khuyến chuyên tu nhĩ môn.

(26) Tâm đã khai ngộ tựa như có dấu vết sắp chứng viên

minh.

(27) Thánh nhân thi thiết, lý sự song nêu. Sự y lý thành. Không phải lập đàn tràng trang nghiêm cho đẹp mắt. Người tu ngày đêm sáu thời ở trong đàn, mắt đưa tới đâu, thấy sự nhớ lý. Ất biết Phật, tâm, chúng sanh, ba không sai khác.

Tuyết Sơn tiêu biểu chân như.

Bồ trắng tiêu biểu căn bản trí.

Nước trong, mù sương tiêu biểu trung đạo diệu định.

Cỏ thơm hoa lá tiêu biểu trung đạo diệu tuệ.

Phân bồ + chiêm đàn trát đất : ba vô lậu học huân Pháp-thân thành nhân địa chân thật.

Nếu không bồ : là bậc trung căn.

Đào năm thước đất : buông xả ngoại vụ chuyên phản văn phá năm ấm.

Hòa mười thứ hương : 10 ba-la-mật.

Nghiên thành bột : 10 ba-la-mật rộng thành vạn hạnh.

Đàn tám góc : 8 chánh đạo.

Gương tròn nêu biểu trí dụng.

Đàn tràng nêu biểu lý thể.

Mỗi gương phản chiếu một góc vuông của đàn. Mười sáu gương tròn phản chiếu lẫn nhau. Các hình ảnh tròn và vuông, vuông và tròn xen nhau nêu biểu thể dụng không hai, sự lý vô ngại.

Mười thứ hương :

1. Chiêm đàn trắng nêu biểu tánh vô sanh diệt.
2. Trầm : bột lõi rất nặng thả xuống nước liền chìm.

3. Tế hợp : hòa nấu thành cao.
4. Hắc lăng : để chống đau nhức.
5. Uất kim : để an thần.
6. Bạch mậ : trừ khí độc, khỏi mụn nhọt.
7. Thanh thủy : như cam thảo khiến ngủ ngon.
8. Linh lục : khiến sáng mắt.
9. Cam tùng : trừ bụng chướng hay hạ khí.
10. Kê thiết : uống lâu thì thân miệng lúc nào cũng tỏa hương thơm.

Đốt trầm không bột lửa : vô tướng diệu giới.

Bánh : thiền duyệt pháp hỷ.

Cúng Phật : hướng về quả đức.

Tần Na : sứ giả đầu heo.

Dạ Ca : sứ giả mũi voi.

(28) Khi an cư bảy ngày chuyên phát nguyện Bồ-tát : mười đại nguyện vương trong kinh Phạm Võng hay bài phát nguyện trong kinh Vạn Phật hoặc bốn hồng thệ.

(29) Tổ Giao Quang dạy : Sử dụng vô tận của chư Phật, trí lực chúng sanh khó hiểu tới.

**Tu hành xong, phải giải giới, triệt đàn.
Không được lưu đến minh tướng xuất hiện.**

C- NHẬP ĐẠO – THIỀN NA

Mục 1 : Bản Nhân 12 Loài Sanh

a) Anan thỉnh pháp :

Anan đánh lễ chân Phật bạch rằng : “Chúng con ngu độn ưa tuệ đa văn, chưa biết cầu thoát ly các tâm hữu lậu. Nay Phật từ bi chỉ dạy pháp huân tu chân chánh. Chúng con thân tâm khoan khoái được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn những người tu chứng Tam-ma-đề, chưa đến Niết-bàn, thế nào gọi là càn tuệ địa ? Trong 44 tâm đến thứ bậc nào mới gọi là tu hành, đến phương sở nào mới gọi là nhập địa ? Thế nào gọi là đẳng giác Bồ-tát ?”

Nói rồi năm vóc gieo xuống đất. Đại chúng nhất tâm chăm chú mong đợi từ âm.

– Hay thay ! Hay thay ! Ông và đại chúng vì mật pháp chúng sanh tu Tam-ma-đề cầu pháp đại thừa, xin ta chỉ trước con đường từ phàm phu đến đại Niết-bàn. Các ông hãy nghe kỹ.

b) Hai nhân điên đảo :

Này Anan, diệu tánh viên minh rời các danh tướng. Bản lai không có thế giới và chúng sanh. Nhân vọng có sanh, nhân sanh có diệt. Sanh diệt gọi là vọng. Diệt vọng gọi là chân. Ấy là hai hiệu chuyển y của Như Lai (chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển sanh tử thành Niết-bàn).

Muốn tu chân Tam-ma-đề thẳng đến Niết-bàn, trước hết phải biết hai nhân điên đảo Thế giới và Chúng sanh. Diên đảo không sanh tức Tam-ma-đề chân thật. Thế nào là CHÚNG SANH ĐIÊN ĐẢO ?

Bản tâm vốn minh, tánh minh viên mãn. Nay vì vọng minh nên chuyển thành nghiệp thức mà có thấy nghe hay biết. Từ rốt ráo không thành rốt ráo có. Vô minh chính là chỗ nương chỗ trụ của vạn pháp. Từ vô minh không thật thể, không căn bản, kiến lập thế giới và chúng sanh.

Hư vọng vì mê không biết tánh viên minh sẵn có. Dầu muốn trở lại chân tánh, ngay cái muốn trở về đó đã không phải là tánh chân như bèn thành phi tướng.

Không phải sanh cho là sanh, không phải trụ cho là trụ, không phải tâm cho là tâm, không phải pháp cho là pháp. Xoay vần phát sanh các hoặc, huân tập thành nghiệp. Đồng nghiệp cảm nhau nên sanh nhau diệt nhau. Do đó có chúng sanh diên đảo⁽¹⁾.

Thế nào là THỂ GIỚI ĐIÊN ĐẢO ?

Chúng sanh có căn thân phận đoạn. Mỗi thân có bốn phương (đằng trước, đằng sau, bên trái, bên phải) gọi là giới. Thân vô thường biến đổi nên có ba đời (quá khứ, hiện tại và vị lai) gọi là thế. Giới có bốn phương. Thế có ba đời. Hòa hợp đan dệt cùng nhau biến hóa chúng sanh thành 12 loài.

Vậy nên trong thế giới nhân động có tiếng. Nhân tiếng có sắc ; nhân sắc có hương ; nhân hương có xúc ; nhân xúc có vị ; nhân vị biết pháp. Sáu vọng tưởng cần loạn thành nghiệp tánh. Do đây 12 khu phận xoay vần mãi mãi. Cùng hết một vòng 12 biến hóa rồi trở lại.

Dựa trên những tướng điên đảo xoay vần đó nên có thể giới noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, phi vô sắc, hoặc phi hữu tướng, phi vô tướng⁽²⁾.

c) 12 loài sanh :

1.- Anan, nhân thể giới (thân tâm chúng sanh, năm ấm) tạp nhiễm luân hồi, dục điên đảo, lâm chung hòa hợp với chất tinh ướt thành 84.000 loạn tướng ngang dọc. Vì vậy có bọc thai trôi lăn trong các cõi nước. Người, súc, rồng, tiên các loài đầy đủ.

2.- Nhân thể giới hư vọng luân hồi, vọng động điên đảo, hòa hợp với hơi khí thành ra 84.000 loạn tướng bay lặn. Vì vậy có mầm trứng trôi lăn trong các quốc độ. Cá chim rùa rắn các loài đầy đủ.

3.- Nhân thể giới chấp trước luân hồi, sự phụ điên đảo, hòa hợp với ẩm khí, thành 84.000 loạn tướng phản phúc. Vì vậy có thịt mềm thấp sanh trôi lăn trong cõi nước, sâu bọ nhưng nhúc quậy động, các loài đầy đủ.

4.- Nhân thể giới biến dịch luân hồi, giả trá điên đảo, hòa hợp với xúc thành 84.000 loạn tướng có mới nới cũ. Vì vậy có yết-nam hóa sanh trôi lăn trong các cõi nước. Tầm bướm chuyển thoát bay đi các loài đầy đủ.

5.- Nhân thể giới lưu ngại luân hồi, chướng điên đảo, hòa hợp với cảnh sáng thành 84.000 loạn tướng tinh diệu. Vì vậy có yết-nam sắc tướng trôi lăn trong các cõi nước, sao lành sao dữ các loài đầy đủ.

6.- Nhân thể giới tiêu tán luân hồi, mê hoặc điên đảo, hòa hợp với ám tối thành 84.000 loạn tướng âm ẩn (mờ tối). Vì vậy có yết-nam vô sắc lưu chuyển trong các cõi nước. Không, tán, tiêu, trầm các loài đầy đủ.

7.- Nhân thể giới vọng tượng luân hồi, bóng ảnh điên đảo, hòa hợp với nhớ nghĩ thành 84.000 loạn tướng tiềm kết (âm thầm kết trối). Vì vậy có yết-nam hữu tướng trôi lăn trong các cõi nước. Thần quỷ tinh linh các loài đầy đủ.

8.- Nhân thể giới ngu độn luân hồi, si mê điên đảo, hòa hợp với ngoan (vô tri vô giác) thành 84.000 loạn tướng khô khao. Vì vậy có yết-nam vô tướng trôi lăn trong các cõi nước, tinh thần hóa đất cây vàng đá các loài đầy đủ.

9.- Nhân thể giới tương đãi luân hồi, ngục điền đảo, hòa hợp với nhiễm thành 84.000 loạn tướng nhân y. Vì vậy có yết-nam không phải sắc mà có sắc trôi lăn trong các cõi nước. Như con sữa lấy bọt nước làm thân, các loài đầy dẫy.

10.- Nhân thể giới tương dẫn luân hồi, tánh điền đảo, hòa hợp với bùa chú thành 84.000 loạn tướng hô triệu. Vì vậy có yết-nam không phải vô sắc mà vô sắc trôi lăn trong các cõi nước như âm binh (theo chú trớ mà hiển linh, theo bùa yểm mà tác quái) các loài đầy dẫy.

11.- Nhân thể giới hợp vọng luân hồi, man muội điền đảo, hòa hợp với loài khác thành 84.000 loạn tướng hồi hổ (lẫn lộn). Vì vậy có yết-nam không phải có tướng mà có tướng. Những giống bồ-lô, khác chất thành thân, các loài đầy dẫy. (Một loài ong có con rất nhỏ giống như sâu dâu màu xanh nuôi ở trên lưng. Bồ-lô tha đất bùn làm tổ, bắt sâu xanh bỏ trong đó, tâm tâm niệm niệm đây là con mình. Bảy ngày sau sâu hóa bồ-lô. Sâu không hề tưởng mình là bồ-lô. Nhân sức chúc nguyện của bồ-lô mẹ mà thành thân).

12.- Nhân thể giới oán hại luân hồi, sát điền đảo, hòa hợp với quái thành 84.000 tư tướng ăn thịt cha mẹ. Vì vậy có yết-nam vô tướng mà không phải vô tướng trôi lăn trong các cõi nước. Như chim Thổ Cư ấp khối đất làm con, chim Phá Kính ấp trái cây độc làm con. Con lớn lên ăn thịt cha mẹ, các loài đầy dẫy.

Ấy là 12 chủng loại chúng sanh.

CHỨNG SANH 12 NHÂN QUẢ ĐIÊN ĐẢO

SỐ	LOÀI	THÓI QUEN	TẠO NGHIỆP	TRÁI VỚI CHÂN NHƯ	GẶP DUYÊN ĐÀU THAI	QUẢ BÁO	
						THÂN	TÂM
1	Thai	Tạp nhiễm luyện ái	Ái dục	Thanh tịnh	Tư : chất tinh ướt	Độc : chánh. Ngang : tà.	Người, vật, tiên, rồng.
2	Đẻ trứng	Hư vọng	Vọng loạn	Bất động	Hơi khí	Bồ, chim	Cá, chim, rùa, rắn.
3	Thấp	6 căn đắm 6 trần, chấp tình tham trước	Xu thể phụ lợi nịnh hót thể lực	Trạm tịch	Hơi ấm	Sấp ngửa tráo trở	Sâu bọ.
4	Hóa	Biến đổi	Giả trá	Bất biến	Xúc cảnh	Ái mới quên cũ	Bướm, sâu gạo v.v...
5	Hữu sắc	Lưu ngại (không thông minh giác tỉnh)	Thờ nước lửa, thờ quỷ thần	Diệu minh	Trú : thấy rõ tướng sáng bên ngoài	Cầu thể lực siêu phàm ở ngoài tâm	Sao lạnh, sao dữ.
6	Vô sắc	Diệt sắc về không	Cho sắc là hoạn ách	Tánh sắc chân không	Tướng tối	Âm ẩn mờ mịt	<u>Không</u> : không vô biên xứ ; <u>Tán</u> : thức vô biên xứ ; <u>Tiêu</u> : vô sở hữu xứ ; <u>Trầm</u> : phi phi tướng xứ.
7	Hữu tướng	Sống với bóng dáng vọng tướng, mơ mộng	Làm chấp ảnh tượng tà vọng	Pháp thân thật tướng	Ái niệm nhớ tướng	Tiềm kết. Tiềm : âm thầm.	Thành hoàng quý thần.

						Kết : trói.	
8	Vô tướng g	Lấy ngu xuẩn ám độn ngu ngoan làm chỉ đạo	Hủy bỏ thông minh diệt trừ tri thức	Điều minh	Nơi vô tri giác, vọng sanh hòa hợp.	Như than lạnh, cây khô.	- Tinh thần hóa thành vàng đá, - Vô tướng thiên.
9	Phi hữu sắc	Giả trá dựa người. Đợi người ra sức rồi lấy công về mình	Xảo quyệt	Chân thật	Nhiễm cảnh	Khuất mình theo người . Ý mượn quyền thể kẻ khác	Sửa lấy bọt bể làm thân ; giun sán trong ruột ; các ký sinh trùng.
10	Phi vô sắc	Dẫn dụ người	Huyễn mị khiến người mê muội	Chánh trực	Bùa chú	Đợi hồ triệu	Âm binh.
11	Phi hữu tướng g	Chẳng phải con cưỡng nhận là con ; chẳng phải của cưỡng nhận là của	Man muội	Viên minh	Khác chất khác loài	Gian dối gây lấn lộn	Những loài như ong hóa thành Bồ-lô.
12	Phi vô tướng g	Oán hại	Giết hại bạc ân nhân	Từ bi	Quái	Ăn thịt cha mẹ	Chim Thỏ Cừu, chim Phá Cánh.

d) Kết luận : điên đảo như hoa đốm.

Anan, như thế chúng sanh mỗi loài đều đủ 12 nhân điên đảo cũng như dụi mắt thì hoa đốm đủ thứ phát sanh. Quên chân tâm tinh minh diệu viên thì đủ thứ tư tưởng càn loạn phát hiện.



Mục 2 : TAM TIỆM THỨ

Tu Tam-ma-đề cần lập ba tiệm thứ để trừ các điên đảo. Như bình đã đựng thuốc độc nay phải dùng nước nóng tro thơm rửa sạch rồi mới đựng nước cam lồ.

a) Trừ trợ nhân :

Này Anan, 12 loại chúng sanh phải nường 4 cách ăn mới tự toàn : đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Ăn lành thì sống, ăn độc thì chết. Cầu Tam-ma-đề phải dứt bỏ năm thứ rau cay vì ăn chín phát dâm, ăn sống thêm sân. Mười phương thiên tiên hiềm mùi hôi nhơ nên tránh xa. Các loài ngã quý đến liếm môi mép. Vì thường gần quý nên phước đức dần tiêu. Người ăn rau cay dù giảng nói 12 bộ kinh, tu pháp Tam-ma-đề, Bồ-tát, Trời, Tiên, Thiện Thần không đến ủng hộ. Đại lực ma vương được phương tiện hiện thân thuyết pháp, chê cấm giới khen dâm dục, tán thán nóng giận si mê. Mạng chung làm quyến thuộc ma. Hưởng hết phước ma, đọa vô gián ngục.

b) Nạo sạch chánh tánh :

Này Anan, vào Tam-ma-đề cốt yếu giữ giới thanh tịnh, đoạn hẳn lòng dâm, không dùng rượu thịt. Lấy

lửa làm tịnh thức ăn, không ăn sinh khí. Tu hành không đoạn dâm dục mà ra khỏi được ba cõi thật là vô lý. Phải coi dâm dục như rắn độc như giặc thù. Trước giữ tứ khí bát khí của Thanh-văn, thân không động. Sau trì Bồ-tát luật nghi, tâm không mống khởi. Cấm giới thành tựu thì không còn những nghiệp sanh nhau giết nhau. Không trộm cướp không có những quả báo trả nợ kiếp này kiếp khác. Người tu thanh tịnh chính nơi nhục thân cha mẹ sanh ra, không cần thiên nhân, cũng thấy được mười phương thế giới. Nhân giới sanh định, nhân định được sáu căn thanh tịnh, phát tương tợ ngũ thông. Vì biết túc mạng nên cẩn thận đường nhân quả, không còn nguy hiểm đọa lạc nữa.

c) Trái nghiệp hiện tiền :

Này Anan, người trì giới thanh tịnh ấy tự quay về tánh bản nguyên. Trần đã không duyên, căn không chỗ mắc, ngược dòng trở về toàn nhất, sáu dụng không hiện hành. Cõi nước mười phương như ngọc lưu ly trong treo trắng sáng. Thân tâm khoan khoái, tánh diệu viên bình đẳng, được đại an ổn. Tất cả mật viên tịnh diệu các đức Như Lai đều hiện trong đó⁽³⁾. Người này liền được vô sanh pháp nhẫn, tùy theo công hạnh mà tiến lên Thánh vị.

Mục 3 : AN LẬP THÁNH VỊ

CÀN TUỆ ĐỊA

Này Anan, dục ái cạn khô, căn cảnh không tương hợp, không còn tái sanh. Tâm rỗng sáng thuần trí tuệ. Trí tuệ rực rỡ soi thấu mười phương gọi là *Càn tuệ địa*. Vì tập khí ngũ dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của Như Lai.

THẬP TÍN

(Mười ngôi tu tập để viên mãn chánh tín)

1) Tâm càn tuệ dùng trung đạo quán trí dần vào tính viên diệu. Viên thông diệu tánh trùng trùng khai phát như hoa sen dần dần nở. Từ chân diệu viên lại thêm chân diệu viên. Diệu tín không thoái. Tất cả vọng tưởng diệt hết không còn. Trung đạo thuần chân gọi là *Tín tâm*.

2) Chân tín tỏ rõ, tất cả đều viên thông, năm ấm không thể che phủ, 12 xứ không thể hạn cuộc, 18 giới không thể ngăn ngại. Vô số kiếp quá khứ vị lai, xả thân thọ thân đều biết. Những tập khí cần đoạn trừ đều nhớ nghĩ không quên gọi là *Niệm tâm*.

3) Tánh diệu viên thuần chân. Hết thủy hoặc tập chuyển thành trí tuệ. Các tập khí vô thủy đều thông vào một tánh tinh minh. Chỉ dùng tinh minh này tiến đến chân tịnh gọi là *Tinh tấn tâm*.

4) Tâm tinh hiện tiền thuần dùng trí tuệ gọi là *Tuệ tâm*.

5) Trí tuệ sáng suốt, tịch tràm cùng khắp, tánh tịch diệu thường gọi là *Định tâm*.

6) Định phát tuệ. Tuệ càng sáng định càng thâm. Định tuệ đẳng trì chỉ tiến không lui gọi là *Bất thoái tâm*.

7) An nhiên đi tới, giữ gìn không mất, giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai gọi là *Hộ pháp tâm*.

8) Giữ gìn tánh giác minh, dùng diệu tuệ lực xoay từ quang Phật về mình. Hướng về Phật an trụ. Như hai gương sáng đối nhau, Phật quang tâm quang, bóng Phật bóng ta tương nhiếp tương nhập gọi là *Hồi hướng tâm* (hồi hướng tha Phật là hồi hướng Phật đạo. Hồi hướng tự Phật là hồi hướng chân như. Phật đạo : trí. Chân như : lý).

9) Tự quang cùng Phật quang thâm giao tiếp, được vô tác giới thể, vô thượng diệu tịnh thường trụ của Phật, gọi là *Giới tâm* (an trụ nơi vô vi, một niệm luân lạc về hữu vi là phạm giới).

10) Tự tại an trụ nơi giới, tùy nguyện đi khắp mười phương gọi là *Nguyện tâm*.

THẬP TRỤ

(Mười ngôi tu tập hoàn toàn sống với tánh Phật)

1) Mười tín đã thành tựu, tâm tinh phát huy. Mười đức dụng trên viên thành một tâm gọi là *Phát*

tâm trụ.

2) Tâm sáng suốt như ngọc lưu ly (diệu tâm), ở trong hiện ra vàng ròng (diệu trí). Diệu trí khế chân lý khởi chân tu gọi là *Trị địa trụ*.

3) Trí thủy giác và lý bốn giác tương thiệp, hiểu biết rõ ràng. Đi khắp mười phương trên cầu Phật đạo dưới độ chúng sanh, được không chướng ngại gọi là *Tu hành trụ*.

4) Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật. Như thân trung ấm tự cầu cha mẹ, âm tín thầm thông vào giống Như Lai gọi là *Sanh quý trụ* (thật trí là cha, quyền trí là mẹ).

5) Đã vào đạo thai, sống theo tánh giác. Phương tiện trí tuệ dần dần đầy đủ như thai dần dần đủ tướng người không thiếu khuyết gọi là *Phương tiện cụ túc trụ*.

6) Dung mạo như Phật (quyền trí giáo hóa chúng sanh). Tâm tướng cũng đồng (nội chiếu chân như) gọi là *Chánh tâm trụ* (quyền trí giúp Bát Nhã thật trí được viên mãn).

7) Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng gọi là *Bất thoái trụ*.

8) Linh tướng mười thân một thời đầy đủ gọi là *Đồng chân trụ* (tuy đủ hình hài nhưng chưa đại hiển như thai đã đủ hình nhưng chưa thật dụng : 1- Bồ-đề thân. 2- Nguyên thân. 3- Trang nghiêm thân. 4- Hóa thân. 5- Lực thân. 6- Oai thể thân. 7- Ý sanh thân. 8- Phước thân. 9- Pháp thân. 10- Trí thân. Như Lai thân tự đủ mười thân).

9) Hình đã thành, ra khỏi thai, thân làm Phật tử gọi là *Pháp-vương-tử trụ*.

10) Nghi biểu đã thành người lớn. Như lễ quán đảnh công nhận thái tử đã trưởng thành, kham lãnh quốc sự. Gọi là *Quán đảnh trụ*.

THẬP HẠNH

(Mười ngòi tu tập để thực hiện diệu dụng của tánh Phật)

1) Phật tử đầy đủ vô lượng diệu đức của Như Lai, tùy thuận mười phương chúng sanh gọi là *Hoan hỷ hạnh* (bá thí).

2) Khéo lợi ích tất cả chúng sanh gọi là *Nhiều ích hạnh* (trì giới).

3) Tự giác giác tha không chống trái gọi là *Vô sân hận hạnh* (nhẫn nhục).

4) Theo các chủng loại hiện thân, ba đời bình đẳng, mười phương thông suốt gọi là *Vô tận hạnh* (tinh tấn).

5) Tất cả hợp về đồng, bao nhiêu pháp môn đều không sai lầm gọi là *Ly si loạn hạnh* (thiền định. Ngàn khó bao vây mà trí tuệ không mờ. Vạn cơ khắp ứng mà tâm không rối loạn).

6) Trong đồng hiển hiện những khác. Mỗi mỗi tướng khác đều thấy là đồng gọi là *Thiện hiện hạnh* (tuệ Bát Nhã : lý sự vô ngại).

7) Mười phương hư không toàn bụi tí. Trong mỗi bụi tí hiện mười phương thế giới. Bụi tí, thế giới không chướng ngại nhau gọi là *Vô trước hạnh* (sự sự

vô ngại : phương tiện độ).

8) Hạnh nào cũng đệ nhất ba-la-mật-đa gọi là *Tôn trọng hạnh* (nguyện).

9) Như vậy viên dung thành tựu quỹ tắc của mười phương Phật gọi là *Thiện pháp hạnh* (lực).

10) Nhất nhất đều là thanh tịnh vô lậu nhất chân vô vi gọi là *Chân thật hạnh* (trí độ. Viên mãn hậu-đắc-trí là cùng tột căn-bản-trí).

THẬP HỒI HƯỚNG

(Chuyển vận hạnh hướng về Bồ-đề,
chúng sanh và chân như)

1) Đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự, toàn một tinh chân thuần khiết xa các lỗi lầm. Hóa độ chúng sanh hằng diệt tướng năng-độ sở-độ, hồi tâm vô vi hướng đường Niết-bàn, gọi là *Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng*.

2) Hoại những gì cần diệt hoại. Là những sự phải xa lìa (diệt tướng độ sanh, không mắc pháp hữu vi sanh tử. Không thấy ta năng ly, người sở ly, pháp độ sanh cho đến chuyện ly cũng xa lìa nên không trệ ở vô vi Niết-bàn) gọi là *Bất hoại hồi hướng*.

3) Bản giác viên trạch, giác ngộ ngang Phật gọi là *Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng*.

4) Tâm nhân địa khai phát sáng tỏ như quả địa gọi là *Chí nhất thiết xứ hồi hướng* (Bồ-tát đến khắp chỗ Phật, ba nghiệp phổ nhập hết thấy thế giới để làm Phật sự).

5) Thế giới (lý) và Như Lai (trí) thiệp hợp không

ngăn ngại gọi là *Vô tận công đức tạng hồi hướng* (y báo chánh báo trung đạo).

6) Đồng với Phật địa, phát huy các nhân thanh tịnh đi đến Niết-bàn gọi là *Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng* (thiện căn tuy nhiều thứ nhưng đồng một thể bình đẳng và cùng hay sanh vô thượng đạo quả. Lý sự, một và nhiều, trung đạo diệu nghĩa).

7) Chúng sanh cùng ta đồng thể Phật tánh. Nay ta đã viên mãn thành tựu sự nghiệp trở về bản tánh. Không nên buông bỏ một chúng sanh nào, gọi là *Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng*.

8) Tức tất cả pháp, ly tất cả tướng, cả tức và ly đồng giải thoát gọi là *Chân như tướng hồi hướng*.

9) Sự sự vô ngại, thật được như như, nhập pháp giới bất tư nghì giải thoát, gọi là *Vô phược giải thoát hồi hướng*.

10) Tánh đức viên mãn thành tựu, pháp giới lượng diệt (bởi vì thể không đâu chẳng khắp, dụng không đâu chẳng tròn. Tùy cử một sắc một hương đều là trung đạo. Mảy bụi mảy lông lượng đẳng đồng pháp giới mỗi mỗi không có hạn lượng). Gọi là *Pháp giới vô lượng hồi hướng*⁽⁴⁾.

BỐN GIA HẠNH

(Bốn ngôi vào trung đạo giữa Tâm mình và Phật)

1) Lấy Phật giác làm tâm. Như được mà chưa được, như dùi cây lấy lửa mới thấy hơi ấm, gọi là *Noãn địa*.

2) **Tự tâm tức Phật cảnh giới. Tâm như nương Phật nhưng không phải nương** (tâm tướng nếu tận gọi là chẳng phải nương. Nay chưa hoàn toàn quên tâm tướng nên gọi là như nương). **Ví như người ở chóp núi, toàn thân đã vào hư không nhưng dưới chân còn dính mặt đất, gọi là Đỉnh địa.**

3) **Tâm và Phật đồng, khéo được trung đạo** (noãn địa lấy Phật giác làm tâm. Đỉnh địa lấy Tâm làm chỗ đi của Phật giác. Thế là vẫn còn hai tướng Phật và Tâm. Gia công đến đây thì tức tâm tức Phật. Tuy tâm và Phật rõ ràng, thường ở nơi tâm gia hạnh thấy Phật nghiệp dụng. Cũng ở các Phật hành xứ, đồng triệt tự tâm, gọi là khéo được trung đạo). **Trong tâm rõ ràng nhưng chưa thối lộ, sắp chứng mà chưa thật chứng gọi là Nhẫn địa.**

4) **Số lượng tiêu diệt, mê giác cho đến trung đạo đều không. Gọi là Thế đệ nhất địa.** (1. Mê là giác bị mê ; 2. Giác là mê mà đã tỉnh ; 3. Trung đạo là nhận được lý này ; 4. Tất cả danh từ đều không ; nay tan cả con số 4 nên nói số lượng tiêu diệt. Không còn ngăn cách giữa Tâm và Phật, vượt hết chấp thế gian nên gọi là Thế đệ nhất).

THẬP ĐỊA

(Mỗi ngôi chứng một phần Pháp-thân,
mười ngôi hoàn mãn Thánh quả)

1) **Hoan hỷ địa** : Khéo thông đạt đại Bồ-đề. Tự tâm bản giác cùng Phật diệu giác dung thông không hai, tận Phật cảnh giới.

2) **Ly cấu địa** : Chín giới hữu tình vào Như Lai bình đẳng đồng tánh. Tuy đồng cảnh Phật mà cảnh Phật chưa vong, chưa thật thanh tịnh. Đối khác nói đồng. Khác là cấu thì đồng cũng còn cấu. Nay hết đồng mới là hết cấu.

3) **Phát quang địa** : Cả Ly cấu địa cũng ly. Như lau kỹ thì gương sáng, chân giác hiển lộ.

4) **Diệm tuệ địa** : Minh cực giác mãn (trí tuệ rực rỡ, thắng dụng tuyệt vời).

5) **Nan thắng địa** : Tất cả đồng và dị chỗ chẳng thể đến (đồng : Phật, dị : chúng sanh. Còn quan tâm đến nhiễm tịnh thì chưa được tự tại. Phải không thiệp cả hai đường Chân Tục, đại tự tại, mới là đệ nhất thiên ba-la-mật. Lối Tổ Đơn Hà).

6) **Hiện tiền địa** : Thân chứng bản tánh tịnh minh vô vi chân như (mới tỏ lộ, còn đại dụng ở các ngôi sau).

7) **Viễn hành địa** : Tột bờ bến toàn thể chân như.

8) **Bất động địa** : Pháp pháp đều chân, pháp pháp đều như. Mấy bụi mấy lông không gì chẳng phải chân

như tự tâm.

9) **Thiện tuệ địa** : Chân như phát dụng (đủ 4 biện tài vô ngại).

10) **Pháp vân địa** : Mây từ che khắp nhiệm màu, trùm cả biển quả Niết-bàn. (Pháp : pháp giới tức là lý. Vân : mây ví cho trí. Địa : tâm. Trí lý phù hợp. Trí như mây tưới nước thấm nhuần nuôi sống sinh linh. Bi như bóng mát che cả pháp giới hữu tình được thanh lương).

ĐẲNG GIÁC – DIỆU GIÁC

Như Lai ngược dòng trở lại. Bồ-tát thuận dòng đi tới. Thủy giác Bồ-tát và Phật diệu giác, lượng giác ngang nhau gọi là **Đẳng giác**.

Anan, từ tâm Càn tuệ đến Đẳng giác rồi mới bắt đầu được Sơ Càn tuệ địa trong tâm Kim Cương. Như vậy lớp lớp tu đơn tu kép 12 ngôi mới cùng tột **Diệu giác**, thành đạo Vô-thượng⁽⁵⁾. Các ngôi ấy đều lấy trí Kim Cương quan sát mười ví dụ sâu xa như huyền. Trong Samatha dùng pháp Tỳ Bà Xá Na của các đức Như Lai mà thanh tịnh tu chứng lần lượt vào sâu⁽⁶⁾. Dùng ba tiệm thứ tăng tấn khéo thành tựu 55 ngôi vị trên đường chân thật Bồ-đề.

Quán như vậy gọi là chánh quán. Nếu quán cách khác gọi là tà quán.

Mục 4 : TÊN KINH

Văn Thù Sư Lợi Pháp-vương-tử đánh lễ Phật bạch rằng : “Kinh này tên gì ? Con và chúng sanh phải phụng trì thế nào ?”

– Kinh này tên là :

1) **Đại Phật đĩnh tất đất đa bát đất ra, vô thượng bảo ấn, thập phương Như Lai thanh tịnh hải nhân.**

2) **Cứu hộ thân nhân, độ thoát Anan và trong hội này Tánh Tỳ-kheo-ni được Bồ-đề tâm vào biển biến tri.**

3) **Như Lai mật nhân. Tu chứng liễu nghĩa.**

4) **Đại phương quảng diệu liên hoa vương, thập phương Phật mẫu đà-la-ni chú.**

5) **Quán đĩnh chương cú, chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm.**

Các ông nên phụng trì⁽⁷⁾.

Anan và đại chúng ơn đức Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát đất ra, lại được nghe những tên liễu nghĩa của kinh, liền ngộ được diệu lý tăng thượng để tiến tu lên các Thánh vị trong Thiền-na. Tâm lự hư ngưng, Anan đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tư-hoặc tam giới.



CHÚ THÍCH



(1) Giác là thể thường trụ bất động. Minh là dụng tùy duyên năng biến. Vì không an định nơi bản giác bất động, bị Minh lôi cuốn đi phân biệt. Thế là thành vọng minh (nghiệp thức) mở ra các vọng kiến (thấy nghe). Từ rốt ráo không, thành rốt ráo có.

- Năng hữu (vô minh),
sở hữu (tam tế lục thô).
- Năng nhân (vô minh),
sở nhân (vạn pháp).
- Năng trụ (quần tướng),
sở trụ (vô minh).

Tất cả rốt ráo
không căn bản.

Muốn trở về chân cũng sai vì đầu ông Diễm Nhã Đạt Đa đầu có mắt mà phải lo trở về nhận lấy cái đầu.

Vọng hoặc huân tập cảm nghiệp sanh nhau diệt nhau. Nhân nghiệp tương cảm, trong thai tướng hậu ấm sanh. Mười tháng sau ra khỏi bụng mẹ thành tướng con người nên gọi là **chúng sanh diên đảo**. Căn thân phận đoạn thành bốn giới. Vô thường biến đổi nên có ba thể. Đan dệt biến hóa $3 \times 4 = 12$ loại **thế giới diên đảo**.

(2) Sáu vọng tướng càn loạn thành nghiệp tánh : Đây chính chỉ tướng huân biến. Do vọng lực vô minh mà thế giới vọng sanh. Tìm lại nguồn xưa : Vô minh động thành gió nên có tiếng. Động niệm tập khí huân biến thành cuồng hoa. Sắc cảnh trở lại huân vọng tâm. Hương có nghĩa là năng huân, phản huân khí phần. Tâm xúc cảnh thọ lãnh ý vị. Đắm vào vị liền rơi pháp trần.

Chữ **biết** thuộc về ý căn. So sau hiểu trước, đây nói biết pháp thì trên hẳn có nghe tiếng thấy sắc. Thế thì vọng tướng tập khí nội huân phát ra sáu căn sáu trần. Do đây sáu thức huân thành nghiệp tánh. Nghiệp cảm quả luân chuyển các thú, sanh tử không ngừng. Trên đây là lời giảng của Đại lão Pháp sư Viên Anh. Còn trong Lăng Nghiêm Trực Chỉ, Tổ Đơn Hà nói :

Âm thanh tánh động tĩnh nên động là tướng của thanh. Song thanh chẳng phải nhân của sắc... vị chẳng phải nhân của pháp. Mà đây đều do chúng sanh ức thức tưng tập, vọng tướng dung thông, một thời đốn hiện. Sáu loạn tướng do căn trần tương thiệp thành nhân nghiệp tánh, cảm quả báo biến hóa 12 loại luân chuyển.

(3) Tánh diệu viên bình đẳng : 1- Thân và tâm đều khắp pháp giới. 2- Hữu tình vô tình đồng thể. 3- Tự tâm chúng sanh và Phật không cao thấp.

Tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó :

Mật : cảnh thâm sâu ít ai tới được.

Viên : viên dung giao triệt hỷ nhiếp, trùng trùng vô tận.

Tịnh : mây trần không lập, minh tướng tinh thuần.

Diệu : biến hiện không cùng.

Bốn Phật cảnh này hiện trong y báo và chánh báo của Bồ-tát.

(4) Mười ngôi hồi hướng : Hồi Phật sự hướng Phật tâm (chân như). Có khéo hồi hướng trung đạo mới không hoại sự nghiệp độ sanh. Mười ngôi hồi hướng là mười diệu nghĩa trung đạo :

- 1- Tức tướng ly tướng.
- 2- Hữu vi vô vi.
- 3- Bản giác diệu giác.
- 4- Nhân địa quả địa.

- 5- Y báo chánh báo.
- 6- Lý và sự, một và nhiều.
- 7- Thân ta và thân người.
- 8- Bất biến và tùy duyên.
- 9- Trói và cởi.
- 10- Pháp giới hữu lượng vô lượng.

(5) Đăng giác : Như hai người vào biển tìm báu. Người trước đã được báu ngược dòng trở về cửa biển. Người sau thuận dòng cũng vừa tới cửa biển. Hai con thuyền vừa vạm ngang nhau. Nhưng có khác là mũi thuyền trên xoay ra, mũi thuyền sau quay vào.

Càn tuệ : Con đường Thánh vị thủy chung đều nêu tên càn tuệ khiến người học phân vân. Nguyên vì càn tuệ trước là kim cương sơ tâm đoạn dục lưu và hữu lưu, ra khỏi phạm đoạn sanh tử. Từ ngôi Tín trở đi đã đoạn vô minh lưu nhưng vì nguồn sâu tích chứa, 54 ngôi mài dần, đến Đăng giác kim cương hậu tâm, định tuệ kiên cường mới vĩnh đoạn được sanh tướng vô minh.

Trùng trùng 12 đơn kép mới xong Diệu giác thành vô thượng đạo :

Đơn : Một tên một ngôi (càn, noãn, đỉnh, nhẫn, thể, đẳng, diệu). *Kép :* một tên nhiều ngôi (Tín, Trụ, Hạnh, Hướng, Địa). 7 đơn + 5 kép = 12 trùng.

Diệu giác : Ở Đăng giác, thủy giác và bản giác mới hợp nhất. Nay ở Diệu giác chỉ có bản giác, không nói tới thủy giác nữa. Thể của ba Như Lai Tạng tánh toàn phôi. Dụng của bốn vô ngại pháp giới hiển hiện. Cùng huyền cực diệu bất khả tư nghì thành vô thượng đạo.

(6) Mười ví dụ sâu xa như huyền :

- 1- Nghiệp như huyền.
- 2- Pháp như lửa bùng.
- 3- Thân như trăng đáy nước.

- 4- Diệu sắc như không hoa.
- 5- Diệu âm như vang trong hang.
- 6- Phật độ như thành Càn-thát-bà.
- 7- Phật sự như mộng.
- 8- Phật thân như ảnh.
- 9- Báo thân như tượng.
- 10- Pháp thân như hóa.

Dụ tuy 10 nhưng pháp không ngoài : 1) Độ sanh. 2) Thuyết pháp. 3) Trang nghiêm Phật độ. 4) Cúng dường Tam-bảo.

Đã nói không thủ thì hễ không chúng sanh để độ, không Phật để cúng dường.

Đã nói không xả thì nhậm vận vẫn độ chúng sanh, vẫn cúng dường Tam-bảo.

Đã nói hết thấy không thì thủ hay xả cũng buông, cả tâm buông cũng tịch. Nên gọi là *Thâm sâu*.

Mười thâm dụ này rút ở đại phẩm Bát Nhã.

(7) Nghĩa kinh diễn đủ biệt tướng. Tên kinh nêu tổng tướng. Nhờ biệt tướng tỏ tường mà khai ngộ. Nhân tổng tướng giản yếu mới có thể phụng trì. Cho nên Như Lai trần bày tường tận nhiều tên. Để người tu dùng trí chiếu cảnh tùy cơ thọ ích, tận chỗ yếu diệu mà viên mãn đường nhân quả. Xét năm tên đều có hai phần mật giáo và hiển giáo. Nay chú thích cũng chia hai phần : a) Mật đề. b) Hiển đề.

I. a) ĐẠI PHẬT ĐỈNH TẤT ĐẤT ĐA BÁT ĐẤT RA VÔ THƯỢNG BẢO AN : **Đại :** Tâm chúng sanh ngang không bờ, sâu không đáy. Chữ Đại ở đây không đối với nhỏ mà là bản thể của tất cả lớn tất cả nhỏ.

Phật đỉnh : Tướng nhục kế ở đỉnh đầu Phật nêu biểu vô thượng tối tôn, vô kiến tối diệu, tức là nhất chân pháp giới (thể đại).

Tát đất đa bát đất ra : Bạch tán cái.

Bạch : Sắc trắng là gốc của các sắc, thuần tịnh tuyệt nhiễm (tướng đại).

Tán cái : Lọng trùm che (dụng đại).

Vô thượng bảo ấn : Nhất chân pháp giới viên dung tuyệt đãi. Phật Tổ đều truyền tâm ấn.

b) THẬP PHƯƠNG NHƯ LAI THANH TỊNH HẢI NHÃN :

Thanh tịnh : Là phân biệt, tuyệt năng sở.

Hải : biển : Tâm mông mênh bát ngát.

Nhãn : mắt : trí. *Hải nhãn :* Mắt trí tuệ soi biển tâm như ánh sáng hạt châu tự chiếu sáng hạt châu.

II. a) CỨU HỘ THÂN NHÂN ĐỘ THOÁT ANAN : Thần chú Thủ Lăng Nghiêm cứu hộ Anan và Ma Đăng Già.

b) TÁNH TỶ-KHEO-NI ĐƯỢC TÂM BỒ-ĐỀ NHẬP BIẾN TRI HẢI : **Được tâm Bồ-đề :** Đốn ngộ căn tánh. **Nhập biến tri hải :** Vào biển chân tâm, viên trí biết vạn pháp duy tâm.

III. a) NHƯ LAI MẬT NHÂN : **Nhân :** Căn tánh không sanh diệt, viên thông diệu thể, y đây sẽ chứng Bồ-đề. **Mật :** Phàm phu, ngoại đạo, tiểu thừa, quyền thừa không biết.

Như Lai mật nhân : Nhân tu để thành Phật mà ít người biết đến.

b) TU CHỨNG LIỄU NGHĨA : Đúng nghĩa chân thật.

1- Tu không liễu nghĩa là lần mò theo các sự tướng đến nổi nhọc nhằn vì trần kiếp mà không kết quả.

2- Tu không liễu nghĩa là chỉ lo dẹp phiền não thành khuyết điểm trang nghiêm Tịnh-độ, như người làm ruộng chăm lo cày bừa mà không gieo giống.

3- Tu không liễu nghĩa là dùng thức tâm phân biệt là tánh sanh diệt làm nhân tu. Kết quả mau chậm so với tu liễu nghĩa như một ngày với một đại kiếp.

Tu liễu nghĩa : Dùng căn tu. Y theo thức tinh nguyên minh để trở về Phật tánh. Nhĩ căn là liễu nghĩa trong liễu nghĩa.

Chứng liễu nghĩa : Nhân không, pháp không, câu không, đi đến đầy đủ quả dụng Vô-thượng Bồ-đề.

IV. b) ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG DIỆU LIÊN HOA VƯƠNG :

Đại : Tánh thể ngang dọc không bờ.

Phương : Đầy đủ vạn tướng.

Quảng : Diệu dụng vô tận.

Diệu : Không thể nghĩ bàn.

Liên hoa : Hoa sen dụ cho Như Lai Tạng tâm lược vì hai nghĩa : a- Thanh tịnh. b- Ngay hoa có quả.

Vương : Vua, quyền thế tự tại.

a) THẬP PHƯƠNG PHẬT MẪU ĐÀ-LA-NI CHÚ :

Phật mẫu : Sanh ra chư Phật.

Đà-la-ni : Tổng trì, tổng hết thấy pháp, trì vô lượng nghĩa.

V. a) QUÁN ĐỈNH CHƯƠNG CÚ : Ấn Độ có 5 mật bộ :

1- Kim Cang bộ thờ Phật A Súc ở Đông phương.

2- Quán Đỉnh bộ thờ Phật Bảo Sanh ở Nam phương.

3- Liên Hoa bộ thờ Phật A Di Đà ở Tây phương.

4- Yết Ma bộ thờ Phật Thành Tựu ở Bắc phương.

5- Như Lai bộ thờ Phật Tỳ Lư ở Trung ương. Chùa Na Lan Đà ở Ấn Độ y bộ Quán Đỉnh tìm được xuất xứ kinh Thủ Lăng Nghiêm.

b) CHƯ BỒ-TÁT VẠN HẠNH : Công hạnh Bồ-tát tu từ Càn tuệ đến Viên giác.

THỦ LĂNG NGHIÊM : Định tự tánh có ba tướng :

1- *Diệu định :* Dù ở trong nghiệp báo si mê loạn động, tự tánh bản lai thường định. Công phu tu hành chỉ để trở về bốn định. Nếu phải tu mới có định thì chưa gọi là diệu định.

2- *Viên định* : Chẳng những riêng tâm bất động mà còn thống nhiếp cả vạn sự vạn vật không động. Nếu chỉ kèm chế riêng tâm không động thì chưa phải là viên định.

3- *Đại định* : Động tĩnh nhất như. Nếu còn nhập định xuất định thì chưa phải đại định.



HIỂM NẠN CẦN ĐỀ PHÒNG

A- BẢY THỨ

1. Anan hỏi

Anan đánh lễ chân Phật bạch rằng : Đại oai đức Thế Tôn ! Khéo khai ngộ những mê hoặc vi tế trầm trọng, khiến chúng con hôm nay thân tâm khoan khoái, được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn ! Nếu chân tâm diệu minh tịnh bản lai viên mãn, làm sao lại có sáu đạo hữu tình ? Đó là bản lai tự có hay do tập khí chúng sanh khởi ra ?

Bạch Thế Tôn ! Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương trì Bồ-tát giới, lén dâm dục lại nói cần rằng việc này không có nghiệp báo. Nói vừa xong, nữ căn bốc lửa, sa vào địa ngục vô gián. Vua Lưu Ly giết họ Cù-đàm. Tỳ-kheo Thiện Tinh chủ trương các pháp đoạn diệt. Cả hai đương sống sa vào ngục A-tỳ. Các địa ngục này có chỗ nhất định hay mỗi người tạo nghiệp tự thọ báo riêng ? Xin Phật rủ lòng đại từ khai thị khiến người trì giới nhận nghĩa quyết định, vui mừng kính giữ không dám phạm.

- Hay thay câu hỏi khiến chúng sanh thoát tà kiến. Nghe kỹ, ta vì ông nói. Nay Anan, tất cả chúng sanh chân tánh vốn thật thanh tịnh. Vì vọng kiến thành vọng tập mà chia ra có phận trong và phận ngoài.

2. Tình và tướng phân chia

Này Anan, nhân ái nhiễm phát khởi vọng tình, tình chứa không thôi sanh ái thủy. Gặp thức ăn ngon, miệng chảy nước miếng ; thương nhớ người thân, con mắt lệ tràn ; tham cầu vật báu, thân toát mồ hôi ; vướng mắc dâm dục, hai căn nam nữ chảy dịch khí. Anan, vật ái tuy khác nhưng đồng cảm nước chảy. Nước chảy xuống là tướng sa đọa. Đây là nội phận chúng sanh.

Này Anan, khát ngưỡng phát minh lý tướng. Tướng mãi sanh thẳng khí. Tâm giữ cấm giới, thân thể khinh thanh ; tâm trì chú ấn, con mắt hùng nghị ; tâm ước sanh thiên, chiêm bao bay lên ; tâm tưởng cõi Phật, thánh cảnh thâm hiện ; thờ thiện tri thức, coi nhẹ thân mình. Nay Anan, đối tượng tâm tưởng tuy khác nhưng thẳng khí cất lên thì đồng. Đây là ngoại phận chúng sanh.

Này Anan, thế gian sống chết tiếp nối. Sống thuận tập quán, chết theo nghiệp đối đời. Mạng chung khi chưa hết hơi nóng, thiện ác một đời cùng hiện ra. Chết nghịch sống thuận, hai tập khí giao xen.

Thuần tướng bay lên. Nếu có phước đức trí tuệ và tịnh nguyện thì tự nhiên tâm khai ngộ, thấy mười phương Tịnh-độ, theo nguyện vắng sanh.

Tình ít tướng nhiều, bay lên không cao, làm đại lực quỷ vương, phi hành dạ-xoa, đi khắp bốn cõi trời. Nếu có nguyện hộ pháp thì theo người trì giới, trì chú, thiền định v.v... thường ở dưới pháp tòa Như

Lai.

Tình tưởng cân nhau, không lên không xuống, sanh về nhân gian. Nhiều tưởng thì thông minh, nặng tình thì ngu độn.

Tình nhiều tưởng ít lạc về bàng sanh, nặng làm loài có lông, nhẹ làm giống có cánh.

Bảy tình ba tưởng chìm xuống dưới thủy luân, sanh nơi mé hỏa luân, chịu khí phần của lửa. Thân làm ngã quỷ thường bị đốt cháy, trải trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

Chín tình một tưởng xuống thấu hỏa luân, vào giữa giao giới phong luân và lửa. Nhẹ vào hữu gián địa ngục, nặng vào vô gián.

Thuần tình chìm sâu vào ngục A-tỳ. Nếu lại có tội hủy báng đại thừa, phá cấm giới Phật, giả dối nói pháp để cầu danh lợi, hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng thì còn sanh về mười phương địa ngục.

Theo ác nghiệp gây ra, tự chuốc lấy quả báo nhưng trong đồng phận vẫn có chỗ sẵn.

3. Mười tập nhân

Này Anan, nghiệp báo chúng sanh tự chiêu cảm lấy như gây mười tập nhân thì chịu sáu giao báo.

1) Dâm tập giao tiếp phát sanh cọ sát. Cọ sát không thôi phát ra lửa mạnh. Như người lấy hai bàn tay cọ sát lẫn nhau, cảm giác nóng hiện ra. Hai tập khí đốt nhau nên có những việc giường sắt, trụ đồng. Tất cả các đức Như Lai gọi dâm dục là lửa mạnh. Bồ-

tát tránh dâm dục như tránh hầm lửa.

2) Tham tập thâm hút không thôi cảm thành hơi lạnh nên có giá cứng nẻ nứt. Ví như hút gió có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lẫn nhau nên có các địa ngục ba ba, tra tra, la la, sen xanh. Mười phương Như Lai gọi tham cầu là biển nước. Bồ-tát tránh tham như tránh biển độc.

3) Mạn tập lẫn lướt lẫn nhau, ý thể không thôi nên có sự bồn ba sôi nổi, chứa lại thành nước. Ví như chép miệng tự khiến nước bọt chảy ra. Hai tập khí cố động lẫn nhau cảm quả báo sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, uống nước đồng sôi v.v... Mười phương Như Lai gọi ngã mạn là uống nước si mê. Bồ-tát tránh ngã mạn như sợ vực thẳm.

4) Sân tập xung đột lẫn nhau, chống đối mãi không thôi. Tâm nóng phát lửa nấu cái khí thành kim loại, cảm quả báo núi dao, đòn sắt, cây gươm, bánh xe gươm v.v... Như người hàm oan sát khí hiện rõ. Hai tập khí kích thích nhau nên có các sự thiến, cắt, chém, chặt, dùi, đập, đánh. Mười phương Như Lai gọi nóng giận là dao gươm bén. Bồ-tát tránh nóng giận như sợ chém giết.

5) Tập quán giả dối dụ dỗ, lôi kéo, dẫn dắt không thôi nên có dây, cây, thòng lọng, cẳng nọc. Ví như nước thấm ruộng thì cỏ cây chóng lớn. Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông cùm xiềng xích, roi gậy, qua bổng. Mười phương Như Lai gọi giả dối là sàm tặc. Bồ-tát tránh gian dối như tránh beo sói.

6) Tập quán lừa gạt, gian phỉnh mãi không thôi,

cảm quả báo bụi đất, đại tiện, tiểu tiện, các đồ nhơ nhớp. Như gió tung bụi khiến mờ mịt không trông thấy rõ. Hai tập khí giúp nhau nên có những sự chìm đắm, nhảy, ném, rơi, trôi lăn. Mười phương Như Lai gọi sự lừa gạt là cướp giết. Bồ-tát tránh lừa gạt như đắm phải rắn độc.

7) Oán tập hiềm khích lẫn nhau phát sanh hiềm giận, cảm quả báo quăng đá, ném gạch, xe cũi, bình đựng, dẫy bọc. Như người hiềm độc ôm ấp lòng ác. Hai tập khí nuốt nhau nên có những sự ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, gieo, ôm. Mười phương Như Lai gọi thù oán là quỷ Vi-hại. Bồ-tát tránh thù oán như sợ rọu độc.

8) Tập quán ác kiến tranh cãi với nhau. Ngã kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ, phát sanh chống trái lẫn nhau. Nên có quan lại chứng thực nắm giữ giấy tờ. Như đông người đi đường qua lại gặp nhau. Hai tập khí giao nhau nên có các sự khám hỏi, mưu mẹo, khảo tấn, đòi hỏi gạn xét, cứu tra. Những đồng tử thiện ác cầm sổ sách biện bạch tranh cãi. Mười phương Như Lai gọi ác kiến là hàm ái kiến. Bồ-tát tránh những thiên chấp như đứng bên hố độc.

9) Tập quán vu vạ làm hại lẫn nhau nên có núi ép, đá ép, cối nghiền, cối xay. Ví như kẻ sàm tặc áp bức vu oan người lương thiện. Hai tập khí an bài lẫn nhau nên có các sự áp giải, đè đập, ép huyết, lột da. Mười phương Như Lai gọi sự vu vạ là sàm hồ (sàm : gièm pha ; hồ : ăn thịt người). Bồ-tát tránh sự vu vạ như sợ sấm sét.

10) Tập quán kiện thưa, phát sanh do sự che

giấu. Như thế nên có gương soi, đuốc chiếu như giữa ban ngày không giấu bóng được. Hai tập khí phô bày lẫn nhau nên có bạn ác, nghiệp kính, hỏa châu, phơi bày nghiệp xưa, đối nghiệm các việc. Mười phương Như Lai trách sự che đậy là giặc hại ngầm. Bồ-tát coi sự che đậy như đội núi cao lộ trong biển lớn.



CHÚ THÍCH

MƯỜI NHÂN ĐỊA NGỤC



Theo văn kinh, mỗi nghiệp đều có 2 tập khí : chủng tập (chủng tử) và hiện tập (hiện hành). Hai tập làm nhân, làm duyên lẫn nhau. Nhân duyên đầy đủ quả báo mới kết thành sự việc :

1- DÂM. Dâm là chủng tử. Cọ sát là hiện hành. **Nhị tập tương nhiên** : hai tập đốt nhau. Chủng tử là gốc nhân ví như củi khô. Hiện hành ví như cọ củi, lửa đã phát hiện. Nay lửa có củi khô, củi khô thêm lửa. Chủng tử tham dâm từ nhiều đời đã mạnh. Hiện tập làm tăng thượng duyên. Nhân duyên viên mãn thành lửa địa ngục.

2- THAM. Tham là chủng tử. Thâu hút là hiện hành. **Nhị tập tương lắng** : hai tập lấn cướp nhau. Đời trước đã nhiều tham cầu. Đời này lại gặp duyên để thường phát nghiệp thâu thập. Chủng tử khởi hiện hành, chủng tử càng thêm mạnh. Hiện hành nhân chủng tử mạnh càng dễ bén duyên. Hai tập khí xoay vần làm nhân duyên cho nhau không còn có thể biết gốc nghiệp thật do bên nào.

3- MẠN. Mạn là chủng tử, hiện tướng cậy mình khinh người. **Nhị tập tương cố** : hiện tập cố động chủng tử, chủng tập cố động hiện hành. Hai tập cùng nổi dậy. Ngã mạn càng cao, vực thăm càng sâu.

4- SÂN. Chủng tử là sân, phát tướng bạo nghịch gây gổ. **Nhị tập tương kích** : Chủng tập kích thích hiện hành phát khởi, hiện hành kích thích chủng tử nung nấu tình khí biến thành quả dị thực những đao gươm. Nghiệp ngộ nghịch xung đột chiêu vờ sự chém chặt.

5- GIẢ TRÁ là chủng tử, hiện các tướng gian phỉnh quyền rũ dẫn dụ. **Nhị tập tương diên** : Chủng tử nhờ hiện hành mà tồn tại lâu dài. Hiện tập nhờ chủng tử mà thường được phát khởi. Cứ thế mà thói giả trá kéo dài cả đời, rồi còn đời này sang đời khác. Làm sao tỉnh ngộ được gốc khổ chính ở ngay mình.

6- CUỐNG DỐI. Chủng tử là khinh dối, hiện hành các tướng lường gạt buông lung gian trá. **Nhị tập tương gia** : Hai tập khí giúp nhau gia tăng khiến nghiệp gấp bội. Người gian dối nuôi rắn độc trong lòng mà không ngờ.

7- OÁN là chủng tập, phát ra hiện tập hiềm hận. **Nhị tập tương thôn** : Hai tập nuốt nhau. Oán kết đời trước vẫn còn chủng tử. Đời nay hiện hành thành nghiệp nuốt hận. Hiềm ghét ngậm trong lồng ngực làm độc. Oán tập hiềm giận càng nuốt vào càng thấm sâu.

8- TÀ KIẾN. Tà kiến không giải thành thói bảo thủ mở ra những biện bạch tranh cãi chống đối biện biệt thị phi đem cả sáu căn tạo nghiệp. **Nhị tập tương giao** : Chủng tập thông giao tiếp tay hiện hành, hiện hành thông giao tiếp tay cho chủng tập. Bảo thủ quyết liệt vì kiến chấp vững mạnh, kiến chấp vững mạnh do sức bảo thủ quyết liệt. Cứ như thế nhân càng nhiều tướng mạo thì quả báo càng mở ra lắm sự việc.

9- UỐNG TẬP. Uống tập là chủng tử. Vu vạ là hiện tập. **Nhị tập tương bài** : Hai tập an bài hoàn cảnh cho nhau. Vu vạ là do lòng dạ cong queo. Lòng dạ cong queo thành thói gieo oan vu vạ. Như Lai quả là sàm hồ. Vì đã giết người lại thêm thói gièm pha khuất khúc, dùng áp lực bức người vào cảnh khổ không ánh sáng để soi thấu oan tình. Đâu có dè chính tâm thức mình đang đan dệt lưới thăm độc cho mình.

10- KIỆN THỪA. Kiện tụng là hiện tập. Che giấu (phú tàng) là chủng tập. **Nhị tập tương trần** : Hai tập khí phô bày lẫn nhau. Để dành phần phải, che giấu lỗi mình mà bới lỗi người, thành có chuyện kiện cáo chiêu cảm khổ báo.



4. Sáu giao báo

1) Giao báo về thấy chiêu cảm ác quả. Lâm chung trước thấy lửa hồng đầy khắp mười phương. Thần thức theo khói vào ngục vô gián. Một là thấy sáng, thấy nhiều vật dữ khiếp sợ vô cùng. Hai là thấy tối đen kịt một màu, hoảng hốt vô lượng. Lửa thấy đốt cái nghe làm vạc dầu sôi, nước đồng chảy. Đốt hơi thở làm khói đen, lửa đỏ. Đốt cái nệm làm viên sắt nung đỏ bắt ăn. Đốt cảm xúc làm tro nóng, lò than. Đốt tâm ý sanh ra sao lửa rưới khắp cõi hư không.

2) Giao báo về nghe chiêu cảm ác quả. Lâm chung thấy sóng cuộn ngập trời đất. Thần thức theo dòng vào ngục vô gián. Một là nghe tỏ các thứ ồn ào, tinh thần rối loạn. Hai là điếc hẳn lặng lẽ không nghe gì, thức thần chìm lịm. Sóng nghe rót vào cái nghe làm trách, làm hỏi. Rót vào cái thấy làm sấm, làm thét, làm hơi độc dữ. Rót vào hơi thở làm mưa, làm mù, rưới các sâu độc đầy khắp thân thể. Rót vào cái nệm làm mủ, làm huyết các thứ nhơ nhớp. Rót vào cảm xúc làm con vật, con quỷ, phân tiểu. Rót vào ý nghĩ làm chớp, mưa đá đập nát tâm thức.

3) Giao báo về ngữi chiêu cảm ác quả. Lâm chung thấy hơi độc đầy dẫy xa gần. Thần thức từ đất trời lên vào ngục vô gián. Một là ngữi thông, bị các hơi dữ xông tột bực làm cho tâm rối loạn. Hai là mũi ngạt, hơi thở ngộp nằm chết giấc dưới đất. Hơi xông vào mũi làm ngạt, làm thông. Xông vào cái thấy làm lửa, làm đước. Xông vào cái nghe làm chìm ngập, làm

chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi. Xông vào cái nệm làm thối, làm ương. Xông vào cái xúc làm trương, làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt trùng dồi hút ăn không cùng. Xông vào ý nghĩ làm tro, làm chướng khí, làm gạch đá bay lên quật xuống đánh nát thân thể.

4) Giao báo về vị chiêu cảm ác quả. Lâm chung thấy lưới sắt nung đỏ che khắp thế giới. Thần thức từ dưới tung lên, mắc lưới treo ngược đầu xuống vào ngục vô gián.

1- Nuốt vào thì kết thành giá lạnh, làm nứt nẻ thân thể.

2- Mửa ra thì bay lên thành lửa hồng đốt tận xương tủy.

Vị báo như thế qua cái nệm làm nhận, làm chịu. Qua cái thấy làm các thứ kim thạch đốt cháy. Qua cái nghe làm binh khí sắc bén. Qua hơi thở làm lồng sắt lớn che khắp cõi nước. Qua cảm xúc làm cung, làm tên, làm nổ, làm bắn. Qua ý nghĩ làm sắt nóng bay từ trên không rơi xuống.

5) Giao báo về xúc chiêu cảm ác quả. Lâm chung thấy núi lớn bốn mặt hợp lại không có đường ra. Thần thức thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, hùm sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la-sát đầu ngựa tay cầm thương sóc lùa vào cửa thành hướng về ngục vô gián.

1- Hợp xúc thì núi kẹp ép mình, xương thịt nát ra máu.

2- Ly xúc thì dao gươm chém vào mình, cắt xẻ tim gan.

Xúc báo qua cái xúc làm đường, làm quán, làm sảnh, làm án. Qua cái thấy làm đốt, làm nung. Qua cái nghe làm đập, bắn, đánh, đâm. Qua hơi thở làm trùn, đẩy, làm trói, làm tra. Qua cái nệm làm cày, kìm, chém, chặt. Qua ý nghĩ làm rơi, làm bay, làm nấu nướng.

6) Giao báo về ý nghĩ chiêu cảm ác quả. Lâm chung thấy gió dữ thổi nát cõi nước. Thần thức người chết bị thổi lên trên không, theo gió rơi vào ngục vô gián.

1- Tội mê hoang mang rong chạy không thôi.

2- Có hay biết thì khổ bị đốt cháy đau đớn không cùng.

Ý báo kết vào ý nghĩ thì làm phương, làm sở. Kết vào cái thấy làm gương soi, làm chứng cứ. Kết vào cái nghe làm đá ép, làm giá, làm sương, làm đất, làm mù. Kết vào hơi thở làm xe lửa lớn, làm thuyền lửa, cũi lửa. Kết vào cái nệm làm kêu la to, làm ăn năn khóc lóc. Kết vào cảm xúc làm gió thổi thân phồng lên xẹp xuống, một ngày muôn lần sống chết, làm nghiêng làm ngã.

5. Nghiệp riêng báo chung

Này Anan, thế gọi là mười nhân sáu quả địa ngục, đều do mê vọng mà ra. Nếu sáu căn đồng tạo nghiệp dữ thì vào ngục A-tỳ chịu khổ vô cùng trong vô lượng kiếp. Nếu từng mỗi căn tạo nghiệp, gồm cả cảnh và căn thì phải vào một trong tám ngục vô gián. Nếu cả thân miệng ý làm việc sát đạo dâm thì phải vào một trong mười tám địa ngục. Nếu không đủ ba nghiệp thân miệng ý, hoặc chỉ làm một tội, hoặc sát,

hoặc đạo, hoặc dâm thì phải vào một trong 36 địa ngục. Nếu chỉ một căn riêng làm một việc thì phải vào một trong 108 địa ngục.

Chúng sanh riêng gây nghiệp, vào chỗ đồng phạm, đều do vọng tưởng phát sanh, không phải bản lai tự có.

6. Dư báo

Này Anan, các chúng sanh đó nếu không gây tội chê phá luật nghi, phạm Bồ-tát giới, hủy báng Niết-bàn của Phật mà chỉ phạm những nghiệp tạp khác, thì sau khi bị đốt cháy nhiều kiếp, đền tội ở địa ngục xong rồi sẽ ra làm quỷ.

QUỶ : Nếu nơi bản nhân do tham vật làm tội, gặp vật thành hình gọi là *Quái quỷ*. Do tham sắc làm tội, gặp gió thành hình gọi là *Bạt quỷ*. Do dối trá làm tội, gặp loài vật thành hình gọi là *My quỷ*. Do nóng giận làm tội, gặp sâu độc thành hình gọi là *Cổ độc quỷ*. Do thù oán làm tội, gặp vận suy của kẻ thù thành hình gọi là *Lệ quỷ*. Do ngã mạn làm tội, gặp khí thành hình gọi là *Ngã quỷ*. Do lừa gạt làm tội, gặp bóng tối thành hình gọi là *Yểm quỷ*. Do tà kiến làm tội, gặp ánh sáng thành hình gọi là *Võng lượng quỷ*. Do vu vạ làm tội, gặp bùa chú thành hình gọi là *Dịch sử quỷ*. Do bè phái làm tội, gặp người thành hình gọi là *Truyền tống quỷ*.

Này Anan, thuần tình phải đọa lạc. Lửa nghiệp đốt khô rồi ra làm quỷ, đều do vọng tưởng. Nếu ngộ Bồ-đề thì vốn không có gì.

BẢNG SANH : Này Anan, nghiệp quỷ hết, tình tưởng đều không mới làm thân súc sanh, oán đối gặp nhau, đền trả nợ cũ.

Quái quỷ theo vật, vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm *loài chim kiêu*. Bạt quỷ theo gió, gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm những *loài báo điềm xấu như cú quạ*. My quỷ theo súc, súc chết báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm *loài cáo hồ*. Cổ quỷ theo sâu, sâu chết báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm *loài hại độc*. Lệ quỷ theo vận suy, suy tột báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm *loài giun*. Ngã quỷ theo khí, khí tiêu báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm *loài cung cấp thịt ăn*. Yểm quỷ theo bóng tối, tối tiêu báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm *loài cung cấp y phục*. Võng lượng quỷ theo ánh sáng, sáng tiêu báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm các *loài chim mùa*. Dịch sử quỷ theo bùa chú, bùa chú diệt báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm các *loài báo điềm tốt*. Truyền tống quỷ theo người, người chết báo hết, sanh nơi thế gian phần nhiều làm các *loài quần quít bên người*.

Anan, như thế đều do vọng tưởng chiêu dẫn. Nếu ngộ tánh Bồ-đề, các vọng duyên ấy vốn vẫn không có.

Bọn Bảo Liên Hương, Lưu Ly Vương, Thiện Tinh Tỳ-kheo vốn tự gây nghiệp. Nghiệp không từ trên trời sa xuống, không từ dưới đất bật lên, cũng không do người đưa tới. Chỉ tự mình gây ra, tự mình chịu quả. Nơi tâm Bồ-đề đều là phù hư vọng tưởng giả dối ngưng kết.

Này Anan, các loài vật ấy trả quá nợ cũ thì khi lên làm người sẽ đòi lại chỗ thừa. Nếu bên kia có phước đức thì ở trong loài người mà hoàn lại. Không phước đức thì phải làm súc sanh mà đền trả.

Anan nên biết, nếu dùng tiền của hoặc sức người ta thì đền đủ là xong. Nếu nợ thân mạng hoặc máu thịt thì ăn nhau giết nhau trái vi trần kiếp. Trừ khi được pháp Samatha hoặc gặp Phật ra đời, oan nghiệp mới dứt.

NGƯỜI : Loài chim kiêu trả nợ đủ, sanh trong cõi người vào *hạng ngoan cố*. Giống báo điếm xấu trả nợ đủ, sanh trong cõi người vào *hạng quái dị*. Những loài hồ, cáo trả nợ đủ, sanh trong cõi người vào *hạng ngu đại*. Những loài hại độc trả nợ đủ, sanh trong cõi người vào *hạng nham hiểm*. Những loài giun trả nợ đủ, sanh trong cõi người vào *hạng hèn nhát*. Những loài cung cấp thịt ăn trả nợ đủ, sanh trong cõi người vào *hạng nhu nhược*. Những loài cung cấp y phục trả nợ đủ, sanh trong cõi người vào *hạng lao động*. Những loài chim mùa sanh trong cõi người vào *hạng văn học*. Những loài báo điếm tốt sanh trong cõi người vào *hạng thông minh*. Những loài quần quít theo người sanh trong cõi người vào *hạng thông đạt*.

Anan, bọn ấy đều từ vô thủy đến nay, điên đảo gây nghiệp, vay trả thừa thiếu, sanh nhau giết nhau. Nếu không gặp Như Lai, không nghe chánh pháp thì còn xoay vần mãi mãi trong trần lao. Thật đáng thương xót.

7. Mười Tiên

Anan, lại có những người không nương theo chánh giác tu Tam-ma-đề, riêng để tâm củng cố hình hài, vào trong rừng núi những chỗ ít ai đến được, tu tập thành mười thứ Tiên.

1) Kiên cố dùng đồ bổ không ngừng, đạo ăn thành tựu, gọi là *Địa-hành tiên*.

2) Kiên cố dùng cỏ cây không ngừng, đạo thuốc thành tựu, gọi là *Phi-hành tiên*.

3) Kiên cố dùng kim thạch không ngừng, đạo hóa chất thành tựu, gọi là *Du-hành tiên*.

4) Kiên cố làm những động tác không ngừng, khí tinh thành tựu, gọi là *Không-hành tiên*.

5) Kiên cố luyện nước bọt không ngừng, nhuận đức thành tựu, gọi là *Thiên-hành tiên*.

6) Kiên cố hấp thụ tinh hoa không ngừng, hấp thụ thành tựu, gọi là *Thông-hành tiên*.

7) Kiên cố làm thuật phù chú không ngừng, thuật pháp thành tựu, gọi là *Đạo-hành tiên*.

8) Chuyên chú kiên cố tâm niệm không ngừng, chuyên niệm thành tựu, gọi là *Chiếu-hành tiên*.

9) Kiên cố thủy hỏa giao cầu không ngừng, cảm ứng thành tựu, gọi là *Tinh-hành tiên*.

10) Kiên cố tập luyện biến hóa không ngừng, giác ngộ thành tựu, gọi là *Tuyệt-hành tiên*.

Anan, bọn ấy đều ở trong loài người luyện tâm,

tuy không tu chánh giác nhưng riêng được lẽ sống, thọ ngàn vạn tuổi, nghỉ ở trong núi sâu hoặc trên đảo giữa bể cả, cách tuyệt chỗ người ở. Đó cũng là vọng tưởng luân hồi lưu chuyển. Nếu không tu chánh định thì khi quả báo hết rồi, trở lại tảo vào trong sáu đạo.

8. Các cõi trời

DỤC GIỚI

Anan, người không cầu thường trụ, chưa rời bỏ được ân ái nhưng không tà dâm, tâm định phát sáng. Mệnh chung ở gần mặt trời, mặt trăng gọi là *Tứ Thiên Vương*.

Dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư chưa được toàn vị. Mệnh chung vượt mặt trời mặt trăng gọi là *trời Đạo Lợi*.

Gặp cảnh dục tạm theo, bỏ đi không nhớ, ở thế gian động ít tĩnh nhiều. Mệnh chung sáng rõ ở yên trong hư không, mặt trời mặt trăng không soi tới được. Tự thân mình có ánh sáng gọi là *trời Tu Diệm Ma*.

Lúc nào cũng tĩnh nhưng gặp cảm xúc chưa chống đối được, mệnh chung lên trên chỗ tĩnh vi, kiếp hoại tam tai không đến nơi, gọi là *trời Đâu Suất*.

Tự không dục tâm, chỉ đáp ứng với người khác, dục cảnh vô vị như ăn sáo. Mệnh chung vượt lên sanh vào cảnh biến hóa, gọi là *trời Lạc Biến Hóa*.

Tuy đồng với thế gian trong ngũ dục nhưng tâm siêu thoát. Mệnh chung vượt trên tất cả những cảnh

biến hóa và không biến hóa, gọi là *trời Tha Hóa Tự Tại*.

Anan, sáu cõi trời này thân hình tuy không động nhưng tâm còn dấu vết gọi là *Dục-giới*.

SẮC GIỚI

Anan, thế gian tu tâm không nhờ Thiền-na, không có trí tuệ, chỉ giữ thân không dâm dục. Đi đứng nằm ngồi ái nhiễm không sanh, thân làm phạm lỗi gọi là *trời Phạm Chúng*.

Tập quán ngũ dục đã trừ, vui vẻ thuận theo luật nghi, thật hành phạm đức gọi là *trời Phạm Phự*.

Thân tâm viên thoát, oai nghi không thiếu, cấm giới trong sạch lại thêm minh ngộ, liền được thống lãnh phạm chúng, làm đại phạm vương gọi là *trời Đại Phạm*.

Anan, ba tầng lưu này, tất cả khổ não không bức bách được. Tuy không phải chánh định nhưng tâm thanh tịnh không nhiễm những lỗi lầm của dục giới, gọi là *SƠ THIÊN*.

Anan, các hàng Phạm Thiên thống lãnh phạm chúng, phạm hạnh viên mãn, trừng tâm phát sáng gọi là *trời Thiếu Quang*.

Quang quang rực rỡ chói rọi không cùng, ánh ra mười phương thế giới trong sáng như ngọc lưu ly gọi là *trời Vô Lượng Quang*.

Hút giữ viên quang thành tụ giáo thể, giáo hóa thanh tịnh ứng dụng không cùng gọi là *trời Quang Âm*.

Anan, ba thắng lưu này tất cả lo buồn không bức bách được. Tuy không tu chánh định nhưng tâm thanh tịnh, đã dẹp thô lậu gọi là *NHỊ THIỀN*.

Anan, dùng hào quang viên mãn làm việc giáo hóa. Do giáo hóa càng rõ lẽ nhiệm màu, tinh tấn với cái vui tịch diệt gọi là *trời Thiếu Tịnh*.

Cảnh thanh tịnh hiện tiền dẫn phát không bờ bến, thân tâm khinh an thành cái vui tịch diệt gọi là *trời Vô Lượng Tịnh*.

Thế giới thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, cảnh thù thắng hiện tiền, khắp vui tịch diệt gọi là *trời Biến Tịnh*.

Anan, ba thắng lưu này tuy chẳng phải chân chính Tam-ma-đề nhưng thành tựu đầy đủ đại tùy thuận, thân tâm an ổn, được vui vô lượng gọi là *TAM THIỀN*.

Anan, quan sát vui không thường còn nên xả cả khổ vui. Tướng thô nặng đã diệt, sanh phước thanh tịnh gọi là *trời Phước Sanh*.

Tâm phóng xả viên mãn, sự nhận hiểu cao xa càng thanh tịnh, được đại tự tại lâu dài gọi là *trời Phước Ái*.

Anan, từ cõi trời này có hai đường rẽ :

a) Dùng tâm sáng suốt thanh tịnh vô lượng đã sẵn mà tu chứng, an trụ nơi phước đức viên minh gọi là *trời Quảng Quả*.

b) Nghiền ngẫm nhằm chán khổ vui đi đến xả cùng tột, trải 500 kiếp thân tâm tiêu diệt, ý nghĩ bất lạng. Vì

không phát minh được tánh vô sanh diệt, lấy diệt làm nhân tu nên vẫn ở trong vòng sanh diệt. Nửa kiếp đầu diệt, nửa kiếp sau sanh gọi là *trời Vô Tướng*.

Anan, bốn thắng lưu này, tuy chẳng phải chân chính Tam-ma-đề nhưng tâm hữu sở đắc công hạnh thuần thực, khổ vui thế gian không động tới được gọi là *TỨ THIỀN*.

Cõi này lại có năm cảnh giới của những vị đã diệt hết tập khí chín phẩm tư hoặc của dục giới. Không có ngôi vị ở hạ giới nên an lập trong chúng đồng phận của tâm xả : 1) *Trời Vô Phiền* khổ vui đều diệt, không còn ưa ghét. 2) *Trời Vô Nhiệt* tự tại không còn năng xả sở xả. 3) *Trời Thiện Kiến* khéo thấy mười phương thế giới viên trừng, không còn trần tướng hôn trầm ô trược. 4) *Trời Thiện Hiện* đào luyện nung đúc thân tâm khiến tri kiến được thanh tịnh tinh sáng không bị chướng ngại. 5) *Trời Sắc Cứu Cánh* rất ráo biết rõ quần cơ, cùng tột tánh của sắc pháp, vào vô biên tế. 5 *BẤT HOÀN THIÊN* ở Tứ thiên, bốn Thiên Vương chỉ kính nghe biết, chớ không hề được thấy. Cũng như nhân gian rừng sâu đồng rộng vẫn có A-la-hán trụ trì trong các Thánh đạo tràng nhưng người đời không thể thấy.

Anan, 18 cõi trời này sống độc thân trong sạch, không giao hợp, sắc thân tốt đẹp nhưng còn cái lụy về hình hài.

Đỉnh Sắc-giới có hai đường rẽ :

1) Xả tâm phát tuệ, tuệ quang viên thông, ra khỏi trần giới thành A-la-hán, vào Bồ-tát thừa gọi là *Hồi tâm đại A-la-hán*.

2) Nếu tại xả tâm có cảm giác còn thân còn chướng ngại nên tiêu ngại vào Không, gọi là *Không xứ*. Ngại đã tiêu nhưng còn vô ngại vì còn thức A-lại-da và nửa phần vi tế của Mạt-na, gọi là *Thức xứ*. Sắc không đã hết, thức tâm đã diệt, mười phương tịch lặng gọi là *Vô sở hữu xứ*. Thức tánh không động, lại diệt đến cùng. Cái không thể tận cứ cho là đã tận, như không mà còn, gọi là *Phi tướng phi phi tướng xứ*. Xét cùng cái không mà chẳng nắm được Không-lý :

a) Ở cõi trời Bất Hoàn dùng Thánh đạo để nghiên cùng gọi là *Bất hồi tâm độ A-la-hán*.

b) Ở cõi trời vô tướng ngoại đạo để xét cùng, không quay trở lại, không nghe chánh pháp, thì sẽ luân hồi.

Này Anan, các cõi trời phàm phu nói trên còn y nhiên trong vòng sanh tử. Thiên Vương thường là Bồ-tát tu Tam-ma-đề để tiến lên các Thánh vị.

9. A tu la

1) Quỷ, sanh trứng, ở hư không, do sức bảo hộ chánh pháp được thần thông.

2) Loài người, thai sanh, ở gần mặt trời mặt

trăng. Từ cõi trời vì đức kém phải sa đọa.

3) Loài trời, hóa sanh, sức mạnh không sợ ai, tranh quyền với cả Phạm Vương Đế Thích, bàn tay nắm cầm được cả thế giới.

4) Bàng sanh, thấp sanh, sanh trong biển lớn, ban ngày đi chơi trên hư không, tối về ngủ dưới nước.

10. Kết khuyến

Này Anan, bảy thú đều là những tướng hữu vi tối tăm, vọng tưởng thọ sanh, vọng tưởng theo nghiệp, chỉ như không hoa ở trong bản tâm vô tác diệu minh, vốn là hư vọng chẳng có cội gốc manh mối. Chỉ vì không chứng được chân tánh thanh tịnh nên cứ luân hồi trải vô lượng kiếp. Thuận sát đạo dâm thì đi xuống. Không sát đạo dâm thì đi lên. Lên xuống, xuống lên thành tánh luân hồi. Khéo tu tập phát huy pháp Tam-ma-đề, bản tánh diệu tịch còn không có bất sát bất đạo bất dâm hưởng chi lại có sát đạo dâm. Không đoạn ba nghiệp, mỗi mỗi đều có phần. Ai nấy riêng tạo tội nhưng đồng nghiệp chịu quả vẫn có chỗ nhất định. Từ vọng phát sanh mà vọng lại không nguồn gốc.

Ông tận sức cố gắng tu hành nhưng cốt yếu phải trừ ba hoặc. Ba hoặc chưa hết, dầu được thần thông cũng chỉ là công dụng hữu vi của thế gian. Tập khí mê lầm không diệt quyết lạc vào đường ma, tuy muốn trừ vọng càng thêm hư ngụy. Như Lai bảo là rất đáng thương xót. Như thế đều do vọng tự lầm, không phải lỗi của tánh Bồ-đề. Nói như vậy là chính thuyết. Không nói như vậy là ma vương.



B- NGŨ ẤM MA

1. Nguyên Do Ma Sự

Thời thuyết pháp đã chấm dứt. Nơi sư tử tòa, Như Lai xoay thân tử-kim-sơn trở lại dựa vào ghế, bảo Anan và đại chúng :

“Hàng Thanh-văn Duyên-giác hữu học các ông ngày nay đã hồi tâm hướng về Vô-thượng Bồ-đề. Tôi đã chỉ dạy đường tu chân chính nhưng còn những ma sự vi tế. Trong khi tu Chỉ Quán, cảnh ma phát hiện, ông không đề phòng tâm kỹ sẽ lạc tà kiến. Hoặc ma ngũ ấm khởi, hoặc gặp Thiên ma quỷ thần lỵ mỵ. Trong tâm không rõ, nhận giặc làm con, hoặc được một ít đã cho là đủ. Như vô văn Tỳ-kheo mới được đệ tử thiền, tự xưng chứng Thánh. Báo tận, tướng suy hiện ra, báng Phật rằng : “Phật bảo A-la-hán không còn tái sanh mà nay tôi là A-la-hán lại phải thọ sanh”, đọa ngục A-tỳ. Các ông nghe kỹ, tôi vì các ông phân biệt chín chắn”.

Anan đứng dậy cùng hàng hữu học vui mừng đánh lễ, kính nghe đức Phật từ bi dạy bảo.

– Các ông nên biết, 12 loài chúng sanh trong thế giới hữu lậu, tâm thể giác viên bản giác diệu minh, không hai không khác. Do mê chân lý, dùng vọng tưởng thành ra lỗi lầm. Si ái phát sanh, phát mê cùng khắp nên có hư không. Mê mãi không thôi mới có thể

giới. Mười phương vi trần cõi, trừ những cảnh giới vô lậu, đều do vọng tưởng kiến lập. Nên biết hư không sanh trong tâm ông chỉ như phiền mây điểm trên bầu trời, huống nữa là các thể giới ở trong hư không. Một người phát tâm quy nguyên thì mười phương hư không tiêu sạch. Làm sao trong hư không các quốc độ không bị chấn liệt ? Các ông tu thiền định, trang nghiêm pháp Tam-ma-đề, tâm tinh thông hợp với mười phương Bồ-tát và vô lậu đại A-la-hán, tại chỗ trạm nhiên trùng lặng. Còn các ma vương quỷ thần, trời phàm phu thấy cung điện mình vô có đồ võ. Đất liền chấn động nứt vỡ. Các loài trên cạn dưới nước bay nhảy kinh sợ. Phàm phu tối tăm không rõ. Bọn ma này đã có năm thần thông, chỉ thiếu lậu tận thông nên còn luyện tiếc trần lao, làm sao lại để cho ông đập vỡ chỗ ở. Vậy nên các quỷ thần thiên ma, vọng lượng yêu tinh xúm nhau khuấy phá chánh định.

Ma tuy giận dữ nhưng còn trần lao, đối với các ông ở trong diệu giác như gió thổi ánh sáng, như dao chém như nước dâu có ngại gì. Ông như nước sôi, họ như nước đá, tạm gần hơi ấm liền bị chảy tan. Họ nhiều thần lực nhưng vẫn là khách. Chỉ tại ngũ ấm chủ nhân mê muội nên khách mới được phương tiện khuấy phá.

Tu thiền, giác tỉnh không mê, ma không làm gì được. Năm ấm tiêu trừ, vào tánh viên minh. Tà ma tối tăm đến gần tự tan, đâu dám bén mảng. Nếu không tỏ ngộ, để ngũ ấm làm mê, thời chính Anan là con của ma, mai đây sẽ thành ma. Cô Đẳng Già sức còn hèn kém, chỉ dùng chú thuật khiến ông phá Phật luật nghi. Vì tâm

thanh tịnh nên ông chưa bị chìm đắm. Còn bọn ma này có thể phá hại toàn thân bảo giác của ông. Như quan tể tướng bỗng nhiên bị cách chức, tịch thu gia sản, lệnh đênh tan nát không người thương cứu.

2. Liệt Kê Năm Ấm Ma

SẮC ẤM

Anan, ông ngồi đạo tràng tiêu diệt các niệm. Nếu tâm ly niệm sáng tỏ, động tịnh không rời, nhớ quên như một, thì tánh biết được diệu tịnh nhưng chưa phát quang. Trong Tam-ma-đề như người mắt sáng ở chỗ rất tối. Đây là còn ở trong khu vũ của sắc ấm. Nếu mười phương đồng khai, tăm tối tan đi mới là hết sắc ấm, vượt khỏi *kiếp trước*. Xét kiếp trước cội gốc nguyên do là *Kiên cố vọng tưởng*.

1) Anan, đương khi tinh nghiên tánh diệu minh, bốn đại không kết hợp, trong một thời gian ngắn thân có thể ra khỏi các ngăn ngại. Ấy là tinh minh trào ra tiền cảnh. Đây do công phu cố gắng tạm được như thế. Không phải chứng Thánh. Biết rõ thì là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

2) Anan, đương khi chín xét tánh diệu minh, bỗng thấu suốt được trong thân, tay nhặt ra các giun sán mà thân không bị tổn thương. Đây là tinh minh trào vào hình thể. Tu hành tinh tấn tạm được như vậy. Nếu biết rõ thì là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

3) Đương khi chín xét trong ngoài, ý chí hồn phách xáo trộn đập đối nhau làm chủ khách, bản thân vẫn bình an. Bỗng đứng ở giữa hư không nghe tiếng thuyết pháp hoặc nghe mười phương đồng

diễn bày nghĩa thâm mật. Ấy là tinh thần đáp đối khi ly khi hợp thành tự thiện chủng. Tạm được như thế. Biết rõ thì tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

4) Lại dùng tâm đứng lặng sáng suốt ấy, nội quang phát minh, khắp cả mười phương thành sắc diêm-phù-đàn, tất cả các loài hóa thành Như Lai. Bỗng thấy đức Tỳ Lư Giá Na ngồi đài Thiên Quang, ngàn Phật vây quanh. Trăm ức quốc độ cùng với hoa sen đồng thời hiện ra. Ấy là ý thức tiêm nhiễm những Thánh giáo đã nghe. Nay ở trong diệu định, tâm quang nghiên cứu, cùng cực phát minh, chiếu soi các thế giới. Tạm được như thế, không phải chứng Thánh. Biết rõ thì là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

5) Đương khi chín xét tánh diệu minh, quán chiếu không ngừng, đề nén uốn dẹp thái quá. Bỗng nhiên mười phương hư không thành sắc bảy báu hoặc trăm báu, đồng thời cùng khắp xen hòa với nhau. Xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi mỗi thuần hiện. Biết rõ thì là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

6) Đương khi chín xét tánh diệu minh, tâm trong sáng không tán loạn. Nửa đêm bỗng thấy sáng như ban ngày. Lại thấy trong nhà có những vật lạ mà những vật cũ vẫn y nguyên. Đây là do định tâm trừng lặng nên sáng suốt. Biết rõ thì là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

7) Đương khi dùng tâm ấy khắp vào tánh hư

dung, bốn vóc bỗng đồng như cỏ cây, lửa đốt, dao chém, không hề thấy đau. Ấy là đã viên dung với trần cảnh, diệt tánh của tứ đại, thuần giác quên thân. Biết rõ thì là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

8) Đương khi tâm ấy thành tự tánh thanh tịnh, công dụng tốt bậc. Bỗng thấy mười phương núi sông đại địa đều là cõi Phật, bảy báu chói sáng. Lại thấy hằng hà sa Như Lai, đầy khắp hư không lâu đài hoa lệ. Dưới thấy địa ngục, trên thấy thiên cung, không gì chướng ngại. Đây là tư tưởng ưa tịnh chán uế chứa nhóm đã lâu. Nay công phu bức cực, tâm quang phát hiện các cảnh Tịnh-độ, uế độ. Biết rõ thì gọi là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

9) Đương khi tâm ấy nghiên cứu thâm sâu, bỗng nửa đêm thấy rõ chợ búa, làng mạc, bà con quyến thuộc ở phương xa, cũng nghe họ nói. Đây là nén ép tâm linh tốt bậc nên nó bay ra, thấy được chỗ xa cách. Biết rõ thì gọi là cảnh giới tốt. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

10) Đương khi tâm ấy nghiên cứu cùng tột, thấy thiện tri thức vô có hình thể thay đổi nhiều thứ trong giây lát. Đây là tà tâm bị ly my thiên ma nhập vào tim gan, thuyết pháp thông suốt diệu nghĩa. Biết rõ thì ma sự dần dần tự tiêu. Nếu tự cho chứng Thánh liền mắc tà kiến.

Anan, mười cảnh hiện ra trong thiền định đều do sắc ấm và tâm công dụng giao xen. Chúng sanh ngu mê không biết suy xét tự lượng. Gặp nhân duyên

ấy tự nói là chứng Thánh, thành tội đại vọng ngữ, đọa ngục vô gián. Sau khi Như Lai diệt độ, các ông nên y lời Phật dạy, khai thị nghĩa này cho đời mặt pháp, không để thiên ma được dịp khuấy phá. Giữ gìn che chở cho người tu hành sớm thành đạo Vô-thượng.

THỌ ẤM

Anan, thiện nam tử tu Tam-ma-đề, sắc ấm đã hết. Thấy tâm chư Phật như bóng hiện trong gương, tuy thấy bản giác minh tâm mà chưa phát dụng tự tại. Như người bị bóng đèn, tay chân y nguyên, thấy nghe rõ ràng nhưng vương khách tà nên không cử động được. Đây là còn ở trong khu vũ của thọ ấm.

Hết thọ ấm, thoát *kiến trực*, tâm có thể rời thân, quay lại thấy mặt, đi ở tự do không chướng ngại. Xét nguyên do của kiến trực là *Hư minh vọng tướng*.

1) Thiện nam tử trong định sáng suốt, phát minh chân tâm nhưng chưa tự tại. Công phu đè nén quá phận, bỗng bị tâm mãnh liệt, coi muỗi mòng như con đỉ, xót thương chảy nước mắt. Tỉnh ngộ thì lâu dần tự hết. Nếu nhận mình chứng Thánh, ma sào bi liền vào tim gan, đau xót kêu khóc, sai mất chánh thọ sẽ bị luân trụ.

2) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ, cảnh tốt hiện ra, cảm kích quá phần, dừng mãnh vô hạn, chí bằng chư Phật. Cho rằng một niệm

vượt quá 3 a-tăng-kỳ. Đây là dụng công quá mức. Ngộ thì dần dần tự hết. Nếu tự nhận đã chứng Thánh liền có ma ngông cuồng vào tim gan. Gặp ai cũng khoe. Ngã mạn trên không thấy Phật dưới không thấy người, sai mất chánh thọ sẽ bị luân trụ.

3) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm tỏ rõ, đường trước không chỗ chứng mới, lui về thì chỗ cũ đã mất. Trí lực suy kém sanh khô khao. Trong tất cả thời thầm nhớ tưởng sâu kín không tan, tự cho như thế là tinh tấn. Đây là tu hành kém tuệ, tự sanh lầm lạc. Nếu biết thì dần dần sẽ hết. Nếu tự cho là chứng Thánh, ma nhớ liền vào tim gan, ngày đêm để tâm một chỗ, sai mất chánh thọ sẽ bị luân trụ.

4) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ. Sức tuệ mạnh mẽ sắc bén. Thấy tâm mình và Phật nhất như, tự tánh bản lai là Phật. Tự ngỡ mình là Phật Lư Xá Na, ôm ấp niệm ấy trong lòng. Biết thì dần dần tiêu. Nếu nhận mình chứng Thánh, ma hạ-liệt liền vào tim gan, tự xưng đã được Vô-thượng đệ nhất nghĩa đế, sai mất chánh thọ sẽ bị luân trụ.

5) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ. Chưa chứng chỗ mới mà tâm cũ đã mất, cho là nguy hiểm, ưu lo vô tận, như ngồi giường sắt, như uống thuốc độc. Tâm không muốn sống, thường cầu người khác hại thân mạng mình. Đây là tu hành sai mất phương tiện. Biết thì dần dần tự hết. Nếu nhận mình chứng Thánh, ma lo sào bi liền vào tim gan, cầm dao tự cắt thịt mình để được bỏ mạng. Hoặc trốn vào rừng núi, không muốn thấy ai. Sai mất

chánh thọ sẽ bị luân trụ.

6) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ. Tâm thanh tịnh an ổn bỗng mừng vô hạn không thể tự kiềm. Đây là khinh an không tuệ tự chủ. Nếu biết thì dần dần hết. Nếu nhận mình chứng Thánh, ma vui mừng liền vào tim gan. Gặp ai cũng cười, ra đường ca múa, tự cho là đã được vô ngại giải thoát, mất chánh thọ sẽ bị luân trụ.

7) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ. Tự cho là đủ, sanh đại ngã mạn. Cho đến mạn, quá mạn, mạn quá mạn, tăng thượng mạn, ty liệt mạn, một thời đều đủ. Trong tâm khinh thường cả mười phương Như Lai, hướng là các bậc dưới như Thanh-văn, Duyên-giác. Đây là thắng giải quá cao, không tuệ tự cứu. Biết thì dần dần hết. Nếu nhận mình chứng Thánh, liền có ma ngã mạn vào tim gan. Không lễ chùa tháp, phá hư kinh tượng, dạy đàn việt rằng : “Phật là đất gỗ đồng vàng. Kinh là lá cây giấy lụa. Xác thịt chân thường không kính trọng, lại đi sùng bái đất gỗ thật là trái ngược”. Những người mê tin phá vỡt chôn bỏ. Vì nghi ngờ lầm lạc chúng sanh đọa vô gián ngục. Vì mất chánh thọ mà luân trụ.

8) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ. Ở trong tinh minh, viên ngộ tinh lý được đại tùy thuận. Tự thấy vô lượng khinh an, tự cho là đã chứng Thánh, được đại tự tại. Đây là nhân tuệ được khinh an. Biết thì là cảnh giới tốt. Nếu nhận mình chứng Thánh, ma ưa khinh thanh liền vào tim gan, tự cho đã đủ không cần tu nữa. Bọn này phần nhiều là các Tỳ-kheo ít học, gây nghi ngờ lầm lạc cho

chúng sanh, đọa ngục A-tỳ. Vì mất chánh thọ nên bị luân trụ.

9) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ. Vì tỏ ngộ được tánh hư minh nên chủ trương đoạn diệt, bác không nhân quả, một mực cho rằng vạn pháp rỗng không. Biết thì dần dần sẽ hết. Nếu nhận mình chứng Thánh, ma Không liền vào tim gan, chê bai người giữ giới là tiểu thừa. Bồ-tát đã ngộ tánh Không thì có gì là trì với phạm. Ở nhà đàn việt uống rượu, ăn thịt, làm điều dâm uế. Sức ma nhiếp phục khiến người không nghi báng. Ma thâm nhập lâu ngày, ăn phân uống nước tiểu coi như rượu thịt. Phá Phật luật nghi, khiến người lầm lạc. Mất chánh thọ sẽ bị luân trụ.

10) Thiện nam tử trong định, sắc ấm đã tiêu, thọ ấm hiển lộ. Cái ý vị của hư minh, thấm thía tận xương tủy. Tâm ái phát cuồng, làm việc dâm dục. Đây vì đắm trước cảnh định an thuận, không tuệ tự giác. Ngộ thì dần dần tự hết. Nếu nhận mình chứng Thánh liền có ma tham dục vào tim gan. Cho dâm dục là Bồ-đề. Người đồng hành dâm là trì pháp tử. Sức tà ma nhiếp phục phạm phu thời mạt pháp, số đến trăm ngàn. Khi ma chán rời, không còn oai đức, sa vào pháp luật. Do nghi ngờ lầm lạc chúng sanh, đọa vô gián ngục. Vì mất chánh thọ nên bị luân trụ.

Anan, mười cảnh xảy ra trong thiền định đều do thọ ấm và tâm công dụng giao xen. Chúng sanh ngu mê không suy xét tự lượng, gặp nhân duyên ấy tự cho là chứng Thánh. Đại vọng ngữ thành, đọa ngục

vô gián. Sau khi ta diệt độ, các ông phải đem những lời này truyền dạy trong đời mạt pháp. Khai ngộ chúng sanh, đừng để thiên ma quấy phá, giữ gìn che chở người tu hành sớm thành đạo vô thượng.

TƯỚNG ẤM

Anan, thiện nam tử tu Tam-ma-đề. Thọ ấm đã hết, tuy chưa tận lậu nhưng tâm đã rời khỏi hình hài như chim sổ lồng. Từ phàm thân tiến lên trải qua 60 Thánh vị. Bồ-tát được Ý-sanh-thân, đi ở tùy tâm không còn ngăn ngại. Ví như có người ngủ say nói mơ. Tuy chính người này không hay biết gì nhưng lời nói có âm vận thứ tự, người không ngủ đều hiểu được. Như thế gọi là còn ở trong khu vũ của tướng ấm.

Bao giờ hết động niệm, phù tướng hư vọng tiêu trừ, tâm giác minh không còn trần cấu. Căn nguyên sanh tử đầu đuôi soi khắp. Gọi là tướng ấm tận, hành ấm phơi lộ, vượt khỏi *phiền não trước*. Xét lại tướng ấm nguyên do cội gốc là *Dung thông vọng tưởng*.

1) Anan, thiện nam tử thọ ấm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, ưa thích viên minh, thúc dục tinh tư tham cầu thiện xảo.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người này không biết bị ma gá, tự cho là đã được vô thượng Niết-bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thiện xảo kia, trải tòa thuyết pháp. Trong giây lát người ấy biến thành Tỳ-kheo, vua Đế Thích, hoặc

thân phụ nữ, hoặc nằm trong nhà tối thân tỏa hào quang. Người tu mê lầm cho là Bồ-tát, tin nghe, chuyển tâm, phá Phật luật nghi, làm việc dâm dục. Ma ưa nói may rủi, Như Lai ra đời chỗ mỗ, kiếp hỏa đao binh để khủng bố. Ma khiến cho gia tư mọi người hao tán. Đây là Quái quỷ tuổi già thành ma, quấy rối sự tu hành. Ma chán bỏ, đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

2) Anan, thiện nam tử thọ ấm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, ưa thích du lịch. Cho tư tưởng bay đi, tham cầu sự từng trải.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác. Người này không biết bị ma gá, tự cho là đã được Vô-thượng Bồ-đề, đến chỗ thiện nam tử thích đi chơi kia, trải tòa thuyết pháp. Thính giả tự thấy mình ngồi trên sen báu, thân vàng chói sáng. Người tu mê lầm cho là Bồ-tát, tin nghe, chuyển tâm, phá Phật luật nghi, làm việc dâm dục. Ma ưa nói các đức Phật ứng hóa ra đời. Người mỗ ở chỗ mỗ là hóa thân Phật mỗ. Người mỗ sẽ đến tức là Bồ-tát mỗ. Người tu hâm mộ. Tà trí tiêu diệt chủng trí. Đây là Bạt quỷ tuổi già thành ma, quấy rối sự tu hành. Ma chán bỏ, đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

3) Anan, thiện nam tử thọ ấm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, tham cầu kế hợp.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử cầu khế hợp, trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự cho là đã được vô thượng Niết-bàn. Các thánh giả trước khi nghe pháp tâm đã khai ngộ, hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc lành dữ thế gian, hoặc nói kệ tụng kinh. Ai nấy vui vẻ được sự chưa từng có. Người tu mê lầm cho là Bồ-tát, phá Phật luật nghi, tâm ái triền miên, làm việc dâm dục. Ma ưa nói Phật có lớn nhỏ, đức Phật mỗi trước, đức Phật mỗi sau, Phật thật Phật giả, Phật trai Phật gái. Người tu mê mất bản tâm, lâm vào tà ngộ. Đây là Mỵ quỷ tuổi già thành ma, quấy rối người tu, chán rời buông bỏ. Đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

4) Anan, thiện nam tử thọ ẩm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, khởi tâm ưa biết cội gốc vạn vật, vận trí biện biệt phân tách sự chuyển hóa từ thủy đến chung.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử cầu hiểu biết kia trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự cho là đã được vô thượng Niết-bàn. Những thánh giả chưa nghe đã kính phục. Ma nói Niết-bàn, Bồ-đề tức là xác thịt hiện tiền. Cha con sanh nhau nối tiếp tức là pháp thân thường trụ. Hiện tại là cội Phật. Không có tịnh cư và thân kim sắc nào khác. Người tu tin lãnh mê mất bản tâm, phá Phật luật nghi, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói sáu căn chính là Tịnh-độ. Hai căn nam nữ chính là Niết-

bàn. Đây là Cổ-độc quỷ tuổi già thành ma, quấy rối người tu, chán rời buông bỏ. Đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

5) Anan, thiện nam tử thọ ẩm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, khởi tâm ưa biết trước các việc, chín xét cùng khắp tham cầu thâm cảm.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử cầu cảm ứng kia, trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự cho là đã được vô thượng Niết-bàn. Thánh chúng thấy Pháp sư như đã trăm ngàn tuổi, tâm sanh ái mộ, thân làm nô bộc, cúng dường bốn sự không biết mỗi một. Người tu lầm là Bồ-tát, mê mất bản tâm, phá Phật luật nghi, làm việc tham dục. Ma ưa nói ta trước trong đời mỗi, độ tên mỗi. Khi đó là thê thiếp anh em nên nay lại độ cho nhau. Hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh là chỗ nghỉ ngơi của tất cả Như Lai. Đây là Lệ quỷ tuổi già thành ma, quấy rối người tu, chán rời buông bỏ. Đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

6) Anan, thiện nam tử thọ ẩm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, siêng năng khắc khổ, thích chỗ thâm vắng, tham cầu yên lặng.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử cầu tĩnh lặng, trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự cho là mình thật

được vô thượng Niết-bàn. Thính chúng ai nấy đều biết nghiệp cũ của mình. Ma nói : “Người này chưa chết đã làm súc sanh”, rồi sai chặn cái đuôi. Người kia đứng dậy không được. Ai vừa mống tâm ma đã biết trước. Ngoài Phật luật nghi ma còn thêm khắc khổ, chê bai Tỳ-kheo, mắng nhiếc đồ chúng, phơì lộ việc người không ngại hiềm oán. Ma ưa nói họa phước chưa tới, về sau chiêm nghiệm mảy may không sai. Đây là Đại-lực quý tuổi già thành ma, quấy rối người tu, chán rồi buông bỏ. Đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

7) Anan, thiện nam tử thọ ẩm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, khởi tâm muốn biết túc mạng.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử kia, trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự cho là mình thật được vô thượng Niết-bàn. Người tu hành bỗng nhiên ở pháp tòa được hạt châu lớn. Hoặc có súc sanh miệng ngậm hạt châu hay những vật lạ như trân bảo, giản sách, phù độc, đến trao cho người tu. Ma ăn cây thuốc hoặc mỗi ngày một hạt mè mà vẫn mập tốt. Đây là quý thần ở núi rừng, thổ địa thành hoàng tuổi già thành ma, phá Phật luật nghi. Cùng với những kẻ thừa sự lên làm việc ngũ dục. Quấy rối người tu, chán rồi buông bỏ. Đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

8) Anan, thiện nam tử thọ ẩm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, khởi

tâm ưa thần thông biến hóa.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử kia, trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự bảo đã được vô thượng Niết-bàn. Ma cầm lửa chia trên đỉnh đầu thính chúng. Lửa bốc dài vài thước mà không ai thấy nóng. Ma đi trên nước như trên đất bằng, ngồi ở hư không bất động. Vào trong bình, trong đẫy, vượt cửa sổ, đi qua tường vách không chút chướng ngại. Chỉ đối với đao binh là không được tự tại. Ma tự nhận là Phật, thân mặc áo trắng, chịu Tỳ-kheo lễ bái, chê bai thiên luật, mắng nhiếc người xuất gia, khen ngợi hành dâm, không bỏ việc thô tục, gọi sự ôm ấp là truyền pháp. Đây là Sơn tinh, Hải tinh, Phong tinh, Hà tinh, Thổ tinh, những tinh mị của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp hoặc là Long-mị, hoặc là Tiên chết rồi sống lại làm Mị, hoặc quả báo đạo Tiên đã hết, hình hài không hư nát, loài quái khác gá vào. Bọn này quấy rối người tu hành, chán rồi buông bỏ. Đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

9) Anan, thiện nam tử thọ ẩm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, khởi tâm ưa nghiên cứu tánh “Không” thâm diệu.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử, trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự bảo đã được vô thượng Niết-bàn. Ở trong đại chúng ma bỗng biến mất rồi từ hư không hiện ra. Hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly. Hoặc duỗi tay chân phát ra mùi thơm chiên đàn. Chê

bai phá hoại Phật giới luật. Khinh rẻ những người xuất gia. Thường nói không nhân quả, chết rồi là diệt hẳn. Làm việc dâm dục. Những người thọ lãnh dâm dục cũng được tâm không, bác không nhân quả. Đây là tinh khí nhật thực, nguyệt thực⁽¹⁾ khiến lân, phụng, quy, hạc, ngàn vạn năm không chết thành tinh, tuổi già thành ma. Quấy rối người tu, chán rồi buông bỏ. Đệ tử cùng Thầy đều sa pháp luật.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

10) Anan, thiện nam tử thọ ẩm hư diệu không mắc tà lự, viên định phát minh. Trong Tam-ma-đề, tâm cầu sống lâu, muốn thoát phận đoạn sanh tử để được biến dịch sanh tử, cho là thường trụ.

Thiên ma được dịp, gá vào người khác, đến chỗ thiện nam tử, trải tòa thuyết pháp. Người này không biết bị ma gá, tự bảo đã được vô thượng Niết-bàn. Ma đi muôn dặm giây lát trở lại, lấy được những vật ở nơi kia đem về. Hoặc ma ở một chỗ chỉ cách vài bước, bảo người ta từ Đông qua Tây, đi thật nhanh mà cả năm không đến. Ma ưa nói : “Mười phương chúng sanh đều là con ta, ta sanh ra chư Phật, ta sanh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên”. Đây là ma Tụ Tại Thiên xuống thế gian. Ma khiến những bọn như Giá-văn-trà, Tỳ-xá đồng tử của Tứ Thiên Vương, đến ăn

⁽¹⁾ Mặt trời bình thường tỏa những tia hồng ngoại xuống khắp nơi để nuôi sống muôn loài. Khi có nhật thực nguyệt thực thì những tia này không tản được khắp nơi mà rơi vào một chỗ. Các loài lân, phụng, quy, hạc và cỏ Linh Chi nếu gặp được dịp này sẽ sống cả ngàn vạn năm.

tinh khí người tu hành, mong lợi ích hư mình của mình. Bọn này tự xưng là thần Chấp Kim Cương đến cho trường thọ. Ma hiện thân gái đẹp đưa người tu vào việc dâm dục, khiến cho chưa đầy một năm gan não đã khô kiệt. Người ngoài chưa biết nguyên do thì phần nhiều đã sa vào pháp luật, chưa kịp hành hình đã chết khô.

Ông nếu không giác ngộ, đọa vô gián ngục.

Anan, đời mạt pháp, mười thứ ma này xuất gia tu hành trong đạo Phật. Hoặc gá thân người, hoặc tự hiện hình, tự xưng đã thành chánh giác. Thầy trò dâm dục truyền nhau, ít thì chín đời, nhiều đến trăm đời, khiến các người tu hành chân chánh thành ma quyến thuộc. Mệnh chung làm ma dân, mất chánh kiến, đọa vô gián ngục.

Ông chưa nên vào Niết-bàn vội. Dù đã được quả vô học cũng phát nguyện ở lại đời mạt pháp, từ bi cứu độ những ai có lòng tin sâu chân chính, khiến cho khỏi mắc tà ma, được chánh tri kiến. Ông vâng lời Phật dạy là báo ơn Phật.

Này Anan, mười cảnh như thế, đều do tướng ẩm và tâm công dụng giao xen. Chúng sanh ngu mê tự xưng chứng Thánh. Đại vọng ngữ thành, đọa ngục vô gián. Sau khi ta diệt độ, các ông phải truyền lại những lời Như Lai cho đời mạt pháp. Không để thiên ma được dịp khuấy rối. Giữ gìn che chở cho người tu hành thành đạo Vô-thượng.

Này Anan, thiện nam tử tu Tam-ma-đề, tướng ấm đã hết, thức không tâm niệm, ngủ không mộng寐, giác minh hư tĩnh, không còn những ảnh sự tiền trần thô trọng. Xem núi sông, đại địa, thế gian như gương soi chiếu, đến không vướng mắc, đi không để lại dấu vết. Rõ ràng không còn tập quán cũ, thuần một tánh tinh chân.

Căn nguyên sanh diệt từ đó phơi lộ. Tuy chưa thông suốt manh mối mạng sống của mỗi chúng sanh nhưng đã thấy cơ sở sanh diệt chung, giống như bóng dã-mã, lớp lớp chớp nhoáng hiện ra, làm cái then chốt phát sanh các phù trần căn. Ấy là còn ở trong khu vũ của hành ấm.

Nếu những lăng xăng chớp nhoáng u ẩn đó vào được tánh trạm nhiên, những tập khí sanh diệt dừng lại như sóng mồi trùng lặng hóa thành nước đứng, mới là hết hành ấm, vượt khỏi *chúng sanh trước*. Xét chúng sanh trước nguyên do là *Uẩn vọng tưởng*.

Anan nên biết, các thiện nam tử chính tâm định tuệ, tới đây mười loài Thiên ma không thể khuấy phá. Nay nghiên cứu tinh vi cùng tột cội gốc sinh loại, lại mống tâm so đo chấp trước, sai lạc vào ngoại đạo, mất chánh biến tri, mê lầm Bồ-đề :

①

Hai luận vô nhân

1) *Chấp gốc không nhân*. Vì cơ sở sanh diệt đã toàn lộ. Nương theo 800 công đức của nhãn căn, thấy

trong tám vạn kiếp tất cả chúng sanh theo dòng nghiệp báo xoay vần. Ngoài tám vạn kiếp mờ mịt không thấy gì, bèn quyết định : mười phương chúng sanh không do nhân gì mà tự có.

2) *Chấp ngọn không nhân*. Vì đã thấy cội gốc sanh diệt, biết người sanh người chim sanh chim, người và trời thân vẫn đứng thẳng, súc sanh thân vẫn nằm ngang. Quạ đen không do nhuộm, hạc trắng không cần tẩy. Suốt tám vạn kiếp không thay đổi, không thấy Bồ-đề, làm sao có việc thành đạo Bồ-đề ?

②

Bốn luận biến thường :

1) Thấy trong hai vạn kiếp, mười phương chúng sanh sanh diệt xoay vần không hề tan mất nên chấp hành ấm là thường.

2) Do tu tập biết được trong bốn vạn kiếp, mười phương chúng sanh sanh diệt nhưng bốn đại là bản thể vẫn thường hằng.

3) Tu tập biết được trong tám vạn kiếp tất cả chúng sanh xoay vần không mất. Xét tột tánh của tám thức tuy biến đổi nhưng thường còn.

4) Tướng ấm là tướng động của thức thứ tám. Nay tướng ấm hết, tướng động tận. Như thế sanh diệt đã hết, hiện tại là chân thường.

3

**Bốn chấp một phần thường,
một phần vô thường :**

1) Quán tâm diêu minh trạm nhiên cùng khắp mười phương thế giới cho là thần ngã. Do đây chấp có cái ta cùng khắp mười phương. Tất cả chúng sanh ở trong tâm ta tự sanh tự chết. Vậy tâm ta chân thường. Bọn sanh diệt kia vô thường.

2) Xét khắp hằng sa quốc độ, chỗ bị kiếp tai phá hoại là vô thường, chỗ không bị kiếp tai phá hoại là thường.

3) Quan sát riêng tâm mình tinh tế nhỏ nhiệm biến chuyển mười phương nhưng tánh không dời đổi, cho là thường. Còn thân sanh diệt là vô thường.

4) Tưởng ấm hết rồi, thấy dòng hành ấm chấp là tánh thường. Còn sắc, thọ, tưởng đã diệt gọi là vô thường.

④

Bốn luận hữu biên :

1) Xét cội gốc sanh diệt lưu chuyển không ngừng. Chấp quá khứ vị lai là hữu biên, tâm tương tục là vô biên.

2) Xét trong tám vạn kiếp thấy có chúng sanh. Tám vạn kiếp trước bắt không thấy gì. Chỗ không thấy là vô biên. Chỗ có chúng sanh là hữu biên.

3) Mình biết cùng khắp là tánh vô biên. Tất cả những người kia hiện ra trong cái biết của mình là tánh hữu biên.

4) Xét cùng hành ấm là không. Thân tất cả chúng sanh một nửa sanh, một nửa diệt. Tất cả sự vật trong thế gian một nửa hữu biên, một nửa vô biên.



⑤

**Bốn luận hư vọng điên đảo biến kế
càn loạn bất tử :**

1) Quan sát cội gốc biến hóa, thấy chỗ dời đổi là biến, chỗ tương tục là thường. Thấy được là sanh, không thấy được là diệt. Các nhân tương tục không đứt đoạn là thêm. Chính trong tương tục chỗ rời nhau ở giữa là giảm. Sanh ra là có, diệt đi là không. Có ai đến cầu pháp thì đáp : “Cũng sanh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng thêm, cũng bớt”.

2) Chín xét tâm mình mỗi mỗi không xứ xứ. Nhân cái Không mà chứng, nên ai hỏi chỉ đáp một chữ “Không”.

3) Chín xét tâm mình mỗi mỗi đều có. Nhân cái Có mà chứng, nên ai hỏi chỉ đáp một chữ “Phải”.

4) Do cảnh rời rạc tâm cũng rối loạn, có ai đến hỏi chỉ đáp : “Cũng có tức là cũng không. Trong cái cũng không tức là cũng có”.

⑥

Sau khi chết có tướng :

Hoặc tự củng cố cái thân, bảo sắc là Ta. Hoặc thấy cái Ta bao trùm khắp cõi nước, bảo rằng Ta có sắc. Hoặc thấy tiền trần theo ta mà xoay chuyển thì bảo rằng sắc thuộc về ta. Hoặc thấy cái Ta nương theo lưu chuyển tương tục, bảo rằng Ta ở nơi sắc. Xoay vần như thế có đến mười sáu tướng. Hoặc chấp rốt ráo phiền não, hoặc chấp rốt ráo Bồ-đề. Cho rằng hai tánh này song song với nhau, không đụng chạm gì nhau.

⑦

Tám luận vô tướng sau khi chết :

Sắc ấm diệt, thân hình nào có gốc. Tướng ấm diệt, tâm không chỗ ràng buộc. Thọ ấm diệt, sáu trần không dính dáng. Tánh các ấm đã tiêu, dầu có sinh lý mà không thọ tướng thì khác gì cỏ cây. Hình chất hiện tiền còn không nắm được, làm sao sau khi chết lại có tướng ? Từ đó chấp Niết-bàn nhân quả đều không. Chỉ có tên suông, rốt ráo đều đoạn diệt.

⑧

Sau khi chết chẳng phải có, chẳng phải không :

Xét sắc, thọ, tướng có mà chẳng phải có. Xét hành ấm chuyển biến, không mà chẳng phải không. Xoay vần như thế cùng tột các ấm, thành tám tướng không phải có, không phải không. Tùy gặp duyên gì đều nói : “Sau khi chết có tướng cũng không tướng”.

⑨

Bảy luận đoạn diệt :

Xét cùng cội gốc sanh loại thường chuyển động uẩn kia, càng về sau càng thấy sẽ là không, sanh tâm đo lường : hoặc chấp hết thân này là diệt, hoặc chấp hết ngũ dục là diệt, hết khổ là diệt, tột vui là diệt, xả hết là diệt. Xoay vần như thế cùng tột đến bảy cách chấp hiện tiền là tiêu diệt, diệt rồi không trở lại nữa.

⑩

Năm luận Niết-bàn :

- 1) Nhận Dục-giới là Niết-bàn chân chánh. Sanh lòng ái mộ vì quán thấy viên minh.
- 2) Hoặc nhận sơ thiền vì đây không còn ưu lo.
- 3) Nhận nhị thiền vì không còn khổ thọ.
- 4) Nhận tam thiền vì rất vui đẹp.
- 5) Nhận tứ thiền vì khổ vui đã hết, cho là không

còn sanh diệt luân hồi.

Người này lầm những cõi trời hữu lậu cho là quả vô vi.

Anan, mười thứ nhận hiểu điên cuồng trong Thiền-na đều do hành ấm và tâm công dụng giao xen. Chúng sanh ngu mê không tự lượng xét. Nhận mê làm ngộ, tự xưng chứng Thánh. Đại vọng ngữ thành, đọa vô gián ngục.

Các ông quyết phải đem lời Như Lai truyền lại trong đời mạt pháp, khiến tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa này. Không để cho tâm ma tự gây oan nghiệt sâu nặng. Giữ gìn che chở giúp cho chúng sanh tiêu diệt tà kiến. Dạy cho thân tâm họ khai giác chân nghĩa, không mắc vào các đường rẽ. Nơi đạo Vô-thượng, chớ để chúng sanh được ít đã cho là đủ. Các ông phải vâng lời chỉ dạy thanh tịnh của bậc Đại Giác Vương.

THỨC ẤM

Anan, thiện nam tử tu Tam-ma-đề hành ấm đã hết. Cái then chốt trầm tế của bộ máy sanh tử, thường u ẩn chuyển động, bỗng nhiên liệt tan. Bồ-đặc-ca-la, mạch cảm ứng gây nghiệp chịu báo, nay bật đứt. Người đó sắp đại giác ngộ bản tánh Niết-bàn như sau gà gáy, xem qua phương Đông đã có ánh sáng. Sáu căn hư tĩnh không còn rong ruổi. Trong ngoài lặng sáng vào vô sở nhập. Thấu suốt nguyên do thọ sanh ắt chủng tử mười hai loài không thể lồi triêu đi đầu thai. Nơi mười phương hữu tình đã

nhận được tánh đồng (sáu đã tiêu nhưng chưa vong một). Dụ như trời rạng sáng. Thế gọi là còn ở trong khu vũ của Thức ấm.

Nếu trong tánh đồng với các loài, sáu căn hợp khai tự tại, thấy nghe thông nhau, tác dụng thanh tịnh thay thế lẫn nhau, thì mười phương thế giới cùng thân tâm như ngọc lưu ly trong ngoài sáng suốt. Thế là thức ấm đã tận, vượt khỏi *mạng trước*. Xét nguyên do mạng trước là *Vọng tưởng điên đảo vọng tượng hư vô*. (Vong : chẳng có, vì là huyễn. Tượng : chẳng không, vì có hiện hình tướng).

1) Thiện nam tử xét cùng tánh không của hành trong lúc trở về bản tánh của thức. Đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tịch diệu của tịch diệt. Sáu căn tự tại khai hợp, rõ biết tâm niệm mười phương chúng sanh. Giác tri thông tịch có thể vào tánh bản viên. Do không đạt mình còn ở trong thức ấm, vội cho đây đã là cảnh rốt ráo chân thường cực quả. Liên chấp “nhân sở nhân”, cũng như bọn Sa Tỳ Ca La chấp minh đế. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, *lập tâm sở đắc thành quả sở quy*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống ngoại đạo.

2) Thiện nam tử xét cùng tánh không của hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tịch diệu của tịch diệt. Lấy đây làm tự thể của mình. Cho rằng tất cả chúng sanh đều từ thân mình phát xuất và quyết định như thế là đúng. Vị này sa vào cái chấp “năng phi năng”, thành bạn bè với bọn Ma Hê Thủ La, hiện thân vô biên. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri

kiến, *lập tâm năng vi thành quả năng sự*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống đại-mạn thiên, chấp một mình cùng khắp viên mãn.

3) Thiện nam tử xét cùng tánh không các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Trong lúc quay về thấy có sở quy. Tự nghĩ từ thân tâm đến mười phương hư không đều do thể chân thường này sanh ra. Ở trong sanh diệt sớm cho là thường trụ, chẳng những lầm tánh bất sanh mà cũng mê cả tánh sanh diệt, chấp “thường phi thường”, thành bè bạn với bọn Tự Tại Thiên. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, *lập tâm nhân y thành quả vọng kế*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống viên đảo.

4) Thiện nam tử xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nhân biết thức ấm là bản thể của vạn pháp nên quyết định rằng cỏ cây mười phương đều là hữu tình, cùng người không khác. Cỏ cây sẽ làm người, người chết sẽ trở lại làm cỏ cây. Cỏ cây và người lẫn nhau lưu chuyển. Hữu tình vô tình đều có tánh biết. Quyết định như thế là đúng. Chấp “tri vô tri”, thành bè bạn với bọn Bà-tra Tiễn-ni. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, *chấp tâm viên tri thành quả sai lầm*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống đảo tri.

5) Thiện nam tử xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ

tinh diệu của tịch diệt. Trong lúc tùy thuận sáu căn hồ dụng, biết nơi tánh viên dung biến hóa phát sanh vạn vật. Vì cần lửa sáng, ưa nước mát trong, thích gió chu lưu, đất cứng rắn thành tựu các sự việc nên sùng phụng mỗi mỗi, nhận bốn đại là bản nhân thường trụ. Vì chấp “sanh vô sanh” thành bạn bè của bọn Ca Diếp Ba, đem hết thân tâm thờ lửa thờ nước để cầu ra khỏi sống chết. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, mê tâm theo vật, *lập vọng nhân cầu vọng quả*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống điên hóa. (Điên hóa : điên đảo về hóa lý. Đạo Phật chủ trương nhất thiết duy tâm tạo. Đây nhận bốn đại làm tạo hóa).

6) Thiện nam tử xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Vì thấy bốn ấm đã tận nên chấp vạn pháp tánh không, lấy vĩnh diệt làm chỗ quy y và quyết định như thế là đúng. Vì chấp “quy vô quy” thành bạn bè của bọn Vô Tướng Thiên và Thuần Nhã Đa. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, *dụng tâm hư vô để thành quả không vong*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống đoạn diệt.

7) Thiện nam tử xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Quyết định củng cố thân hình cầu được thường trụ như tánh tinh viên. Chấp “tham phi tham”, thành bè bạn của bọn A Tư Đà cầu trường

sanh. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, *lập cái nhân tu hư vọng để kết quả kéo dài lao nhọc*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống vọng diên (diên : kéo dài).

8) Thiện nam tử xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Xét nguyên do thọ mạng là thức ấm cùng với các loài giác thông lẫn nhau. Muốn lưu giữ trần lao sợ nó tiêu thì thân mạng không nơi y thác. Vả lại hành ấm tận, thức ấm hiện tiền, biến hóa tùy tâm tự tại. Nên ngồi cung hoa sen hóa ra rất nhiều bảy báu, buông lung tâm mình cùng những gái đẹp. Lấy diệu lạc làm thắng giải. Chấp “chân vô chân” (vọng chấp nghiệp thức mệnh nguyên làm chân thật), thành bè bạn với bọn Ca Chi Ca La. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, *nhân tà tư lập quả xí trần*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống thiên ma.

9) Thiện nam tử xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Biết rõ cội gốc sanh mạng chúng sanh là thức thể viên minh. Liễu đạt Thánh pháp, xả bỏ phàm định. Quyết đoán nội giáo nhân duyên là chân, chấp đoạn thường của ngoại đạo là ngụy. Tin nhân quả báo ứng. Chỉ cầu tu chứng, trái với đại đạo liễu nghĩa vì thấy khổ đế, đoạn tập đế, tu đạo đế, chứng diệt đế rồi không cầu tiến thêm. Vị này

sa vào hàng định tánh Thanh-văn, đồng với bọn vô văn Tăng. Vì tăng thượng mạn, mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, đây là *viên mãn tâm tinh ứng thành quả thú tịch*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống triền-không (bị không-trí trói buộc).

10) Thiện nam tử xét cùng tánh không của các hành, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của tịch diệt. Vội nhận tánh giác minh thanh tịnh viên dung thâm diệu là Niết-bàn, không tiến lên nữa. Vị này sa vào hàng định tánh Bích Chi, bạn bè của các Duyên-giác, Độc-giác không hồi tâm hướng về đại thừa. Mê muội Bồ-đề, mất chánh tri kiến, *viên thành giác tâm vắng lặng kết quả trạm minh*, trái tánh viên thông, ngược đạo Niết-bàn, sanh giống giác ngộ viên minh nhưng không Bi dụng độ sanh.



Này Anan, mười Thiên-na như thế giữa đường thành cuồng. Chưa đủ tự cho là đủ, đều do thức ấm và tâm công dụng giao xen. Chúng sanh mê mờ không biết tự xét. Những tập quán ưa thích cũ, nay gặp duyên cảnh khởi ra hiện hành, khiến tự dừng nghỉ. Tự nói đã đầy đủ đạo Vô-thượng Bồ-đề, thành tội đại vọng ngữ. Khi nghiệp báo hết rồi, ngoại đạo tà ma vào ngục vô gián. Thanh-văn, Duyên-giác không tiến thêm được nữa. Các ông để tâm giữ đạo Như Lai. Sau khi ta diệt độ, đem pháp môn này truyền bày cho đời mạt pháp, khiến tất cả chúng sanh rõ biết, không để kiến-ma gây nạn. Giữ gìn thương cứu, tiêu diệt tà duyên, đưa thân tâm chúng sanh vào tri kiến Phật. Từ sơ tâm đến thành tựu không lạc đường rẽ.

Vi trần Như Lai trong hằng sa kiếp quá khứ đều dùng pháp môn này để tự khai ngộ đạo Vô-thượng. Thức ấm tận rồi, sáu căn hỗ dụng, tiến lên Kim Cang Càn tuệ Bồ-tát vị. Tâm tinh diệu lịch siêu các ngôi vị như trong ngọc lưu ly có mặt trăng báu. Cứ thế vượt lên thập Tín, thập Trụ, thập Hạnh, thập Hồi Hướng, bốn Gia Hạnh và thập Địa Kim Cương, Đẳng giác viên minh vào bể diệu trang nghiêm của Như Lai (Giải-thoát đức), viên mãn đạo Bồ-đề (Bát-nhã đức), về chỗ vô sở đắc (Pháp-thân đức).



KẾT KHUYẾN

Đó là những ma sự vi tế, quá khứ các đức Phật Thế Tôn đã giác ngộ, nghiệm xét và phân tích. Trong lúc tu Chỉ Quán, cảnh ma hiện tiền, nếu ông nhận biết thì sửa trừ cấu nhiễm không mắc tà kiến. Ấm ma tiêu diệt, thiên ma phá tan, đại lực quỷ thần hoảng hốt, ly mỵ vọng lượng chạy trốn. Thẳng đến Bồ-đề không còn các điều thiếu sót. Những căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với đại Niết-bàn tâm không lằm mê.

Chúng sanh ngu độn đời mạt pháp chưa hiểu Thiền-na, không biết Phật Pháp mà muốn tu Tam-muội, sợ lạc tà kiến thì nên nhất tâm trì chú Phật đĩnh đà-la-ni. Nếu chưa tụng được thì viết nơi thiền đường hoặc đeo trong thân, tất cả tà ma không thể động đến. Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về đường tu hành rốt ráo của mười phương Như Lai.

3. Ngũ Ấm Bốn Nguyên Vọng Tưởng

a. Anan thỉnh khai thị

Anan đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót, lại bạch Phật rằng : “Năm ấm lấy vọng tưởng làm cội gốc, chúng con bình thường chưa được khai thị kỹ càng. Năm ấm ấy tiêu trừ một lần hay phải theo thứ lớp ? Mỗi ấm đến đâu làm giới hạn ? Nguyên đức đại từ khai sáng đạo nhãn cho chúng con và chúng sanh đời mạt pháp”.

b. Năm ấm hư vọng

Phật bảo Anan : Tinh chân diệu minh, bản giác viên tịnh, không có sống chết và trần cấu. Khí thế gian cho đến hư không cũng nhân vọng tưởng sanh. Như Diễm Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng. Vọng vốn không nhân. Ở trong vọng tưởng lập tánh nhân duyên. Mê nhân duyên gọi là tự nhiên. Hư không còn huyễn thì nhân duyên tự nhiên hẳn chỉ là những so đo của vọng tâm. Anan, biết do vọng khởi nên nói nhân duyên vọng. Vọng đã không thì nhân duyên vọng hẳn cũng không. Huống còn không biết cho là tự nhiên. Vậy nên Như Lai phát minh bản nhân ngũ ấm đều là vọng tưởng.

1) Thân thể ông trước hết nhân tướng của cha mẹ mà sanh. Tâm ông nếu không phải tướng, thì

không thể đến gá mạng vào trong tướng. Như trước tôi đã nói : Tâm tướng vị chua, trong miệng nước bọt chảy. Tâm tướng lên cao, lòng bàn chân ghê rợn. Vật chua không đến, dốc cao không có. Thân ông nếu không cùng loại hư vọng, sao nhân nghe nói chua miệng lại ứa nước bọt ? Vậy nên biết sắc thân hiện tiền của ông là *kiên cố vọng tướng*.

2) Tâm tướng lên cao, thân chịu ghê rợn. Các thọ xúc động sắc thân. Hiện nay hai thứ thuận-ích và nghịch-tổn ông đang cảm thọ, gọi là *hư minh vọng tướng*.

3) Ý nghĩ sai khiến sắc thân. Nếu sắc thân không phải cùng loài thì sao lại hiểu được ý nghĩ ? Hễ tâm phân biệt, thân liền chấp nhận vâng theo. Thức thì tâm tướng, ngũ thời chiêm bao. Tướng niệm dao động vọng tình gọi là *dung thông vọng tướng*.

4) Chuyển hóa không dừng, thăm thăm dời đổi, móng tay dài, tóc mọc, khí lực tiêu, da mặt nhăn, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết. Anan, nếu không phải ông, sao thân ông dời đổi. Nếu thật là ông, sao ông không biết ? Vậy các hành niệm niệm không dừng gọi là *uẩn vọng tướng*.

5) Thể tinh minh trạm bất động thường trụ, ở thân ông không ra ngoài những thấy nghe hay biết. Thật tinh chân thì đã không huân tập hư vọng. Vậy mà các ông từ mấy năm trước đã thấy một vật lạ. Trải qua nhiều năm không nghĩ đến. Nay bỗng nhiên gặp vật ấy, nhớ lại rõ ràng. Nên biết tánh tinh minh đứng lặng không động này từng niệm từng niệm minh ký

ức trì làm sao đến xuể⁽¹⁾. Nay Anan, cái đứng lặng đó không thật, như nước chảy gấp, xa trông như đứng lặng. Vì chảy quá nhanh nên thấy không kịp chớ không phải không chảy. Gốc vốn vọng tướng nên mới chịu hư vọng huân tập. Sáu căn chưa giải, chưa tịch diệt hiện tiền thì vọng tướng này chưa thể tiêu diệt. Hiện nay tập khí sâu suốt những thấy nghe hay biết của ông là *võng tượng hư vô điên đảo vi tế tinh tướng*.

c. Biên giới năm ấm

Anan, năm ấm do năm vọng tướng tạo thành :

Sắc và không là biên giới của Sắc ấm.

Xúc và ly là biên giới của Thọ ấm.

Nhớ và quên là biên giới của Tưởng ấm.

Sanh và diệt là biên giới của Hành ấm.

Trạm và hợp trạm là biên giới của Thức ấm.

Năm ấm vốn thứ lớp sanh khởi. Sanh nhân thức ấm mà có. Nay diệt phải từ sắc ấm mà trừ. Lý thì ngộ liền nhưng sự phải theo thứ lớp mà giải.

⁽¹⁾ *Minh* : sáu căn biết rõ ràng sáu trần. *Ký* : ghi trong lòng. *Ức* : khi cần thì nhớ ra. *Trì* : thăm giữ mãi mãi trong tạng thức. Thức 8 như máy tự động làm bốn việc này không nghĩ.

d. Kết khuyến

Ông cần thông suốt cội gốc vọng tưởng để truyền bày cho đời mặt pháp, khiến người tu hành biết hư vọng tự sanh nhằm chán, biết có Niết-bàn không luyến tiếc ba cõi.



IV. LƯU THÔNG

1. Được phước – Tiêu tội

Anan, ví như người đem bảy báu đầy khắp mười phương hư không cúng dường vi trần chư Phật, tâm không lúc nào xao lãng, người đó được phước nhiều chăng ?

– Hư không vô tận, trần bảo không cùng. Ngày xưa có chúng sanh cúng Phật bảy đồng tiền mà khi xả thân còn được ngôi vị Chuyển Luân Vương. Huống nay hư không vô tận, cõi Phật không cùng, đều cúng trần bảo thì dầu suy nghĩ cùng kiếp cũng không thể biết. Phước ấy làm sao có bờ bến ?

Phật bảo Anan : Chư Phật Như Lai lời nói không hư vọng. Ví như có người gây đủ các tội, 4 trọng, 10 ba-la-di, giây lát trải qua địa ngục A-tỳ phương này phương khác, cho đến cùng tột các địa ngục vô gián mười phương, không nơi nào không phải tới. Nếu

GỖ GIẢI NĂM ẤM



LĂNG NGHIÊM CHÍNH MẠCH

TỔ GIAO QUANG

người đó khởi một niệm đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp thì tội chướng liền được tiêu diệt. Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cái nhân sanh về cõi An Lạc. Lại được phước vượt hơn người thí cúng nói trên trăm lần, ngàn lần, ngàn vạn ức lần. Như thế cho đến toán số thí dụ lần không thể nói hết được.

Anan, chúng sanh tụng kinh này, trì chú này, công đức ta nói cùng kiếp cũng không hết. Nếu y giáo tu hành thì thẳng đến Bồ-đề không còn ma sự.

2. Đại chúng hoan hỷ giải tán

Phật nói kinh này rồi các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả trời, người, a-tu-la, cùng với cõi khác, các vị Bồ-tát, nhị thừa, Thanh-văn, đồng tử, các đại lực quỷ thần mới phát tâm đều rất vui mừng làm lễ rồi lui.



Trong thiền định, ma cảnh vi tế chẳng phải chỗ tới của trí lực phạm phu. Bởi vì đại định thành hay hoại là ở chỗ này nên động thâm từ, không ai hỏi mà Phật tự nói. Đặc biệt Phật gọi hàng hữu học lắng nghe. Vì vô học đã phá xong 4 ấm. Chỉ còn thức ấm, thiên ma quỷ thần không hại nổi.

Sắc ấm tự hiện vọng cảnh, không phải ngoại ma. Thọ ấm

vời ngoại ma, thâm nhập thân tâm. Tường ấm mới có thiên ma quỷ thần lỵ my. Không học, không biết, ắt nhận giặc làm con, tự cho chứng Thánh hoặc nhận ma làm Thánh. Hành ấm chỉ có tâm ma, do những tập khí từ quá khứ, nay gặp cảnh dễ sanh mê lầm. Thức ấm phát kiến ma, theo chỗ thấy mà thành ngoại đạo. Đức Phật hứa phân biệt chín chắn vì ma tướng u vi khó nhận. Vả lại ma đã phá thì hủy diệt tan tành nên lao nhọc đức đại từ phải tận tình cặn kẽ.

Chúng sanh vốn đồng thể với đức Tỳ Lư Giá Na, quang minh biến khắp. Chỉ vì năm ấm che ám cho nên toàn thành mê muội. Năm ấm chưa tiêu cùng ma đồng phận ở trong u ám. Cho nên ma thấy mà nhiều phá. Chân vọng nếu không tương quan thì ma đâu có sợ hãi mà phải tận lực quấy rầy.

Mười phương Phật, mười phương ma, cũng như tất cả chúng ta, đang sống chung trong pháp giới, như 1.000 ngọn đèn trong một nhà. Không ai phân biệt được ánh sáng nào của ngọn đèn nào. Nhưng nếu tắt đi một ngọn, ngay lúc ấy khối sáng trong nhà bị động. Xong rồi, ngọn nào tắt thì tắt, các ngọn kia trở về vô can. Thánh phàm chung sống một pháp giới tuy không ngăn cách nhưng phàm mê thấy như có cách. Người tỉnh ngộ trở về chân tánh ngay tại chỗ một niệm không sanh, cùng với Thánh nhân không sai biệt.

Bởi vì một người trụ đại định viên thông thì mười phương cõi nước đều rung động. Phàm phu thấy nhà cửa bị chấn động đổ vỡ cho là động đất, hay âm dương thất độ, hoặc một ông thần nào cự mình. Các thiên ma đã có thần thông, biết ngay nguyên do nên xúm nhau vào phá thiền định. Người ngộ, ma chẳng tổn thương được. Ta là chủ, họ là khách. Chính

họ sợ mà ta an. Biết chắc sự thật là như vậy, cứ một bề không động tâm. Cảnh họ biến hóa ra, thiện ác hay dở, ta bình tĩnh không mừng không sợ, không ưa không ghét. Duy chỉ chiếu lý chánh niệm, chẳng đoái hết thảy. Đúng như câu : “Đường lối của quỷ núi có cùng, giác tỉnh của ta không tận” thì ma làm gì ?

Người tu hoặc như pháp ở trong đạo tràng, hoặc bình thường, trong hết thảy thời, bốn oai nghi, chuyên chú phản văn. Công phu nông cạn chẳng kể làm gì. Nếu có thể vào sâu, nhất định sẽ đi đến niệm tận. Luận Khởi Tín nói : “Tâm thể ly niệm đẳng hư không giới”.

Tánh nghe không liên can đến cảnh. Cảnh động tĩnh không thể dối dời tánh nghe. Tánh nghe cũng không can gì đến ý thức. Ý thức nhớ quên không bận gì đến tánh nghe. Dù ý thức hốt khởi nhớ cảnh, tánh nghe như gương sáng, cảnh như bóng hiện rồi tan. Gương vẫn bất động. Đây là thời tiết nhà Thiền gọi là đã thành một phiến. Chỗ này tức là tiêu niệm, định tuệ căn phân.

Đêm tối là cảnh hiện tại của vô minh chúng ta, trong nhà tuy có đèn nhưng ngoài nhà là vô biên đen ngòm. Người tu không đoái hiện cảnh trước mắt, chuyên chú vào tánh nghe. Định này thành tựu ắt như mắt sáng ở trong đại u tối. Long Tiêu thối tắt đèn phát minh cho Đức Sơn vào tam muội này.

Hỏi : Bản tâm viên minh, sao lại tối đen ?

Đáp : Bản tánh quang minh nhưng bị năm ấm vô minh che lấp. Tâm pháp giới thành tối. Như người bị hôn trầm, bao nhiêu tỉnh táo nay thành mê muội đến nỗi còn chiêm bao.

Chúng ta ngày nay la liệt trước mắt, nào núi sông, nào thành phố, nào người vật đều là vọng kiến điên đảo của loại chiêm bao mở mắt. Trong chiêm bao làm sao nhớ được rằng mình đang ở trong hắc ám. Mở mắt thì sáng, nhắm mắt thì tối, cả hai trần sáng tối đều giả dối hư vọng. Cái thấy không thoát khỏi căn trần, toàn ở nơi hắc ám. Chấp đó làm cảnh giới thật của mình. Đâu có hẹn kỳ tỉnh ngộ ?

Tu chánh định cốt yếu xả huyễn thân huyễn cảnh, tư hào không duyên, nỗ lực phản văn. Khi ấy mới biết rõ mình như người mất sáng ở trong vô biên hắc ám. Đây là ở trong khu vũ của sắc ấm. Bao giờ thoát hẳn căn trần, trong đạo được tự tại gọi là **Diệu**. Vượt cả có và không, chẳng nhiễm bên nào, gọi là **Tịnh**. Nếu sắc ấm chưa khai, tâm quang chưa tỏ, vô biên u ám, thì chỉ mới là hư tịnh. Song định cảnh hư dung rất thoải mái. Người không biết thường thủ trước không tiến. Nếu biết mình ở trong sắc ấm như cuộc trệ trong tường vách của nhà tù u tối, thì đời nào chịu đắm trước trong vui thiền định. Tới khi định lực phát huy, tâm quang đồng chiếu, không dùng mắt để thấy nữa thì hết tối, trong thấu năm tạng trăm xương, ngoài suốt núi sông đại địa, trên trời nhân gian thấy rõ như ban ngày nhìn ngón tay. Phật không ước lượng thấy đến đâu nhưng chắc ít nhất cũng được một thế giới.

Sắc ấm tận là không bị ám che chìm chớ sắc thì càng thấy rõ và thấy đúng sự thật, chân tâm tùy duyên hiện sắc nên sắc chẳng khác tâm.

Đã tưởng vĩnh viễn trầm chìm trong hắc ám, mất hẳn cái sáng chiếu khắp pháp giới. Duyên may được pháp Samatha khai thị bốn khoa bảy đại nguyên một tạng tâm, mới tự biết

tâm biến mười phương. Khi ấy mới giác biết mình đang tối tăm, phải cầu thân chứng bản minh. Vội vàng nhiếp giải thành hạnh, nhập Tam-ma-địa. Trong u ám nhẫn trụ một phiên công phu. Ngày kia mây sắc ấm tan đi, thân chứng bản minh. Hết thấy kiên ngoan ám muội căn trần trở thành như ngọc lưu ly, trong ngoài tỏ rõ. Đâu chẳng phải vì thoát được căn trần mà tâm thể chu biến sáng suốt phát huy công dụng. Thế gọi là sắc ấm tận.

Kinh dạy : **“Mê muội thấy có hư không. Trong hư không tăm tối kết ám thành sắc”**, tức là vào kiếp trước. Từ vô lượng kiếp tới nay trường miên trong hắc ám sanh tử. Thế trước này toàn y sắc ấm u ám mà có. Là sắc ấm, rốt ráo không thể. Nay sắc ấm đã tận, tối tăm đã khai. Nên nói là siêu vượt kiếp trước. Quan sát nguyên do kiếp trước hay sắc ấm là vì kiên chấp bốn đại bên ngoài thật ở ngoài tâm, bốn đại bên trong thật là chỗ trụ của tâm. Vọng tưởng kết mà không giải như thế, thành thể hắc ám của sắc ấm gọi là kiên cố vọng tưởng. Văn Thù kệ rằng : **“Tướng trù thành quốc độ, tri giác là chúng sanh”**.

Nếu sắc ấm chỉ cuộc một thân thì khi tận sắc ấm, đáng lẽ chỉ rõ suốt trong thân. Nay kinh nói rõ ràng mười phương đồng khai, minh bạch là sắc ấm biến khắp cả phù trần bảy đại. Kinh tuy bàn chuyện ma mà ý chỉ là dạy chúng ta hạ thủ công phu tu tiến. Cho nên phải giải thích tường tận. Người tu kiệt lực cùng nghiên đến chỗ chí cực chí tịnh. Chính là thời tiết Thánh tâm thâm hợp. Sắp phá được sắc ấm. Sắc ấm chắn liệt dao động tâm ma. Ma lo mà khởi sự. Trong kinh Phật tạm chỉ mười tướng để các đệ tử biết trước mà phòng thân.

Hoặc thấy mình đi qua tường vách. Hoặc thấy Phật, Bồ-tát, Thiên long. Người tu phòng tâm không kỹ, lãnh vọng tưởng, bị quỷ vật mê hoặc hiện hư ảnh. Thiên ma nhập tâm khiến người tu bỗng nhiên thuyết pháp đạt diệu. Lúc này chỉ cần nhận là tác chứng hay không, liền thành hai đường Ma Phật. Thân trọng tế xét sẽ rõ không ngoài hai mối vọng kiến và cuồng tuệ mà ma có phương tiện. Phật ân cần nhắc đi nhắc lại, khuyên ông Anan và Thánh chúng trong hội, phải giữ gìn che chở những người chân chính tu hành đời vị lai. Truyền dạy cho họ biết, khi quán lực thắng vọng tưởng thì tâm quang sáng lộ, phát hiện nhiều cảnh phi thường. Chỉ nên bình tĩnh tiếp tục công phu thì đó là cảnh giới tốt. Nếu động tâm liền vờ ma tới. Nếu nhận là chứng Thánh liền nhập quần tà.

Nhập lưu là quán, vong sở là chỉ. Chỉ Quán song tu. Sắc ấm đã hết, thấy rõ được diệu giác minh tâm nhưng chưa phát dụng tự tại. Kinh dụ như người bị bóng đèn, chân tay rõ ràng, thấy nghe không lầm nhưng tâm xúc khách tà không thể cử động. Tâm chúng ta vốn không cuộc trong thân. Vì vô thủy mê chấp nên sống thì tự cuộc vào hiện ấm, chết thì cuộc vào trung ấm. Đâu có lúc nào hưởng cái tự do là thân. Nay thọ ấm hết, liền có thể là thân, thấy mặt, đi ở tự do.

Thân kiến là gốc các tà kiến. Thọ ấm tận, thoát thân kiến tức là siêu vượt kiến trước. Lúc này mới thật nhận được tâm không ở trong thân. Chỉ có thọ ấm vọng lãnh nạp, hư phát minh mà thôi.

Trong khi sắc ấm đã hết, thọ ấm chưa tan, người tu nhận được hết thấy chúng sanh đều đồng một quang minh diệu lý, oan uổng mà thọ luân nịch. Liền tự trách mình không phát bi

tâm sớm ngộ độ sanh, đây là cảnh giới tốt. Nhưng nếu thái quá thì phải giác tỉnh, phục hoàn chánh niệm, dần dần sẽ hết. Nếu tự cho là đồng Phật đại bi, ma Bi liền tới làm cho điên cuồng. Phật tạm kể mười trường hợp để các đệ tử đề phòng, chớ để tà ma dẫn dụ đoạ lạc. Thọ ấm tận liền được tự tại là thân như chim thoát lồng.

Tưởng tuy ở giữa năm ấm mà hai trước hai sau đều y vọng tưởng. Huống chi hết thấy căn bản phiền não và tùy phiền não là tướng ấm rất ráo không chỗ nương. Vì thế tướng tận là hết phiền não trước. Tướng năng dung biến, sai tâm theo cảnh như nghe nói mơ chưa, miệng liền chảy nước. Nên gọi tướng ấm là dung thông vọng tưởng. Trong khi dụng tâm phản văn để phá tướng ấm, hành giả khởi ý mong cầu thiện xảo để dễ bề giáo hóa chúng sanh. Vì thọ ấm đã hết, ma chẳng thể nhập tâm nên gá người khác đến dẫn dụ, khiến tự mình chuyển loạn. Vì là chỗ sở thích nên dễ bị mê hoặc. Vì thế không muốn bị ma xoay sở, người tu chỉ cần an tâm, tắt hết ái cầu. Vì ba học không thiếu, sức tiến như bay, ma cung chấn động. Ma lập kế não loạn. Cứ phá giới dẫn dắt tức định tuệ quay tà, thân làm ma tử. Người trí thấy hủy giới dụ dắt liền biết ngay đây là ma.

Đã lên Thánh vị tự ưng bất thoái mà nay sao Phật nói rõ ràng đoạ vô gián ngục ? Thừa rằng : Ở Quyền giáo và Tiệm giáo, người tu như leo núi từng bước, ắt thuần có lên không có xuống. Còn viên đốn không thủ chứng. Kinh nói : **“Từ đây phạm thân trải qua Thánh vị”**. Cho nên biết thức ấm chưa khai, chưa nhập viên thông, chưa bảo đảm sự không đoạ lạc. Vả lại viên đốn lấy ngộ làm cốt yếu. Như bay là cậy có cánh,

đọa cố nhiên dễ đọa nhưng thắng chẳng phải khó thắng. “**Ngộ ắt không lỗi**” nghĩa là ngay lúc sắp đọa mà lại thắng. Huống chi thượng căn viên đốn phần nhiều có thể tuyệt niệm ái cầu, phàm Thánh tình vong, tự không lỗi vờ ma tiếm Thánh. Đức Phật từ mẫn dẫn dò cho biết mà tránh. Cho nên chẳng phải quyết không nghĩa đọa nhưng cũng chẳng phải có nhiều trầm luân.

Tưởng ấm tận thì ngũ không mộng, thức không tưởng, tâm hằng thường, một niệm không sanh. Như gương soi vạn vật không lưu trệ hình ảnh. Tập khí từ ngàn xưa khó trừ, nay nhất đán diệt tận. Hành ấm rất vi tế khi ấy hiển lộ.

Chúng sanh ở trong tam giới sanh diệt không đình, căn nguyên là do hành ấm thiên lưu. Ba ấm trước đã phá nên nay thấy căn nguyên 12 loài, cai tận cả cõi trời và sáu đạo. Tứ-không vô-sắc, cũng chẳng ra ngoài được hành khổ. Văn trên ở mục “vạn pháp quy về Như Lai Tạng”, Phật ví hành ấm phàm phu với dòng nước chảy. Ở đây hành ấm của người đã tu chứng vi tế hơn, Phật ví với dã-mã. Dã-mã là dưới mặt trời khí đất bốc lên, trạng như nước, sáng như lửa. Dùng thí dụ dã-mã chính để nêu biểu sự vi ẩn khó thấy. Hành ấm là căn nguyên phạm đoạn sanh tử, căn bản già chết thiên lưu tàn tạ. Tưởng ấm ví như sóng to. Hành ấm ví như sóng nhỏ. Thức ấm ví như nước chảy không sóng. Giác tánh thể ví như nước không chảy không động.

Sanh diệt không ngừng, nghiệp vận mật di, nay làm thân bò, mai làm thân trâu, gọi là chúng sanh trước. Tuy hằng dời đổi mà thế gian chưa từng giác nhận nên gọi là u ẩn vọng tưởng. An định được hành ấm, thấu những làn sóng lăn tăn

về biển thức trùng lặn, là diệt xong hành ấm. Trong khi công phu chánh định để trùng lặn hành ấm, ma không quấy phá được vì sắc thọ tướng đã tiêu. Nhưng do cuồng giải, nhiều vị tu hành mắc vào chấp đoạn, chấp thường, chấp có, chấp không, tự xưng chứng Thánh, đại vọng ngữ thành, đọa ngục vô gián.

Do chính tâm kiên ngưng đại định, không bị lạc đọa, công phu thẳng tới. Giềng mối cực kỳ thâm sâu vi tế, tức là gốc kết trói vào đường sanh tử luân hồi, bỗng nhiên hủy liệt. Mạch u kín thù đập tức nghiệp bị cắt đứt, phạm đoạn sanh tử hết, nhân quả trong tam giới vĩnh dứt.

Tổ Ôn Lăng thí dụ : Trời Niết-bàn bị năm ấm che lấp như đêm dài. Sắc thọ tướng ấm tiêu như gà đã gáy, báo tin sắp sáng. Vì còn hai ấm nữa nên tinh sắc chưa phân. Hành ấm hết như trời tang tắng. Chỉ còn xong một ấm nữa là đại minh ngộ.

Thức ấm là nguyên do thọ mệnh mỗi cá nhân, là gốc biến dịch sanh tử. Hành ấm tận tại ngôi TÍN 7 ngang với A-la-hán tiểu thừa. Thức ấm tận là tròn 10 Tín, vào Sơ Trụ chứng nhập viên thông. Dụng của viên thông không chỉ hữu tình thoát triền mà khí thể gian cũng giao triệt. Tức kinh chỗ nói : **“Núi sông đất liền ứng niệm hóa thành vô thượng tri giác”**. Tới đây thức ấm tận. Kết định.

Tánh vốn nhất chân, do trần phân cách thành có sáu căn. Tánh và dụng mất chuẩn đích gọi là mệnh trước. Nay tận thức là siêu thoát mệnh trước. Thức là vọng giác ảnh, do điên đảo khởi. Nhưng nương mượn chân tánh làm thể. Nên gọi là vọng tượng hư vô điên đảo vi tế tinh tướng.

Nhưng khi chưa được tịch diệt hiện tiền, còn ở trong khu vũ của thức ấm, còn bị huyền ảnh vọng tượng hư vô của

vô minh chi phối, nhiều vị tu hành chuyển tâm thành ngoại đạo. Nội giáo cứu cánh quy vô sở đắc. Nay các vị thấy có đắc thì khác gì mộng được vàng. Vàng tuy quý nhưng đã gọi là mộng thì ích gì ? Trái viên thông là mất nhân địa. Bội Niết-bàn là mất quả địa. Nhị thừa đoạn hoặc thủ chứng hẵn không có đạo. Chỉ bị vĩnh tắc ở hóa thành.



Từ sơ phát tâm đến thành chánh giác, đại để cứu xét viên nhân chỉ có hai ngôi :

1- Đoạn tiền thông-hoặc, từ mãn quán hạnh một phen lên thẳng Sơ Trụ, trung gian không thủ chứng.

2- Đoạn hậu biệt-hoặc, từ ngôi Sơ Trụ lên thẳng Đẳng giác, trung gian không thủ chứng.

Mà nơi viên nhân Phật luôn liệt nhiều ngôi. Vì mắt Phật cực sáng mới có thể ở nơi tấn tốc mà tách bạch nói ra.



Nhập Như Lai diệu trang nghiêm hải đầy đủ vạn đức trang nghiêm của biển quả, là phước cứu cánh tức Giải-thoát đức.

Viên mãn Bồ-đề nhất thiết chủng trí, tức bi trí cứu cánh là Bát-nhã đức.

Quy vô sở đắc, kế hợp tánh chân bản hữu, không từ ngoài được, là lý cứu cánh tức Pháp-thân đức.

Hai câu trên là tu thành. Câu dưới là tánh vốn đủ. Bởi vì tòng tánh khởi tu mà tu để trở về kế hợp với tánh.



Mục Lục

Trang

I. TỰA	5
II. CHÁNH TÔNG.....	9
A. KIẾN ĐẠO - SAMATHA.....	9
MỤC 1 : GẶN HỎI TÌM TÂM.....	9
a) Nguyên do thường trụ và luân chuyển.....	9
b) Bảy lần tìm tâm.....	11
c) Chỉ rõ vọng tâm.....	20
MỤC 2 : KHAI TRI KIẾN PHẬT.....	25
a) Mười lần chỉ kiến tịnh.....	26
b) Phá xích hòa hợp.....	55
c) Vạn pháp quy về Như Lai Tạng.....	56
d) Anan giác ngộ phát nguyện.....	92
MỤC 3 : QUYẾT NGHI.....	94
1. Như Lai Tạng thanh tịnh do đâu hốt nhiên có chúng sanh ?.....	94
2. Bảy đại viên mãn dung hòa.....	102
3. Chúng sanh nhân đâu có vọng.....	107
4. Nghi nhân duyên tự nhiên.....	109
CHÚ THÍCH.....	113
B.- TU ĐẠO - TAMMA.....	133
MỤC 1 : HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH.....	133

a) Nhân quả tương ứng	134
b) Thẩm tường căn bản phiền não	137
MỤC 2 : PHƯƠNG PHÁP GIẢI KẾT	149
MỤC 3 :	
a) Trình bày viên thông	157
b) Quán Âm quang trần	176
MỤC 4 : VĂN THỪ ĐÍCH CHỈ PHÁP VIÊN TU.	187
MỤC 5 : YẾU PHÁP HỘ ĐỊNH.	204
a) Giới luật nghiêm trì	204
b) Thần chú trừ tập khí	212
CHÚ THÍCH	249
C. NHẬP ĐẠO – THIỀN NA	273
MỤC 1 : BẢN NHÂN 12 LOÀI SANH	273
MỤC 2 : TAM TIỆM THỨ.	282
MỤC 3 : AN LẬP THÁNH VỊ.	285
MỤC 4 : TÊN KINH	297
CHÚ THÍCH	299
III. HIỂM NẠN CẦN ĐỀ PHÒNG	307
A - BẢY THỨ	307
B - NGŨ ẤM MA	337
IV. LƯU THÔNG	385
Phụ Chương : GỖ GIẢI NĂM ẤM	387



KINH THỦ LÃNG NGHIÊM
Tỳ Kheo Ni BẢO GIÁC

Chịu trách nhiệm xuất bản : Trần Đình Việt
Biên tập : Nguyễn Cẩm Hồng
Sửa bản in : Hồng Anh

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI – Q.1

ĐT : 8225340 – 8296764 – 8220405 – 8222726 – 8296713 – 8223637

FAX : 84.8.298540

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24 cm ; Tại : Xí nghiệp in số 2; Số XB : 146-18/XB-QLXB ngày 1-3-1999; In xong và nộp lưu chiểu: tháng 8-1999.

KHÚC KHẢI HOÀN

Sống hiền thiện, thác bình an.
 Thỉnh Thầy về cõi Tây phương hưởng nhàn.
 Ở cõi ấy Niết-bàn tự tánh,
 Toàn nhân dân nhập Thánh siêu phàm.
 Đường đi cây báu thẳng hàng,
 Chư Thiên trời nhạc nhịp nhàng khúc ca.
 Ca thân Phật bao la rộng rãi,
 Ca trời quang, đất trái gấm hoa.
 Ca mừng hải hội Phật đà,
 Ca hoa sen báu là cha mẹ mình.
 Trên đài vàng hóa sanh thác chất,
 Nghiệp duyên dù chông chất cũng tiêu.
 Vãng sanh đối nghiệp rất nhiều,
 Pháp âm thức tỉnh, sớm chiều nhắc nhở.

Thân tứ đại trả về tứ đại,
 Tánh thông minh nhập thể linh minh.
 Sang bờ giác, chứng vô sanh,
 Lên thuyền Bát Nhã, tâm tình nhẹ không.
 Thể chân như muôn hồng ngàn tía,

Tùy thắng duyên ứng hóa hiện bày.

Đức càng rộng, đạo càng cao,
 Thỉnh Thầy nhẹ gót về ao sen vàng.
 Diện kiến Phật, tâm quy y,
 Oai nghi quang chiếu từ nay sạch trần.
 Rửa sạch hết chướng duyên sanh tử.
 Nghe Phật âm, thanh tịnh lâng lâng.
 Gió reo, chim hót, chuông ngân,
 Ngày đêm diễn xướng pháp phần chánh y.
 Chánh báo Phật thân vàng sáng rỡ,
 Phóng từ quang tiếp đón quần sanh.
 Y báo cõi nước nghiêm minh,
 Cơm thiền, sữa pháp, chúng sanh đức nhuần.
 Bạn Bồ-tát hằng sa vô số,
 Bạn Thanh-văn thơm ngát hạnh lành.
 Ngũ căn, ngũ lực viên thành,
 Thần thông quảng đại dụng hành trang nghiêm.
 Mười phương Phật đồng thù tiếp hộ,
 Đồng gia trì kế ngộ tánh chân.
 Bấy giờ Thầy sẽ trở về
 Việt Nam dìu dắt sanh linh vạn loài.